

Le Dinh Dong did not feel discouraged because he strongly believed: "When deciding to do something, we should try to a bitter end. never consider the benefits and losses." There it went and they all both learned and tried the trade out. In 1999, the first products of the company were initially exported. It was a major success of the company at the time to "break even, gain no loss."

Difficulties common at its inception are now no more. Such position gives to the rising image of a Quang Dong Fine Art Export Company full of essence and dynamic in the market economy. It is expanding co-operative ties with some companies exporting fine art craft articles such as Barotex, Artex Thang Long, etc. If including even the working capital of VND750 million, the company achieved a turnover worth VND2.31 billion in 2003, sevenfold higher than 2000. By 2004, its key consumer markets included Italy, Turkey, America, and Lebanon. It exports an average of 20,000 articles every year, involving over 100 models diverse in style and colour.

To ensure the "durability and beauty" in order to meet consumers' taste of art, the company's products must go through "meticulous" processes. It includes dipping the fresh bamboo to prevent wood-borer, exposing it to sunlight, taking away the splints and the innermost piece but keeping the middle-lying layer, creating veins by cutting then joining as models, polishing, painting and making designs. In which, shaping is the most important factor, which could earn the customer's choice and satisfaction. Products still involve trays, plates, bowls, cups, boxes, vases, etc. However, artisans invent different unique and attractive shapes. Creating shapes, designs, colour is done by director Le Dinh Dong. He said: "Every lacquer article is an artwork presenting the heart and mind of artisans. For me, the best thing is to create thing freely without confinement to rigid rules. I have truly found my happiness and passion from this trade."

Its employment of over 60 workers often meets occupational requirements and many of them become skilled craftsmen. Wishing to bring jobs to idle labourers, the company is enlarging its training in 06 satellite vocational units across the province. Early 2004, there were 330 labourers officially employed by the company.

Occupational skill and behaviour-based salary helps improve the productivity and quality of the products. Well-skilled workers are paid VND1.3 million monthly and other enjoys an average salary of VND500.000-600.000 monthly. In future when the company well develops, their salary will consequently go higher.

Directions for future

The company's achievements derived from mind and labour of its workers are highly spoken and acknowledged. In late 2003, director Le Dinh Dong was honourably granted the congratulatory certificate by the Hà Nam People's Committee, entitling "Person accredited with service of introducing new craft to the homeland" It did not really come as a surprise, but for him a significant encouragement.

Mr. Le Dinh Dong joyfully said: "Our products are articles with nature-inclined colour, shapes, and favourite among Occidental customers. To expand our market-share, we intend to export directly into European market". In coming time, the company will construct the new workshop campus over 286 sq.m by the backbone route in Binh Minh Township. Hence, productivity and product quality as well as production scale will go far more than before. Moreover, it will use dryers in making fine art articles, which prevents products from wood-boring. Especially, it will bring forward the diversifying of products by combining lacquer articles with pottery products. This combination will result in various and unique types of products, which then creates favourable conditions for it to further dominate the domestic market and the new one also. Currently, the biggest wish of the director Le Dinh Dong is to develop the trade into a large-scale craft village to bring stable and long-term jobs to local labourers, bringing new and better image to the rural area of Binh Luc in particular and Hà Nam as a whole.

In addition to displaying the available superiority in markets, labour force, prestige, and trademark, the capital support for production from the Provincial People's Committee, local officials is the important motivation for the company to achieve its "long-term" plans and record stable growth.

NHÀ MÁY THỨC ĂN CHĂN NUÔI NAM MỸ (NAMMYFA):

CÙNG BÀ CON NÔNG DÂN LÀM GIÀU

Với quy mô lớn, sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại, tiên tiến, Nhà máy thức ăn chăn nuôi Nam Mỹ đang chinh phục khách hàng bằng sự năng động và sung sức của một doanh nghiệp trẻ đầy bản lĩnh. Với công suất hàng vạn tấn/năm, doanh nghiệp đã khẳng định vị thế vững chắc trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh quyết liệt.



Toàn cảnh Nhà máy thức ăn chăn nuôi Nam Mỹ

Ảnh: Nguyễn Trọng Khải

Nhà máy thức ăn chăn nuôi Nam Mỹ thuộc Công ty xuất nhập khẩu và đầu tư (IMEXIN) chính thức đi vào hoạt động từ tháng 10-2003. Với hơn 30 loại sản phẩm chất lượng cao, doanh nghiệp đang quyết tâm phát huy tối đa mọi nguồn lực để đầu tư phát triển đúng hướng và gặt hái thành công.

Chiếm lĩnh thị trường bằng uy tín thương hiệu

Năm 2003, những sản phẩm thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm đầu tiên của Nhà máy thức ăn chăn nuôi Nam Mỹ xuất hiện và từng bước chiếm ưu thế trên thị trường. Đó là những sản phẩm đạt chất lượng cao, được chế biến theo công nghệ hiện đại, tiên tiến nhất.

Ông Lê Tiến Chiến - Tổng giám đốc Công ty IMEXIN, kiêm Giám đốc Nhà máy thức ăn chăn nuôi Nam Mỹ - cho biết: "Sản xuất thức ăn chăn nuôi là lĩnh vực không đơn giản. Làm thế nào để vật nuôi trong các gia đình và trang trại của người nông dân không chỉ tăng trọng nhanh mà còn đảm bảo chất lượng cao, đó chính là yêu cầu trước tiên mà Nam Mỹ hướng tới".

Theo ông, thức ăn dành cho vịt, ngan đẻ, lợn đẻ, lợn sữa và bò sữa là những loại khó chế biến nhất. Mặc dù vậy, ngay từ ngày đầu hoạt động, Nam Mỹ đã đầu tư sản xuất các loại sản phẩm thức ăn chăn nuôi này, bởi việc chọn con đường khó khăn để đi sẽ thúc đẩy doanh nghiệp phấn đấu hết mình ngay từ đầu và tránh sự khinh suất, chủ quan. Nam Mỹ đã đầu tư hàng chục tỷ đồng cho hệ thống dây chuyền máy sấy tự động, máy ép viên, hệ thống xử lý mồi được chuẩn hoá về an toàn vệ sinh, đưa công ty trở thành một trong số ít đơn vị sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm của miền Bắc có hệ thống trang thiết bị đạt tiêu chuẩn về công nghệ. Không chỉ thế, Nam Mỹ còn mời các chuyên gia của Viện nghiên cứu chăn nuôi Việt Nam, Pháp, Đức, Áo, Hà Lan kiểm tra kỹ thuật và chất lượng sản phẩm định kỳ, từ đó đưa ra những phương pháp điều chỉnh phù hợp với yêu cầu sản xuất - kinh doanh. Nhờ vậy, thức ăn chăn nuôi Nam Mỹ không chỉ giúp vịt đẻ trứng to, tròn, vỏ nhẵn, có lòng thật đỏ mà còn "tiếp sức" cho vịt đẻ "bền". Với công thức xử nhiệt hợp lý, cảm lợn sữa Nam Mỹ giúp lợn con nhanh chóng phồng phao, mượt bóng và không gây tiêu chảy,...

Trong quá trình nghiên cứu, các chuyên gia của nhà máy còn nhận thấy khả năng hấp thụ, tiêu hoá, sinh trưởng cũng như nhu cầu thức ăn của gia súc, gia cầm thay đổi theo điều kiện mùa vụ, thời tiết và có sự khác biệt giữa các vùng, miền. Do vậy, Nam Mỹ đã chủ động và linh hoạt pha chế thức ăn

Kể từ khi thành lập (năm 1970), Công ty xuất nhập khẩu và đầu tư (IMEXIN) đã thực hiện tốt chức năng của công ty cấp I chuyên ngành về hàng ngoài kế hoạch, hàng tiêu thụ công nghiệp, nông - lâm - ngư - diêm nghiệp. Trong những năm chiến tranh ác liệt, công ty đã phục vụ chiến đấu và sản xuất, kịp thời cung cấp hàng hoá, thu mua, tiêu thụ những sản phẩm cho bà con nông dân, góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Năm 1975, đất nước thống nhất, hoà chung khí thế xây dựng chủ nghĩa xã hội, IMEXIN luôn nỗ lực phấn đấu để xứng đáng với vị thế là đơn vị đầu ngành của Bộ Thương mại chuyên kinh doanh hàng hoá ngoài diện, ngoài mức, ngoài kế hoạch.

Trong thời kỳ đổi mới, công ty đã triển khai nhiều hình thức kinh doanh mới đa dạng như kinh doanh máy móc, thiết bị, phụ tùng ô tô, xe máy, vật liệu xây dựng, vật tư ngành điện, nước, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất nông nghiệp, sản xuất và chế biến lâm sản. Đặc biệt, những sản phẩm của công ty như dưa ăn vệ sinh, chuối tre, măng tre xuất khẩu được người tiêu dùng rất ưa chuộng, được tặng thưởng huy chương vàng ở nhiều hội chợ trong nước và quốc tế. Nhằm đáp ứng tốt nhiệm vụ trên, công ty đã thành lập 14 đơn vị trực tiếp sản xuất - kinh doanh.



Sản phẩm thức ăn chăn nuôi của NAMMYFA

với công thức riêng, không cứng nhắc tuân theo nguyên tắc nhất định nào. Nhờ đó, thương hiệu thức ăn chăn nuôi Nam Mỹ đang ngày càng được bà con nông dân tin cậy, lựa chọn.

Không ngừng đầu tư cho con người

Không dừng lại ở đó, Nhà máy thức ăn chăn nuôi Nam Mỹ đang hướng về phía trước với những chiến lược sản

xuất - kinh doanh táo bạo và năng động, trong đó đầu tư cho nhân tố con người là bước đi hết sức bài bản.

Ông Lê Tiến Chiến cho biết: "Với hệ thống dây chuyền sản xuất, công nghệ đồng bộ và hiện đại, nhà máy không sử dụng quá nhiều lao động, nhưng lại rất cần những cán bộ, kỹ sư công nhân có trình độ nghiệp vụ, chuyên môn cao. Đơn ngũ cán bộ, công nhân viên của nhà máy được đào tạo bài bản nên đáp ứng tốt các yêu cầu của công việc". Bên cạnh đó, nâng cao ý thức cho người lao động trong việc tuân thủ nghiêm ngặt các nội quy lao động sản xuất đã góp phần tạo nên sản phẩm thức ăn chăn nuôi, đảm bảo vệ sinh và chất lượng.

Để thu hút đội ngũ nhân lực tâm huyết, lành nghề, đồng thời đảm bảo mọi điều kiện giúp người lao động yên tâm sản xuất - kinh doanh, Nam Mỹ luôn thực hiện đúng quy định về chế độ bảo hiểm xã hội, chế độ phụ phí công tác, góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống cho toàn thể cán bộ, công nhân viên. Trong tương lai, công tác tuyển chọn nguồn nhân lực sẽ được Nam Mỹ chú trọng nhiều hơn. Đặc biệt, nhà máy luôn dành nguồn kinh phí riêng để mời các chuyên gia trong và nước ngoài về giúp đơn vị đưa các đề tài nghiên cứu khoa học ứng dụng vào thực tiễn sản xuất. Nhờ đó, sản phẩm thức ăn Nam Mỹ luôn đạt chất lượng cao và phù hợp với mọi đối tượng chăn nuôi. Mặc dù mới tham gia trên thị trường, nhưng sản phẩm của Nam Mỹ đã tiếp cận thị trường các tỉnh, thành phố của miền Bắc. Với sản lượng bình quân hàng nghìn tấn/tháng, Nam Mỹ đã khẳng định được vị thế vững chắc trên thị trường. Sản phẩm Nam Mỹ đã được cấp dấu chứng nhận chất lượng cao phù hợp tiêu chuẩn và nhận huy chương vàng, cúp vàng chất lượng ở nhiều hội chợ.

Cung cấp cho thị trường những sản phẩm có chất lượng tốt, đem lại hiệu quả kinh tế cao cho người nông dân, cùng bà con nông dân làm giàu đã trở thành tiêu chí hàng đầu của Nhà máy thức ăn chăn nuôi Nam Mỹ trong sản xuất - kinh doanh. Tiếp tục giữ vững tiêu chí này sẽ giúp NAMMYFA cùng với IMEXIN - nhà đầu tư, nhà xuất nhập khẩu nhiều kinh nghiệm phát triển không ngừng, khẳng định đẳng cấp và vị thế trên thương trường.

NHÀ MÁY THỨC ĂN CHĂN NUÔI NAM MỸ

Địa chỉ: thị trấn Bình Mỹ - huyện Bình Lục -

Hà Nam

Điện thoại: 0351.862.335

NAM MY ANIMAL FEEDS FACTORY (NAMMYFA):

Helping farmers GET RICH

With large production scale and advanced technology, NAMMYFA has won the customer's confidence by the dynamism and strength of a young and enterprising enterprise. With the production capacity of thousands tonnes products per year, the enterprise has affirmed its strong position in the severe market economy.

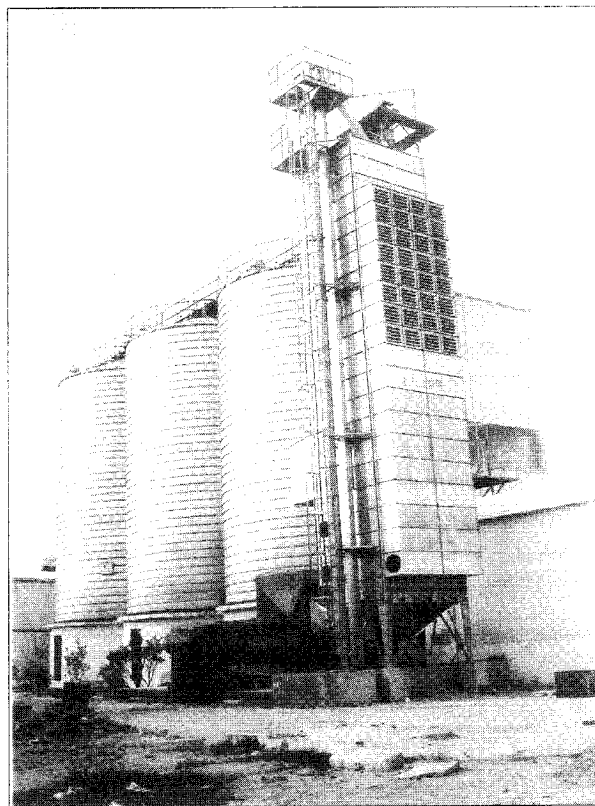
NAMMYFA belongs to the Import and Export Investment Company (IMEXIN), officially put into operation in October 2003. With more than 30 types of high-quality products, the enterprise is committed to make full use of all resources for right development investment and harvesting achievements.

Penetrating the market with prestige trade mark

In 2003, the first animal feeding products of NAMMYFA appeared and gradually penetrated the market. These are the products of high quality, processed under the most advanced technology.

Mr. Le Tien Chien - the General Director of IMEXIN, Director of NAMMYFA - said, "Animal feed production is not a simple work. How to help the animals not only to gain weight but also increase their quality is the first objective of the business".

According to him, the most difficult is processing feeds for ducks, wild geese and sows in their breeding time as well as for suckling pigs and dairy cows. However, the factory has invested in producing these types of feeds since its first operation, because, the selection of the most diffi-



Area for drying materials and storing dried materials of the factory

Foto: Nguyen Trong Khai

cult road to take would boost them to try their best and avoid the subjectivism. The factor has invested dozen billions of Vietnamese dong in automatic drying technological line, feeds pressing machines and moss preventing system, which have been standardised in terms of hygiene and safety. This has made the company one among the least units producing animal feeds in the North having standard technological equipment. In addition to that, NAMMYFA has invited the specialists from the Breeding Research Institute of Vietnam, France, Austria and Holland to carry out periodical checks over techniques and product quality for providing adjustments suitable to the production

Since its establishment (in 1970), IMEXIN has fulfilled the functions of a first grade company specialising in trading the goods outside the set out plan, the agro-forestry, fishery and salt products. In the severe years of war, the company already served the military and production activities, timely providing goods as well as purchasing and consuming farming products, making great contribution towards our victories in the anti-American war.

Since 1975, after the country's unification, in the momentum of the socialism development, IMEXIN has given its efforts for deserving the position of a leading unit in the Ministry of Trade specialising in trading the commodities beside the set out plan.

In the innovation period, the company has conducted diverse operation forms like trading machineries and equipment, automobile and motor spare parts, construction materials, materials for power and water supply as well as agro-forestry production and processing. Especially, the company's products like hygienic chopsticks, export bamboo mats and screens, which have been favoured by consumers and received many gold medals at international and domestic trade fairs. For better meeting the above-mentioned tasks, the company has set up 14 direct production and business units.

- business demand. As the result, the animal feeds of Nam My not only help duck to give bigger eggs with smooth eggshell and red yolk, but also prolong the egg giving time. With reasonable thermal treatment, the bran for suckling pigs produced by Nam My assists them to grow up quickly and strongly without occurring diseases.

During the researching process, the factory experts realised that the capacity of food absorbing and digesting, the growth rate as well as the demand on feeds of animals and poultry depend very much on the seasons, weather conditions with the differences between areas and regions. Therefore, Nam My has been proactive and flexible in processing the feeds with different formulas without following any fixed principles. Thanks to that, the trademark of Nam My Animal Feeds has been selected by farmers with confidence.

Unceasing investment in human resources

Furthermore, NAMMYFA has directed towards with dynamic production - business strategies. In which, the investment in human resources is the methodical development step.

Mr. Le Tien Chien said, "With modern and synchronous production line and technology, the factory is not a labour-intensive production unit. However, it needs professional and highly qualified engineers and workers. The factory staffs have been professionally trained. Therefore, they have met the working requirements". Beside that, the activities of raising the labourer's awareness on strict abidance by production rules and regulations have contributed to creating the animal feeds of high quality and hygienic standards.

For attracting enthusiast and skilful cadres as well as ensuring all working conditions for labourers, Nam My factory has implemented all regulations on social insurance and allowance for improving the life quality for its employees. In the future, the personnel recruitment will receive more attention from the factory. Especially, the factory has a financial source for inviting foreign and domestic specialists to help the factory to apply scientific researches to the practice. As the result, the animal feeds of Nam My have met high requirements on quality suitable to all animal raisers. Despite their new presence on the market, the products of Nam My have approached the market of the provinces and cities in the North. With the average output of thousands tonnes of products a month, Nam My has affirmed its strong foothold on the market. Its products have been granted the certificate of standard quality. They have also received many gold medals and cups at different trade fairs.

Providing high quality products to the market, bringing about economic efficiency to farmers and helping farmers to get rich become the top objective of NAMMYFA in the production and business activities. Pursuing this objective will help NAMMYFA and IMEXIN - the investors, the importers to gain more experience in development, affirming their rank and position on the market.

NAMMYFA

Address: Binh My township - Binh Luc
district - Ha Nam province
Tell: 0351.862.335

HẠNH PHÚC KHI ĐƯỢC **CÔNG HIẾN** và **PHẤN ĐÁU** hết mình vì **GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI**

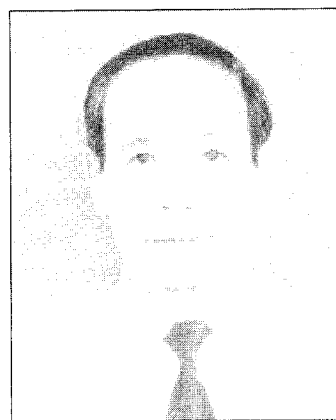
Tuổi 72, cái tuổi theo lẽ thường là phải nghỉ ngơi, sum vầy bên con cháu sau bao nhiêu năm làm tròn nghĩa vụ đối với xã hội, đối với gia đình, nhưng ngược lại, bác Lại Văn Lân, cựu chiến binh tỉnh Hà Nam lại không chọn cho mình lối sống như thế. Vượt lên trên nỗi lo về sức khỏe khi bước vào độ tuổi "xưa nay hiếm", bác Lân vẫn nhiệt tình tham gia công tác xã hội tại địa phương, tham gia làm kinh tế cùng gia đình với vai trò của người chỉ huy, điều hành giàu kinh nghiệm. Với niềm say mê lao động, năm 2003, niềm vui lớn đã đến khi bác trở thành một trong 3 đại biểu của tỉnh Hà Nam được tham dự "Hội nghị điển hình cựu chiến binh xoá đói giảm nghèo, làm kinh tế giỏi toàn quốc" tại thủ đô Hà Nội.

Khi được hỏi về những khó khăn khi điều hành sản xuất kinh doanh ở độ tuổi "xưa nay hiếm", bác Lân cho biết: "Tôi làm việc quen rồi, giờ ngồi không thì buồn lắm, không chịu được. Đối với người cao tuổi chúng tôi, cuộc sống chỉ thật sự hạnh phúc và có ý nghĩa khi được cống hiến, được phấn đấu và trở thành người sống có ích cho gia đình và xã hội".

Chặng đường mưu sinh nhọc nhằn

Sinh năm 1934, tại xã Phú Vân, thị xã Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, bác Lại Văn Lân lớn lên rồi đi bộ đội như bao chàng trai làng thuở ấy. Năm 1954, kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, bác Lân xuất ngũ (năm 1956) trở về xây dựng quê hương. Lấy vợ rồi sinh con, cuộc sống trở nên khó khăn hơn khi 9 đứa trẻ lần lượt chào đời. Chiến tranh kết thúc. Cuộc sống lúc này mới thật sự

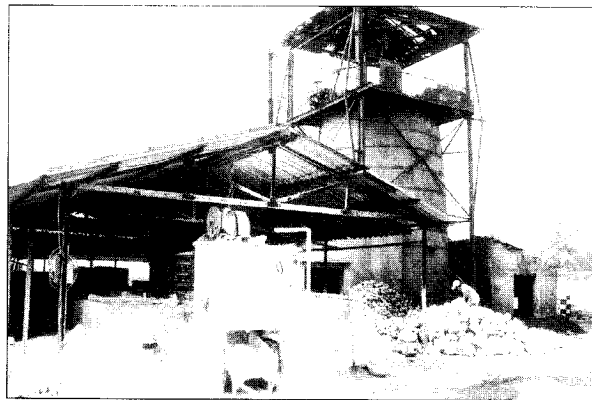
đặt ra nhiều dấu hỏi lớn. Làm sao để nuôi đàn con đang tuổi ăn, tuổi lớn? Làm thế nào để vực dậy kinh tế gia đình trong khi vợ chồng bác chỉ biết mỗi nghề làm nông, có làm lụng quanh năm suốt tháng cũng chẳng đủ ăn? Là trụ cột trong gia đình, bác không đành lòng nhìn vợ con quanh năm đói, khổ. Vậy là bác quyết định đi làm thuê. Ban đầu ai thuê gì bác cũng làm, miễn là kiếm được tiền. Nhưng sau đó, nhận thấy cần phải có



Ông Lại Văn Lân - Giám đốc
Công ty trách nhiệm hữu hạn Ứng Thuận
Ảnh: Tư liệu

nghe mới mong có cuộc sống ổn định, bác chuyển sang làm ngôi. Làm cho tư nhân, rồi làm cho xí nghiệp sản xuất gạch ngói 19-5 của Nhà nước. Lăn lộn với nghề. đến năm 1959, khi tích lũy được chút kinh nghiệm: sản xuất, bác Lân chuyển sang làm Chủ nhiệm Hợp tác xã Vân Sơn - hợp tác xã sản xuất vật liệu xây dựng của thị xã Phủ Lý. Từ người trụ cột gia đình, bác trở thành người "đứng mũi chịu sao" của tập thể, nổi trăn trở tìm hướng đi hiệu quả ngay một lớn dân trong bác. Năm 1984, nhận thấy ngói không còn là vật liệu được sử dụng nhiều trong xây dựng do cuộc sống của người dân ngày càng được cải thiện, nhà cửa thường được xây theo kiểu đổ mái bằng, bê tông, bác Lân cùng mọi người trong Ban quản trị Hợp tác xã Vân Sơn quyết định chuyển hướng hoạt động sang sản xuất bột nhẹ, bột đá. Đây là loại nguyên liệu rất cần cho các ngành sản xuất công nghiệp đang phát triển mạnh như: công nghiệp hoá chất, công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi... Hơn nữa, Hà Nam là địa phương có nguồn tài nguyên đá vôi - vật liệu chính để sản xuất ra bột nhẹ, bột đá rất lớn (trữ lượng lên đến hàng tỷ tấn), nên đơn vị của bác không phải lo khâu nguyên liệu đầu vào, nhờ đó giá thành chi phí cho sản phẩm cũng giảm mạnh.

Anh Lại Văn Ứng - con trai thứ 3 của bác Lân và cũng là người đang cùng bác Lân điều hành Công ty trách nhiệm



Một góc phân xưởng làm bột nhẹ của Công ty trách nhiệm hữu hạn Ứng Thuận (Hà Nam)

Ảnh: Hoàng Tân

hữu hạn Ứng Thuận - cho biết: "Quyết định chuyển sang sản xuất bột nhẹ đã theo bố tôi và gia đình tôi đến tận bây giờ. Sau 20 năm kể từ quyết định ấy, sản xuất bột nhẹ vẫn là sự lựa chọn đúng đắn của Công ty trách nhiệm hữu hạn Ứng Thuận".

Để có thể trụ vững và phát triển nghề sản xuất bột đá đến ngày hôm nay, bác Lân cùng gia đình đã phải trải qua bao nhiêu thử thách, khó khăn, nhiều lúc nan lòng, muốn buông xuôi vì thấy người nông dân lam kinh tẻ sao khó quá. Nhớ lại những tháng ngày vất vả đã qua, bác Lân bồi ngùi kể tiếp: "Sau khi chuyển sang sản xuất bột nhẹ, hai năm sau, năm 1986, hợp tác xã lại làm vào cảnh "dở khóc dở cười" vì sản phẩm sản xuất ra không có thị trường tiêu thụ. Lúc này, cũng đến độ tuổi nghỉ hưu nên tôi xin nghỉ công tác, về nhà làm nghề mộc để kiếm tiền nuôi sống gia đình".

Với bản tính thông minh, nhanh nhẹn, lại biết cách tổ chức công việc, các sản phẩm mộc của gia đình bác Lân không chỉ đáp ứng nhu cầu của người dân trong vùng mà còn xuất khẩu sang một số nước trong khu vực. Việc kinh doanh đang đi theo đúng quỹ đạo, thì những biến động phức tạp của nền kinh tế thị trường đã ao tơi, phá tan công việc làm ăn của gia đình bác. Tự nhủ ông trời đang thử thách mình, bác Lân kiên nhẫn làm lại từ đầu. Cả gia đình chuyển sang nghề làm đá galitô, đá xẻ để mưu sinh. Được vài năm, công việc lại ngưng trệ vì sản phẩm không tiêu thụ được. Sau bao đêm trăn trở tìm hướng đi mới, gia đình bác quyết tâm quay trở lại với nghề sản xuất bột đá nhằm đáp ứng nguồn nguyên liệu cho ngành công nghiệp đang phát triển mạnh mẽ. Để phát triển sản xuất, bác Lân đã mạnh dạn kêu gọi bạn bè cùng mở tổ hợp tác sản xuất bột nhẹ trên chính mảnh đất của gia đình với số vốn đầu tư 400 triệu đồng. Năm 1994, Hợp tác xã cơ khí hoá chất Vân Sơn được thành lập. Bác Lân được mọi người tin cậy giao chức vụ chủ nhiệm. Do có trình độ và kinh nghiệm quản lý, lại có tay nghề giỏi, nên dưới sự điều hành của bác Lân, hợp tác xã dần ổn định và không ngừng phát triển, đem lại nguồn thu nhập ngày càng cao cho các thành viên.

Là người đã từng hứng chịu thất bại do không lường hết và chưa đánh giá đúng tác động của quy luật thị trường đối với hoạt động sản xuất - kinh doanh, bác Lân hiểu hơn ai hết việc cần thiết phải đổi mới, cải tiến sản xuất. Nhưng mỗi khi đem vấn đề này ra bàn bạc với các thành viên trong tổ hợp tác, mọi người lại “bàn lùi” hoặc không thống nhất được quan điểm. Vì thế, hoạt động sản xuất của hợp tác xã ngày càng kém hiệu quả do sản phẩm không đáp ứng được yêu cầu của thị trường. Nhưng với ý chí, quyết tâm không chịu thất bại, bác Lân bàn với gia đình mua lại máy móc thiết bị của hợp tác xã, sau đó vay tiền ngân hàng đầu tư mở rộng nhà xưởng, thành lập công ty sản xuất bột đá. Ngày 2-5-2001, Công ty trách nhiệm hữu hạn Ứng Thuận được thành lập với số vốn đầu tư một tỷ đồng. Ước vọng làm giàu của gia đình bác Lân đã trở thành hiện thực khi công ty nhanh chóng đi vào ổn định sản xuất và hoạt động ngay một hiệu quả. Hiện nay, với sản lượng tiêu thụ bình quân trên 1.000 tấn/năm, doanh thu đạt 1.2 tỷ đồng/năm, công ty đã giải quyết việc làm ổn định cho 30 lao động với thu nhập bình quân 400 - 500 nghìn đồng/người/tháng, nộp ngân sách địa phương hàng chục triệu đồng/năm. Do xác định rõ nhu cầu và đòi hỏi của thị trường đối với sản phẩm, chú trọng cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, sản phẩm bột đá của công ty luôn được khách hàng đánh giá cao và có mặt tại nhiều thị trường trên toàn quốc như Thái Bình, Hà Nội, Hải Phòng, Thanh Hoá, đặc biệt là thị trường phía Nam.

Nói về định hướng phát triển trong tương lai, bác Lân cho biết: “Trong thời gian tới, Công ty trách nhiệm hữu hạn Ứng Thuận sẽ xin cấp thêm đất, vay thêm vốn để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, đưa năng lực sản xuất của công ty đạt công suất 2.000 - 2.500 tấn sản phẩm/năm. Đồng thời, mở thêm các ngành nghề sản xuất khác như sản

xuất nhựa, sản xuất cao su nhằm tận dụng nguồn nguyên liệu, giải quyết thêm việc làm cho lao động ở địa phương”.

Tấm lòng người cựu chiến binh

Đến thăm gia đình bác Lân, được nghe bác kể về chặng đường mưu sinh nhọc nhằn và những ước vọng của một người đã đi gần trọn cuộc đời, lớp trẻ hôm nay không chỉ cảm phục ý chí, bản lĩnh không chịu lùi bước trước hoàn cảnh khó khăn mà còn thực sự cảm động bởi tấm lòng nhân hậu, lẽ sống giản dị nhưng sâu sắc toát lên từ những câu chuyện của bác. Bác Lân cho biết: “Điều quan trọng nhất trong cuộc sống không phải là lập công ty riêng, gia đình làm ăn khấm khá mà điều khiến bác tâm đắc nhất vẫn là quá trình phấn đấu của bản thân đã tạo cho con cái lòng say mê lao động, tạo ra niềm vui, hạnh phúc trong cuộc sống”. Hiện nay, 9 người con của bác đã trưởng thành, người nào cũng có việc làm ổn định và tất cả đều kính trọng cha mẹ.

Đến thăm gia đình bác, chúng tôi ngạc nhiên khi gia đình vẫn sống trong ngôi nhà lợp ngói đơn sơ. Như hiểu được nỗi băn khoăn của chúng tôi, bác Lân bộc bạch: “ở đời ai chẳng muốn sung sướng, nhưng xung quanh còn nhiều người khổ quá. Ngay trong Hội cựu chiến binh tỉnh Hà Nam, nơi bác sinh hoạt, cũng có rất nhiều người có hoàn cảnh sống khó khăn, con cái không có việc làm. Xây nhà có thể chậm một vài năm, nhưng mở rộng cơ sở sản xuất tạo thêm việc làm cho lao động địa phương là điều cần làm ngay”.

Được tận mắt chứng kiến mô hình sản xuất hiệu quả của gia đình, chúng tôi thầm mong mảnh đất Hà Nam sẽ có thêm thật nhiều người có tấm lòng như bác Lân, có thêm nhiều mô hình sản xuất - kinh doanh hiệu quả. Bởi chỉ có những con người như thế, mô hình như thế mới giúp cho kinh tế Hà Nam có được nguồn nội lực, sức bật mạnh mẽ trong tương lai.

HAPPILY DEDICATING TO FAMILY and SOCIETY

At his 72 - the age of relaxation and grouping with children after years of accomplishing his duties to the society and family, yet Mr. Lai Van Lan - a veteran of Ha Nam has not relaxed himself. Triumphant over health matters of the old, Mr. Lan still engages in local social affairs enthusiastically, developing the economy of his family with the role of an experienced instructor. Thanks to his fond of working, he in 2003 happily became one of three representatives of Ha Nam to "National Conference on Veterans in poverty reduction and economic development" held in Hanoi.

"I have been used to working and now I can't bear the situation of doing nothing. As to old-age persons as I am, we could only feel happy whenever we have chance to make efforts in working for our families and the society," said Mr. Lan when being asked about difficulties in executing the business at his hoary age.

Tiresomely bread earning process

Born in 1934 in Phu Xuan commune, Phu Ly town, Ha Nam province, Mr. Lai Van Lan got mature and joined the army as many other village boys did at that time. The resistant war against the French colonist got victory in 1954 and Mr. Lan returned home in 1956 to build his homeland. Then he got married and 9 children came into the world one after another, his family turned into difficulty. When the war passed, he faced a great matter that is

how to earn living for his growing children and how to develop the economy of his family meanwhile he and his wife only do farming work - the job that in spite of year-round hard working could enable his family to live in easy circumstances. As a bread-winner of the family, Mr. Lan is not to have the heart to witness the hunger and poverty of his spouse and children. That's why he decided to do hired labour. At first, he did everything other people ordered to earn money. Then he understood that he needs a job to stable his living and therefore he produced tiles. He used to produce tiles for a private business and then for May 19th Brick and Tile Factory - a State owned enterprise.

Up to 1959 - the time that Mr. Lan got experienced in tile producing, he was appointed as the chairman of Van Son Cooperative specialising in construction mate-



Mr. Lai Van Lan (second left of second rank) at Conference of Typical Veterans in Poverty Reduction and Good Business Doing held in Hanoi (December 2003)

Foto: Hoang Tan

rial production factory of Phu Ly town. As a bread-winner of a family, Mr. Lan has turned into assuming full responsibility of a collective; his thoughts for productive ways progressively got greater days after days. In 1984, assuming that tile was not much consumed as it used to due to the ameliorating living of the people and houses were built with flat roofs and concrete, Mr. Lan and other member of the executive board of Van Son Cooperative determined to produce powdered lime and stone powder - the two important inputs for the on-going development industries like chemical, cattle-feed, and so on. Further, Ha Nam possesses great reserve (billions of tonnes) of lime stone - the key material for producing powdered lime and stone powder. Hence, his cooperative possesses sufficient input and thereof the production costs are low.

"The decision on producing the powdered lime has made great impact on my father and family since its first date. 20 years since the decision was made, the powdered lime production is still a right selection of Ung Thuan Co., Ltd" said Mr. Lai Van Ung, the third son of Mr.

Lan, both the father and child are executing Ung Thuan Co., Ltd.

To survive and develop the stone powder production to the present day, Mr. Lan and his family have passed countless vicissitudes, sometimes he wanted to let things run its course due to how difficult it is for farmers doing business. Reminiscing days of difficulties, Mr. Lan said: "two years after converting to produce powdered lime, the cooperative in 1986 landed in being half laughing and half crying due to shortage of consumption markets. At this time, I was at the retired age and required to retire and did carpentry at home to support my family."

Thanks to his intelligence, agility and good command of arranging work, carpentry products of his family has not only satisfied the need of local people but also been exported to several neighbouring countries. The well running business was collapsed by complicated changes of the market economy. Thinking that the super nature was challenging him, Mr. Lan patiently started his business again from the first step. The entire of his family started to produce granite and flagstone to earn living. After several year, the new business came to standstill because there was not outlet for his family's products. After nights thinking of new steps, his family finally decided to produce the stone powder to satisfy the increasing need of local industries. In an effort to develop the production, Mr. Lan bravely urged his friends to join efforts to set up a powdered lime production combination valued at VND400 million on the land of his family. In 1994, Van Son Mechanics and Chemistry Cooperative was founded. Depending on executive experience and good skills, the cooperative under Mr. Lan's execution has progressively developed and generated higher and higher income to members.

Experiencing failures resulting from insufficient evaluation on the influences of the market laws upon the business, Mr. Lan understands more better than one the need of production innovation and improvement. However, whenever this issue was put on the table, other members of the cooperative did not agree or failed to get the unanimity. As a result, the business of the cooperative gradually went down due to products failed to meet the market's demand. Disapproving to any failure, Mr. Lan discussed with his family to purchase machines and facilities of the cooperative, get loans from the bank to invest in spreading workshops, and set up the stone powder company. On May 2nd 2001, Ung Thuan Co., Ltd was established with the investment capital of VND1 billion. The ambition of his family has gradually come true because the company has quickly stabilised production in a more and more productive business. At present, the consumed product of the company reaches 1.000 tonnes per year and the revenue gets VND1.2 billion/year. The company has provided jobs to 30 workers with the per capita income of VND400.000 - 500,000 per year, contributing dozen millions of Vietnamese dong towards the local budget every year. Thanks to clearly defining the need of the market, interest in improving the production technology, the stone powder of the company has been highly appreciated by customers in the national market like Thai Binh, Hanoi, Hai Phong, Thanh Hoa, particularly in the southern market.

"In the time to come, Ung Thuan Co, Ltd shall apply for allocating more land and getting greater loans to invest in expanding the production scale up to 2,000 - 2.5000 tonnes per year. Additionally, he is to drive the company to other products; such as plastic and rubber to utilise the material sources and give more jobs to the local workers,"

said Mr. Lan while speaking about the development strategy of his company.

The heart of a veteran

Coming to the house of Mr. Lan, listening to his livelihood earning process of hard and vicissitudes as well as his ambitions, we - the present day young generation - could not help admire his will and ability against all difficulties in any situation. Further, we was touched by his warm heart and simple life from his story. "the most important thing in the life is not the establishment of my own company or the good livelihood earning, my most favourite thing is my efforts have transferred the love for working and the living to my children," said Mr. Lan. Up to now, all of his nine children have got mature with stable jobs and more preciously all of them love their parents.

Approaching his family, we were surprised seeing a simple tile roofed house of this well-off family. Grasping our divided mind, Mr. Lan unburdened himself: "Life in the world, every one wishes the easy-living conditions, but there are still many poor people around us. Just in the Ha Nam Veterans' Association - joined by Mr. Lan - there are many people in difficult circumstances and no job for their children. The building of a new house may be delayed for several years, but the enlargement of the workshop is should be done as soon as possible to generate more job to the local workers".

Seeing with our own eyes at the effective production model of his family, we secretly wish the land of Ha Nam will produce more warm hearted people like Mr. Lan, and more effective production models. This is because only those people and models could help to fully utilise the local internal forces and create the powerful leaps forwards in the time to come.

LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ HÀ NAM:

VƯỜN LÊN từ những thách thức

Đến tháng 6-2004, 100% hợp tác xã ở Hà Nam đã hoàn thành chuyển đổi theo Luật hợp tác xã, với tổng số 181.328 xã viên. Các hợp tác xã sau chuyển đổi đã thích ứng dần với cơ chế mới và hoạt động ngày càng hiệu quả.

Tích cực chuyển đổi trong cơ chế mới

Mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng Liên minh hợp tác xã Hà Nam luôn khẳng định vai trò, vị trí quan trọng trong hoạt động sản xuất của hội viên thông qua phương pháp tập trung giải quyết từng bước những hạn chế, vướng mắc, mạnh dạn đổi mới tư duy và phương thức sản xuất - kinh doanh. Trong giai đoạn 1997 - 2004, Liên minh hợp tác xã Hà Nam đã đạt được những thành quả đáng ghi nhận.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, thực tiễn hoạt động ở các hợp tác xã tỉnh Hà Nam cho thấy: hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp gần gũi, hiểu rõ và giữ vai trò quan trọng đối với người nông dân. Ông Phan Miên - Chủ tịch Liên minh hợp tác xã Hà Nam cho biết: "Đến năm 2004, đa số các hợp tác xã đã lựa chọn được hình thức dịch vụ phù hợp với đặc trưng sản xuất từng vùng, từng cơ sở. Việc ứng

dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp được quan tâm đầu tư hơn nhiều so với trước năm 1997". Nhờ đó, công cuộc chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn Hà Nam ngày càng được thúc đẩy mạnh mẽ, thu nhập của xã viên tăng dần qua các năm.

Đến năm 2004, Hà Nam có 156 hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp. trong đó hơn 94% hợp tác xã hoạt động dịch vụ kinh doanh có hiệu quả. Cụ thể, 77% hợp tác xã dịch vụ điện nước, 61% hợp tác xã dịch vụ khuyến nông, 62% hợp tác xã dịch vụ bảo vệ thực vật được đánh giá là kinh doanh hiệu quả. Ngoài ra còn có các hợp tác xã dịch vụ cung ứng vật tư phân bón và dịch vụ làm đất. Đến năm 2004, 100% hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp đã hoàn thành chuyển đổi ruộng đất. Nhiều thành

viên đã đi đầu trong phong trào đổi mới tổ chức quản lý và đẩy mạnh sản xuất - kinh doanh dịch vụ, trở thành đơn vị tiên tiến xuất sắc như hợp tác xã Yên Bắc, Mộc Bắc (huyện Duy Tiên), Kim Bình (huyện Kim Bảng), Liêm Tiết (huyện Thanh Liêm),...

Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp chính là "người bảo trợ" không thể thiếu đối với bà con nông dân và sự phát triển của kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp đã góp phần xây dựng, cải tạo nhiều công trình phục vụ sản xuất, đời sống cộng đồng, tích cực tham gia xoá đói, giảm nghèo và giải quyết các vấn đề xã hội, xây dựng đời sống nông thôn mới.

Đối với tổ hợp tác, do được hình thành theo nhu cầu sản xuất - kinh doanh của kinh tế hộ nên chỉ mang tính tự phát, thời vụ. Nhưng trong thời gian không xa, cùng với tốc độ

Năm 2001, Hợp tác xã Yên Bắc đã vinh dự được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới. Từ năm 1985 đến năm 1987, Yên Bắc đã thực hiện tới nhiều hợp đồng chuyển giao khoa học - kỹ thuật với Viện di truyền, Viện bảo vệ thực vật, Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp, Trung tâm khảo nghiệm Trung ương... Đặc biệt, năm 2002, Hợp tác xã Yên Bắc đã tiếp nhận dự án xây dựng hợp tác xã chế biến nông sản xuất khẩu ngay tại địa phương. Đây là một trong những mô hình hợp tác xã chuyên ngành tiêu biểu được Liên minh hợp tác xã Hà Nam khuyến khích phát triển và nhân rộng.

tăng trưởng kinh tế của từng hộ gia đình, các tổ hợp tác sẽ trở thành hạt nhân của nhiều loại hình hợp tác xã mới ra đời.

Trong lĩnh vực phi nông nghiệp, nhìn chung, các hợp tác xã phi nông nghiệp đã có nhiều chuyển biến tích cực. Sau khi chuyển đổi, các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, giao thông - vận tải đã thanh toán dứt điểm công nợ. Hoạt động của các hợp tác xã dịch vụ phi nông nghiệp đã nhanh chóng thích ứng với cơ chế mới. Đến tháng 6-2004, Hà Nam có 232 doanh nghiệp được thành lập hoạt động theo luật doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký kinh doanh 361.555 tỷ đồng. Trong đó có 30 doanh nghiệp tư nhân, 117 công ty trách nhiệm hữu hạn, 183 tổ hợp tác và 40.080 hộ đăng ký kinh doanh. Hàng năm, các thành viên của Liên minh hợp tác xã Hà Nam thu hút hàng chục nghìn lao động, đạt doanh thu 11.808 tỷ đồng.

Trong đó, các thành viên hoạt động trong lĩnh vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp như Công ty mây giang đan Ngọc Động, Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Ngọc Động (huyện Duy Tiên), Công ty xây dựng Đồng Tâm, Hợp tác xã vận tải xe khách Lý Nhân,... đã chủ động tìm thị trường tiêu thụ sản phẩm. Đến năm 2004, các làng nghề thủ công mỹ nghệ đã tạo việc làm cho 25 nghìn lao động nông thôn trong tỉnh và 35 nghìn lao động ngoài tỉnh.

Từ trước năm 1985, mạng lưới hợp tác xã tín dụng ở Hà Nam đã được xây dựng ở hầu hết các xã, thu hút đông đảo xã viên tham gia. Năm 2004, hoạt động của các quỹ tín dụng nhân dân bảo đảm an toàn vốn và đạt hiệu quả kinh tế cao. Đến tháng 6-2004, Hà Nam có 8 quỹ tín dụng nhân dân đang hoạt động, với 5.293 xã viên và tổng vốn huy động hơn 16 tỷ đồng. Năm 2002, tổng dư nợ cho vay đạt gần 15 tỷ đồng, thu lãi 231 triệu đồng. Liên minh hợp tác xã Hà Nam đã thẩm định, xét duyệt 42 dự án ngành với nguồn vốn đầu tư gần 4 tỷ đồng, tạo việc làm thường xuyên cho 3.400 lao động. Năm 2004, 15/42 dự án đang hoạt động với tổng dư nợ 1.350 triệu đồng.

Ngoài ra, Liên minh hợp tác xã Hà Nam còn phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Hà Nam tạo điều kiện cho các hợp tác xã vay hơn 2 tỷ đồng đầu tư trang thiết bị máy móc. Nhiều hợp tác xã sau khi áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất - kinh doanh đã hoạt động có hiệu quả. Trong đó, Hợp tác xã vận tải xe khách Lý Nhân là một minh chứng điển hình. Không chỉ chú trọng đầu tư về số lượng (hơn 50 đầu xe), Hợp tác xã vận tải xe khách Lý Nhân còn thường xuyên nâng cao chất lượng xe khách: nội thất hiện đại, tiện nghi sang trọng, thái độ phục vụ nhã nhặn và lịch sự, đảm bảo an toàn về tài sản và tính mạng cho khách hàng,... Đó là những yếu tố quan trọng tạo ấn tượng tốt đẹp và nâng cao uy tín của hợp tác xã đối với hành khách trong những năm qua.

Đối với các tổ hợp ngoài quốc doanh, tuy các doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn Hà Nam có quy mô vừa và nhỏ, nhưng rất năng động, sáng tạo và chủ động hội nhập. Các đơn vị thành viên trong nhiều lĩnh vực duy trì được tốc độ tăng trưởng khá như: Công ty dệt Chí Hường, Công ty xây dựng Đồng Tâm, Công ty xây dựng Hải Lý,... Nhiều mặt hàng thủ công truyền thống được khôi phục và phát triển, kim ngạch xuất khẩu tăng lên rõ rệt. Tiêu biểu như thêu ren Thanh Hà, mỹ nghệ Quang Đông, dệt Nha Xá, mây giang đan Ngọc Động,... Tuy còn gặp nhiều khó khăn về vốn, thị trường,... song các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh đã góp phần quan trọng

tăng giá trị sản xuất công nghiệp và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương.

Thách thức và giải pháp

Trong suốt quá trình hoạt động, Liên minh hợp tác xã Hà Nam đang từng bước khắc phục những hạn chế, khó khăn. Các thành viên hợp tác xã không còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại như trước. Quyền tự do kinh doanh và tự chủ kinh tế của xã viên được tôn trọng và phát huy một cách tích cực. Thu nhập và đời sống của hộ xã viên tăng lên, góp phần không nhỏ trong việc giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 16,7% (năm 2001) xuống 15% (năm 2002).

Tuy nhiên, nhiều hợp tác xã còn lúng túng trong xác định phương hướng sản xuất - kinh doanh. Việc xây dựng và nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới điển hình còn chậm do chịu ảnh hưởng của cơ chế tập trung bao cấp. Các hợp tác xã chưa phát huy tối đa tính ưu việt của kinh tế hợp tác xã, chưa thực sự an tâm gắn bó phát triển lâu dài với kinh tế hợp tác xã. Đặc biệt, vấn đề bức xúc nhất hiện nay là thiếu nguồn vốn để đầu tư trang thiết bị kỹ thuật, mở rộng sản xuất, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực lao động và quản lý, hỗ trợ và cung cấp dịch vụ. Việc ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất - kinh doanh đòi hỏi nguồn vốn không nhỏ. Việc tìm đầu mối tiêu thụ sản phẩm đang là bài toán nan giải không thể giải quyết một sớm, một chiều. Chất lượng sản phẩm chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng khắt khe của nền kinh tế thị trường. Những nguyên nhân trên phần nào ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả hoạt động của các tổ hợp tác, hợp tác xã.

Ông Phan Miên - Chủ tịch Liên minh hợp tác xã Hà Nam cho biết: "Để vượt qua thách thức và phát huy những thành tích đã đạt được, việc xây dựng kế hoạch dài hơi cho hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Hà Nam là yêu cầu hết sức quan trọng". Theo đó, trước mắt, Liên minh hợp tác xã Hà Nam sẽ chú trọng đến công tác tuyên truyền, hướng dẫn hội viên thực hiện chính sách phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo chủ trương của Đảng và Nhà nước. Tổ chức kinh tế ngoài



Lễ khai giảng lớp đào tạo nghề mây - giang đan khoá I (năm học 2004 - 2005) tại Đống Văn, Hà Nam

quốc doanh sẽ được củng cố và phát triển nhằm huy động mọi nguồn lực sản xuất - kinh doanh. Các hợp tác xã sẽ quan tâm đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ quản lý và thợ giỏi, đáp ứng tốt hơn yêu cầu đổi mới. Năm 2004, Liên minh hợp tác xã tỉnh đã mở nhiều lớp đào tạo thợ thủ công như: mây giang đan, thêu ren, may mặc, bánh đa nem xuất khẩu,... nhằm thu hút lao động vào các khu công nghiệp.

Tuy nhiên, hoạt động của kinh tế hợp tác - hợp tác xã có thể đạt được hiệu quả như mong muốn hay không phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Trong đó, Ủy ban nhân dân tỉnh cần tạo các chính sách ưu đãi đầu tư về đội ngũ nhân lực, tài chính tín dụng, đất đai, khoa học - công nghệ,... để kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân có điều kiện phát triển bình đẳng với các thành phần kinh tế khác.

Với quyết tâm đẩy mạnh hợp tác sản xuất - kinh doanh, chú trọng, khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân, cá thể, trong thời gian không xa, Liên minh hợp tác xã tỉnh Hà Nam sẽ gặt hái nhiều thành tích cao hơn.

LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ HÀ NAM

Địa chỉ: đường Trần Nhật Duật - thị xã Phủ Lý -

Hà Nam

Điện thoại: 0351.852684

HA NAM CO-OPERATIVE ALLIANCE:

EMERGING from **challenges****Active move under new mechanism**

In spite of manifold difficulties, the Ha Nam Co-operative Alliance has been proving its important role in the production of its member through solving restrictions collectively and renewing business mode. The alliance reaped impressive fruits in years 1997 - 2004.

With respect to agriculture, the operational practice of co-operatives in Ha Nam reveals that co-operatives dedicated to agricultural services are close to the farmers and assume significant role. Mr. Phan Mien, Head of Ha Nam Co-operative Alliance said: "Most of the co-operatives had adopted types of services suitable with different conditions in areas by 2004. Scientific - technological applications have been intensified further than prior to 1997". Consequently, economic reform in rural areas in Ha Nam has been urged drastically with year-on-year increase in income of co-operative members.

There had been 156 co-operatives operating in agricultural services by 2004, more than 94% of which was running business fruitfully. Specifically, there was 77% of co-operatives devoted to electricity and water services, 61% for agriculture promotion, 62% for plant protection.

All co-operatives in Ha Nam had managed to reorganise themselves in accordance with Co-operative Law by June 2004 with 181,328 co-operative membership. The re-organised co-operatives have been adjusting well to the new mechanism and operating more effectively.

Their business was found cost-effective. There were also co-operatives supplying fertilisers and soil preparing services. Many co-operatives are taking the lead in renewal of management, boosting their service business and the exemplary entities. For instance, they include the co-operatives of Yen Bac, Moc Bac (Duy Tien district), Kim Binh (Kim Bang district), Liem Tiet (Thanh Liem), etc.

Agricultural service co-operatives are the inseparable sponsorship to the farmers and the advance of agriculture, rural

areas. Such kind of co-operatives has contributed to rehabilitating many works for production and community. Besides, they have enthusiastically taken part in efforts of hunger eradication and poverty alleviation as well as curbing social issues, building new lifestyle in rustic areas.

For the part of the co-operation groups, which are established from the demand of household business, their operation is spontaneous and seasonal. Predictably, they are to be the keynote element of new kinds of co-operatives in oncoming time when household economy grows fast.

As for non-agriculture field, co-operatives operating in this sphere have made positive changes, speaking gen-

The Yen Bac co-operative felt honoured to receive the State title of Labour Hero in renewal in 2001. From 1985 to 1987, Yen Bac was in proper transfer of science and technology with the Genetics Institute, Plant Protection Institute, Agricultural Science and Technology Institute and National Testing Centre, etc. It should be noted that in 2002, Yen Bac co-operative carried out the project on setting up the export agricultural processing co-operative in the district. This is one of typical models of co-operative encouraged for spread by Ha Nam Co-operative Alliance.

erally. After their re-organisation, the co-operatives reserved for handicraft, construction, transportation have completely paid off their unsettled debts. Moreover, their activities have shortly integrated well into the new mechanism. As of June 2004, there had been 232 businesses founded under the Corporate Law in Ha Nam with their registered capital totalling VND361,555 billion. They were divided into 30 privately-run businesses, 117 limited companies, 183 co-operation groups and 40,080 household business facilities. Members of the co-operative alliance employ dozen thousands of labourers every year and earn VND11,808 billion every year.

Notably, members in handicraft such as Ngoc Dong Bamboo and Rattan Article Company, Ngoc Dong Agricultural Services Co-operative (Duy Tien district), Dong Tam Construction Company, Ly Nhan Passenger Transportation Co-operative, etc. have been searching for markets on their own. The traditional fine art craft villages had provided jobs to 25,000 idle labourers in the province and other 35,000 labourers coming from outside the province.

The network of credit co-operatives in Ha Nam had been set up in most villages prior to 1985 and attracted a

massive participation from co-operative members. The people's credit funds ensured sufficient capital disbursement and also produced high economic effects in 2004. There had been 08 people's credit funds in Ha Nam by June 2004, involved in 5,293 co-operative members and mobilised capital valued more than VND16 billion in total. Account outstanding neared VND15 billion and loan interest stood at VND231 million in 2002. The Ha Nam Co-operative Alliance has studied and granted approval of 42 projects of the relevant field with their investment capital approximating VND4 billion, employing regularly 3,400 labourers. 15 out of 42 projects were in operation with their account outstanding totalling VND1,350 million in 2004.

Additionally, the Ha Nam Co-operative Alliance has co-operated with Agribank - Ha Nam Branch in order to create favourable conditions enabling co-operatives to take out loans worth over VND2 billion and invest in equipment. Lots of co-operatives have worked effectively after scientific-technological application for their business. In which, Ly Nhan Passenger Transportation Co-operative is an eloquent representative of such kind of co-operatives. Not only investing in transport means (more than 50 vehicles), the co-operative also spends attention on improving the quality of such means with modern interior, elegant furniture, well-mannered services, which ensure the safety of passengers and their properties, etc. They have been major elements to make an impression on passengers and enhance the co-operative's prestige over the past years.

With respect to non-State sector, although the non-State businesses in Ha Nam are of either small or medium size, they are highly dynamic, creative and flexible as well as active in integration. Many member entities in the sector have sustained their good growth rate such as Chi Huong Textile Company, Dong Tam Construction Company, Hai Construction Company, etc. Various kinds of craft articles have been revived vigorously with swift increase in export turnover, notably Thanh Ha embroi-

dery, Quang Dong fine art craft, Nha Xa weaving, Ngoc Dong bamboo works, etc. Despite confronting difficulties in capital and market, etc. the non-State businesses have made remarked contribution to the increase in the industrial value as well as boosting the local economic reform.

Challenges and solutions

Ha Nam Co-operative Alliance is hampered by hurdles. The member co-operatives no longer live on the tendency of relying on others' support like they did before. The co-operative members' freedom of running business and self-control over economy are appreciated and displayed well. Income and living conditions of co-operative members are better, which dramatically contributes to the fall-down of poor household rate from 16.7% (2001) to 15% (2002).

Nonetheless, the co-operative is in two minds about picking up their business direction. The build-up and spread of new models of co-operatives are at snail pace due to negative impacts from the centralised mechanism. They yet to awake the superiority of the co-operative economy at best. Specially, the most current thorny problem is the lack of capital for technical equipment, expanding production, enhancing human resource and management aside from supporting and delivering services. Applying scientific - technological advancements into production takes large capital and seeking for product outlet is a difficult problem unable to find its solution in just a day. This is compounded by the product quality, which fails to satisfy the increasingly strict requirements from market mechanism. Such restrictions to an extent stonewall the operational efficiency of co-operatives.

Phan Mien, head of Ha Nam Co-operative Alliance said: "To lift hurdles and further our achievements, it is important to blueprint a long-run strategy for our operation". Hence, the alliance will firstly highlight spread and guide co-operative members to conform to policies on a multi-sector economy launched by the Party and State.



Attendants to strategy courses launched by Ha Nam Co-operative Alliance (October 2003)

The non-State sector will be enhanced to bring in all possible business resources. Co-operative will grant more attention to train managers, who must have good qualification to match requirements of the renewal stage. In 2004, the alliance opened several courses training artisans such as bamboo and rattan works, embroidery, knitting, export rice sheets, etc. in order to provide more labourers to industrial zones.

Whether or not co-operatives and this economic model could operate effectively depends on different things, though. Among others, the province People's Committee should adopt preferential policies on human investment, credit, finance, land, science-technology, etc. in a bid to create an equal room for the collective, individual business and other models of business to develop.

Ha Nam Co-operative Alliance, which is set to further prompt co-operation in business and production, focusing on and encouraging individual business, will reap more sweet fruits in an oncoming time.

HA NAM CO-OPERATIVE ALLIANCE

Add: Tran Nhat Duat street, Phu Ly town,

Ha Nam

Tel: 0351.852684

Người đưa TÔM CÀNG XANH về MIỀN ĐẤT TRÙNG



Chủ tịch nước Trần Đức Lương thăm mô hình kinh tế của gia đình anh Đinh Trí Cường

Ảnh: Tư liệu

Năm 2000, đơn nhận chu trương chuyển đổi ruộng trùng sản xuất kém hiệu quả sang mô hình sản xuất đa canh của tỉnh, anh Đinh Trí Cường (xã Khả Phong, huyện Kim Bảng) đã trở thành người đầu tiên mạnh dạn đưa giống tôm càng xanh - loại thủy sản chưa từng được nuôi trên vùng đất trùng Hà Nam - vào sản xuất. Sự "bén duyên" giữa con tôm càng xanh với vùng đất trùng cùng hiệu quả kinh tế bất ngờ đã mở ra hướng đi mới, tích cực cho người dân nơi đây.

Để tận "mắt thấy, tai nghe" về người nông dân đã có công đưa tôm càng xanh về với vùng đồng trùng, đồng thời la giương điển hình làm kinh tế giỏi của huyện Kim Bảng (theo lời giới thiệu của đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ Tăng Văn Phà), chúng tôi tìm đến mô hình sản xuất của gia đình anh Cường tại khu Đồng Sơn, xã Khả Phong. Vóc người cao to, nhanh nhẹn, nụ cười hiền lành, anh hồ hởi đón chúng tôi như đón những người bạn phương xa vẫn thường xuyên đến tìm hiểu và học tập kinh nghiệm sản xuất. Không biết tự lúc nào, cách nói chuyện thật thà thoát chốc trở nên sinh động, hấp dẫn mỗi khi nhắc tới chuyện làm ăn, chuyện sản xuất, chuyện con tôm,... đã cuốn hút chúng tôi vào câu chuyện mưu sinh, lập nghiệp rồi vươn lên làm giàu của anh.

Người đảng viên trẻ tuổi và quyết tâm thoát nghèo

Sinh năm 1964 tại xã Khả Phong, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, Đinh Trí Cường là con thứ 3 trong gia đình có 6 anh em. Bố là giáo viên, mẹ làm ruộng, nhà đông con, hoàn cảnh gia đình anh cũng khó khăn, vất vả như bao gia đình nông dân khác. Những lúc hạn hán, mất mùa cả nhà 8 miệng ăn chỉ biết trông vào 13 kg gạo "tem phiếu" của bố. Vì thế, 6 anh em anh chẳng ai được đi học đến nơi đến chốn. Bản thân anh Cường cũng chỉ học hết lớp 7 đã phải nghỉ học về nhà đi làm phụ giúp bố mẹ nuôi các em. Bao nhọc nhằn thời thơ ấu qua đi, năm 1985,

anh nhập ngũ, đóng quân ở Hà Bắc (cũ). Do chịu khó học tập và rèn luyện, hai năm sau anh được kết nạp Đảng khi vừa tròn 23 tuổi. Năm 1988 ra quân về địa phương, anh Cường trở thành cán bộ kế hoạch của Hợp tác xã nông nghiệp khuyến công xã Khả Phong. Rồi được nhân dân tín nhiệm bầu làm phó chủ nhiệm, chủ nhiệm hợp tác xã. Đến tháng 10-2000, anh được bầu là Phó Chủ tịch phụ trách kinh tế xã Khả Phong.

Anh Cường cho biết: "Làm cán bộ xã được 2 năm, năm 1990, tôi lập gia đình. Lúc ra ở riêng, hai vợ chồng được xã chia cho 3,2 sào ruộng mà toàn là ruộng trũng, "chưa nắng đã hạn, chưa mưa đã úng"". Nhưng vốn là người nhanh nhẹn tháo vát, biết xoay sở, nên anh chỉ cũng dành dụm mua được máy sát từ canh tác lúa trên mảnh đất ấy. Nhà làm nông, lại có máy sát để tăng thêm thu nhập, cuộc sống chưa thể gọi là dư dật, nhưng trong con mắt người nông dân vùng đồng chiêm trũng, quanh năm cơ cực sớm khuya mà vẫn không đủ ăn thế đã là nhất. Không chấp nhận cảnh đời nai lưng ra làm mà chỉ lo được ngày hai bữa cơm, nhưng "Phải làm gì để gia đình và người dân người làng mình thoát khỏi cảnh nghèo khó ngay trên mảnh đất quê hương" luôn là nỗi trăn trở của anh.

Đúng lúc đó, tỉnh có chủ trương giao đất cho dân ở các huyện, các xã thực hiện chuyển đổi mô hình sản xuất từ ruộng trũng kém hiệu quả sang sản xuất đa canh, anh liền xin nhận 2 mẫu đất ở khu Đống Sơn để phát triển kinh tế. Ý tưởng của anh thật liêu lĩnh, bởi Đống Sơn là khu đất xấu, cái "rốn nước" có cây mà chẳng có ăn, xa địa bàn dân cư, rất khó đảm bảo các điều kiện cho sản xuất. Vụ chiêm ở đây, ruộng hạn đất nẻ lột bàn chân, cây lúa lên bông hạt chỉ lơ thơ, cháy đỏ vì nắng. Vụ mùa thì ngập úng, "bông nổi phẫn chim, bông chìm phẫn cá". Là người gắn bó với Đống Sơn từ những ngày còn bé khi vào đây chăn vịt, bắt tôm bắt tép, anh thừa hiểu điều đó. Nhưng đã quyết là làm, với lại - anh tâm sự - "mình còn trẻ, có sức khỏe, cứ gì ngại khó, ngại khổ để rồi chấp nhận nghèo túng suốt đời? Hơn nữa, đây còn là chủ trương của tỉnh, của huyện, là

người cán bộ, mình càng cần phải gương mẫu đi đầu thực hiện".

Vậy là năm 1998, bỏ "cơ ngơi" với nhà xây, với máy sát, bốn vợ chồng con cái anh dời làng vào khu Đống Sơn bắt đầu,...

Những tháng ngày gian nan

Năm năm đã qua, nhưng mỗi lần nhắc lại những kỷ niệm về cái tết đầu tiên của gia đình ở Đống Sơn, anh Cường không khỏi ngậm ngùi. Năm ấy, tiền dành dụm anh dồn hết vào xây nhà, mua sắm các vật dụng sản xuất. Công việc chăn nuôi, cấy hái chưa cho thu hoạch. Khó khăn cũng chẳng dám cậy nhờ người thân, vì mọi người đã can ngăn mình đừng đi vào chỗ khó khăn mà mình thì đã quyết. 30 tết, trong nhà anh không có lấy một đồng để đi chợ. Xót xa hơn khi nhìn cảnh hai đứa con nhỏ cứ đứng trông hóng người làng đi chợ tết qua lối nhà mình, "thật chưa khi nào tôi nghĩ đời mình lại có lúc cơ cực đến vậy", anh nói.

Nhưng có lẽ, chính những tháng ngày cơ cực ấy đã tạo cho anh Cường quyết tâm cao trên con đường kiếm tìm cơ hội thực hiện khát vọng làm giàu. Cơ hội đã đến. Năm 2000, Khả Phong tiếp nhận dự án nuôi tôm càng xanh. Nhận thấy, đây là loài thủy sản có khả năng thích nghi với điều kiện tự nhiên ở vùng địa hình thấp, có nhiều ao hồ và chân ruộng trũng như ở khu Đống Sơn. Nên dù chưa có kinh nghiệm, nhưng anh Cường vẫn mạnh dạn rủ thêm một số bạn bè, anh em hùn vốn cùng làm với hy vọng con tôm sẽ mang lại cơ hội thoát nghèo. Nhưng cả xã, cả huyện, thậm chí cả tỉnh chưa ai từng nuôi giống tôm này, chẳng ai dám chắc hiệu quả ra sao, nên ai nấy đều rút lui. Một mình anh lại đơn độc với quyết định của mình. Được tiếp sức từ niềm tin của người vợ, anh quyết định nhận thêm 4 mẫu đất, góp được 20 triệu đồng, anh thuê người đào ao, đắp bờ, mua giống để thả. Vất vả, đôn đảo ngược xuôi, cuối cùng con tôm càng xanh cũng về đến ao nhà anh. Mừng lắm! "Nhưng mừng một thì lo hai vì kiến thức, kinh nghiệm nuôi tôm còn ít quá", anh nói. "Chẳng còn cách nào khác là phải lăn lộn với nó thôi".

Vậy là ngày ngày, ngoài công việc của xã, về đến nhà, anh Cường lại xắn tay ra ngoài ao tôm. Nhìn màu nước trong ao xem đã đạt tiêu chuẩn kỹ thuật quy định, vớt từng con tôm lên để biết con tôm hôm nay có đủ khí thở, thức ăn hay chưa... anh chăm sóc đàn tôm chẳng khác nào bà mẹ trẻ lần đầu chăm sóc đứa con thơ, cẩn trọng, nhưng đôi khi còn vụng về vì thiếu kinh nghiệm. Nhanh chóng nhận ra điểm yếu ấy, anh Cường thường xuyên lên Trạm khuyến nông huyện, Trung tâm khuyến nông tỉnh nhờ các cán bộ kỹ thuật hướng dẫn kỹ thuật nuôi tôm. Hễ đọc được thông tin về tôm càng xanh, anh lại ghi chép cẩn thận để nghiên cứu. Anh còn chẳng quản đường xa, việc bận, đến tận nhà những người có kinh nghiệm hơn mình để học hỏi. Dần dà, anh đã trang bị cho mình vốn kha khá kinh nghiệm, kiến thức về nuôi tôm càng xanh.

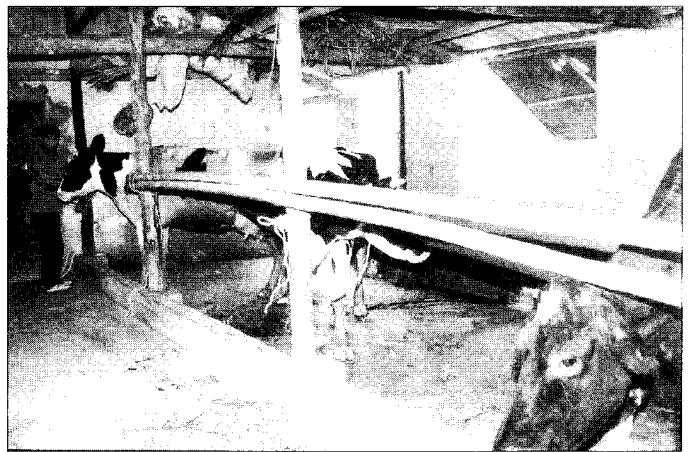
Mật ngọt dâng đời

Chẳng phụ công sức và sự cố gắng của anh Cường, dù vụ thu hoạch tôm đầu tiên năm 2000 chỉ hoà vốn, nhưng theo anh, như vậy cũng là thành công rồi, chứng tỏ con tôm "đồng ý" ở lại trên đất trũng nhà anh. Điều đó chứng tỏ cơ hội làm ăn của gia đình đã tới. Nắm lấy cơ hội ấy, anh Cường quyết định vay 50 triệu đồng của ngân hàng để đầu tư cho việc nuôi tôm. "Khi biết tôi có ý định vay 50 triệu đồng đầu tư cho việc nuôi tôm, nhiều người đã can ngăn, bàn lùi vì cho rằng như thế quá mạo hiểm. Nhưng tôi vẫn quyết tâm vay để làm, vì tin rằng đây sẽ là cơ hội giúp tôi thoát nghèo, vươn lên làm giàu" - anh Cường tâm sự.

Được ngân hàng tạo điều kiện cho vay vốn sản xuất, anh Cường tiếp tục cải tạo ao đầm, đắp bờ vùng bờ thửa, mua máy bơm, xây dựng hệ thống tưới tiêu phục vụ cho việc nuôi tôm. Đến năm 2004, diện tích nuôi tôm của gia đình anh đạt gần 1,3 ha (gồm 3 ao nuôi). Ao nào cũng được anh đầu tư máy quạt nước, góp phần tăng sản lượng và chất lượng tôm nuôi. Nhờ đầu tư bài bản, đồng bộ cả về cơ sở vật

chất và kỹ thuật chăn nuôi, nên vụ tôm thứ hai gia đình anh đã "thắng" lớn. Anh thu về 1,7 tấn tôm, trị giá 119 triệu đồng. Trừ chi phí, anh thu lãi 50 - 60 chục triệu đồng, cao gấp 3 - 4 lần so với thả cá, trồng lúa trong khi thời gian nuôi chỉ mất 6 - 7 tháng (bắt đầu từ tháng 4 đến tháng 10, tháng 11). "Thấy hiệu quả cao, nên tôi mê lắm và quyết định chọn tôm càng xanh làm con nuôi chủ lực trong mô hình sản xuất của gia đình." Quả thật, qua 4 vụ thu hoạch, lợi nhuận từ con tôm càng xanh mang lại không những giúp gia đình anh trả hết tiền vay ngân hàng mà còn tạo điều kiện cho vợ chồng anh có bát ăn bát để. Nhờ nuôi tôm càng xanh, vợ chồng anh đã sắm được ti vi, đầu đĩa, xe máy, laptop thoại. Các con anh được gửi lên học ở thị xã Phủ Lý.

Dẫn chúng tôi đi thăm quan khu đất nhận khi vào Đống Cỏ, anh Cường giới thiệu tỉ mỉ về mô hình sản xuất của gia đình. Quả thực, "có mắt thấy, tai nghe" mới hiểu được vì sao sản xuất đa canh lại giúp gia đình anh vươn lên làm giàu. Cả khu đất rộng gần 2 ha được anh đầu tư quy hoạch thành từng khu riêng nuôi tôm và xây chuồng trại chăn nuôi bò sữa, lợn, gà, vịt. Bờ ngăn cách giữa ao và chuồng trại được anh đắp to để trồng cây ăn quả. Hiện nay, với đàn bò sữa 4 con, đàn lợn 50 con, đàn gà hàng trăm con và 3 hồ tôm, gia đình anh thu khoảng 200 triệu đồng/năm. Anh Cường cho biết: "Trong thời gian tới, để nâng cao thu nhập, bên cạnh tôm càng xanh, gia đình anh sẽ nuôi thêm cá



Đàn bò của gia đình anh Cường

Ảnh: Chu Việt Luar

chép lai và trồng cây cảnh, vì đây là những sản phẩm có giá trị kinh tế. thị trường có nhu cầu tiêu thụ mạnh".

Học tập mô hình sản xuất của gia đình anh Cường, nhiều hộ nông dân ở Hà Nam đã đưa tôm càng xanh vào mô hình sản xuất của mình. Hiện nay, với sự hỗ trợ của tỉnh và trung tâm khuyến nông, phong trào nuôi tôm càng xanh trên địa bàn tỉnh ngày càng phát triển mạnh mẽ. Trong 2 năm trở lại đây, mô hình tôm càng xanh đã trở thành điểm sáng kinh tế trong quá trình chuyển đổi mô hình sản xuất, vươn lên làm giàu của người dân vùng đồng ruộng.

Là người đi tiên phong, có lẽ anh Cường là người hạnh phúc hơn cả vì những trăn trở, quyết tâm và sự năng động, sáng tạo trong cách nghĩ cách làm của anh đã được thực tế khẳng định và được mọi người ghi nhận. Bao công sức cố gắng của anh, giờ đây đã chất chiu thành những giọt mật ngọt dâng đời.

Nàn lại với gia đình anh trong bữa cơm chiều thân mật.

chia sẻ với anh suy nghĩ đó trong khi thưởng thức vị thịt ngọt chắc của tôm càng xanh, chúng tôi chỉ nhận lại từ anh tiếng cười vô tư, hồn hậu: "Chẳng có gì to tát đâu. Suy nghĩ của mình đơn giản là đã quyết tâm thì phải làm cho đến nơi đến chốn và phải làm cho thật tốt. Khi thành công thì rủ mọi người cùng làm, vì họ đều là anh em bạn bè". Câu nói thật giản dị, nhưng đã cho chúng tôi thấy được tấm lòng luôn hướng về quê hương, bạn bè của anh - người trai Đống Sơn, người đã có công "se duyên" tôm càng xanh về với miền đất trũng Hà Nam.

Chia tay anh Cường và mô hình kinh tế của gia đình anh, ngoảnh nhìn lẫn nữa khu Đống Sơn xanh mượt một màu xanh của lúa, của ngô, lắng tai nghe tiếng máy quạt nước từ những ruộng tôm vọng lại, trong tôi bỗng rộn lên niềm tin: với những con người năng động, dám nghĩ dám làm như anh Cường, mảnh đất Hà Nam sẽ có thêm nhiều gia đình nông dân nữa thoát khỏi đói nghèo, vươn lên làm giàu, góp phần đưa nền kinh tế nông nghiệp Hà Nam ngày càng khởi sắc.

INTRODUCE GIANT FRESH WATER PRAWNS

Dinh Tri Cuong (Khu Phong commune, Kim Bang district) was the first to raise giant freshwater prawns - the unprecedented-bred aquatic breed in Ha Nam - in 2000 at the provincial launching of the policy prompting the shift of low-lying and poor efficiency land into polyculture. The "attachment" between giant freshwater prawns and the low-lying land "with surprising effect opened the new avenue for local residents.

To see "with my own eyes" Kim Bang farmers with service of popularising such prawns in the low-lying field, also the example for lucrative economic performance from (at the introduction of Provincial Party Secretary Tang Van Pha), we visited Mr. Cuong's house in Dong Son, Kha Phong commune. Looking well built, flexible with lovely smile, he was cheerful, receiving us like far-away friends, who often visit him and learn experience. Time went by and his



Dinh Tri Cuong, who introduces giant freshwater prawns in the low-lying land

Foto: Chu Viet Luan

story promptly became impressive and vivid, especially when he was engrossed about his business, production and stories about shrimps, etc. We were taken in by his way of making livelihood and then making fortune.

The young Party member set to escape poverty

Born in 1964 in Kha Phong commune, Kim Bang district, Ha Nam province, Dinh Tri Cuong is the third in a 06 children family. His father is a teacher and his mother is a peasant. A large family often faces difficulties in life, definitely. At the wake of drought or poor harvests, the family with 08 members lived on his father's State subsidiary of 13 kg of rice. Hence, the 06 children did not have chances to go to school properly. Cuong, himself, just only left school as finishing his grade 6 to help his parents bring up his brothers. Hardship hit childhood was eventually over. He joined the army in 1985 and his garrison was set up in Ha Bac (former). He did not mind harshness to study and train. Consequently, he was co-opted into the Party at the complete age of 23. In 1988, he was stepped out of the army, returned homeland and worked as the plan official in the local Industrial Stimulation and Agriculture Co-operative. He was later elected vice chairman and then chairman of the co-operative. In October 2000, he was elected vice chairman in charge of economy of Kha Phong.

He said: "I got married in 1990 after taking over this post for 02 years. When I settled down to a married life, the commune authorities handed over us 1.152 sq.m low-lying field, vulnerable in both dry and rainy seasons." Fortunately, he was an agile and resourceful man. Not long later, he and his wife could afford the device preventing magnetic fields in field and make it suitable for rice growing. His family is purely engaged in farm work. Such life was made just easier due to the device. This was yet adequate to call "comfortable", however, "best" for the farmers, who live on the low-lying, in harshness all year round but still in need. Far from being content with the fact that toil labour is just enough for two meals a day, nonetheless, "what to do to escape the farmers from misery" always concerned him.

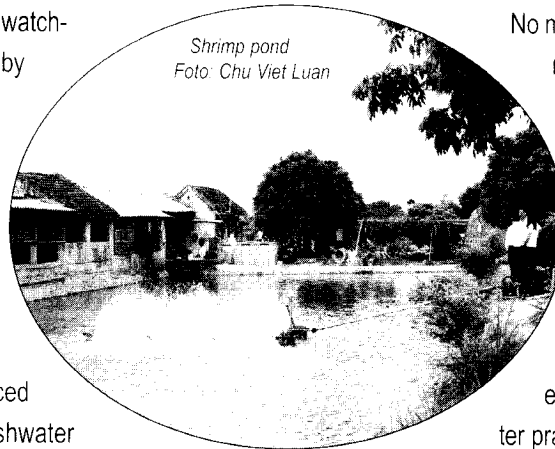
At the time, the province released the policy of handing land over the residents in districts and communes so that they could shift their futile production into polyculture in low-lying soil. He applied for two hectares in Dong Son to do economy. His idea was so devil-may-care because soil in Dong Son was poor and notorious for "sowing without reaping". Moreover, it was away from residential area, which was difficult to fulfil all production requirements. During the fifth month crop, the field often chaps fit to swallow human foot. Such harsh condition just gives no chance for having ample paddy grains, which are furthermore profoundly burnt by sunlight. During the tenth month crop, field is logged with water. "Grains above water are attacked by birds and those underwater vulnerable to fish". However, he was fully aware of this fact because he knew Dong Son clearly from his childhood when he often tended ducks and caught tiny shrimps. His decision is matched with actions, moreover, he said: "We are young, of good health. We must not fear difficulties and accept misery through lifetime. Besides, this is the province and district's policy. I am an official so I must act as an example."

There it went and he left his newly-built house in 1998 and moved to Dong Son with his wife, two children and his aforementioned device.

Arduous time

Five years left behind. Nonetheless, Cuong is often moved no matter when recalling his first lunar New Year in Dong Son. In that year, he poured all his savings into building house and purchasing equipment for production. Livestock tending and farm work yet fetched no fruits. Despite in difficulties, he did not dare to look for help from relatives because they dissuaded him from this work before. On the eve of the lunar New Year, there was not even a coin left in his house for a market. He felt unhappy as looking at the two children watching villagers back from market by his house. "Honestly, I had never pictured my life could be that harsh", said Cuong.

Probably, such miserable time forged in him the "robust" resolve with opportunity for fortune. Finally, chances came. Kha Phong was introduced with the project of giant freshwater prawns in 2000. Realising that this kind of aquatic animal could fit the natural conditions of the low-lying topography frequented with ponds and low-lying fields like Dong Son. So, he boldly called for some of his friends and joined money for hope of getting rid of poverty from shrimps although he was not really experienced at the time. Unluckily, they all refused because this type of work had been never ever before adopted in the commune, district, even province and the result was uncertain. He again was living with his decision alone. Encouraged by his wife, Cuong made up his mind and took over 04 more acres. He had saved VND20 million before and now he spent it on hiring workers to dig ponds and buy baby shrimps. Time went by with hardship and travel up and down. At last, he managed to have giant freshwater prawns in his ponds. Extremely happy! He said: "but worry is twice more than happiness because of little experience in raising shrimps, there was no choice but accepting pains in this job."



Thus, he was engrossed in shrimp ponds everyday after finishing his work for the commune. He learned whether pond water was in line with standard, picked up some shrimps to learn whether they had enough air to breathe, enough food to eat, etc. He took care of them in the way a mother takes care of her first baby, carefully and times clumsily due to lack of experience. Shortly aware of this shortcoming, he often came to the district's agriculture promotion station and province's agriculture promotion centre and had technical staffs teaching him the techniques.

No matter when he had a piece of news relative to giant freshwater prawns, he took note carefully and legibly to study later. Moreover, he did not mind long road and busy work to visit people that are more experienced. Little by little, he equipped himself with a considerable store of experience in raising giant freshwater prawns.

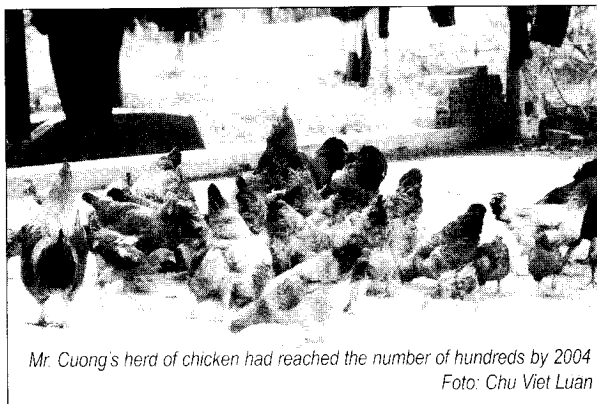
Honey paid for devoted efforts

His efforts were not betrayed. The first harvest in 2000 just broke even. He said that was really a success, which revealed the "agreement" of shrimps to stay in this land. This suggested the right time for his business, too. Holding fast to the chance, Cuong decided to take out VND50 million bank-loan and invested in shrimp raising. "When learning I was due to take out a loan worth VND50 million for this job, many people advised me not and argued me out of this job, saying that was too risky. Anyway, I was set to do this and believed it like a chance to erase poverty and do rich," said Cuong.

Facilitated to take out bank loans, Cuong kept on improving his ponds, embanking the fields, buying pumps and setting up the irrigation system for his work to go easier. By 2004, the area of raising shrimps was approximately 1.3 hectares (including 03 ponds). All of

such ponds were equipped with water-blowers, which helped increase the output and quality of bred shrimps. As result of right and synchronous investment in both facilities and techniques, the second harvest was considered the "tremendous victory". He collected 1.7 tonnes of fresh shrimps worth VND119 million. He made a profit of VND50-60 million out of such harvest after excluding expenses. Such sum was 03-04 times higher than raising fish or growing rice and it took just 6-7 months to complete (from April to October, November). "Tasting the high efficiency, I was extremely interested in this job and made up my mind to have the giant freshwater prawns as the key factor in this work." Truly, profit earned from the four harvests of giant freshwater prawns enabled his family to pay off bank loans and to live in plenty. This job also afforded his family to buy TV, video player, motorbike and telephone set. His children were able to learn in school in Phu Ly Town.

Showing us around the plot of land leading to Dong Co, Cuong detailed his production model. Honestly, "seeing with my own eyes" helped us fully learn why polyculture could bring fortune to his family. The entire plot of land spanning over nearly 02 hectares was divided into specific sections for breeding shrimps and building coops to tend diaries, pigs, hen and ducks. The banks separating ponds and coops were left wide and planted with fruit trees. His family could now earn VND200 million/year from 04 diaries, 50 pigs, hundreds of hen and 03 ponds



Mr. Cuong's herd of chicken had reached the number of hundreds by 2004
Foto: Chu Viet Luan

raising prawns. He said: "In up coming time, aside from giant freshwater prawns, we will release hybrid carps, plant ornamental trees to earn more because these are economically benefit products and enjoy growing demand on market."

Following his models, many local families have adopted such prawns. Currently, leg-up from the provincial policies and agriculture promotion centre boosted the movement. In the last 02 years, such model has been in the economic limelight out of the production shifting process and efforts to making fortune by the residents in the low-lying land.

Being the pioneer, Cuong is probably the happiest man of all people because his concerns, resolve and creativeness in thinking and action has been proved right in the reality and acknowledged by many people. His painstaking attempts have been now paid off and served as honey sweetening life.

Prolonging my home-stay in his family to enjoy the friendly dinner and for a chance to share his opinion as tasting the sweet and tightly-twisted shrimp meat, we just enjoyed his warm-hearted smile at ease: "Not something considerable. My opinion is that once we have set in our way, we should spare no efforts to realise specified thing carefully and adequately. If success comes, then we should encourage others to join because we are all brothers and friends." His simple words revealed his heart and feeling always thinking for his homeland and friends. He, man residing in Dong Son is of the credit of "laying love between giant freshwater shrimps and the low-lying land in Ha Nam.

Saying goodbye to Cuong and his business, there just crossed in my heart a belief as once again turning my head back at the Dong Son covered with the greenness of rice, maize and catching the sound of water-blowers from shrimp ponds. Such belief is that men dynamic and go-getting like Cuong will help reduce the number of poor families in Ha Nam and increase the number of wealthy families. This would in turn boom the local economy.

MỘT SỐ LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG Ở HÀ NAM:

PHÁT TRIỂN CÙNG THỜI GIAY

Nằm trong vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, Hà Nam nổi tiếng có nhiều làng nghề truyền thống độc đáo như: trồng Đọi Tam, dưa An Đô, thêu ren Thanh Hà, dệt Nha Xá,... Trải qua hàng trăm năm tồn tại, lúc thịnh lúc suy, các làng nghề này vẫn được duy trì và phát triển. Thậm chí, nhiều làng nghề còn trở nên hưng thịnh hơn bao giờ hết. Điều đó đã khẳng định sức sống bền bỉ của các làng nghề truyền thống Hà Nam.

1. Gốm son Quyết Thành

Để tìm được món quà ý nghĩa dành cho người thân nhân chuyên công tác ở Hà Nam, chúng tôi tìm đến thôn Quyết Thành, thị trấn Quế. Dọc theo con đê uốn mình quanh co bên những ngôi nhà kề nhau san sát, chúng tôi đến nhà bác Lê Ngọc Sơn - một nghệ nhân gắn bó lâu năm với nghề gốm. Phơi mình trên khoảng sân rộng, dưới ánh nắng tươi vàng của buổi chiều mùa thu, những bộ bình trà, ấm chén cứ rộ lên sắc đỏ đậm thắm. Bác Sơn cho biết: "Hiện nay, Hợp tác xã Quyết Thành đang nỗ lực phát triển nghề làm gốm và quảng bá rộng rãi sản phẩm gốm son trên thị trường. Mỗi năm, hợp tác xã thu hút hàng trăm lao động trong thôn".

1.1. Tán mạn nghề gốm son

Nghề làm gốm ở thôn Quyết Thành ra đời từ bao giờ không ai còn nhớ. Chỉ biết rằng, từ trước năm 1945, gốm

Bao đời nay, gốm son luôn là niềm tự hào của người dân thôn Quyết Thành, thị trấn Quế, huyện Kim Bảng. Với vẻ đẹp đặc trưng mang giá trị văn hoá truyền thống, gốm son thực sự là món quà quý dành tặng cho mảnh đất và con người nơi đây.



Gốm son Quyết Thành ngày càng được khách hàng ưa chuộng
Ảnh: Hoàng Tân

son đã nằm trong số những mặt hàng giá trị được người Pháp đưa về nước. Những người già trong thôn kể lại rằng, cách đây khoảng 500 - 700 năm, nghề gốm đã thịnh hành ở thị trấn Quế. Sản phẩm gốm son đã từng theo những chuyến xe rong ruổi của người dân Quyết Thành và trở thành mặt hàng khá quen thuộc với nhân dân các vùng lân cận. Cứ thế, đời nọ nối truyền đời kia, niềm đam mê làm gốm đã ăn sâu vào máu thịt của người dân nơi đây tự khi nào không hay.

Để giúp chúng tôi hiểu hơn về công việc của người làm gốm, anh Trần Văn Pha đã đưa chúng tôi xuống tận các lò sản xuất. Trong không gian ẩm nóng với những lò lửa đỏ rực của xưởng gốm đang hoạt động hết công suất, hơn chục con người đang miệt mài bên những sản phẩm còn dở dang. Ngoài sân, những tảng đất sét vàng ẩm ướt đang nằm đợi đến lúc được bàn tay người thợ nhào nặn, vào khuôn. Chúng tôi như bị cuốn vào bầu không khí bận rộn và nhiệt tình của buổi lao động thường nhật ấy. Điềm thu hút ánh mắt háo hức, tò mò của chúng tôi là hình ảnh một nghệ nhân đang cúi mình bên chiếc bàn xoay. Dường như chị đang thanh thản thả hồn vào từng đóa đất mềm và say mê đến độ đôi mắt chị lúc ấy, thế giới chỉ còn một mình chị và những "đứa con tinh thần bằng đất". Với động tác nhanh thoăn thoắt, đều đặn, chị đã biến khối đất vô tri vô giác trở nên hình, nên dáng trong vài phút ngắn ngủi. Bằng giọng nói pha chút ngại ngùng, chị thổ lộ: "Nghề làm gốm giúp tôi tăng thu nhập mỗi tháng. Tuy nhiên, tôi theo đuổi nghề không hẳn vì lợi ích kinh tế mà vì niềm đam mê đã ăn sâu trong tiềm thức của tôi".

Theo anh Trần Văn Pha - cán bộ thôn Quyết Thắng, trước đây ở Quyết Thành từng có một ngôi đình lưu giữ gia phả ghi rõ nguồn gốc, tên tuổi ông tổ làng nghề gốm son. Nhưng cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp đã tàn phá hết những dấu tích cuối cùng. Song không vì thế mà tình yêu nghề và tâm nguyện muốn gìn giữ, phát huy những giá trị tinh hoa của quê hương trong lớp lớp thế hệ con cháu trong thôn bị phai mờ! Trái lại, nghề làm gốm ở Quyết Thành vẫn luôn tồn tại bền bỉ trước thời gian và những biến cố lịch sử. Giai đoạn 1959 - 1960, cả thôn có khoảng 50 lò gốm hoạt động, đốt lửa đỏ rực quanh năm.

Không giống với nhiều sản phẩm thủ công mỹ nghệ khác, gốm son không vội vã thuyết phục người xem bằng vẻ đẹp hào nhoáng ngay từ ban đầu. Nhưng càng nhìn lâu, người ta càng cảm nhận rõ vẻ đẹp vừa dung dị, vừa sang trọng của nó. Vì lẽ đó, gốm son có thể đặt ở nhiều không gian khác nhau: trong phòng khách rộng, sang trọng với những đồ trang trí hiện đại hay ở phòng trà ấm cúng giữa

những vật dụng mộc mạc, đơn giản. Chỉ cần gia chủ tinh tế, khéo léo trong cách bài trí, tự gốm son sẽ tìm được sự hoà hợp tự nhiên với bất kỳ không gian nào. Phải chăng nhờ đó mà gốm son không đơn điệu và luôn ẩn chứa vẻ đẹp sâu lắng rất khó diễn tả thành lời. Cho nên, mỗi người thường cảm nhận, thưởng thức gốm son theo một "gu" thẩm mỹ và nguồn cảm hứng khác nhau.

Để tạo ra sản phẩm như ý muốn, các nghệ nhân phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình và kỹ thuật làm gốm truyền thống. Nguyên liệu đất sét vàng đem phơi khô, cho vào hệ thống thấm nước, lọc bỏ tạp chất để lấy đất tinh, sau đó cô đặc lại rồi mới đưa vào tạo hình dáng. Sản phẩm gốm son dù không kết hợp với hoá chất và men, nhưng vẫn tự lên màu đỏ thắm nhờ cách thức xử lý nhiệt độ của các nghệ nhân. Dưới bàn tay lành nghề và đầy cảm hứng của người thợ, những viên đất thô mộc bỗng chốc trở thành những vật dụng có màu sắc, đường nét hoa văn tinh xảo, mô phỏng những cảnh sắc thiên nhiên sinh động, những loài vật gần gũi với cuộc sống con người. Đó là bình vôi có dây trầu uốn quanh mềm mại, hũ rượu có những chú rắn vươn cổ đan thân vào nhau, chim đại bàng oai hùng tung cánh, cảnh hoa mai vươn nở kiêu hãnh,... Dường như, nghệ nhân không chỉ thổi hồn vào các sản phẩm gốm son mà còn truyền cả bản sắc văn hoá dân gian đầy hơi thở tinh khiết và thiêng liêng vào đó. Thế nên, mỗi đường nét, cảnh vật đều trở nên giàu thần sắc đến kỳ lạ! Đặc biệt, với lượng nitrat bạc vừa đủ, các ấm trà, chén nước không chỉ tạo cảm giác ngon miệng mà còn có tác dụng khử độc tố khi thưởng thức. Vì thế, không khó hiểu khi ngày càng nhiều khách hàng ngoại quốc, người thành thị tìm về với gốm son.

1.2. Hành trình khẳng định thương hiệu

Trải qua những thăng trầm của lịch sử, nghề gốm son không tránh khỏi những giai đoạn bị chìm lắng. Song vượt qua tất cả, đến những năm 1990 - 1991, khi sản phẩm của nhiều làng nghề truyền thống trong nước đang chao đảo tại thị trường Đông Âu, thì gốm son lại tìm được hướng phát triển để "kịp thời" có mặt ở thị trường trong nước và quốc tế.

Hiện nay, cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường, gốm sơn đang được xem là hàng hoá có giá trị kinh tế cao, trở thành nguồn thu nhập chủ yếu đối với nhiều người. Mỗi năm, Hợp tác xã Quyết Thành xuất ra thị trường khoảng 150 nghìn sản phẩm, giúp người lao động tăng thu nhập và cải thiện đời sống (bình quân 450 - 500 nghìn đồng/người/tháng). So với sản phẩm thủ công mây, giang đan, giá thành của gốm sơn cao hơn nhiều. Thế mà, sản phẩm gốm làm đến đâu được tiêu thụ ngay đến đó, thậm chí nhiều khi không đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng. Nếu trước đây kỹ thuật làm gốm chỉ dựa đơn thuần vào đồng tác thủ công, thì nay nhờ có sự "can thiệp" của yếu tố thiết bị cơ khí, năng suất đã tăng gấp nhiều lần. Việc thiết kế, sáng tạo các chủng loại sản phẩm ngày càng được quan tâm nhiều hơn. "Hữu xạ tự nhiên hương", nhiều năm trở lại đây, khách hàng khắp nơi đã về với Quyết Thành. Họ tìm đến các lò gốm để được "mắt thấy, tai nghe", để mua cho kỳ được những bình trà, lọ hoa, bộ ấm chén, bình đựng vôi, hũ rượu... ngay tại xưởng sản xuất. Nhiều khách hàng tham gia thiết kế mẫu mã theo ý tưởng riêng, rồi đặt mua sản phẩm đó. Hiện nay, gốm sơn Quyết Thành đã có mặt tại các thị trường Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, Mỹ,... (chiếm 40% tổng sản lượng tiêu thụ) và nhiều tỉnh, thành trong cả nước (chiếm 60%).

Không chỉ khẳng định vị thế trên thị trường, gốm sơn còn góp mặt tại các hội chợ triển lãm công nghiệp và Festival Huế. Năm 2003, sản phẩm gốm sơn đạt giải thưởng tại Triển lãm hàng công nghiệp Việt Nam. Năm 2004, gốm sơn đạt danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao và giải tinh hoa tại Festival Huế. Những giải thưởng đáng tự hào đó đã góp phần khích lệ các nghệ nhân liên tục tạo ra nhiều sản phẩm làm đẹp cho đời.

Tuy nhiên, Hợp tác xã Quyết Thành đang phải đối mặt với "nguy cơ" bị đánh cắp thương hiệu do sản phẩm gốm sơn chưa thể xuất khẩu trực tiếp. Hiện nay, sản phẩm gốm sơn vẫn phải xuất khẩu uỷ thác thông qua một số công ty xuất nhập khẩu ở Hà Nội, Hà Tây, Nam Định, gốm sứ Bát Tràng. Bởi vậy, Hợp tác xã Quyết Thành rất mong nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện của tỉnh Hà Nam trong vấn đề này.

Trong tương lai, Hợp tác xã Quyết Thành sẽ mở rộng

quy mô sản xuất và đầu tư hệ thống lò nung. Các nghệ nhân sẽ sáng tạo thêm nhiều mẫu mã mới, phong phú và đa dạng để không ngừng thoả mãn thị hiếu của khách hàng. Việc xây dựng, phát triển đội ngũ lao động giỏi và cải tiến trang thiết bị cũng là chiến lược quan trọng giúp hợp tác xã tăng năng suất sản phẩm, đáp ứng tốt nhất nhu cầu khách hàng; tiếp tục mở rộng thị trường truyền thống nhưng không ngừng tìm kiếm, chinh phục thị trường mới, đó là mục đích vươn tới của gốm sơn Quyết Thành.

Nhìn từng động tác thận trọng, nâng niu của bác Lê Ngọc Sơn khi đóng gói sản phẩm, chúng tôi cảm nhận được phần nào niềm tự hào và niềm vui của những nghệ nhân làng nghề. Cũng như bao con người đang sinh sống trên mảnh đất giàu truyền thống này, mong muốn lớn nhất của bác Sơn là làm sao để nghề gốm sơn không bao giờ bị mất đi. Bởi rằng, từ lâu gốm sơn không đơn thuần chỉ là những sản phẩm làm từ đất sét vàng mà đã trở thành biểu tượng về cuộc sống bền gan, nhiệt huyết của người dân nơi đây. Tạm biệt thị trấn Quế yên bình và nông hậu, trong tôi dường như đã cảm nhận rõ điều mà các nghệ nhân gửi gắm vào mỗi sản phẩm gốm: đó là niềm tin màu đỏ son luôn mang lại cho con người sự may mắn và hạnh phúc.

2. Làng trống Đọi Tam

Làng Đọi Tam (xã Đọi Sơn, huyện Duy Tiên) có nghề làm trống từ hơn 1.000 năm nay. Ông tổ nghề là Nguyễn Đức Năng và Nguyễn Đức Bản.



Sản phẩm trống của làng Đọi Tam

Nghề làm trống của Đọi Tam nổi tiếng khắp nơi. Thợ của làng có mặt ở mọi miền đất nước. Do là nghề cha truyền con nối, nên kỹ thuật làm trống chỉ được truyền cho con trai (vì sợ bị thất truyền). Trước kia, con trai làng Đọi Tam khoảng 12, 13 tuổi đã được dạy làm các loại trống nhỏ. Đến năm 16, 17 tuổi đã có thể theo cha, anh đi làm trống đại. Trống sấm chỉ dành cho người đàn ông khỏe mạnh, có kinh nghiệm và kỹ thuật điêu luyện làm. Theo các nghệ nhân của làng, để làm một chiếc trống phải qua ba bước: làm da, làm tang và bung trống. Da được chọn phải là da của con trâu cái, đem bào hết lớp màng, ngâm nước khử mùi chống thối rồi phơi khô. Lớp da ngoài được dung làm trống to, lớp da dưới dùng làm trống cho trẻ. Gỗ làm tang trống chủ yếu là gỗ mít - loại gỗ dẻo, mềm, không bị cong vênh, nứt vỡ, hơn nữa "gỗ mít đánh ít kêu nhiều". Gỗ được cắt thành nhiều khúc, sau đó pha thành từng "dăm". Tùy theo kích cỡ của trống mới định ra được bao nhiêu "dăm", cũng như độ cong và độ dẻo của dăm gỗ để khi ghép thành thân trống vừa khít, không có kẽ hở. Ngoài ra, để cho trống thật kín, người ta còn dùng sơn ta miết vào các khe, cứ một lớp sơn lại có một lớp vải mành. Cuối cùng là bung trống. Da trâu được quây tròn căng hết cỡ trên mặt trống, rồi đóng cố định vào thân trống bằng đinh chốt (đinh chốt được làm từ vầu

Thợ làng Đọi Tam có thể làm đủ các loại trống: trống dùng trong đình chùa, trống chèo, trống trường, trống Trung thu.... Trước kia, vào dịp Trung thu, thợ làng làm hơn 2 vạn chiếc đem bán ở mọi miền đất nước.

Tương truyền năm 986, được tin vua Lê Đại Hành về làng cấy ruộng tịch điền khuyến nông, hai anh em Nguyễn Đức Năng, Nguyễn Đức Bản đã làm một cái trống to để đón vua. Tiếng trống vang như sấm rền nên về sau hai ông được dân làng tôn là Trạng Sấm, ông tổ nghề.

hoặc tre già). Dùi trống làm bằng gỗ xoan, cầu kỳ hơn thì dùng gỗ gụ, gỗ dổi.

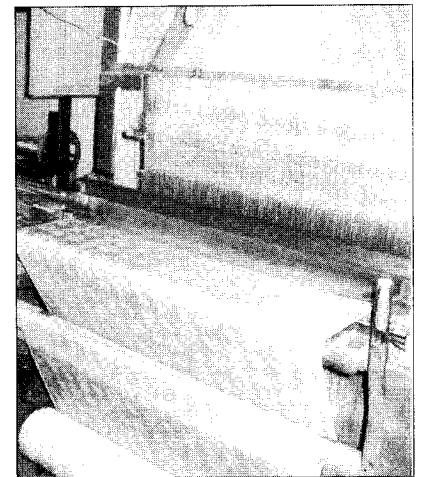
Trống Đọi Tam nổi tiếng bền, đẹp, nhờ bí quyết riêng cùng tinh thần trách nhiệm của người thợ. Ngay cả những lúc khó khăn, thiếu thốn, Đọi Tam vẫn duy trì được nghề nhờ truyền thống tương trợ, giúp đỡ nhau giữa các gia đình làm trống trong làng. Ngày nay, các nghệ nhân ở Đọi Tam đang ra sức bảo tồn nghề truyền thống của cha ông. Nhiều gia đình vẫn lấy nghề làm trống là nghề chính. Thậm chí, cuộc sống của nhiều gia đình đã khá giả và sung túc hơn nhờ nghề làm trống.

3. Làng dệt Nha Xá

Làng Nha Xá (xã Mộc Nam, huyện Duy Tiên) nằm bên bờ sông Hồng, tại vùng trồng dâu nổi tiếng của huyện Duy Tiên, từ lâu đã có nghề dệt lụa truyền thống nổi tiếng.

Nếu so sánh với lụa Hà Đông thì tiếng tăm của sản phẩm vải, lụa Nha Xá cũng chẳng chịu "thua chi kém em" là mấy. Từ đầu thế kỷ XVIII, các lái buôn hàng lụa thị trường Sài Gòn - Chợ Lớn đã tin nhiệm những súc tơ lụa Nha Xá non bóng, mượt mà. Trải qua thời gian, người làng Nha Xá vẫn duy trì nghề dệt truyền thống của ông cha. Khi đất nước chuyển sang cơ chế thị trường, khung dệt được chia về từng gia đình, làng dệt Nha Xá đã đầu tư hơn 200 triệu đồng (năm 1993) để xây dựng lưới điện mới. Có điện, làng dệt phát triển ngày càng nhộn nhịp, góp phần tăng năng suất lên gấp đôi và mở rộng khổ vải, lụa, từ 0,3 - 0,8 mét lên 1 - 2 mét.

Hiện nay, làng dệt Nha Xá có 500 khung dệt, công suất 0,9 - 01 triệu mét lụa/năm. Nhiều



Sản phẩm lụa hoa của làng dệt Nha Xá

hộ gia đình đóng lao động, tổ chức sản xuất hợp lý có 2 - 3 máy dệt trong nhà. Những gia đình này thường khép kín các công đoạn sản xuất từ mua nguyên liệu đến bán thành phẩm. Thị trường là những đô thị lớn như Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh.

Tuy gặp không ít khó khăn về vốn sản xuất và đầu ra cho sản phẩm, song quy mô sản xuất của làng dệt Nha Xá đang được mở rộng theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hóa. Nhiều gia đình tiếp tục đóng thêm máy dệt, hoặc đầu tư thay khung gỗ bằng khung sắt để làm ăn lâu dài. Bên cạnh vải lụa - mặt hàng truyền thống, nhiều sản phẩm mới đã ra đời như: dũi, tơ se, lụa hoa, lanh,... Chất lượng, mẫu mã sản phẩm tiếp tục được nâng cao khiến các sản phẩm dệt Nha Xá không chỉ được ưa chuộng trong nước mà còn vươn ra thị trường châu Âu, châu Mỹ, Nhật Bản,... Từ Nha Xá, nghề dệt đã lan rộng đến các xã Lảnh Trì, Chuyên Ngoại, Hoà Mạc, Đồng Văn,... tạo việc làm và thu nhập cho hàng trăm gia đình trong và ngoài địa phương.

4. Làng nghề mây tre đan Ngọc Động

Làng Ngọc Động (xã Hoàng Đông, huyện Duy Tiên) từ lâu đã có nghề mây tre đan truyền thống. Khi chuyển đổi cơ chế, nghề mây tre đan ở Ngọc Động gặp không ít khó khăn do không có thị trường tiêu thụ. Song lớp thợ Ngọc Động đã tìm cách nâng cao chất lượng, cải tiến mẫu mã, tìm kiếm thị trường mới (các nước Tây Âu và các nước Đông Nam Á). Nhờ vậy, làng nghề đã trụ vững và đi lên.

Lúc mới làm nghề, người dân Ngọc Động chủ yếu sản xuất ghế mây. Sản phẩm này ngay lập tức được người tiêu dùng chấp nhận và đặt mua ngày càng nhiều bởi mẫu mã đẹp, lại phù hợp với khí hậu nhiệt đới. Tiếng tăm của sản

phẩm vang xa. Đại sứ quán Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên cũng về tận Ngọc Động đặt mua một bộ salon cho Chủ tịch Kim Nhật Thành.

Bước sang cơ chế thị trường, trong khi nhiều làng nghề truyền thống gặp không ít khó khăn thì nghề mây tre đan ở đây lại phát triển mạnh. Hiện nay, ở Ngọc Động, mô hình sản xuất theo kinh tế hộ gia đình chiếm ưu thế. Các sản phẩm chủ yếu của làng là hàng mây, giang, mỹ nghệ xuất khẩu với các mặt hàng bát, đĩa, khay, lọ hoa, lọ độc bình, lẵng hoa,... Thậm chí có những lọ độc bình cao đến 1.8 m, giá xuất xưởng khoảng 500 nghìn đồng.

Bên cạnh sự phát triển nhanh chóng vẫn còn những nỗi lo về ô nhiễm môi trường, về hoạ hoạn do qua trình sản xuất gây ra. Ngọc Động mong muốn các cấp, các ngành có biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường và hạn chế thấp nhất hoạ hoạn có thể xảy ra. Được như vậy, những người

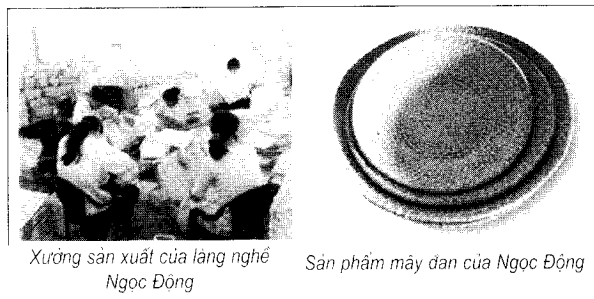
Nghề mây tre đan có ưu điểm: vốn ít (300 - 500 nghìn đồng là tạm đủ cho một hộ 4 người sản xuất), tận dụng được lao động phụ (đặc biệt là trẻ em và người già), thu nhập khá (thợ kỹ thuật bậc cao khoảng 25 - 30 nghìn đồng/ngày, lao động phổ thông đạt 10 - 15 nghìn đồng/ngày).

dân của Ngọc Động sẽ có điều kiện đóng góp nhiều hơn cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

5. Làng thêu ren Thanh Hà

Với 2.002 hộ làm nghề thêu ren (chiếm 76,2% số hộ) với 5.740 lao động tham gia, Thanh Hà trở thành xã có số hộ và số lao động làm nghề thêu ren nhiều nhất tỉnh

Hòa bình lập lại (năm 1954), nghề thêu ren được truyền dạy rộng rãi, sản xuất không ngừng phát triển. Từ năm 1975 đến năm 1989 là thời gian thịnh vượng của làng nghề: các sản phẩm đa dạng không chỉ phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng trong nước mà còn xuất khẩu sang Liên Xô (trước đây) và các nước Đông Âu.



Xưởng sản xuất của làng nghề Ngọc Động

Sản phẩm mây đan của Ngọc Động

Hiện nay, làng nghề có hơn 5.000 khung thêu, 30 hộ có cơ thiết bị giặt là và in, ngoài ra còn có các dụng cụ khác như: kim, kim móc, dao, kéo. Các công đoạn của nghề thêu ren là chuẩn bị nguyên liệu, tạo mẫu, pha và in màu, thêu, giặt là, kiểm tra đóng gói và cuối cùng là tiêu thụ. Hiện nay, các công đoạn trên đều thực hiện bằng phương pháp thủ công

Nghề thêu ren có đặc điểm nguyên liệu ít tiêu hao, nhưng lao động kết tinh trong sản phẩm nhiều vì thế giá trị sản phẩm lớn. Tuy nhiên, giá cả của sản phẩm thêu lại phụ thuộc vào hai yếu tố: nguyên liệu và kiểu dáng, mẫu mã của sản phẩm có được khách hàng ưa chuộng hay không. Hiện nay, những mặt hàng đang được ưa chuộng là ga trải giường, gối, khăn trải bàn, ...

Từ năm 1990 đến năm 2004, làng thêu ren Thanh Hà gặp khó khăn về thị trường. Để phát triển làng nghề, người



Nghề thêu ren thu hút nhiều lao động địa phương

dân Thanh Hà đã không ngừng đầu tư cho công tác tiếp thị, nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến mẫu mã, đáp ứng yêu cầu của thị trường. Nhưng thiếu vốn sản xuất đã tác động không nhỏ đến quá trình phát triển của làng nghề. Hiện nay, ở Thanh Hà, nguồn vốn sản xuất tự có là chủ yếu. Vốn vay ngân hàng chủ yếu là ngắn hạn. Vốn trung hạn và dài hạn chưa được ngân hàng quan tâm cho vay trong khi nghề thêu ren xuất khẩu rất cần vốn, nhất là trong điều kiện khách hàng chủ yếu là "mua đứt, bán đoạn".

Hiện nay, những người thợ thêu ren Thanh Hà mong được Nhà nước và các cơ quan hữu quan ở địa phương có

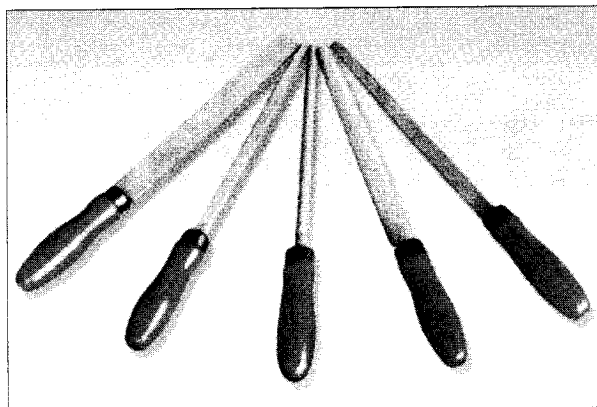
chính sách cho vay vốn ưu đãi đối với làng nghề, hỗ trợ đầu tư kinh phí cho đào tạo nghề, tích cực tìm kiếm thị trường tiêu thụ và có biện pháp hạn chế sự ép giá của các đơn vị trung gian xuất khẩu mặt hàng này.

6. Làng dũa An Đổ

Xã An Đổ (huyện Bình Lục) có nghề làm dũa - một nghề độc nhất vô nhị ở Việt Nam. Ngay từ những năm 1960 - 1964, 1976 - 1982, sản phẩm dũa An Đổ đã tạo được niềm tin đối với khách hàng trong nước và được xuất sang các nước Đông Âu, Lào, Campuchia, ... Sản phẩm dũa An Đổ gồm các loại dũa tam giác, dũa bán nguyệt, dũa vuông, dũa tròn, dũa chữ nhật, dũa dẹt, ... với hàng trăm chủng loại kích cỡ từ 01 mm đến 350 mm. Ngoài ra, những hộ làm dũa ở đây còn nhận làm dũa mỹ nghệ cho các công ty chạm khắc gỗ, kỹ nghệ vàng bạc; làm các loại dũa theo đơn đặt hàng đòi hỏi phải có tay nghề cao, kỹ thuật tối luyện khó.

Nguyên liệu làm dũa có 2 loại: một là thép cay dòn chủng Y12A của Liên Xô (trước đây), hai là các loại vòng bi đã hết hạn sử dụng. Dụng cụ để làm dũa khá đơn giản, gồm đe, búa, khuôn, dao băm, lò luyện, bệ rèn, dọi căng nạo (nay được thay bằng máy mài chạy điện), axit và xút để tẩy rỉa. Kỹ thuật làm dũa gồm 6 khâu cơ bản: tạo phôi, tạo mặt phẳng, tạo răng, tôi luyện, kiểm hóa và đóng gói.

Khâu đầu tiên là dùng lò rèn để xử lý nguyên liệu, tạo phôi bằng khuôn. Sau khi tạo phôi, pha màu mặt phẳng, tiếp đó là công đoạn băm răng dũa. Công đoạn này được làm bằng phương pháp thủ công do băm răng dũa bằng tay thì gai sắc và gọn hơn băm bằng máy. Khâu cuối cùng trong sản xuất dũa là tôi luyện, tạo độ cứng của dũa. Đây thực sự là bí quyết nghề nghiệp. Những người thợ lành nghề hoàn toàn tôi luyện dũa bằng kinh nghiệm của mắt - nhìn dũa chuyển màu để biết tôi luyện thế nào cho dũa cứng đủ độ, không non quá mà cũng không già quá. Hiện nay, mỗi gia đình làm dũa ở An Đổ đều chuyên sâu vào một công đoạn, nhờ vậy chất lượng sản phẩm ngày càng tốt hơn.

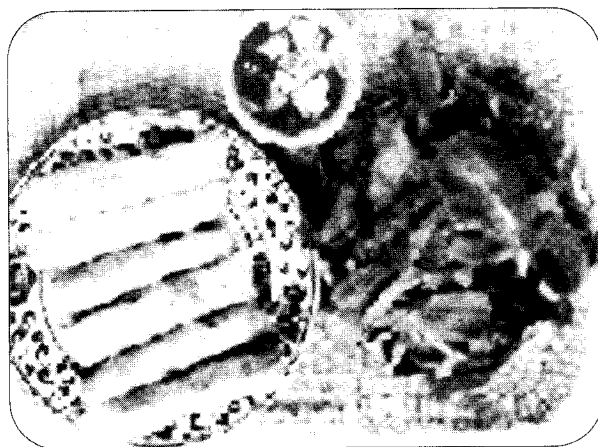


Sản phẩm dĩa An Đố

Trải qua gần 50 năm phát triển, nghề dĩa An Đố đang từng bước khẳng định uy tín trên thị trường, tăng thu nhập cho người lao động, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong sự nghiệp công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn Hà Nam.

7. Nghề làm bánh đa nem ở Nguyên Lý

Xã Nguyên Lý (huyện Lý Nhân) đất chật, người đông. Xã có 2 865 hộ và 11 858 nhân khẩu thì có đến hơn 400 hộ làm bánh đa với đủ các loại: bánh đa thái, bánh đa quạt, bánh đa nem, trong đó có khoảng hơn 100 hộ làm bánh đa nem đủ tiêu chuẩn xuất khẩu. Do nghề truyền thống, nên những người làm bánh đa đều có bí quyết riêng. Đó được xem như bí quyết gia truyền trong công



Dĩa nem cuộn hấp dần

thức pha chế bột sao cho đảm bảo tỷ lệ thích hợp với từng mùa trong năm. Ví thế, bánh đa nem của Nguyên Lý luôn giữ được chất lượng tốt: bánh có độ dẻo cao, trắng mềm mà không dính,...

Hiện nay, các lò sản xuất bánh đa nem ở Nguyên Lý hoạt động liên tục, tiêu thụ khoảng 4.000 kg gạo/ngày, tạo ra 3.200 kg sản phẩm đạt doanh thu khoảng hơn 25 triệu đồng/ngày, giải quyết việc làm cho hơn 1.500 lao động. Cùng với nghề làm bánh đa nem, các nghề xay xát, buôn bán thóc gạo, các dịch vụ cung cấp nguyên vật liệu, dụng cụ sản xuất cũng theo đó phát triển, nhất là ngành chăn nuôi.

Tuy nhiên, hiện nay, sản phẩm bánh đa nem Nguyên Lý gặp không ít khó khăn trong khâu tiêu thụ. Những người sản xuất ở đây cho biết: "Nếu mỗi hộ sản xuất, chế biến 10 kg gạo/ngày, thành phẩm đạt 6,4 kg bánh đa nem, giá bán 8.000 đồng/kg thì trừ mọi chi phí cũng chỉ thu lãi 10 nghìn đồng. Đó là chưa kể những lúc sản phẩm bán chậm, bị tồn đọng, phải bán với giá thấp hơn. Thêm nữa, vấn đề ô nhiễm môi trường đang đặt ra cho làng nghề bài toán khó".

Để tiếp tục phát triển làng nghề truyền thống, đồng thời hạn chế thấp nhất vấn đề ô nhiễm môi trường, các hộ gia đình, các cấp chính quyền huyện Lý Nhân, xã Nguyên Lý cần tìm giải pháp thích hợp cho làng nghề như: xây dựng khu tráng bánh tập trung, hoặc liên doanh các hộ với nhau xây dựng các lò tráng bánh có hệ thống ống khói đủ tiêu chuẩn,... tránh gây ô nhiễm môi trường.

Phát triển làng nghề là phát triển văn hóa dân tộc, đồng thời khai thác tiềm năng lao động, kỹ thuật, tiến vốn, vật tư nguyên liệu sẵn có ở nông thôn nhằm tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu. Không những thế, phát triển làng nghề còn góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn, giải quyết lao động dư thừa, từng bước xóa đói, giảm nghèo, cải thiện và nâng cao đời sống của đại đa số nông dân. Về Hà Nam hôm nay, chúng ta càng tin tưởng hơn ở lớp thợ mới đang đứng vững và tự khẳng định mình trong cơ chế mới và từng ngày tiếp thêm sức sống bền bỉ, mạnh liệt vượt thời gian cho các làng nghề.

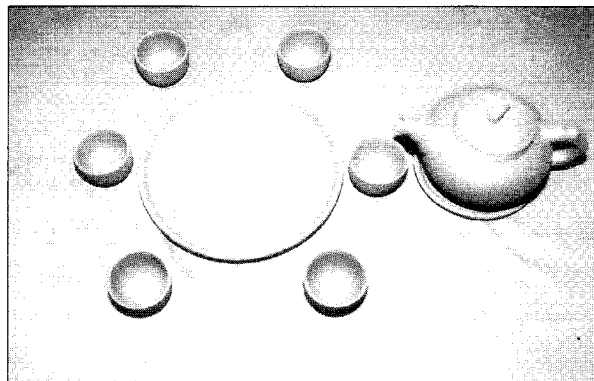
TRADITIONAL CRAFT VILLAGES IN HA NAM:

**GROWING AND EVERLASTING
LIKE TIME**

Ha Nam, situated in the Red River delta, is well-known for a large number of unique craft villages such as Doi Tam (making drums), Thanh Ha (embroidery), Nha Xa (weaving), An Do (making files), etc. Though having existed for hundreds of years, they have been surviving changes and sustaining robust development. Some of them are even showing their vigorous development more than ever. This reveals but their miraculous existence.

1. Quyet Thanh Pottery Vermilion

To have meaningful present for close persons in working visit to Ha Nam, we went to Quyet Thanh hamlet, Que township. Going along tortuous dam and houses the one next to other, we visited Mr. Le Ngoc Son - A craftsman attaching to pottery business for long time. Lying on large yard and radiant sunshine, teapot and tea-sets were shining with vermilion colour. "Currently, Quyet Thanh Cooperative does its best to develop this occupation and popularise pottery products in market. Annually, cooperative magnetises hundreds of local labourers" said Mr. Son.



Quyet Thanh pottery vermilion

Foto: Hoang Tan

1.1 Story of pottery vermilion

Pottery in Quyet Thanh hamlet came into the world for a long time. It was said that pottery vermilion, prior to 1945, were one of valuable things which French persons took to their home. As the story of elder persons in the hamlet, pottery, for 500-700 years ago, was very popular in Que township. The products accompanied with Quyet Thanh people on rambling carts and became familiar good to neighbouring residents. Thereof, experiencing for generations, passion for pottery has rooted in the heart of the people in this loved land.

For years, pottery vermilion is always the pride of people in Quyet Thanh hamlet, Que township, Kim Bang district. With distinct beauty characterising traditional culture, pottery vermilion is valuable gift affording Quyet Thanh people and this beloved land.

To better understand pottery, Mr. Tran Van Pha took us to pottery-kilns. In warm space with flaming pottery-kilns working to their full capacity, there were some dozen persons engrossing in unfinished products. The wet blocks of yellow clay were waiting for the skilful hands of potters to knead and shape in mould. We seemed to be indulged in bustling atmosphere of the daily work. We were fascinated by the sight with a craft woman seating by turning table. She was indulging in inspiring her feeling into block of clay, it seemed the world only consisted of her "spiritual works" and her. She made inanimate block become lively shapes within few minutes. Talking in hesitant voice, she revealed: "Pottery help me increase monthly income but I not only attach to pottery for economic interest but also for the passion rooting in my heart".

According to Mr. Tran Van Pha - an official in Quyet Thang hamlet, there has ever been a communal house, where reserved family annals recording origin and ancestor of pottery vermilion but it had been destroyed completely in resistant war against French colonialist. Nonetheless, the affection and desire of preserving and promoting quintessence values in the next generations do not go into oblivion, it always stand steadily while time keep flying with various pivotal changes. In 1959-2960, there were some 50 pottery-kilns operating all year round.

Pottery vermilion is different from other products because it does not convince seers with meretricious beauty right for the first sight. Nevertheless, contemplating elaborately, we can see the simple but charming beauty of pottery vermilion. Therefore, it can be used for decoration in different spaces such as wide and modern sitting room or tearoom with simple furniture. With a little of tactfulness in decoration, pottery vermilion will be harmony with any space hence it may result from its profound beauty. Accordingly, every person can contemplate pottery vermilion products with their own taste and inspiration.

To create discretionary products, craftsmen have to abide strictly by technical process of traditional pottery. Yellow clay is dried out and put into absorbent system, filtered out extraneous matters, then condensed and shaped. Though pottery vermilion does not combine with other chemicals and enamel, it is vermilion due to temperature treatment of craftsmen. Thanks to skilled and inspired hands, rough blocks are turned to lively utensils with complicated patterns demonstrating natural scenery and animals closed to human's life. Those utensils are lime-pot surrounded by betel string or jar of wine with snakes twining each other, powerful eagle swinging, and apricot blossom rising up, and so on. Certainly, craftsmen not only inspire their feeling into pottery products but also traditional characteristics with pure and majestic beauty. Thereby, each feature and scenery is rich of expression. Especially, with some volume of nitrate silver (AgNO_3), tea-set not only favours appetite but also neutralise toxins in teacup. As the sequel, there are more foreigners and city-dwellers buy pottery vermilion.

1.2 Journey for trademark affirmation

Experiencing ups and downs for ages, pottery vermilion has ever felt into decline, but while many native handicrafts were in crisis in East European market in period of 1990-1991, pottery vermilion found out its development drive to affirm its foothold in domestic and overseas markets.

Currently, in the context of market economic development, pottery vermilion is regarded as one of valuable goods generating radical income for many people. Annually, Quyet Thanh cooperative exports around 150,000 pottery products, ameliorating income flow and living for local residents (VND450-500,000 per person per month). As for rattan and bamboo made handicrafts, pottery price is much higher. Nonetheless, it is best sold product, even not matching demands. Formerly, pottery technique was manual only but now production capability has been improved thanks to mechanical equipment.

Furthermore, product design and creativeness have been paid much attention. In recent years, thanks to its reputation, customers coming from every corner in the nation have visited Quyet Thanh hamlet, they want to buy pottery/ utensils like tea-pot, flower vase, tea-set, or jar of wine right in kilns. Some of them have ordered products designed in their own taste. So far, Quyet Thanh pottery is sold in markets of Japan, Taiwan, Korea, the United State, etc., (taking up 40% of total consumption volume) and different provinces and cities across the nation (occupying 60%).

Not only assuming its foothold in market but pottery vermilion are also presented in industrial fairs and Hue festival. In 2003, the pottery product won prize in Vietnam industrial products. In 2004, it was conferred the title of Vietnamese high-quality product and quintessence prize in Hue festival. Those meritorious rewards have empowered craftsmen in creating further charming products for the society.

Nevertheless, the cooperative is facing with the danger of loosing its trademark hence pottery vermilion products have not been able to export directly. Now, those products are exported under the authorise license of some im-export companies in Hanoi, Ha Tay, Nam Dinh, and Bat Trang pottery and porcelain. Consequently, the cooperative wishes further support of the authorities in Ha Nam to tackle that difficulty.

In future, the cooperative will expand its production range and invest additionally in pottery-kilns. The craftsmen will create more plentiful designs satisfying customers' taste. The cooperative is focusing on developing skilful artisans and improving equipment with a view to raise productivity and product quality, keep pace with customers' requirements, enlarge traditional market, and inroad new ones. Those are strategic goals of the cooperative in the time to come.

Looking careful movements of Mr. Le Ngoc Son while packing products, we could feel the pride and happiness of the craftsmen in Quyet Thanh hamlet. As many other peo-

ple born and grown up in this beloved land, the great desire of Mr. Son is to develop further pottery and promote its distinct characteristics. Thus, pottery vermilion is not only product made of yellow clay but it also become symbol of steady and zealous life of the residents. Leaving Que township, which is peaceful and hospitable, we seem to be able to see the emotion of the craftsmen inspiring to each pottery product: it is vermilion trust bringing about happiness and lucky for everyone.

2. Drum making village of Doi Tam

Doi Tam village (in Doi Son commune, Duy Tien district) has been home to drum craft for over 1,000 years. Craft founders are Nguyen Duc Nang and Nguyen Duc Ban.

The village craft is popular everywhere. The local craftsmen are working all over the country. The craft is descended from fathers to sons. Thereof, the techniques are handed down the sons only (for fear of their getting lost). Formerly, children aged about 12, 13 in Doi Tam were taught how to make small drums. When they aged 16 or 17, they were allowed to come along their fathers to make bigger drums here and there. The largest kind of drums called trong sam (Sam drum) was only handled by muscular, experienced and skilled men.

According to artisans in the village, the craft experiences through three stages: preparing skin, drum barrels and stretching skin across open end(s). Skin must be taken from she-buffaloes with inner thin layer completely

Artisans in Doi Tam village are able to make all kinds of drums such as drums used in pagodas, drums for popular opera performance, drums used in schools, and drums used in mid-Autumn festivals, etc. Before, when the mid-Autumn festivals came, the craftsmen tried to make more than 20,000 drums, which were sold across the country.



Doi Tam drum making

removed. It is later dipped into solution to keep it from deterioration and dried out in the sun. The outermost layer is used for larger drums and the inner layer is used to make drums for kids. The drum-barrels are jack-fruit wood, which is soft, flexible, not vulnerable to deformation such as curving, cracking, etc. Moreover, "Sound from jack-fruit wood vibrates loud without much striking". The wood is cut into several frames, the number of which is dependent on the size. This goes similar to softness and flexibility of the frames, which are then tightly and neatly joined together without slits. Moreover, it is used paint to keep the frames neatly together as joining them for the single hollow round frame. Every layer of paint goes with a layer of cotton netting. The finally stage is stretching skin across the end(s). The skin is tightly stretched over the drum end(s), which is then tightly struck with bamboo sticks or a kind of reed. The drumsticks are made from the wood of China tree or Sindora tree.

The drums made in Doi Tam village are famous for their beauty and durability, which are earned by the secret and the occupational responsibility of the makers. The craft could survive the difficulties thanks to the mutual help considered as the tradition among the families making

The legend goes that in 986, two brothers Nguyen Duc Nang and Nguyen Duc Ban made a big drum to fete King Le Dai Hanh as getting the news that he was due to plough fields in the village on the first days of new year. The drumbeat vibrated like the thunderstorm. Later, the two brothers were honoured Trang Sam, the founders of the craft.

removed. It is later dipped into solution to keep it from deterioration and dried out in the

drums. The craftsmen in Doi Tam are struggling to preserve their traditional fine craft and many families are performing the craft as their chief mean of livelihood. Even that, the living condition of families is better and reasonable due to making drums.

3. Weaving village of Nha Xa

Nha Xa village (in Moc Nam commune, Duy Tien district) sits on the bank of the Red River in an area famous for mulberries and silkworms in Duy Tien district. It has been reputedly home to silk weaving for long.

If compared with the similar craft in Ha Dong, the fame of silk made in Nha Xa is not at all inferior. In early century XVIII, silk merchants from Saigon - Cho Lon confidently bought Nha Xa silk. Time went by and the local villagers were positively taking to the craft. When the country entered market mechanism, looms were passed to each family. The Nha Xa villagers donated over VND200 million (1993) to set up new electricity network, which urged the craft very much and doubled the productivity along with larger size of cloth from 0.3 - 0.8 m to 1 - 2 m.

At present, there are about 500 looms in Nha Xa with yearly capacity of 0.9 - 1 million metres of cloth. Several families with a large number of labourers and proper production own 2 - 3 looms. Such kinds of families often perform the craft in a self-contained process from purchasing materials to selling their finished products. Their markets include big urban areas such as Hanoi, Hue, Da Nang and Ho Chi Minh City.

Although challenges facing capital and outlet of products are manifold, the craft

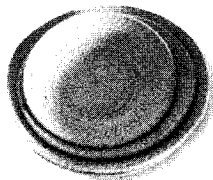


A scene in a workshop of weaving village of Nha Xa

scale is getting more and in industrialised, modernised way. Looms are built more or the wooden frames are replaced by iron ones for long-run business. In addition to silk, the traditional article, many new kinds of products such as tussore, line, etc. are being introduced. Quality and design are improve which makes Nha Xa woven articles popular not only at home but also overseas such as Europe, America, Japan, etc. Moreover, the craft is no more confined to Nha Xa village only. It has been adopted in communes of Lanh Tri, Chuyen Ngoai, Hoa Mac, Dong Van, etc. and creating jobs for hundreds of families internal and external of the administrative territories.

4. Bamboo and rattan works village of Ngoc Dong

Ngoc Dong village (in Hoang Dong commune, Duy Tien district) has been home to the traditional craft of making handicraft articles from bamboo and rattan. When the economic mechanism was changed, the craft encountered numerous hardships due to lack consumer market. Regardless of this, the craftsmen in Ngoc Dong have been in search for way to improve the product quality and design as well as new markets (countries in East Europe, Southeast Asian nations). In return, the craft village has survived and grown much.



Rattan product made in Ngoc Dong



A scene in production workshop of craft village of Ngoc Dong

At the first time, the villagers mainly made cane chairs, which were shortly popular among consumers and won more orders. This was attributed to their fine design and suitable with tropical climate. Its good reputation spread far and reached the ear of embassy of the People's Democratic Republic of Korea, who descended to Ngoc Dong and buy a suit of salon for President Kim Nhat Thanh (North Korea).

This kind of craft is characterised with little capital (VND300,000 - 500,000 is ok for a family of four members), employment of additional labourers (children, elderly), good earning (well-skilled makers could earn VND25,000 - 30,000/day, others could earn VND10,000 - 15,000/day).

When the market mechanism was launched in the country, the village unlike others, which were dragging in hindrance, was showing its vigour. Presently, the household production model is prevailing in Ngoc Dong and the chief articles are made of rattan, bamboo for export such as bowls, plates, trays, vases, flower baskets, big flower-vases, which could be 1.8 metres high and sold at roughly VND500,000.

The swift emergence of the craft in the village though, cannot drive away the worries about environment pollution, risks of fire outbreaks likely caused by production. Ngoc Dong officials and residents are looking forward sectors and authorised bodies to take measures against environment pollution and minimising the risk of fire occurrence. If this is done, the Ngoc Dong villagers could have good conditions to contribute more to socio-economy, industrialisation and modernisation in the province.

5. Embroidery village of Thanh Ha

With 2,002 households engaged in the craft (representing 76.2% of the total households in the village) and 5,740 labourers, Thanh Ha is the largest village of the respective craft in the province.

Peace was restored (1954) and the craft was popularised with its spreading performance. The time span from 1975 to 1989 was the heyday of the village with the release of different kinds of items not only sold at home but also exported to USSR (former) and countries in East Europe.



Embroidery drawing a large number of labourers

In years 1999 - 2004, the village was hit by difficulties arising from markets. The villagers

decided to invest in marketing and improving quality, changing design relevant to market requirements for a chance of reviving the craft. Unfortunately, insufficient capital dramatically hampered the production. Currently, production is virtually based on capital and reserves. Bank loans are mostly short-term. Other two kinds of long and mid-term loans are unavailable while export embroidery desperately needs capital, primarily

There are currently more than 5,000 looms in the craft village with 30 families holding equipment for washing, ironing and printing. Besides, other equipment is adopted such as needles, crochet-hooks, knives, scissors. The craft involves stages of preparing materials, designing, mixing and painting colours, embroidering, washing and ironing, checking and packaging and finally selling. Presently, such stages are manually done.

The craft is light on fuel. However, it should be noted that the degree of labour poured on products is large, which makes their value high. Despite this, its price depends on two factors: material and design. The popular kinds of articles are now bed carpets, pillows, tablecloth, etc.

in the context that consumers are mostly taking to "definite purchase and definite sale".

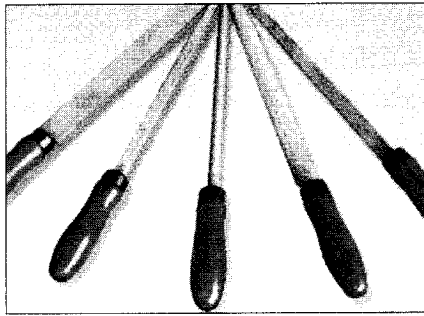
The village craftsmen are looking forward the State and locally-based concerned bodies to have preferential loans policies toward the village, financial assistance to vocational training and seek consumer markets along with measures to contain the rampant price squeeze from intermediary entities exporting such kind of products.

6. File craft village of An Do

An Do village (in Binh Luc district) is home to file making, the only craft of its kind in Vietnam. As early as 1960 - 1964 or 1976 - 1982, the product managed to win the reliance of consumers at home and abroad. It was exported to East Europe, Laos, Cambodia, etc. The handicraft

Materials for the work are of two kinds: steel bars category Y12A by USSR (former) and worn-out bearings. The tools to perform the craft are simple. i.e. anvil, hammer, mould, furnace, forging platform, a pair of grooving nippers (electrically powered grinder), acid and soda. The craft is divided into six stages: ingot, forming flat surfaces, grooving, hardening, checking and packaging.

The first stage is using blacksmith's to split stock and cast ingot through mould. After casting ingot, the surface of stock is ground planed and grooved for roughness. This stage is performed by hand, which makes the surface rougher than machine could do. The final stage is hardening files. This stage involves the secret of the craft. The skilled craftsmen examine the stage with their eyes, noticing changes in colour to decide the proper degree to which files are hardened, not too mildly and too hard. Every family in the craft village is specialising in each stage, which helps to improve the quality of files.



Embroidery drawing a large number of labourers

product is classified into different types depending on their shapes such as triangular, semicircular, square, rounded, rectangular and flat, etc. Which are of hundreds of types with different length ranging from 01 mm to 350 mm. Furthermore, families performing this craft also accept to make fine handcraft files for companies carving and sculpturing woods, gold and silver industry. Making files on orders requires good skills and involves in demanding refining.

The craft has been in existence for nearly 50 years and successfully proving its prestige in market. It is also a mean for the makers to earn more and contributes to the local economic reform during the industrialisation and modernisation.

7. Rice sheet craft in Nguyen Ly

Nguyen Ly commune (Ly Nhan district) is populous with narrow natural area. It houses 2,865 families with 11,858 mouths. Over 400 families are making different kinds of rice pancakes such as rice sheets, dry pancakes. Over 100 families out of such number are producing relevant products eligible for export. The craft is traditional.



Drying rice sheets in Nguyen Ly

Thereof, the craftsmen own their own keys, which are thought to be handed down from ancestors.

The keys help manage the mix-in recipe for different seasons. This is why rice sheets made in Nguyen Ly are of good quality: soft, white without sticky, etc.

The rice sheet makers in Nguyen Ly are operating seemingly uninterruptedly and consuming about 4,000 kg of rice a day with an output weighting about 3,200 kg, which earns over VND25 million/day. They are employing more than 1,500 labourers. Aside from this craft, other relative works such as grinding, rice selling, services supplying materials, equipment, etc. are coming along well, especially breeding livestock.

Unfortunately, the products are facing difficulties in sale. The makers said: "Every maker here turns 10 kg of rice a day into rice sheets weighing 6.4 kg. They could just earn a profit of VND10,000 with selling price at VND8,000/kg (after exclusive of all expenses). This is sometimes burdened by slow sale with high heaping of inventories, which are then sold at lower price. Worse, environment pollution is also the thorny problem for the village".

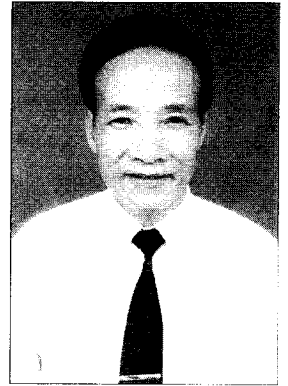
In order to boost the craft with minimised environment pollution, families and authorised officials in Nguyen Ly commune, Ly Nhan district should take adequate measures. For example, it is to construct specified areas for the craft performance or setting up joint venture among families to have furnaces with standard furnace-tubes, etc. to avoid causing environment pollution.

Enhancing craft villages is advancing a trait of the national culture. It also refers to the tapping of labour pool, capital, materials available in idyllic areas, which is aimed to produce more articles for domestic consumption and export. Such move does contribute to labour distribution in rural areas, employment of redundant labourers. Additionally, it helps eradicate hunger and alleviate poverty, which means a better life of majority of farmers. Visiting Ha Nam now makes us feel more positive in the efforts of craftsmen, who are proving their voice under the new economic mechanism and igniting the vigour of their traditional craft villages.

CHƯƠNG III: HUY ĐỘNG MỌI NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ

THU HÚT ĐẦU TƯ TẠI HÀ NAM:

Cần tiếp thêm LỰC ĐẨY



Ông Nguyễn Thế Mạo, Giám đốc
Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nam
Ảnh: Tư liệu

Để thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương giai đoạn 1998 - 2010, Hà Nam cần huy động 12,9 nghìn tỷ đồng, trong đó nguồn vốn đầu tư từ ngân sách chỉ đáp ứng khoảng 10% nhu cầu. Do vậy, cùng với huy động nguồn vốn từ trong dân, vốn tín dụng, việc tranh thủ thu hút vốn đầu tư ODA, FDI và các nguồn vốn tài trợ phi chính phủ đóng vai trò quan trọng trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Năm 2005 được đánh giá là năm khá thành công đối với Hà Nam. Tốc độ tăng trưởng GDP đạt 9,05%/năm, trong đó giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

tăng 20%; giá trị hàng xuất khẩu tăng 11,7%; thu ngân sách vượt 15,85% kế hoạch. Kết quả này có sự đóng góp tích cực của hàng ngàn tỷ đồng vốn của các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất trên địa bàn tỉnh.

“Tạo điều kiện tốt nhất cho nhà đầu tư”

Đó là chủ trương nhất quán của Hà Nam trong thu hút đầu tư, được cụ thể hóa bằng hàng loạt cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư do Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành như: Quyết định số 1428/QĐ-UB ngày 19-12-2001 về cơ chế và chính sách khuyến khích đầu tư trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Quyết định số 829/QĐ-UB ngày 1-8-2003 về đầu tư xây dựng và quản lý cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp huyện, thị xã và cụm tiểu thủ công nghiệp làng nghề xã, thị trấn; Quyết định số 863/QĐ-UB ngày 5-8-2003 về chính sách ưu đãi khuyến khích đầu tư vào khu công nghiệp; quyết định về cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế một dấu mới,... Với phương châm từng bước tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, giảm sự can thiệp của Nhà nước đối với hoạt động đầu tư và kinh doanh của doanh nghiệp; tăng cường vai trò, trách nhiệm của nhà đầu tư trong việc quyết định, tổ chức thực hiện và phát huy hiệu quả đầu tư, các cơ chế, chính sách này bước đầu đã tạo ra môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn, thu hút ngày càng nhiều nhà đầu tư về với Hà Nam.

Các hoạt động đầu tư được khuyến khích

Để sử dụng nguồn vốn đầu tư có hiệu quả, Hà Nam cần lựa chọn đúng các chương trình và dự án ưu tiên đầu tư, đảm bảo các tiêu chí: phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế - xã hội trong thời gian ngắn; đạt hiệu quả cao và an toàn môi trường; nâng cao thu nhập dân cư, tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động; đầu tư vào các địa bàn khó khăn, ngành nghề cần khuyến khích đầu tư; khai thác tiềm năng, lợi thế của địa phương. Cụ thể, Hà Nam ưu tiên đầu tư vào những lĩnh vực sau:

- 1) Xây dựng cơ sở sản xuất - kinh doanh.
- 2) Xây dựng công trình phúc lợi công cộng.
- 3) Xây dựng công trình nhà ở tập trung ở đô thị, khu đô thị mới.
- 4) Xây dựng các công trình văn hóa, khách sạn, du lịch.
- 5) Mở rộng quy mô sản xuất.
- 6) Di chuyển cơ sở sản xuất ra khỏi khu đô thị.
- 7) Xây dựng bảo vệ môi trường sinh thái.
- 8) Xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.

Trước hết, để chuẩn bị mặt bằng cho các nhà đầu tư triển khai dự án, tỉnh đã đầu tư hàng chục tỷ đồng xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, xây dựng các khu công nghiệp, các vùng sản xuất tập trung. Đến năm 2004, tỉnh đã quy hoạch 5 khu công nghiệp và 17 cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề với tổng diện tích trên 1.000 ha. Ông Đinh Văn Cường - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam - cho biết: "Với chủ trương nhanh chóng lấp đầy các khu, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, Hà Nam đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách thông thoáng, thu hút đầu tư vào nhiều lĩnh vực: công nghiệp điện tử, cơ khí lắp ráp, nhựa, hóa mỹ phẩm, công nghiệp chế biến nông - thủy sản, công nghiệp vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, hàng mỹ nghệ gốm sứ cao cấp, công nghiệp may mặc thêu ren, giày da xuất khẩu. Ngoài ra, tỉnh có trách nhiệm thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ 30% kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng; đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật: đường giao thông, hệ thống cấp thoát nước, điện, thông tin liên

lạc, cây xanh ngoài hàng rào doanh nghiệp và đáp ứng hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào khu công nghiệp".

Không chỉ được hưởng những ưu đãi theo quy định của Luật đầu tư nước ngoài, Luật khuyến khích đầu tư trong nước, khi đến với Hà Nam, các nhà đầu tư còn được hưởng nhiều ưu đãi về mức giá thuê đất, về hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề cho lao động,... Cụ thể, các dự án đầu tư nước ngoài và dự án đầu tư nằm trong danh mục A Nghị định số 51/NĐ-CP (ngày 8-7-1999 của Chính phủ), dự án có sử dụng từ 50 lao động trở lên theo Luật khuyến khích đầu tư trong nước được miễn 10 năm và giảm 50% tiền thuê đất trong 10 năm tiếp theo. Các nhà đầu tư sản xuất chế biến nông - thủy sản, đầu tư thí nghiệm nghiên cứu khoa học được giảm 50% mức giá thuê đất. Đối với doanh nghiệp hoạt động theo Luật đầu tư nước ngoài,

nếu thu hút thêm nhà đầu tư mới đầu tư vào các khu công nghiệp sẽ được giảm 50% tiền thuê đất trong suốt thời gian thực hiện dự án. Các dự án đầu tư vào khu công nghiệp có sử dụng từ 50 lao động trong tỉnh trở lên được tỉnh hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề (300 nghìn đồng/người) từ nguồn ngân sách của tỉnh đối với công nhân chưa có tay nghề được ưu tiên tiếp nhận số lao động đã qua đào tạo tại các trường chuyên nghiệp, dạy nghề. Các nhà đầu tư vào khu công nghiệp được vay vốn tín dụng ưu đãi, hỗ trợ lãi suất, bảo lãnh vay theo các quy định của Nhà nước.

Bên cạnh đó, các thông tin cần thiết, các quy định ưu đãi, khuyến khích và các vấn đề có liên quan khi nghiên cứu cơ hội đầu tư, xúc tiến thương mại, chuẩn bị hồ sơ dự án đầu tư được Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh cung cấp miễn phí. Đặc biệt, Ủy ban nhân dân tỉnh cam kết bảo đảm an ninh trật tự - an toàn xã hội trong các khu công nghiệp, bồi thường quyền lợi cho nhà đầu tư theo quy định của pháp luật khi có thay đổi làm thiệt hại đến lợi ích nhà đầu tư.

Những thành công bước đầu

Với nỗ lực của các cấp chính quyền cùng các ban ngành chức năng, công tác thu hút đầu tư đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Tính đến ngày 30-11-2004, toàn tỉnh có 565 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký 1.329 tỷ đồng, tăng 4,9 lần về số lượng doanh nghiệp và 10 lần về vốn đầu tư so với năm 2000. Trong đó, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng có 266 doanh nghiệp, chiếm 47%, tổng vốn đăng ký 930 tỷ đồng; nông - lâm - ngư nghiệp có 4 doanh nghiệp, chiếm 0,7%, tổng vốn đăng ký 3 tỷ đồng; thương mại - dịch vụ có 169 doanh nghiệp, chiếm 30%, tổng vốn đăng ký 265 tỷ đồng; các ngành khác có 126 doanh nghiệp, chiếm 23%, tổng vốn đăng ký 131 tỷ đồng.

Bước khởi động khá thuận lợi của các khu công nghiệp đã minh chứng cho tính hiệu quả của công tác thu hút đầu tư. Đến năm 2004, Khu công nghiệp Đồng Văn đã thu hút trên 50 doanh nghiệp với tổng vốn đầu tư khoảng 2.200 tỷ đồng. Trong đó, 11 doanh nghiệp đã đi vào hoạt động, thu hút trên 1.100 lao động với mức thu nhập bình quân 600 nghìn đồng/người/tháng, tỷ lệ lấp đầy đạt 90%. Trước thực tế, các doanh nghiệp có nhu cầu đầu tư vào khu công nghiệp này ngày càng nhiều. Ủy ban nhân dân tỉnh đã có văn bản trình Chính phủ và các bộ, ngành cho phép mở rộng khu công nghiệp về phía đông thêm 27,8 ha. Khu công nghiệp Châu Sơn (diện tích 169 ha) đã có 12 doanh nghiệp đăng ký đầu tư với tổng vốn 1.176 tỷ đồng, thu hút khoảng 2.700 lao động, tỷ lệ lấp đầy đạt 17%. Với Cụm công nghiệp Hoàng Đông, tỉnh đã cơ bản hoàn thành



Một góc Khu công nghiệp Đồng Văn

công tác đền bù giải phóng mặt bằng (97 ha), có 2 doanh nghiệp đang tiến hành thủ tục xin cấp giấy phép sử dụng đất.

Đánh giá về hiệu quả thu hút vốn đầu tư, ông Nguyễn Thế Mạo, Giám đốc Sở Kế hoạch - Đầu tư Hà Nam, cho biết: "Các dự án đầu tư đã góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát huy lợi thế từng ngành, từng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh của nền kinh tế, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho lao động địa phương. Đặc biệt, hoạt động hiệu quả của các dự án đã góp phần nâng cao kim ngạch xuất khẩu của tỉnh, từ 20,9 triệu USD (năm 2000) lên 30,5 triệu USD (năm 2003), tăng gần 46%". Tuy những kết quả đạt được còn khiêm tốn, nhưng nếu so sánh với nhiều tỉnh, thành trong cả nước và đặt trong bối cảnh của một tỉnh thuần nông, kinh tế còn gặp nhiều khó khăn như Hà Nam, việc khơi thông dòng chảy vốn đầu tư đã khẳng định vai trò động lực không thể thiếu trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Những tồn tại và giải pháp

Kết quả đạt được là không thể phủ nhận, song trong quá trình thu hút đầu tư vẫn còn nhiều bất cập. Mặc dù tỉnh đã có cơ chế thông thoáng và những ưu đãi hấp dẫn đầu tư, nhưng hầu hết các doanh nghiệp đầu tư vào tỉnh thuộc thành phần kinh tế tư nhân, tiềm lực kinh tế, trình độ quản lý còn hạn chế, doanh nghiệp nhà nước rất ít và chỉ có duy nhất một dự án FDI (dự án HAPPYTEX, vốn đầu tư 2 triệu USD). Về quy mô của các doanh nghiệp, ngoại trừ một số doanh nghiệp có số vốn đăng ký lớn như Công ty dệt 19/5 (600 tỷ đồng), Công ty giày Thương Đình (198 tỷ đồng), Công ty Đại Dương (54 tỷ đồng), các doanh nghiệp còn lại đều có quy mô vừa và nhỏ. Nhiều doanh nghiệp tỏ ra khá chậm trễ trong việc triển khai thực hiện dự án. Đến tháng 6-2004, số vốn thực hiện chỉ chiếm 3,4% so với vốn đăng ký, dù phần lớn các doanh nghiệp được giao đất ngay.

Ông Đình Văn Cương cho rằng: "Cần phải nhìn nhận Hà Nam là tỉnh thuần nông, điểm xuất phát kinh tế rất thấp, kết cấu hạ tầng còn thấp kém, điều kiện tự nhiên, địa lý không hoàn toàn thuận lợi,... để giải thích cho tình trạng trên. Với gần 90% dân số làm nông nghiệp, thu nhập bình quân 5.1

triệu đồng/người/năm, việc có được nguồn vốn đầu tư ở ở phải có thời gian”.

Bên cạnh đó, không thể phủ nhận những tồn tại, hạn chế trong công tác thu hút đầu tư. Trước hết, công tác giải phóng mặt bằng, chuẩn bị đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, nên chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu của doanh nghiệp. Quá trình giải quyết thủ tục cho nhà đầu tư còn lúng lúng. Trong khi đó, sự phối hợp giữa các ngành, các cấp trong khâu giới thiệu, quảng bá tiềm năng đầu tư và cơ chế, chính sách ưu đãi của tỉnh để thu hút và vận động đầu tư chưa được đồng bộ và thiếu chặt chẽ. Hà Nam chỉ có cơ quan đầu mối tiếp nhận dự án chứ chưa có đầu mối làm nhiệm vụ tranh thủ, vận động thu hút đầu tư. Thêm nữa, hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn đều gặp khó khăn trong công tác tuyển dụng lao động do lượng lao động thì nhiều, song phần lớn lại chưa có trình độ tay nghề, không có tác phong công nghiệp nên không đáp ứng được nhu cầu của các doanh nghiệp.

Để khắc phục những hạn chế này, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ký kết và triển khai thoả thuận hợp tác phát triển giữa tỉnh Hà Nam với Bộ Ngoại giao, tăng cường công tác quảng bá tuyên truyền giới thiệu về tiềm năng của Hà Nam ra nước ngoài thông qua đại sứ quán và các cơ quan ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài; ký kết hợp tác giữa Hà Nam và Hà Nội để thu hút các doanh nghiệp trên địa bàn

Hà Nội đầu tư về Hà Nam. Bên cạnh đó, theo ông Nguyễn Thế Mạo, Hà Nam cần tìm hiểu và học hỏi kinh nghiệm trong công tác thu hút đầu tư của các tỉnh, thành đi tiên phong trong lĩnh vực này để áp dụng linh hoạt vào điều kiện thực tiễn của tỉnh; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, ban hành đồng bộ hệ thống cơ chế, chính sách nhằm huy động mọi nguồn vốn đầu tư cho phát triển, thực hiện đầu tư có trọng tâm, trọng điểm. Đồng thời, huy động mọi nguồn lực để tập trung giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp một cách đồng bộ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư sớm đi vào sản xuất... cũng là những giải pháp hết sức quan trọng. Ngoài ra, tỉnh cần sớm có kế hoạch đứng ra đào tạo lao động đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng cung ứng cho các doanh nghiệp.

Xác định phát huy nội lực là yếu tố quyết định, thu hút đầu tư là yếu tố quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế đến năm 2010 và năm 2020, Hà Nam đang nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư theo phương châm “tạo điều kiện tốt nhất cho nhà đầu tư”. Với sự vào cuộc của các cấp, các ngành và bản thân các doanh nghiệp, Hà Nam sẽ sớm trở thành điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư, tăng cường nội lực cho nền kinh tế, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu trở thành tỉnh công nghiệp vào năm 2020.

Lợi thế thu hút đầu tư

Hà Nam nằm ở phía nam vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, có nhiều tiềm năng để phát triển nông nghiệp, công nghiệp và các ngành nghề truyền thống. Hà Nam có mạng lưới giao thông thuận lợi, bao gồm đường bộ, đường sắt và đường thủy, nằm trên trục đường sắt Bắc - Nam và quốc lộ 1A - huyết mạch giao thông quan trọng của cả nước, thuận lợi trong việc giao lưu hợp tác kinh tế với các tỉnh, thành phố, các trung tâm kinh tế lớn của cả nước, từ đó đi tới các cảng biển, sân bay ra nước ngoài. Hà Nam còn có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đặc biệt là đá vôi và đất sét với trữ lượng hàng tỷ m³, thuận lợi cho phát triển sản xuất xi măng, sản xuất vật liệu xây dựng như gạch, ngói, đá xẻ, đá ốp lát, bột nhẹ, hóa chất....

Cùng với lợi thế về vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên, Hà Nam còn có trên 38 vạn lao động có trình độ văn hóa, kỹ thuật tương đối khá, ngành nghề phong phú, nhiều nghề nhân và thợ bậc cao, đội ngũ công nhân trưởng thành và phát triển. Đây là thị trường lao động to lớn, giúp cho các nhà đầu tư khai thác, sử dụng nguồn nhân lực tại chỗ phục vụ cho các dự án đầu tư.

CHAPTER III: MOBILISING ALL FORCES FOR ECONOMIC DEVELOPMENT

INVESTMENT ATTRACTION IN HA NAM:

Requiring FURTHER EFFORTS

For the successful implementation of the local socio-economic strategy period 1998 - 2010, it requires Ha Nam the amount of VND12,900 billion with just 10% of which coming from the budget. Therefore, the mobilized capital source from the people, credit capital, ODA, FDI and non-government assistance capital plays the important role in the economic reform towards industrialization and modernization.

Ha Nam gets satisfactory successes in the year 2005 with the GDP growth of 9.05%/year, the industry - handicraft production value on increase of 20%/year, exports value increasing 11.7% over that planned and budget contribution getting 15.85% over the local plan. This result comes from the thousand billion dong contribution from every economic sector in the province.

"Favourable conditions provided to investors"

That acts as Ha Nam's consistent policy for luring investments under preferential mechanisms and policies

approved by the provincial Party Committee and People's Committee like Decision No.1428/QĐ-UB dated December 19th 2001 on preferential investment policies in Ha Nam, Decision No.829/QĐ-UB dated August 1st 2003 on construction investment and management on district and town industry - handicraft clusters and handicraft clusters in occupational villages and townships, Decision No.863/QĐ-UB dated August 5th 2003 on preferential policies on investment attraction in industrial zones; decisions on administrative reform on the basis of "one coordinating body" policy, etc. Keep running under the gradual facilitation to investors, decreasing the State's control to the enterprises' investment and business, enhanced investors' role and responsibilities for determining, implementing and making most use of investment effectiveness, these policies have been step by step creating initially favourable investment environment to lure more investments in Ha Nam.

First of all, the provincial government has spent thousand billion dong in infrastructure systems, establishment of industrial zones and concentrated production areas as the preparation for the project accomplishment. By the year 2004, there had five industrial zones and 17 clusters of industry - handicraft - craft village on the area of over 1,000 ha paid with approved planning in the entire province. "Working under the motto to make quick full dominance in industrial zones and industry - handicraft clusters drives Ha Nam in a lot of preferentially approved policies on invest-

Several investment activities put under encouragement

To make the investment capital effectual, Ha Nam should make right selection to preferential programmes and projects ensuring the satisfaction of following criteria namely suitable local socio-economic development; reinforced the socio-economic growth in the short time; effectual and safe environment; better people's income; more work supplied labourers; investments granted to poor areas and encouraging fields; and efficient local potentials. It is fully described in the subsequent fields.

- 1) Build up production - business establishments
- 2) Construct public works
- 3) Have concentrated housing erections in urban and new urban areas
- 4) Create establishment of cultural, hotel and tourism works
- 5) Enlarge production scale
- 6) Relocate production establishment out of urban areas
- 7) Give ecological environment with protection
- 8) Undertake infrastructure in industrial zones

ment attraction in various fields of electronic industry, assembling mechanics, plastic, cosmetics, agricultural - aquatic product processing, construction material, interior decoration, high-class fine arts pottery, garment, embroidery and leather shoes industry for export. The provincial government, additionally, is responsible for land collection, site clearance and 30% expenditure support as compensation for site clearance; investment in technical infrastructure constructions of transport, water supply and drainage, electricity, communication, green trees outside the enterprise's fence and technical infrastructure outside the industrial zones' edge" said Dinh Van Cuong, chairman of Ha Nam People's Committee.

In addition to advantages favoured from the Foreign Investment Law and Local Investment Encouragement Law, investors who come for doing business in Ha Nam will be given with numerous preferences on land rent, vocational training expenditure, etc. Accordingly, the domestic investment projects and investment projects belonging to the Article A of the Decree No.51/ND-CP dated July 8th 1999 by the Prime Minister, projects using at least 50 labourers in conformity to the Local Investment

Encouragement Law will benefit from 10 year rent exemption and 50% rent reduction for the next 10 years. For investors who have investments spent in agricultural - aquatic product processing and experiments in science research will gain 50% rent decrease. For the enterprise leading business pursuant to the Foreign Investment Law, they will have benefit of 50% rent reduction during the project accomplishment in case of having any enterprise make investments in the industrial zone. The projects investing in the industrial zones under the at least 50 provincial labourer utilisation scale is favoured vocational training expenditure from the provincial budget with VND300,000/person/month for

untrained labour force as well as the priority to receiving trained labour force from vocational training schools. All the investors are paid with preferential credit capital, interest support and loan guarantee under the State's regulations as investing in the industrial zones.

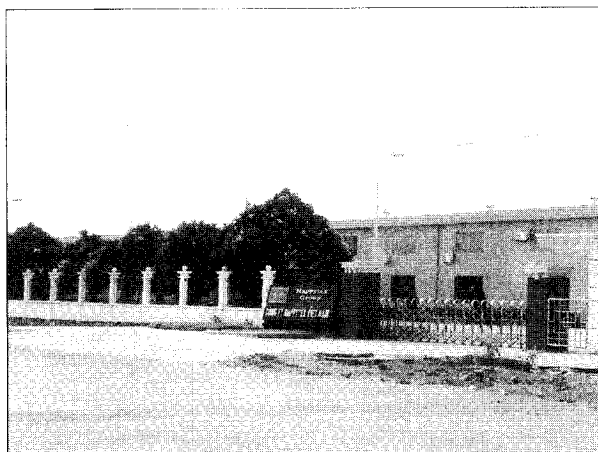
As well, the helpful information in terms of regulation, preference, encouragement and issues related to investment opportunity, commercial stimulation and investment dossier preparation will be provided free of charge by the management board of the provincial industrial zone. Typically, the provincial People's Committee makes commitment to keep the social security in the industrial zones as well as compensation to investors according to the legal regulations in case of changes leading to their loss.

Initial successes

Thanks to efforts given from responsible bodies, it gets considerable lure investments. By November 30th 2004, there had 565 enterprises with the total register capital of VND1,329 billion, making 4.9% increase in respect of enterprise quantity and 10-time increase in term of investment capital over that in 2000. Of those enterprises, the

number doing business in industry - construction is 266, accounting for 47%. having total register of VND930 billion. the number in agriculture - forestry - aquaculture occupies four ranking 0.7% with total register VND3 billion; those working in trade - service with 169 businesses, making 30% under the total registered capital of VND265 billion. And the number running business in other branches gets the corresponding number of 126, 23% and VND131 billion, respectively.

The initial favourable improvement gained in industrial zones reveals the efficient operation of the investment attraction affair. By 2004, Dong Van industrial zone drew over 50 enterprises holding the total investment capital of about VND2,200 billion. Of which, there were 11 businesses under function attracting over 1,100 labourers with the monthly average income of VND600,000/person. The fulfilment rate there reaches 90%. As required in the reality that the number of enterprises invests in Dong Van industrial zone is on the increase, Ha Nam People's Committee has made document submitted to the Prime Minister for its extended area to the east with 27.8 ha more. The 169 hectare Chau Son industrial zone is receiving the register from 12 enterprises with the total capital arrived at VND1,176 billion, providing job to about 2,700 labourers and getting the fulfilment rate of 17%. The 97 ha- Hoang Dong industrial zone, as well, is basically under the complete compensation affair for site



Chau Son Industrial Zone in Phu Ly town. Ha Nam

Foto: The Tuan

clearance with two businesses in the progress of asking for land using licence.

Giving assessment on the investment attraction effectiveness, director of Ha Nam Department of Planning and Investment said "The investment projects become actable in the strengthened economic re-structure. in the promotion of each branch strengths, products, and economic competition enhancement and in stable income offered local labour. Especially, the efficient project contributes to the higher export turnover from USD20.9 million in 2000 to USD30.5 million in 2003, making nearly 46%". The attained results seem to be inconsiderable; however, it ranks the indispensable impetus in the local socio-economic development as compared with other provinces and cities nationwide and in the pure-agricultural province like Ha Nam.

Shortcomings and solutions

It appears the concurrent performance of achievements and shortcomings. The province's preferential investment policies seem to yield moderate results since most of units having investments in Ha Nam's industrial zones known as private businesses whose limited economic and management ability, state-owned enterprises there accounting a few and the FDI project existing as the unique with HAPPYTEX project having investment capital of USD2 million. In term of enterprise scale, there are few units having big register capital like the May 19th Textile Company with VND600 billion, Thuong Dinh Shoes Company under VND198 billion, Dai Duong Company having VND54 billion, and the rest is those of medium and



Garment workshop of Happytext Company

Foto: Ref.

small scale. Many of them lead the ineffective accomplishment. By June 2004, the operation capital just gets to 3.4% as compared to the register capital though almost businesses favourably given with land.

"It must be fully known Ha Nam to be a pure agricultural province with low economic starting point, poor infrastructure, unfavourable natural and geographic conditions, etc. as the factors resulting in the above issue. Nearly 90% population working in agriculture has the yearly average income of VND5.1 million/person, it must take time for considerable investment source." said Dinh Van Cuong.

On the other hand, shortcomings existing in investment luring affair are obviously in being. First of all, the issues of site clearance, asynchronous investment preparation and infrastructure are capable of meeting upon the enterprises' requirements. It is still in confused realisation in resolving procedures. As well, there happens the asynchronous and undisciplined co-operation among branches and administrations in introducing and advertising investment potentials and preferential policies. Ha Nam has the coordinating body receiving the projects but no body responsible for luring investments. The labour force, additionally, acts as an obstacle though abundant but untrained ones who incapable of satisfying the industrial working style and requirements asked in each enterprise.

Making these obstacles surmountable, the provincial People's Committee has made approval and conduction the development co-operation agreement between Ha Nam

and Ministry of Foreign Affairs with the aim of propaganda and introduction reinforcement of Ha Nam's potentials widely known by foreign countries through embassies and diplomatic units abroad; co-operation signing between Ha Nam and Hanoi to draw investments from Hanoi's enterprises. In addition, according to Nguyen The Mao it should learn from experience made by the leading provinces and cities in this field for flexible application to Ha Nam's investment reality; continual administrative reform and synchronous approved mechanisms and policies targeting at all sources mobilisation to carry out the development and focused investment. More to the point, series important policies undertaken are known as mobilised sources spent in site clearance affair as well as in infrastructure construction in industrial -handicraft zones and clusters in order to facilitate enterprises with convenient production, etc. It furthermore requires soon plans on training the sufficient and qualified labour force supplied to enterprises.

It comes to have internal sources to be determined factor and investment attraction to be important one in the economic development strategy by 2010 and 2020: Ha Nam is on the way of making great efforts for better investment environment under the motto "most favourable conditions for investors". It seems to achieve successful fulfilment to the target of being attractive location for investors and industrial province by the year 2020 since all the administrations, branches and enterprises involve the common development.

Advantages gained from investment luring

With the location in the south of the Red delta plain, Ha Nam is considerable advantages for the development of agricultural, industrial and other traditional occupations. Additionally, its favourable transport network includes roads, railways and waterways coupling with its location on the north - south railway route and the national road No.A - the national important main route facilitating Ha Nam in exchanging economic activities with provinces, cities and big economic centres nationwide on the way to seaports and airports abroad. Furthermore, Ha Nam is favoured the various natural resources with the billion cu.m reserve of limestone and clay helpful for production of cement, construction materials namely brick, tile, granite, ashlar paving stone, light powder, chemical, etc.

Ha Nam, moreover, possesses the quantity of over 38,000 labourers who have pretty high cultural and technical knowledge and knowledge of diversified occupations as well as those of skilled and high grade level. This factor functions as the huge local labour market supplied to investors there in Ha Nam.

CHI NHÁNH QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HÀ NAM:

NGƯỜI ĐỔ ĐẦU

CHO CÁC

CÔNG TRÌNH

TRỌNG ĐIỂM

Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Hà Nam chính thức ra đời và đi vào hoạt động từ năm 2000. Ngay trong ngày "ra quân", chi nhánh đã ký hợp đồng tín dụng trị giá 03 tỷ đồng với Công ty may 27-7. Đối với tập thể cán bộ, nhân viên chi nhánh lúc bấy giờ, bản hợp đồng như một "điểm may" báo hiệu những thành công đang chờ phía trước. Quả thật, sau 4 năm xây dựng và phát triển, chi nhánh đã đạt được những kết quả đáng tự hào.

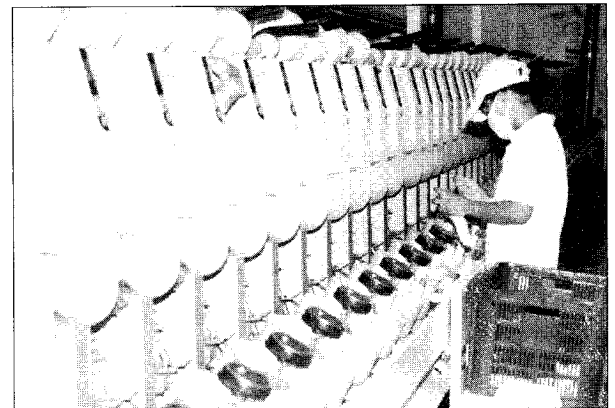
Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao

Với mục tiêu "Hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao dù phải đối mặt với khó khăn, thách thức", chi nhánh đã tuyển dụng và đào tạo được đội ngũ cán bộ, nhân viên đông đảo và có chất lượng. Nhờ đó, từ năm 2000 đến tháng 6-2004, chi nhánh đã tiếp nhận trên 40 dự án thuộc nhiều chương trình kinh tế khác nhau. Trong đó có 30 dự án thuộc đối tượng Luật khuyến khích đầu tư trong nước của Nhà nước.

Xác định: huy động vốn là mặt trận hàng đầu, trong 4 năm hoạt động (2000 - 2003), chi nhánh đã huy động được 25 tỷ đồng. Riêng 6 tháng đầu năm 2004, tổng số vốn huy động đạt 5 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch cả năm. Sau huy động vốn, nhận thấy công tác thẩm định là một trong

Là đơn vị tài chính hoạt động theo Luật khuyến khích đầu tư trong nước, Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Hà Nam giữ vai trò hỗ trợ chính đối với các chương trình lớn có khả năng tác động trực tiếp đến chuyển dịch cơ cấu và sự tăng trưởng kinh tế địa phương. Bốn năm là khoảng thời gian chưa nhiều, nhưng chi nhánh đã bước đầu khẳng định sự trưởng thành vững chắc.

nững yếu tố quan trọng góp phần tạo nên thành công của mỗi dự án, chi nhánh đã thường xuyên phối hợp với Sở Kế hoạch - Đầu tư Hà Nam nắm bắt tính khả thi của các dự án để có thể đáp ứng tốt nhất nhu cầu vay vốn. Vì thế, số vốn được giải ngân không ngừng tăng lên. Nếu năm 2000 chi nhánh giải ngân 14 tỷ đồng, thì đến tháng 6-2004 số vốn giải ngân đã lên tới 159 tỷ đồng, tăng hơn 11 lần. Riêng năm 2004, chi nhánh đầu tư gần 300 tỷ đồng cho 3 dự án xây dựng: 01 nhà máy kéo sợi (Công ty dệt Hà Nam), 02



Nhà máy kéo sợi Hà Nam - một trong những đơn vị sử dụng nguồn vốn của chi nhánh

Ảnh: Hoàng Tân

Nhờ có sự hỗ trợ vốn của Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Hà Nam, dự án kéo sợi của Công ty dệt Hà Nam đã cung cấp cho thị trường trong và ngoài nước thêm 3 nghìn tấn sợi/năm, nộp ngân sách nhà nước 2 - 3 tỷ đồng/năm, giải quyết việc làm cho hơn 300 lao động tại địa phương. Đơn vị cũng đã hỗ trợ Xã nghiệp thương bình 27-7 đầu tư dây chuyền may, giúp hàng trăm lao động, trong đó phần lớn là con em thương binh nặng, bộ đội xuất ngũ, gia đình chính sách và các cháu có hoàn cảnh khó khăn, đảm bảo thu nhập.

nhà máy chế biến thức ăn gia súc (Công ty trách nhiệm hữu hạn Viễn Đông, Công ty cổ phần dinh dưỡng Hồng Hà). Tuy không trực tiếp tạo ra sản phẩm, nhưng thông qua việc xử lý, điều động đồng vốn đầu tư Nhà nước, chi nhánh đã góp phần tích cực trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hoá toàn tỉnh.

Bên cạnh đó, chi nhánh đã cho vay hơn 100 tỷ đồng để kiên cố hoá 200 km kênh mương và tưới tiêu hàng chục nghìn ha cây hoa màu trên địa bàn tỉnh; cho vay hàng chục tỷ đồng đầu tư vào dự án cải tạo, nâng cấp quốc lộ 21A trên trục vành đai Đông - Tây phục vụ nhu cầu phát triển cụm công nghiệp vật liệu xây dựng của tỉnh; cho vay trên 50 tỷ đồng từ nguồn vốn ODA nhằm đảm bảo tiến độ thi công dự án Nhà máy nước Hà Nam (công suất 15 nghìn m³/ngày đêm). Ngoài ra, chi nhánh còn cấp phát và cho vay uỷ thác đối với các dự án ngành điện lực và bảo hiểm xã hội. Năm 2004, số vốn huy động cho vay các dự án ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đạt 5 tỷ đồng.

Ông Nguyễn Văn Ban - Giám đốc Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Hà Nam - cho biết: "Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Hà Nam và khách hàng luôn có mối quan hệ tương trợ hết sức chặt chẽ. Chi nhánh bổ sung vốn đầu tư cho doanh nghiệp, sau khi được đưa vào sản xuất - kinh doanh, đồng vốn sẽ quay trở lại tạo động lực giúp chi nhánh phát triển bền vững". Nếu năm 2000 tổng thu nợ gốc của chi nhánh đạt 1.298 triệu đồng, thì đến tháng 6-2004 đã lên đến 9.124 triệu đồng, đạt 179% so với kế hoạch Quỹ Hỗ trợ phát triển Trung ương giao. Số thu nợ lãi

Lãi suất sau đầu tư

(Luỹ kế từ ngày 1-1-2000)

Thời gian	Số dự án	Trị giá (triệu đồng)
Đến ngày 31 - 12 - 2000	01	18
Đến ngày 31 - 12 - 2001	02	44
Đến ngày 31 - 12 - 2002	03	738
Đến ngày 31 - 12 - 2003	03	937
Đến tháng 6-2004	03	1.285

Nguồn: Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Hà Nam.

cũng tăng đáng kể từ 723 triệu đồng (năm 2000) lên 2.5 tỷ đồng, gấp 3 lần (tháng 6-2004).

Mặc dù việc cung cấp nguồn vốn nhiều hay ít cho dự án tuỳ thuộc vào định hướng phát triển từng năm của Chính phủ, Nhà nước và Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, nhưng những kết quả nêu trên đã thể hiện sự phát triển và khẳng định vai trò của chi nhánh trong đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, "xoá đói giảm nghèo" và giải quyết việc làm cho hàng ngàn lao động trong tỉnh. Nguồn vốn từ chi nhánh đã đến với nhiều công trình đầu tư lớn, biến ước mơ, dự định của khách hàng thành hiện thực, góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp.

Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Hà Nam luôn chú trọng đúng mức đến nghiệp vụ hỗ trợ lãi suất sau đầu tư. Mặc dù đây là hình thức rất mới mẻ. Trong thời gian qua, chi nhánh đã hỗ trợ 14 tỷ đồng cho Công ty bia - nước giải khát Phú Lý, giúp công ty ổn định sản xuất và kinh doanh hiệu quả; cho Công ty xây dựng Hà Nam vay 406 triệu đồng để đảm bảo tiến độ thi công các công trình trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục phát huy mọi nguồn lực

Nền kinh tế của Hà Nam hiện vẫn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là khâu tìm đầu ra cho nguồn nông sản vốn là lợi thế so sánh của tỉnh. Bên cạnh đó, chất lượng sản phẩm

chưa cao là trở ngại đáng kể, hạn chế việc tăng kim ngạch xuất khẩu. Phần lớn các làng nghề chỉ hoạt động với quy mô sản xuất nhỏ lẻ, nên chưa thể triển khai cho vay vốn. Thêm vào đó, số doanh nghiệp thật sự lớn mạnh không nhiều, đa số là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, lãi suất hoạt động chưa cao. Do vậy, nhiều dự án rơi vào tình trạng không đủ khả năng hoàn trả nợ tồn đọng.

Ông Nguyễn Văn Ban bộc bạch: "Chúng tôi mong Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ có những chính sách hỗ trợ thiết thực giúp các doanh nghiệp giải quyết khó khăn, vướng mắc và tìm hướng đi trong thời gian tới. Đó là cách tạo nền tảng tốt nhất cho sự trưởng thành của Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Hà Nam".

Về phía chi nhánh, trong thời gian tới, Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Hà Nam tiếp tục huy động nguồn vốn, thực hiện giải ngân cho các dự án đã được thông báo theo đúng tiến độ, tăng cường đôn đốc thu hồi nợ gốc, nợ lãi và giải quyết nợ xấu. Không chỉ hướng sự quan tâm ra bên

ngoài, chi nhánh còn tập trung đầu tư xây dựng nguồn nhân lực ngày càng vững mạnh thông qua công tác tuyển chọn và nâng cao trình độ cán bộ, đồng thời tạo điều kiện cho cán bộ, nhân viên tham gia các lớp học nâng cao chuyên môn và bồi dưỡng đạo đức nghiệp vụ. Bên cạnh đó, chi nhánh cũng tiếp tục đổi mới để duy trì hệ thống máy tính hiện đại và đồng bộ, đáp ứng nhanh nhất, chính xác và tiện lợi nhất mọi nhu cầu của khách hàng.

Với quyết tâm thực hiện tốt định hướng phát triển, đồng thời đảm bảo an toàn và hiệu quả trong xử lý vốn, Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Hà Nam sẽ tiếp tục huy động mọi nguồn lực để đạt được thành tích cao hơn, góp phần thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

CHI NHÁNH QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HÀ NAM

Địa chỉ: phường Quang Trung - thị xã Phủ Lý - Hà Nam

Điện thoại: 0351.851631

DEVELOPMENT ASSISTANCE FUND-HA NAM BRANCH:

ACTING AS PATRON FOR KEY PROJECTS

As a financial entity operating under the Incentive Laws on Domestic Investment, the branch plays the main role in assisting important programmes which could release direct impact on the economic restructure and growth in the province. Four years are not roughly much time, however the branch has initially proved its sustainable operation.

The Development Assistance Fund Branch in Ha Nam (DAF) was officially introduced in 2000. Right at its "debut", the branch signed a VND3 billion credit contract with the Textile Company July 27th. This contract was like a "signal of fortune" indicating successes ahead. Obviously, after 04 years in operation, the branch has reaped fruits worth taking pride.

Excellently fulfilling assignments

Targeted at "Completing all given assignments regardless of hurdles", the branch recruited and trained sufficient and quality staffs. As a result, it received over 40 projects dedicated to different economic areas from 2000 to June 2004. 30 of them were subject to the Incentive Law on Domestic Investment issued by the State.

Defining that mobilising capital is the foremost front, within 04 years (2000-2003), it managed to mobilise VND25 billion. Just 06 first months of 2004, its mobilised capital totalled VND5 billion, meeting 100% of year's



Ha Nam Tourism, Beer and Beverage Company has been invested VND14 billion in the beer producing chain by Ha Nam Development Assistance Fund

Foto: Ref.

plan. Following capital mobilising, it realises that appraisal is one of the significant elements determining the success of projects. Thereof, the branch retains regular co-operations with the Ha Nam Planning and Investment Department to learn about the

Thanks to assistance for capital from the branch, the Ha Nam Textile Factory's spinning project could bring onto markets at home and abroad additionally 3,000 tonnes of fibres per year, contribute VND2-3 billion to the State budget per year and provide jobs to over 300 local labourers. The branch also provided help to the Invalids' Company July 27 in efforts to invest in sewing line, which ensures the stable income of hundreds of workers, largely including relatives of heavily-wounded invalids, demobilised soldiers, policy-sponsored families and hardship-facing children.

feasibility of projects so that it could appropriately respond to their application for loans. Accordingly, the disbursed capital is on continual increase. If its disbursement was just worth VND14 billion in 2000, it would stand at VND159 billion in June 2004, over 11 times higher. 2004 let alone, it funded close to VND300 billion in 03 construction projects: 01 spinning factory (Ha Nam Textile Factory), 02 livestock fodder processing factories (Fareast Company Limited and Hong Ha Nutrition Joint-stock Company). Although it does not produce tangible products, the branch makes important contributions to the industrialisation and modernisation process progressing in the province by calling on and discharging investment capital from the State.

It has also given out loans worth over VND100 billion for efforts of consolidating 200 km of canals, and projects watering dozens of hectares

growing cash crops in the province. loans worth dozens of billion of dong was released for upgrading the National Road No.21A's section on the East-West belt to meet requirements of the construction on the provincial extensive industrial parks dedicated to building materials. It also gave out loan worth over VND50 billion from the ODA resource to ensure the adequate

Post Investment Interest rate (Accumulated since January 1 st 2000)		
Term	Number of projects	Value (million of dong)
To December 31 st 2000	01	18
To December 31 st 2001	02	44
To December 31 st 2002	03	738
To December 31 st 2003	03	937
To June 2004	03	1,285

Source: Development Assistance Fund-Ha Nam Branch

progress of the construction on the Ha Nam Water Plant project (with a capacity of 15.000 cu.m/day). Besides, the branch also provides and offers trust loans to projects from the power and social insurance sectors. In 2004, its mobilised capital for lending sort, mid and long-term projects was worth VND5 billion.

Mr. Nguyen Van Ban-Director of the Development Assistance Fund-Ha Nam Branch said: "We and our clients are engaged in a close and tight interdependent ties. We provide investment capital to enterprises, and when they get into operation, such capital will return to us. This would help the fund develop sustainably". If the branch could collect debt excluding interest rate worth VND1,298 million, such sum would be VND9,124 million in June 2004, meeting 179% of plan set forth by the Central Fund for Development Assistance. The interest rate of loans also increased from VND723 million (2000) to VND2.5 billion (in June 2004), threefold.

That how much capital could be provided to projects is dependent on the year's direction for development set forth by the Government, State, provincial Party Committee and People's Committee. However, such aforementioned achievements do show its solid growth and prove its role in investing in infrastructure construction, "poverty relief", and employment of thousands of local labourers. Capital resource from the fund is accessible by large-scale works in need of large investment, and helps make clients' plans become real and speed up economic restructure inclined to increasing proportion of industry-services sector and diminishing proportion of agriculture.

The branch always pays proper attention to skills for assisting post-investment interest rate though it is a brand new job. Over the past time, it has supported the Phu Ly Brewery and Beverage Company with VND14 billion for stable and profitable operation. Besides, it provided VND406 billion to the Ha Nam Construction Company to ensure the adequate progress of the constructions taking place in the province.

Continuing to display resources

The local economy is still standing in front of challenges, especially in terms of outlet for agricultural product, which is truly the provincial comparable advantage. Moreover, the quality of such product is not really high and this is the impediment considerably detaining the increase in export turnover. Craft villages are mostly operating in small scale and individually. All of this stalls the capital lending. Additionally, the number of powerful enterprises is not manifold, mostly in small and medium size, which prevents them produce high profit. Consequently, many projects have been unable to pay off their outstanding debts.

Mr. Nguyen Van Ban frankly said: "We are looking forward to policies from the provincial People's Committee for concrete assistance to remove difficulties from enterprises, and enable them to seek new way for coming time. This would be the best way to lay bed-rock for the branch to advance further".

For the part of the branch, it will continue to mobilise capital resources, disburse on project reported to be progressing on schedule, speed up to collect net loans, interest rate and bad debts. Not only paying attention externally, the branch also invest in strengthening its staffs by selecting staffs and training their professional skill, simultaneously, send them to classes to improve skills as well as ethics. Moreover, it is continually renovating itself by applying modern and synchronous computer system so that its response to clients' demands could be the swiftest, most accurate and convenient.

With its determination of following development orientation and security of safety and effectiveness in capital allocation, the branch will involve all resources to further its achievement, contribute to the local socio-economic growth.

DEVELOPMENT ASSISTANCE FUND- HA NAM BRANCH

Add: Quang Trung ward, Phu Ly town, Ha Nam province
Tel: 0351.851631

CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ CỦA TỈNH HÀ NAM

1. Đối tượng thụ hưởng

- Các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài.
- Người Việt Nam định cư ở nước ngoài.
- Người nước ngoài định cư ở Việt Nam.

2. Các hoạt động đầu tư được khuyến khích

- Xây dựng cơ sở sản xuất - kinh doanh
- Xây dựng công trình phúc lợi công cộng.
- Xây dựng công trình nhà ở tập trung ở đô thị, khu đô thị mới.
- Xây dựng các công trình văn hoá, khách sạn, du lịch.
- Mở rộng quy mô sản xuất.
- Di chuyển công trình sản xuất ra khỏi khu đô thị.
- Xây dựng bảo vệ môi trường sinh thái.
- Phát triển ngành nghề nuôi trồng thủy sản.
- Xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.
- Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

3. Cơ chế khuyến khích

3.1. Giá thuê đất:

- Ở đô thị và khu công nghiệp: 0,18 USD/m²/năm.
- Ở thị trấn: 0,12 USD/m²/năm.
- Đồng bằng dọc quốc lộ 1A: 0,03 USD/m²/năm.
- Miền núi: 0,01 USD/m²/năm.
- Mặt nước ao, sông, hồ: 75 USD/ha/năm.

3.2. Miễn, giảm tiền thuế đất:

3.2.1. Các dự án được giảm 50% giá thuê đất gồm có:

+ Các dự án sản xuất, chế biến nông - lâm - thủy sản.

+ Các dự án đầu tư nghiên cứu khoa học.

3.2.2. Các dự án được miễn tiền thuế đất trong 10 năm và được giảm 50% tiền thuê đất trong 10 năm tiếp theo, gồm có:

+ Các dự án đầu tư nước ngoài.

- + Các dự án đầu tư nằm trong danh mục A Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 8-7-1999 của Chính Phủ
- + Các dự án đầu tư có sử dụng từ 50 lao động (địa phương) trở lên.

3.2.3. Đối với nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài đang hoạt động tại Hà Nam: nếu thu hút được thêm nhà đầu tư về đầu tư tại tỉnh sẽ được giảm 50% tiền thuê đất trong suốt thời gian thực hiện dự án.

3.3. Thuế thu nhập doanh nghiệp: được xét cấp hỗ trợ thuế mà doanh nghiệp thực nộp cho Nhà nước Việt Nam để tái đầu tư hoặc nâng cao tay nghề

+ Thời gian tối đa: 5 năm.

+ Mức hỗ trợ: đến 70%.

+ Được miễn thuế xuất, nhập khẩu và các ưu đãi theo Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31-7-2000 của Chính phủ.

3.4. Ưu đãi về hạ tầng khu công nghiệp: tỉnh đảm bảo thực hiện:

- Thu hồi đất.
- Tổ chức giải phóng mặt bằng.
- Đưa hạ tầng kỹ thuật: đường, điện, nước sạch tới chân hàng rào công trình.
- Hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi.
- Đảm bảo trật tự an ninh.

3.5. Về lao động: sử dụng lao động tại địa bàn cấp đất được tỉnh hỗ trợ cho công tác đào tạo nghề với mức 300 nghìn đồng/công nhân.

3.6. Ưu đãi về lợi nhuận

- Đối với dự án BT: nhà đầu tư hưởng 100% lợi nhuận được hình thành từ việc thực hiện dự án.

- Đối với dự án BOT: Nhà đầu tư nộp 30% số lợi nhuận vào ngân sách tỉnh và được hưởng 70% số lợi nhuận còn lại.

HÀ NAM'S

INVESTMENT INCENTIVE POLICY

1. Beneficiaries:

- Domestic and overseas investors
- Overseas Vietnamese people
- Resident foreigners in Vietnam

2. Investments subject to incentives

- Constructing infrastructure for production and trading
- Constructing public welfare works
- Constructing accommodations in urban zones, new urban zones
- Constructing cultural works, hotels, tourist sites
- Enlarging production
- Moving production workshops out of urban zones
- Establishing and preserving ecological environment
- Developing aquaculture
- Constructing infrastructure of IZs
- Scientific researches and technological transfer

3. Incentive policy

3.1. Rent

- In urban zones and IZs: USD0.18/sq.m/year
- In town (ship): USD0.12/sq.m/year
- Lowland along National road No.1A: USD0.03/sq.m/year
- Mountainous land: USD0.01/sq.m/year
- Surface of ponds, lakes, rivers: USD75/ha/year

3.2. Remission of land rent: projects exempt from

land rent for 10 years and enjoying a 50% reduction for 10 following years include:

- + Foreign investment projects
- + Projects posted in list A of the Government's Decree No.51/1999/ND-CP dated July 8th 1999

3.3. Tax on enterprises revenue: support is considered in favour of tax that enterprises pay to Vietnamese Government for their re-investment or improving professional skill

- + Maximum validity: 05 years
- + Support rate: 70%
- + Exempt from ex-import duties and enjoying preferences under the Government's Decree No.24/2000/ND-CP dated July 31st 2000

3.4. Preferences on IZs infrastructure

- Residential reallocation
- Conducting site clearance
- Supplying technical infrastructure such as electricity, clean water to construction fence
- Supporting preferential credit loans
- Ensuring security and order

3.5. Labour: training support worth VND300,000/worker/month from province if employed labour is from leased area.

3.6. Incentives for interest:

BT projects: investors subject to 100%, BOT projects: investors subject to 70%.

DANH MỤC

CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 1997 - 2004

(Các dự án có tổng mức đầu tư trên 10 tỷ đồng)

STT	Tên dự án	Địa điểm	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)
A Công nghiệp					
1	Cụm tiểu thủ công nghiệp Nam Châu Sơn	Thị xã Phủ Lý	2000 - 2004	9,62 ha	11.9
2	Hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn	Huyện Duy Tiên	2003 - 2005	110 ha	198
B Giao thông					
3	Đường Hoàng Hanh	Huyện Kim Bảng	1997 - 2000	1,3 km đường nội thị	24.106
4	Đường 63B (ĐT 972)	Huyện Lý Nhân	1999 - 2001	13,7 km đường cấp V	10.021
5	Cầu Phủ Lý	Thị xã Phủ Lý	2000 - 2002	H30XB80	48
6	Cầu Khả Phong	Huyện Kim Bảng	2001 - 2004	H30XB80	33.4
7	Cầu Bồng Lạng	Huyện Thanh Liêm	2001 - 2004	H30XB80	35.928
8	Cầu Cầu Tử	Bình Lục - Duy Tiên	2001 - 2002	H30XB80	12
9	Đường Đọi Sơn - Tiên Tân	Huyện Duy Tiên	2002 - 2004	8,6 km đường cấp IV	17.045
10	Đường phân lũ	Huyện Kim Bảng	2003 - 2005	18,6 km đường cấp III	240.76
11	Đường 63C	Huyện Bình Lục	1999 - 2003	20,5 km đường cấp V	14.785
12	Đường 9715	Huyện Thanh Liêm	1999 - 2003	15,2 km đường cấp V	12.23
C Nông nghiệp					
13	Trạm bơm Võ Giang	Huyện Thanh Liêm	1998 - 1999	5x800 m ³ /h	14.566
14	Kênh Chính Đông	Huyện Bình Lục	2000 - 2001	9 km	13.9
15	Kênh I 32-3	Huyện Kim Bảng	2000 - 2001	10,2 km	11.776
16	Kênh I 4-8	Huyện Duy Tiên	2000 - 2001	7,11 km	10.702
17	Trạm bơm Quế II	Huyện Kim Bảng	2001 - 2003	7x800 m ³ /h	18.9
18	Kênh I 3-2	Huyện Kim Bảng	2001 - 2003	16,03 km	19.047

STT	Tên dự án	Địa điểm	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)
	Tổng cộng				1.206,921
19	Kênh I 4-12	Huyện Duy Tiên	2001 - 2003	11,15 km	14,207
20	Kênh Chính Tây - Triệu Xá	Huyện Thanh Liêm	2001 - 2003	13,815 km	13,85
21	Kênh KTB	Huyện Bình Lục	2001 - 2003	9,985 km	13,236
22	Dự án phân lũ sông Đáy	Kim Bảng - Thanh Liêm - Phủ Lý	2002 - 2005		179
	D Thương mại - du lịch				
23	Chợ Chấn - Phủ Lý	Thị xã Phủ Lý	1999 - 2003	5.657 m ² sàn	12
24	Hạ tầng du lịch bến Thủy đi chùa Hương	Thị xã Phủ Lý	2001 - 2003	3 km đường; 10 nghìn m ² bến xe; 0,5 ha bến Thủy	33
	E Giáo dục - đào tạo				
25	Trường Chính trị tỉnh	Thị xã Phủ Lý	1998 - 2004	400 học viên	14
26	Trường Trung học Y tế	Thị xã Phủ Lý	2000 - 2005	350 học sinh	12,02
27	Dự án tin học hoá quản lý nhà nước	Thị xã Phủ Lý	2002 - 2005		21,514
	F Y tế				
28	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Thị xã Phủ Lý	1997 - 2007	450 giường	79,420
	G Thể dục - thể thao				
29	Sân vận động tỉnh	Thị xã Phủ Lý	2001 - 2005	20 nghìn chỗ	33,428
	H Văn hoá - thông tin				
30	Nhà Văn hoá Trung tâm	Thị xã Phủ Lý	2003 - 2006	1.000 chỗ	52,212
31	Trung tâm kỹ thuật phát thanh - truyền hình	Thị xã Phủ Lý	2002 - 2006	3.200 m ²	27,31
32	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Long Đọi Sơn	Huyện Duy Tiên	2002 - 2005		21,805
	I Quản lý Nhà nước				
33	Trụ sở Tỉnh uỷ	Thị xã Phủ Lý	2000 - 2005	7.125 m ²	22,88
	K Công cộng				
34	Vườn hoa Trung tâm	Thị xã Phủ Lý	2000 - 2002	2,81 ha	
	L An ninh - quốc phòng				
35	Dự án quốc phòng Lê Chân - Kim Bảng	Huyện Kim Bảng			

PORTFOLIO OF INVESTMENT PROJECTS 1997 - 2004

(Investment projects valued over VND10 billion)

No.	Name of projects	Location	Duration of conduction	Designed capacity	Total investment capital (VND billion)
Grand total					1,208.071
A	Industry				
1	Southern Chau Son Industrial Cluster	Phu Ly town	2000 - 2004	9.62 ha	11.9
2	Infrastructure construction of Dong Van Industrial Zone	Duy Tien district	2003 - 2005	110 ha	198
B	Transport				
3	Hoang Hanh road	Kim Bang district	1997 - 2000	Interior urban road of 1.3 km	24.106
4	Road No.63B (DT 972)	Ly Nhan district	1999 - 2001	Fifth grade road of 13.7 km	10.021
5	Phu Ly bridge	Phu Ly town	2000 - 2002	H30XB80	48
6	Kha Phong bridge	Kim Bang district	2001 - 2004	H30XB80	33.4
7	Bong Lang bridge	Thanh Liem district	2001 - 2004	H30XB80	35.928
8	Cau Tu bridge	Binh Luc – Duy Tien	2001 - 2002	H30XB80	12
9	Doi Son – Tien Tan road	Duy Tien district	2002 - 2004	Fourth grade road of 8.6 km	17.045
10	Freshet diverging way	Kim Bang district	2003 - 2005	Third grade road of 18.6 km	240.76
11	Road No.63C	Binh Luc district	1999 - 2003	Fifth grade road of 20.5 km	14.785
12	Road No.9715	Thanh Liem district	1999 - 2003	Fifth grade road of 15.2 km	12.23
C	Agriculture				
13	Vo Giang Pumping Station	Thanh Liem district	1998 - 1999	5x800 cu.m/h	14.566

No.	Name of projects	Location	Duration of conduction	Designed capacity	Total investment capital (VND billion)
CANAL					1298.921
14	Chinh Dong canal	Binh Luc district	2000 - 2001	9 km	13.9
15	Canal I 32-3	Kim Bang district	2000 - 2001	10.2 km	11.78
16	Canal I 4-8	Duy Tien district	2000 - 2001	7.11 km	10.702
17	Que Pumping Station No.2	Kim Bang district	2001 - 2003	7x800 cu.m/h	18.9
18	Canal I 3-2	Kim Bang district	2001 - 2003	16.03 km	19.047
19	Canal I 4-12	Duy Tien district	2001 - 2003	11.15 km	14.207
20	Chinh Tay – Trieu Xa canal	Thanh Liem district	2001 - 2003	13.815 km	13.85
21	KTB canal	Binh Luc district	2001 - 2003	9.985 km	13.236
22	Freshet diverging project of Day river	Kim Bang – Thanh Liem – Phu Ly	2002 - 2005		179
D Trade - tourism					
23	Chan market – Phu Ly	Phu Ly town	1999 - 2003	5,657 sq.m	12
24	Infrastructure of Thuy wharf on journeys to Huong Pagoda	Phu Ly town	2001 - 2003	3 km of road; 10,000 sq.m of car park; 0.5 ha of Thuy wharf	33
E Education - training					
25	Ha Nam Politics School	Phu Ly town	1998 - 2004	400 learners	14
26	Medicine High School	Phu Ly town	2000 - 2005	350 students	12.02
27	Informatics applied in state management affair	Phu Ly town	2002 - 2005		21.514
F Healthcare					
28	Ha Nam General Hospital	Phu Ly town	1997 - 2007	450 clinic beds	79.420
G Physical education - sports					
29	Ha Nam Stadium	Phu Ly town	2001 - 2005	20,000 seats	33.428
H Culture - Information					
30	House of Culture Services	Phu Ly town	2003 - 2006	1,000 seats	52.212
31	Radio – television technique centre	Phu Ly town	2002 - 2006	3,200 sq.m	27.31
32	Repairing and restoring Long Doi Son pagoda	Duy Tien district	2002 - 2005		21.805
I State governance					
33	Office of Ha Nam Party Committee	Phu Ly town	2000 - 2005	7,125 sq.m	22.88
K Public					
34	Centre park	Phu Ly town	2000 - 2002	2.81 ha	
L National defence - security					
35	Le Chan national defence project in Kim Bang	Kim Bang district			

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẦN THU HÚT ĐẦU TƯ

GIAI ĐOẠN 2003 - 2010

A. Danh mục các dự án có nhu cầu thu hút vốn đầu tư giai đoạn 2003 - 2006

1. Sản xuất vật liệu chịu lửa

- Địa điểm: huyện Kim Bảng.
- Quy mô và thông số kỹ thuật: xây dựng 01 nhà máy sản xuất các loại vật liệu chịu lửa, công suất 15 - 20 nghìn tấn/năm.

2. Sản xuất bột nhẹ

- Địa điểm: huyện Thanh Liêm.
- Quy mô và thông số kỹ thuật: xây dựng 01 nhà máy sản xuất bột nhẹ tinh khiết, đảm bảo chất lượng cao theo tiêu chuẩn ISO, công suất 50 - 70 nghìn tấn/năm.

3. Sản xuất gạch không nung

- Địa điểm: thị xã Phủ Lý, huyện Kim Bảng, huyện Thanh Liêm, huyện Duy Tiên.
- Quy mô và thông số kỹ thuật: sản xuất gạch không nung, công suất 20 - 30 triệu viên/năm.

4. Sản xuất giấy dếp xuất khẩu

- Địa điểm: các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung tỉnh Hà Nam.
- Quy mô và thông số kỹ thuật: xây dựng nhà máy sản xuất giấy dếp chất lượng cao xuất khẩu, công suất 7 - 8 triệu đôi/năm.

5. Sản xuất sợi, dệt, nhuộm

- Địa điểm: các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung tỉnh Hà Nam.
- Quy mô và thông số kỹ thuật: xây dựng nhà máy kéo sợi, dệt nhuộm hoàn chỉnh, hiện đại. Công suất 2 máy sợi 40 nghìn cọc/máy, sản xuất 16 nghìn tấn sợi/năm và 20 triệu mét vải/năm.
- Hình thức đầu tư: liên doanh.

6. Dự án xuất khẩu

- Địa điểm: các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung tỉnh Hà Nam.
- Quy mô: 5.000 máy may, sử dụng 10 nghìn lao động.

7. Sản xuất thiết bị phục vụ công nghiệp xi măng hoặc vật liệu xây dựng

- Địa điểm: Khu công nghiệp Đồng Văn, Khu công nghiệp Châu Sơn, Khu công nghiệp Thanh Châu.
- Quy mô và thông số kỹ thuật: nâng cấp Nhà máy cơ khí Hà Nam hoặc xây dựng mới dây chuyền sản xuất thiết bị cơ khí phục vụ sản xuất xi măng và vật liệu xây dựng, công suất 11,5 nghìn tấn sản phẩm/năm.

8. Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp tập trung

- Địa điểm: huyện Kim Bảng, huyện Duy Tiên, thị xã Phủ Lý.
- Quy mô và thông số kỹ thuật: xây dựng kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp tập trung bao gồm: Khu công nghiệp Đồng Văn (154 ha); Khu công nghiệp Châu Sơn (200 ha); Cụm công nghiệp Hoàng Đông (137 ha).
- Vốn đầu tư: Khu công nghiệp Đồng Văn 12 triệu USD; Khu công nghiệp Châu Sơn 26 triệu USD; Cụm công nghiệp Hoàng Đông 18 triệu USD.

9. Sản xuất, lắp ráp thiết bị điện, điện tử, phụ tùng ô tô, xe máy, thiết bị điện tử, y tế, hàng dệt may, khung cửa nhựa

- Địa điểm: các khu công nghiệp tập trung Đồng Văn, Châu Sơn và ven thị xã Phủ Lý.
- Quy mô và thông số kỹ thuật: xây dựng nhà máy, xí nghiệp sản xuất lắp ráp cơ khí, thiết bị điện và điện tử, công suất 5 - 6 triệu sản phẩm/năm.

10. Sản xuất, chế biến phân rác thải

- Địa điểm: xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm.
- Quy mô và thông số kỹ thuật: xây dựng cơ sở xử lý, chế biến phân rác, diện tích 18 ha, công suất 200 - 300 tấn/ngày; thời gian sử dụng 10 năm.
- Các công trình kèm theo: đường giao thông vào bãi và công vụ, nhà làm việc cho cán bộ, công nhân viên, nhà bảo vệ, nhà xưởng bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, hệ thống cấp nước sạch, trạm biến thế 180 - 220 KVA.

11. Các dự án ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp

- Địa điểm: các huyện, thị xã trong tỉnh.
- Quy mô và thông số kỹ thuật: xây dựng vùng lúa chất lượng cao 10 - 15 nghìn ha; trồng và chế biến rau sạch (cà chua, súp lơ, cải bắp, ngô, dưa chuột bao tử,...) 30 nghìn tấn sản phẩm/năm

12. Xây dựng và kinh doanh hệ thống cung cấp nước sạch cho Khu công nghiệp Đồng Văn và thị trấn Đồng Văn, xử lý rác thải tại khu công nghiệp

- Địa điểm: Khu công nghiệp Đồng Văn, huyện Duy Tiên.
- Quy mô và thông số kỹ thuật: đã có dự án được phê duyệt, công suất 5.000 m³/ngày đêm.

13. Dự án sản xuất phân bón hỗn hợp NPK

- Địa điểm: ven thị xã Phủ Lý.
- Công suất: 30 nghìn tấn/năm.
- Vốn đầu tư: 30 - 35 tỷ đồng.

14. Dự án hệ thống thoát nước chính thị xã Phủ Lý (đã có quyết định phê duyệt dự án)

- Quy mô: xây dựng hồ chứa nước Đọ Xá 150 x 150 x 4.5 m; trạm bơm công suất 42 nghìn m³/giờ; 01 bể xả 14 nghìn m³, kênh xả dài 450 m; công suất xử lý nước thải 10 nghìn m³/ngày, đến năm 2020 nâng công suất xử lý được tăng lên 20 nghìn m³/ngày đêm.
- Nguồn vốn: ODA.
- Thời gian thực hiện: 2002 - 2006.
- Vốn đầu tư: 8 triệu USD.

15. Dự án hệ thống đường vành đai bao quanh tỉnh lỵ

- Chiều dài 78 km, đường cấp III đồng bằng, có 4 cầu lớn trên tuyến.
- Tổng mức đầu tư: 30 triệu USD.

16. Dự án cảng Như Trác trên sông Hồng

- Năng lực xếp dỡ: 800 nghìn tấn/năm.
- Diện tích kho bãi: 2 ha.
- Vốn đầu tư: 2 - 3 triệu USD.
- Trong tải tàu vào cảng: 600 tấn.

17. Sản xuất, chế biến nông sản: nước cà chua cô đặc, sữa đậu nành, tinh bột ngô, sản xuất giấy ăn

- Địa điểm: huyện Duy Tiên, huyện Lý Nhân và thị xã Phủ Lý.

- Quy mô và thông số kỹ thuật: xây dựng nhà máy sản xuất nước cà chua cô đặc công suất 250 tấn/ngày, sữa đậu nành công suất 50 nghìn lít/năm, tinh bột ngô 2.000 tấn/năm.

18. Sản xuất chăn nuôi gia cầm, nạc hoá đàn lợn và chế biến thịt lợn xuất khẩu

- Địa điểm: các huyện, thị xã và cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.
- Quy mô và thông số kỹ thuật: cải tạo đàn gia cầm 01 triệu con/năm, toàn bộ đàn lợn của tỉnh 250 nghìn con và xây dựng nhà máy chế biến thịt xuất khẩu công suất 10 nghìn tấn/năm tại Khu công nghiệp Đồng Văn.

19. Dự án trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ

- Địa điểm: huyện Duy Tiên, Lý Nhân, Bình Lục.
- Quy mô và thông số kỹ thuật: trồng 1.500 ha dâu để nuôi tằm, ươm tơ xuất khẩu. Có thể đầu tư 01 trung tâm thu mua tơ xuất khẩu tại thị xã Phủ Lý; 10 trạm chế biến tơ tại các điểm trồng dâu, nuôi tằm, trong đó mỗi trạm là một máy kéo tơ non công suất 8 - 10 tấn/năm/máy.

20. Chăn nuôi bò và chế biến thịt bò chất lượng cao

- Địa điểm: các huyện trong tỉnh.
- Quy mô và thông số kỹ thuật: cải tạo đàn bò lấy thịt, sữa, quy mô 2.000 con; công suất 6 - 8 nghìn tấn sản phẩm/năm.

- Hình thức: liên doanh.

- Vốn đầu tư: 2,5 triệu USD.

21. Xây dựng và kinh doanh Trung tâm thương mại thị xã Phủ Lý (đã có dự án được phê duyệt)

- Địa điểm: thị xã Phủ Lý.
- Quy mô và thông số kỹ thuật: xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng trung tâm thương mại để trực tiếp kinh doanh và cho thuê kinh doanh. Quy mô 5 - 8 ha, bao gồm 01 khách sạn 3 sao năm tầng với 150 phòng; 01 bến thuyền phục vụ du khách đường thủy đi chùa Hương, Kẽm Trống, Ngũ Đòng Sơn; 01 nhà thủy tạ bên sông Đáy làm nơi đón và tiễn khách du thuyền; đường giao thông, cây xanh. Doanh thu 15 - 18 triệu USD/năm.

22. Dự án phát triển du lịch sinh thái Lam Hạ, Phủ Văn

- Địa điểm: thị xã Phủ Lý, trên đất xã Lam Hạ, bên cạnh cửa sông Châu.

- Quy mô và thông số kỹ thuật: xây dựng khách sạn, khu vui chơi, giải trí, thể thao, các dịch vụ du lịch nghỉ ngơi. Quy mô 30 ha, gồm cây xanh 15 ha, ao hồ 10 ha, công trình giải trí và phụ trợ 5 ha.

23. Xây dựng khách sạn 3 & 5 sao

- Địa điểm: thị xã Phủ Lý.

- Quy mô và thông số kỹ thuật: xây dựng khu khách sạn đáp ứng du lịch, phục vụ các hội nghị lớn. Quy mô 250 phòng (giai đoạn I: 100 phòng; giai đoạn II: 150 phòng), cao 11 tầng, đạt tiêu chuẩn 3 - 5 sao.

24. Dự án khai thác du lịch hồ Tam Chúc

- Địa điểm: huyện Kim Bảng.

- Quy mô và thông số kỹ thuật: 585 ha mặt nước, 600 ha khu sinh thái, nhà nghỉ, sân gôn, tennis, công viên nước, khách sạn, bến du thuyền.

- Thời gian thực hiện: 2003 - 2006.

B. Danh mục các dự án mời đầu tư giai đoạn 2007 - 2010

1. Xây dựng nhà máy chế biến cá chim trắng, cá rô phi, tôm nõn xuất khẩu

- Công suất: 2.500 tấn.

2. Xây dựng nhà máy chế biến sữa bò và sản phẩm từ sữa

- Sản lượng 30 nghìn lít/ngày.

3. Xây dựng nhà máy sản xuất nước đá

- Công suất: 200 tấn đá/ngày.

4. Xây dựng hầm lạnh tiêu chuẩn 500 m² để bảo quản hàng đông lạnh xuất khẩu, chủ yếu bảo quản hoa tươi, rau, hoa quả xanh trái vụ

5. Xây dựng xưởng đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy

- Công suất: 5.000 tấn phương tiện/năm.

PORTFOLIO OF PROJECTS IN NEED OF INVESTMENT CAPITAL (PHASE 2003 - 2010)

A. Portfolio of projects in need of investment capital (phase 2003 - 2006)

1. Investment project on producing fireproof materials

- Location: Kim Bang district

- Scope and technical parameters: 01 fireproof material factory of 15 - 20,000 tonnes per year.

2. Investment project on producing light powder

- Location: Thanh Liem district

- Scope and technical parameters: 01 refine light powder of 50 - 70.000 tonnes per year with the standards of ISO.

3. Investment project on producing unbaked brick

- Location: Phu Ly town, districts of Kim Bang, Thanh Liem, and Duy Tien

- Scope and technical parameters: producing unbaked brick at the capacity of 20 - 30 million bricks per year

4. Investment project on producing footwear for export

- Location: concentrative industrial zones and clusters of Ha Nam province

- Scope and technical parameters: building high-quality

footwear workshop(s) for export at the output of 7 - 8 million pairs per year

5. Investment project on fibre, textile, and dyeing

- Location: concentrative industrial zones and clusters of Ha Nam province

- Scope and technical parameters: build a modern fibre, textile and dyeing factory with the capacity of 2 fibre machines of 40,000 spindles each, and 16,000 tonnes of fibre per year, and 20,000 sq.m of cloth per year.

- Investment form: joint-venture

6. Investment project on garment for export

- Location: concentrative industrial zones and clusters of Ha Nam province

- Scope: 5,000 sewing machines and 10,000 workers

7. Investment project on producing facilities for cement and construction material industries

- Location: Industrial zones of Dong Van, Chau Son, and Thanh Chau

- Scope and technical parameters: upgrading Ha

Nam Mechanics Factory or building a new mechanic facilities production chain of 11,500 tonnes of products per year to serve the industries of cement and construction materials.

8. Investment project on building infrastructure of concentrative industrial zones

- Location: districts of Kim Bang, Duy Tien, and Phu Ly town

- Scope and technical parameters: Building the infrastructure of constructive industrial zones of Dong Van (154 ha), Chau Son (200 ha), and industrial cluster of Hoang Dong (137 ha)

- Investment capital: Dong Van Industrial Zone (USD12 million), Chau Son Industrial Zone (USD26 million), Hoang Dong Industrial Cluster (USD18 million)

9. Investment project on producing and assembling electricity and electronic devices; spare parts of automobiles, motorbikes; facilities of healthcare, garment; and plastic doorframes

- Location: concentrative industrial zones of Dong Van and Chau Son, and outskirts of Phu Ly town

- Scope and technical parameters: building factories and workshops of producing and assembling mechanics, electricity, and electronic devices at the output of 5 - 6 million products per year

10. Investment project on treating garbage

- Location: Thanh Thuy commune, Thanh Liem district

- Scope and technical parameters: building a garbage treating and processing establishment of 18 hectares, capacity of 200 - 300 tonnes per day, duration of 10 years.

- Accessories constructions : road to the dumping ground and governing offices for officials and workers, guardians' post, maintaining workshop, tap water system, power station of 180 - 220 kVA.

11. Investment projects on applying biotechnologies for agriculture production

- Location: districts and townships in the province

- Scope and technical parameters: setting up high-quality rice fields of 10 - 15,000 ha; planting and pro-

cessing safe vegetables (tomato, cauliflower, cabbage, maize, baby cucumber, and so forth) at the productivity of 30,000 tonnes per year.

12. Investment project on building and trading tap water for Dong Van Industrial Zone, Dong Van township, and treating garbage in the industrial zone

- Location: Dong Van Industrial Zone, Duy Tien district

- Scope and technical parameters: approved project at the capacity of 5,000 cu.m per day

13. Investment project on NPK fertiliser

- Location: outskirts of Phu Ly town

- Capacity: 30,000 tonnes per year

- Investment capital: VND30 - 35 billion

14. Investment project on dominant sewage drainage in Phu Ly town (decision on approval has been signed)

- Scope: building Do Xa reservoir of 150x150x4.5 m, pumping station of 42,000 cu.m per hour; 01 releasing pool of 14,000 cu.m, a releasing canal of 450 m; the sewage treating ability of 10,000 cu.m per day, and shall be raised up to 20,000 cu.m per day by 2020.

- Capital source ODA

- Duration: 2002 - 2006

- Investment capital: USD8 million.

15. Investment project on belts of provincial town

- Length: 78 km, the third grade road, including 04 big bridges

- Grand total investment capital: USD30 million.

16. Investment project on Nhu Trac port nearby Red river

- Loading capacity: 800,000 tonnes per year

- Area of stores: 02 ha

- Investment capital: USD2 - 3 million

- Tonnage of landing ships: 600 tonnes.

17. Investment project on farm produce production and processing: solid tomato juice, soya milk, maize starch, and tissue

- Location: districts of Duy Tien, Ly Nhan and Phu Ly town

- Scope and technical parameters: building a factory producing 250 tonnes of solid tomato juice per day,

50,000 litres of soya milk per year, and 2,000 tonnes of maize starch per year

18. Investment project on breeding poultry, super lean pigs; and processing port for export

- Location: districts, townships, zones of industries and crafts

- Scope and technical parameters: Improve the poultry flock of 01 million fowls per year, 250,000 pigs; and build a export port processing plant of 10,000 tonnes per year in Dong Van Industrial Zone

19. Investment project on mulberry and silkworm breeding

- Location: districts of Duy Tien, Ly Nhan, and Binh Luc

- Scope and technical parameters: cultivate 1,500 ha of mulberry to breeding silkworm, and unravelling silkworm cocoons for export. It could invest in constructing one silk purchasing centre in Phu Ly town; 10 silkworm cocoon processing stations in mulberry fields or silkworm raising areas with a silk cocoon unravelling machine of 08 - 10 tonnes per day in each station.

20. Investment project on cowing breeding and high-quality beef processing

- Location: districts across the province

- Scope and technical parameters: upgrading the herd of 2,000 cows for food and diary cows; with the capacity of 6 - 8,000 tonnes of products per year

- Investment form: joint-venture

- Investment capital USD2.5 million

21. Investment project on building and trading Trade Centre in Phu Ly town (has been approved)

- Location: Phu Ly town

- Scope and technical parameters: synchronously build the infrastructure of the trade centre to direct trade or for rent. Total area of 5 - 8 ha, including one three-star hotel of five storeys and 150 rooms; one dock boat for tourists following waterways to Huong pagoda, Kem Trong, five-marble mountains; one boathouse by Day river to fete boat tourists; road, trees. Revenue of USD15 - 18 million.

22. Investment project on eco-tourism development in Lam ha, Phu Van

- Location: Phu Ly town, Lam Ha commune, nearby the estuary of Chau river

- Scope and technical parameters: build hotel, recreation and sport centres, and tourism services. Total area is of 30 ha, including 15 ha of green trees, 10 ha of pools, recreation and accessories constructions of 5 ha.

23. Investment project on building a hotel of 3-5 stars

- Location: Phu Ly town

- Scope and technical parameters: build a hotel serving tourists and big conferences at the scale of 250 rooms (first phase: 100 rooms; and second phase: 150 rooms), and 11 storeys, at the standard of 3 - 5 stars.

24. Investment project on tourism site of Tam Chuc

- Location: Kim Bang district

- Scope and technical parameters: 585 ha of water surface, 600 ha of eco-site, guesthouses, golf court, tennis court, water park, hotels, dock boats.

- Duration: 2003 - 2006

B. Portfolio of projects in need of investment capital (Phase 2007 - 2010)

1. Investment project on building export butterflyfish-tilapia-shrimp processing factory

- Capacity: 2,500 tonnes.

2. Investment project on processing milk and milk products

- Output: 30,000 litres per day.

3. Investment project on ice production factory

- Capacity: 200 tonnes of ice per day

4. Investment project on manufacturing 500 sq.m

ice tanks for restoring frozen products for export, mainly fresh fruits and vegetables, and fresh fruits at wrong time

5. Investment project on manufacturing and maintaining water transportation means

- Capacity: 5,000 tonnes per year.

CHƯƠNG IV: KHU CÔNG NGHIỆP

QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TẬP TRUNG:

Tạo NÊN MÓNG cho ngành công nghiệp bút phá

Trong những năm gần đây, diện mạo của ngành công nghiệp Hà Nam đã có nhiều khởi sắc. Cùng với chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, việc hình thành các khu công nghiệp, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đã tạo nên điểm nhấn quan trọng, góp phần đưa Hà Nam trở thành tỉnh công nghiệp vào năm 2020.

Xác định không thể đi lên bằng nông nghiệp, trong những năm qua, Hà Nam đã có nhiều cố gắng chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Trong đó, chú trọng thành lập và đưa vào phát triển các khu công nghiệp để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước, nhằm nâng cao thu nhập cho người dân trong tỉnh là bước đột phá quan trọng đưa kinh tế Hà Nam nhanh chóng bắt kịp với kinh tế cả nước và từng bước hội nhập khu vực.

Những nỗ lực đưa công nghiệp phát triển

Dựa trên Nghị quyết số 08/NQ-TU ngày 2-5-2003 của Tỉnh uỷ và Kế hoạch triển khai 373 ngày 26-5-2003 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về đẩy mạnh và phát triển công nghiệp -

tiểu thủ công nghiệp, Hà Nam xác định: công nghiệp là hướng đi chủ đạo. Bên cạnh tập trung phát triển ngành công nghiệp vật liệu xây dựng nhằm khai thác thế mạnh về tài nguyên của tỉnh, việc phát triển các khu công nghiệp nhằm tạo điều kiện thu hút đầu tư đóng vai trò hết sức quan trọng, không những giúp kinh tế phát triển mà còn tạo tiền đề để Hà Nam mở rộng và nâng cao chất lượng các khu đô thị.

Sự ra đời của Ban quản lý các Khu công nghiệp Hà Nam đã mở ra nhiều triển vọng mới, trở thành đầu mối quan trọng, giúp tỉnh giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, đầu tư sản xuất - kinh doanh, thu hút đầu tư phục vụ sự phát triển các khu công nghiệp. Từ khi đi vào hoạt động, ban quản lý đã tích cực tham mưu cho Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản có liên quan phục vụ công tác quản lý nhà nước như: quy chế quản lý các khu công nghiệp; quy định về chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư vào các khu công nghiệp; quy định về trình tự: thẩm quyền, thời gian giải quyết các thủ tục hành chính đối với các dự án đầu tư... Đặc biệt, công tác cải cách thủ tục hành chính với việc áp dụng cơ chế quản lý "một đầu mối", trong đó Ban quản lý các khu công nghiệp Hà Nam là nơi trực tiếp giải quyết các yêu cầu của các nhà đầu tư đã mang lại nhiều kết quả thiết thực.

Với những cơ chế, chính sách thông thoáng, Hà Nam đã thu hút hàng chục doanh nghiệp đầu tư vào các khu công nghiệp. Trong đó có 11 doanh nghiệp đi vào sản xuất ổn định, thu hút hơn 1.000 lao động vào làm việc với mức thu nhập bình quân 400.000 - 1.000.000 đồng/người/tháng. Việc ban hành các văn bản khuyến

khích thu hút đầu tư về cơ bản đã tạo nên hành lang pháp lý thuận lợi, thu hút ngày càng nhiều các doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghiệp ở Hà Nam.

Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp

Theo quy hoạch tổng thể phát triển các khu công nghiệp của tỉnh Hà Nam đến năm 2010 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Hà Nam sẽ xây dựng và đưa vào hoạt động 5 khu công nghiệp với tổng diện tích 1.161 ha, bao gồm: Đồng Văn, Châu Sơn, Hoàng Đông, Hoà Mạc và Thanh Liêm. Trong đó, Khu công nghiệp Đồng Văn đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép đầu tư xây dựng, với tổng vốn đầu tư gần 200 tỷ đồng trong vòng 5 năm (2003 - 2008). Khu công nghiệp Châu Sơn đã được Chính phủ chấp thuận chủ trương và phương thức xây dựng. Đây vừa là những khu, cụm công nghiệp trọng điểm, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Nam.



Tổng vốn đầu tư cho Khu công nghiệp Đồng Văn trong 5 năm (2003 - 2008) đạt gần 200 tỷ đồng

Tuy mới được đầu tư xây dựng (chủ yếu từ năm 2003), nhưng đến năm 2004, kết cấu hạ tầng của Khu công nghiệp Đồng Văn về cơ bản đã hoàn chỉnh. Ông Nguyễn Văn Thái - Trưởng ban Ban quản lý các khu công nghiệp Hà Nam - cho biết: "Năm 2004, có trên 50 doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghiệp Đồng Văn với tổng vốn đăng ký khoảng 2.200 tỷ đồng, tạo việc làm cho hàng chục nghìn lao động. Trong đó có 11 doanh nghiệp đi vào hoạt động, với 92,1/159,3 tỷ đồng vốn đăng ký đã được đưa vào thực hiện; số lao động đã đăng ký vào các doanh nghiệp là 1.310 lao động. Nhiều doanh nghiệp khác cũng đang tiếp tục đăng ký đầu tư". Theo ông Nguyễn Văn Thái, các ngành nghề mà Khu công nghiệp Đồng Văn ưu tiên phát triển,

gồm có điện tử, cơ khí lắp ráp và sản xuất phụ tùng cơ khí, sản xuất hàng tiêu dùng, hàng thủ công mỹ nghệ, công nghiệp dệt may, vật liệu xây dựng gốm sứ cao cấp, chế biến thực phẩm và các sản phẩm nông nghiệp.... Thực tế hoạt động của các khu công nghiệp cho thấy, Hà Nam đã từng bước hình thành một số ngành công nghiệp tiên tiến, hiện đại như: cơ khí, điện tử,... Ngoài lĩnh vực chế biến nông sản và sản xuất vật liệu xây dựng,... tỉnh còn chú trọng phát triển các ngành gia công may mặc, da giày, đồ mỹ nghệ... nhằm đưa công nghiệp phát triển theo hướng xuất khẩu, sử dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh tế.

Nhận thức rõ công tác quy hoạch phát triển các khu công nghiệp phải gắn liền với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, Hà Nam đã đưa ra những giải pháp về phân bố địa điểm các khu công nghiệp gắn với quy hoạch đô thị, phân bố dân cư theo hướng hình thành mạng lưới đô thị hài hoà, hợp lý trên địa bàn tỉnh. Đây không những là điều kiện thuận lợi để khai thác tiềm năng và thế mạnh sẵn có tại địa phương, mà còn tạo ra môi trường hấp dẫn cho thu hút đầu tư trong và ngoài nước, góp phần giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, tạo nguồn thu cho ngân sách, thúc đẩy đô thị hoá nông thôn, đồng thời tạo điều kiện để Hà Nam tiếp thu công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến.

Được sự quan tâm hỗ trợ của Chính phủ và các bộ ngành Trung ương, cùng với những cơ chế chính sách ưu đãi thông thoáng và sự năng động của tỉnh trong phát triển các khu công nghiệp, Hà Nam sẽ thu hút nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển trong giai đoạn mới, đưa Hà Nam dần vươn lên hội nhập kinh tế quốc tế.

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP HÀ NAM

Địa chỉ: Khu A Hồ Châu Giang A - thị xã Phủ Lý - Hà Nam

Điện thoại: 0351. 857961 - 850569

CHAPTER IV: INDUSTRIAL ZONES

CENTRALISED INDUSTRIAL ZONES' DEVELOPMENT PLAN

CASTING A HARD SPRINGBOARD for great steps forwards of Industry

It's likely to say the image of Ha Nam industry has been enhanced remarkably in recent years. The building of industrial - craft zones and clusters, along with the economic reform in the way suited to industrialisation and modernisation, has formed an impetus of capital important for an industrialised province of Ha Nam by 2020.

As a matter of fact, it could not grow robustly with the unique agriculture economy, Ha Nam over the past several years has made endeavors to reform the provincial economy in the drive of greater proportion of industry - service, and smaller part of the agriculture. Significantly, the policy on setting up and developing industrial zones to magnetise Vietnamese and overseas investors as an effort to raise the income for the provincial inhabitants could be seen as a crucial breakthrough boosting Ha Nam's economy to catch up with the national economy and progressively integrate into the regional economies.

Efforts for industry's growth

Through Resolution No.08/NQ-TU dated May 2nd 2003 of the provincial Party Committee and Action Plan No.373

dated May 26th 2003 of the provincial People's Committee on accelerating and developing industry - craft. Ha Nam has defined that the industry would be the dominant step of this province. Together with the concentration on construction material industry for making most of the province's natural resources, the development of industrial zones attracting investors acts as an important role that not only speeds up the local economic growth but also gives the premise for larger and better urban areas of Ha Nam.

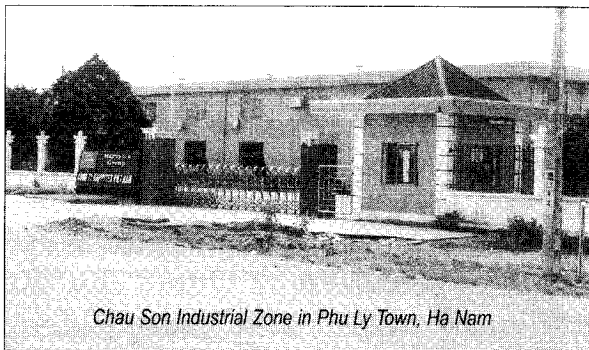
The appearance of Management Board of Ha Nam Industrial Zones has opened a new stage with the role of a coordinating body to tackle issues of infrastructure development investment, production - business investment, attraction for investment for the development of industrial zones. Since its first day of existence, the board has actively given counsels to the provincial People's Committee to promulgate documents of concerns for the State's governance affairs like management regulations on industrial zones: principles on preferential policies on investment in industrial zones: regulations on order, authority and schedule for administrative formalities' fulfilment for investment projects, and so on. Particularly, the administration reform and the application of the "one-stop" policy - of which the Management Board directly handles requirements of investors - have made good outcomes.

Thanks to open mechanisms and policies, Ha Nam has successfully drawn dozens of enterprises to invest in the province's industrial zones. Of which, over 11 enterprises have done their business smoothly, providing employment to over 1,000 workers with the monthly income of VND400.000 - 1 mil-

lion per person. Promulgated documents on incentive investment have acted as a convenient legal framework for more and more entrepreneurs deciding to invest in industrial zones of Ha Nam.

Development plan on industrial zones

As stated in the development master plan on industrial zones of Ha Nam by 2010 approved by the Prime Minister, this province shall build and put in use five industrial zones of 1,161 ha: including Dong Van, Chau Son, Hoang Dong, Hoa Mac and Thanh Liem. Of which, the Prime Minister has permitted the province to invest VND200 billion in Dong Van Industrial Zone with the duration of five years (2003 - 2008). The construction form of Chau Son Industrial Zone has been approved by the Government, too. All of them are key industrial zones and act as the motive for socio-economic development of Ha Nam province.



Chau Son Industrial Zone in Phu Ly Town, Ha Nam

In inspire of new construction investment (most in 2003), the infrastructure of Dong Van Industrial Zone had been mostly completed in late 2004. "The year of 2004 saw over 50 enterprises investing in Dong Van industrial zone with the total amount of registered capital of about VND2,200 billion, generating employment to dozen thousands of workers. Elevent enterprises of VND92.1/VND159.3 billion registered capital amount have been put into operation, giving employment opportunities to 1,310 workers. Other enterprises are registering for investment licenses," said Mr. Nguyen Van Thai, Head of Management Board of Ha Nam Industrial Zone. Also according to Mr. Thai, fields that Dong Van Industrial Zone give priorities for development include electricity, mechanic acces-

sories assembly and production, consumer product, fine art products, textile and garment industries, construction materials and high-quality porcelain, foodstuff and farm produce processing, and so on. The reality in operating industrial zones has shown that several advanced and modern industries of mechanics, electronics, etc., are progressively taking their shape in Ha Nam. The province, together with concerns to farm produce processing, construction material production, and so on, has attached great importance to developing industries of garment, lather and footwear, fine art production, etc. in an attempt to produce exports and use advanced technologies to improve the labour productivity and business efficiency.

Fully apprehending the need of attaching the development of industrial zones with the province's socio-economic development master plan, solutions for settling industrial zones in lines with urban development planning and resident settlement in the drive of forming a harmonious urban network in the province. This shall not only create a convenient conditions for utilising potentials and strengths of the locality, but also produce a warm climate for domestic and overseas investment, partly generate jobs for local workers and income sources for the budget, accelerate urbanization in rural areas, and enable Ha Nam to import advanced technologies and governance experience.

The province of Ha Nam, with the due concerns and assistance from the Government and ministers and branches of the Central along with open preferential policies and the dynamic of the province for the development of industrial zones, shall magnetise more Vietnamese and foreign investors to boost the provincial socio-economic development in the new stage, enabling this province to progressively integrate with the international economy.

MANAGEMENT BOARD OF HA NAM INDUSTRIAL ZONES

Add: Block A, Ho Chau Giang A, Phu Ly town,
Ha Nam province
Tel: 0351. 857961 - 850569

CƠ CHẾ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

VÀO CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Với chủ trương nhanh chóng "lập dãy" các khu công nghiệp, Hà Nam đã ban hành nhiều cơ chế chính sách thông thoáng thu hút đầu tư trên nhiều lĩnh vực khác nhau như: công nghiệp điện tử, cơ khí lắp ráp, nhựa, hóa mỹ phẩm, công nghiệp chế biến nông thủy sản thực phẩm, công nghiệp vật liệu xây dựng trang trí nội thất, hàng mỹ nghệ gốm sứ cao cấp, công nghiệp may mặc thêu ren, giày da xuất khẩu. Trong đó:

- 1) Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm thu hồi đất, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ 30% tổng kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng cho các nhà đầu tư vào khu công nghiệp.
- 2) Giá thuê đất: nhà đầu tư được hướng dẫn đầu tư để chọn một trong các khu công nghiệp của tỉnh để xây dựng cơ sở sản xuất - kinh doanh và được hưởng mức giá thuê đất 0,12 USD/m²/năm.
- 3) Miễn, giảm tiền thuê đất: các dự án đầu tư nước ngoài và các dự án đầu tư nằm trong danh mục A Nghị định 51/NĐ-CP ngày 8-7-1999; dự án có sử dụng từ 50 lao động trở lên theo Luật khuyến khích đầu tư trong nước được miễn giảm 100% trong 10 năm đầu và 50% trong 10 năm tiếp theo. Đối với doanh nghiệp hoạt động theo Luật đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh, nếu thu hút thêm nhà đầu tư mới về đầu tư vào các khu công nghiệp sẽ được giảm 50% thuê đất trong suốt thời gian thực hiện dự án.
 - Đối với các dự án sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản, đầu tư thí nghiệm nghiên cứu khoa học, được giảm 50% mức giá thuê đất.
- 4) Ưu đãi về vốn: các nhà đầu tư vào khu công nghiệp được vay vốn tín dụng ưu đãi, hỗ trợ lãi suất, bảo lãnh vay theo các quy định của Nhà nước.
- 5) Chính sách về lao động: các dự án đầu tư vào khu công nghiệp có sử dụng từ 50 lao động trong tỉnh trở lên, được Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề, với mức kinh phí 300 nghìn đồng/người từ nguồn ngân sách của tỉnh đối với công nhân chưa có tay nghề; được ưu tiên tiếp nhận số lao động đã qua đào tạo tại các trường chuyên nghiệp, dạy nghề.

PREFERENTIAL POLICIES

ON INVESTMENT IN INDUSTRIAL ZONES

Pursuing the target of fulfilling industrial zones' space as soon as possible, there appear numerous approved preferential policies on investment in different fields including electronic technology, assembling mechanics, plastics, goods and cosmetics, agricultural produce processing, construction materials, interior decoration, high-class pottery, garment and embroidery, export footwear, etc. Those things will be done in combination with following issues.

- 1) The provincial People's Committee is responsible for land recovery, site clearance and 30% of total compensation expenditure for site clearance supported to investors in industrial zones.
- 2) In term of rent: given with constructions, investors are able to choose one of industrial zones for leading production - business and favoured the rent rate of USD0.12/sq.m/year.
- 3) Land exemption and reduction will be provided to foreign investment projects and those in category A of Decree No.51/ND-CP on July 8th 1999; to those using at least 50 labourers with 100% exemption in the first 10 years and 50% reduction in 10 next years according to the Local Investment Encouragement Law. For enterprises, that make more foreign investors invest in the industrial zones will be favoured 50% rent reduction during the investment time.
 - The projects which specializing in agro-sylvi-aquaculture production and processing and those in science - technology researches will be received the reduction of 50% rental amount.
- 4) With regard to capital: preferential credit capital, interest assistance and loan guarantee are issues supplied investors in conformity to the State's policies.
- 5) Series of labour policies will be applied to entrepreneurs who using at least 50 local labourers namely training expenditure with VND300,000/person towards untrained people from the provincial budget; priority in trained workers from vocational schools.



VĂN HÓA - THÔNG TIN

CULTURE - INFORMATION



Giữ gìn những nét sinh hoạt văn hoá truyền thống với ý thức hướng về nguồn cội, góp phần xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

Conserve traditional culture services, look back to the origin, contribute to build the Vietnamese culture full of national characteristics



Sản vật quê hương Hà Nam từ tinh túy của đất mẹ, sự cần cù của người nuôi trồng, đôi bàn tay khéo léo của người đầu bếp thôn quê,...

Special products of Ha Nam - quintessence of the fatherland, diligence of farmers, and skillfull hands of country cooks, etc.



Phát thanh truyền hình - cầu nối quan trọng giữa Đảng, chính quyền với nhân dân

Radio - television, the linkage of special importance among the Party, administration and the people

SỞ VĂN HOÁ - THÔNG TIN HÀ NAM:

Vì nền VĂN HOÁ TIẾN BỘ VÀ đậm đà bản sắc

Ngày nay, nhiều địa phương của Hà Nam vẫn bảo lưu được những nét tinh hoa trong vốn văn hoá cả vật thể và phi vật thể. Trên nền tảng đó, bằng sự phấn đấu bền bỉ, ngành văn hoá - thông tin Hà Nam đang tạo nên phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" sôi động, có sức lan toả và thấm sâu đến mọi mặt đời sống xã hội ở từng cơ sở.

Nâng cao chất lượng đời sống văn hoá cơ sở

Từ năm 1997 đến năm 2004, công tác xây dựng đời sống văn hoá

cơ sở ở Hà Nam có nhiều chuyển biến tích cực. Với phương châm "Lấy cơ sở làm mục tiêu hoạt động chính", ngành văn hoá - thông tin Hà Nam đã từng bước đổi mới và hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hoá từ tỉnh tới cơ sở, làm cho chúng ngày càng phát huy hiệu quả.

Mảnh đất Hà Nam - vùng ô trũng lớn nhất của đồng bằng châu thổ sông Hồng - được khai phá từ rất lâu đời. Hàng nghìn năm qua, những thế hệ người dân Hà Nam không ngừng nối tiếp nhau bồi đắp, làm giàu thêm dòng chảy truyền thống văn hoá - lịch sử của quê hương. Hòa cùng sự chuyển mình của đất nước trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá, ngành văn hoá - thông tin Hà Nam đã và đang tích cực chỉ đạo người dân trong tỉnh gìn giữ, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống và xây dựng những giá trị văn hóa mới, góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Bên cạnh những lễ hội truyền thống được tổ chức sôi nổi hàng năm, ngành đã xây dựng và mở rộng nhiều hình thức hoạt động mới mẻ như: hội thi giới thiệu sách, hội thi thông tin lưu động, hội thi giọng hát hay thiếu niên toàn tỉnh, hội diễn nghệ thuật quần chúng, liên hoan văn hóa - văn nghệ các làng văn hóa tiêu biểu... thu hút hàng vạn lượt người tham gia. Các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ và năng khiếu nghệ thuật cho cơ sở được triển khai rộng rãi, giúp cơ sở tiếp cận và phát triển nhiều hình thức sinh hoạt văn hóa mới, thúc đẩy phong trào giao lưu văn hoá, văn nghệ giữa các thôn, bản.

Đặc biệt, trong phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá", các phong trào "Xóa đói giảm nghèo", "Đến ơn đáp nghĩa", "Thanh niên lập nghiệp"... đã và đang trở thành nguồn lực vật chất và tinh thần to lớn, đóng góp có hiệu quả vào các chương trình, mục tiêu

phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương như: giảm tỷ lệ hộ đói, nghèo, nâng cao mức sống của người dân, đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế,... Diện mạo nông nghiệp, nông thôn Hà Nam nhờ đó cũng đổi thay từng ngày. Phong trào xây dựng "Làng văn hoá, Gia đình văn hoá, Đơn vị văn hoá" tại các khu dân cư dần đi vào chiều sâu. Năm 2005, toàn tỉnh có 475 làng văn hoá, 397 đơn vị văn hoá và gần 80% hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá. Việc bình xét nghiêm túc, công bằng đã giúp tỉnh phát hiện và biểu dương kịp thời các điển hình tiên tiến trên nhiều lĩnh vực. Qua đó, khai thác hiệu quả thế mạnh của từng vùng, miền và đơn vị cơ sở trong phát triển kinh tế - xã hội.

Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động văn hóa cũng được ngành chú trọng phát triển. Được sự

quan tâm của các cấp lãnh đạo Trung ương và địa phương, ngành đã xây dựng được nhiều công trình văn hoá có giá trị, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của người dân.

Đẩy mạnh hoạt động nghệ thuật, thông tin và bảo tàng

Kinh tế phát triển đã kéo theo nhu cầu thưởng thức văn hoá, văn nghệ của nhân dân Hà Nam cũng tăng lên rõ rệt. Nắm bắt kịp thời yêu cầu đó, ngoài việc phát triển nhiều hình thức sinh hoạt văn hoá - văn nghệ kiểu mới, ngành văn hóa - thông tin Hà Nam còn quan tâm khai thác vốn văn hóa truyền thống, coi đây là nhiệm vụ quan trọng. Nhiều câu lạc bộ văn hoá ra đời đã chiếm được tình cảm yêu mến của bà con nhân dân, tiêu biểu như: Câu lạc bộ hát dặm Quyển Sơn (Kim Bảng), Câu lạc bộ nhạc dân tộc (Bình Lục), Câu lạc bộ hát chèo và dân ca (thị xã Phủ Lý), Câu lạc bộ văn hoá dân gian của Ban di tích Đền Bà Vũ (Lý Nhân), Câu lạc bộ văn nghệ của Văn phòng Tỉnh uỷ,... Các chương trình văn hoá, văn nghệ "mừng Đảng - mừng Xuân", kỷ niệm ngày sinh nhật Bác Hồ, liên hoan tiếng hát truyền hình,... luôn tạo được dấu ấn tốt đẹp trong lòng người dân. Đặc biệt, Đoàn nghệ thuật chèo Hà Nam thường xuyên có những chương trình biểu diễn đặc sắc, với nhiều vở diễn có sức hấp dẫn không chỉ đối với nhân dân trong và ngoài tỉnh mà còn tham gia lưu diễn ở nước ngoài, trở thành niềm tự hào của tỉnh.

Lĩnh vực nghệ thuật nhiếp ảnh, mỹ thuật cũng có những bước tiến đáng ghi nhận. Nhiều tác phẩm tranh vẽ, ảnh đã thể hiện chân thực và sinh động màu sắc của đời sống đương đại. Trong đó, không ít tác phẩm đã được nhận giải thưởng khu vực và toàn quốc. Công tác văn nghệ cổ động, chiếu bóng lưu động đã trở thành công cụ tuyên truyền hữu hiệu chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ chính trị - xã hội tại địa phương.

MỘT SỐ CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XÂY DỰNG HA TẦNG CƠ SỞ VĂN HÓA HÀ NAM GIAI ĐOẠN 1997 - 2004	
Công trình	Vốn đầu tư
Xây dựng Bảo tàng tỉnh Hà Nam giai đoạn I	gần 7 tỷ đồng
Tu bổ, tôn tạo quần thể di tích Long Đọi Sơn	trên 10 tỷ đồng
Xây dựng trụ sở Đoàn nghệ thuật chèo Hà Nam	gần 3 tỷ đồng
Đầu tư trang thiết bị bằng bộ trang âm cho 100% làng văn hoá cấp tỉnh được công nhận năm 2002	66 triệu đồng
Xây dựng Nhà tưởng niệm Nam Cao	500 triệu đồng
Trang bị máy chiếu phim nhựa 35 mm cho Trung tâm phát hành phim và chiếu bóng	90 triệu đồng
Tôn tạo Khu di tích Nguyễn Khuyến	1,2 tỷ đồng
Xây dựng Khu công viên Nguyễn Khuyến	10 tỷ đồng
Xây dựng 52 nhà văn hoá xã, 436 nhà văn hoá thôn, làng	Hàng trăm triệu đồng

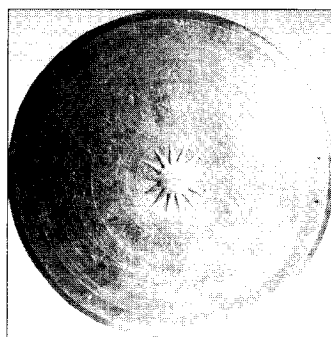
Nguồn: Sơ Án hóa - Thông tin Hà Nam

Trong hoạt động thông tin, thư viện, ngành văn hoá - thông tin Hà Nam luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu, phục vụ nhu cầu đọc, nghiên cứu, tra cứu của nhân dân. Sở Văn hoá - Thông tin Hà Nam cũng đã đầu tư hàng chục tỷ đồng để nâng cấp và xây dựng hàng loạt thư viện huyện. Sách báo được luân chuyển thường xuyên từ hệ thống thư viện tới tủ sách pháp luật và điểm bưu điện văn hóa xã. Năm 2004, 100% làng văn hoá trong tỉnh đều có tủ sách. Năm 2003, cán bộ thư viện Hà Nam đã tham gia và đạt giải nhì trong Hội thi "Cán bộ thư viện giỏi Liên hiệp Thư viện miền duyên hải phía Bắc".

Công tác bảo tồn, bảo tàng tỉnh đã có nhiều cố gắng bảo lưu, gìn giữ các sản phẩm, di tích văn hoá, thu hút hàng nghìn lượt khách tham quan mỗi năm. Các phương tiện truyền thông đại chúng trong tỉnh thường xuyên có chương trình giới thiệu giá trị các di tích lịch sử - văn hoá nhằm quảng bá rộng rãi và kêu gọi nhân dân tự giác bảo vệ, gìn giữ. Ngành văn hoá - thông tin cũng cho phục hồi nhiều lễ hội dân gian: sưu tầm, nghiên cứu và lưu giữ nhiều tác phẩm văn bia, dân ca, văn học dân gian. Ông Mai Hồng Khánh - Giám đốc Bảo tàng tỉnh Hà Nam - cho biết: "Các di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh và cổ vật tiêu biểu ghi dấu qua trình đấu tranh chống ngoại xâm và lao động sáng tạo của các thế hệ con người Hà Nam có vai trò to lớn trong công tác giáo dục truyền thống yêu nước và cách mạng đối với thế hệ trẻ. Đây cũng là nguồn tài nguyên du lịch, kho tàng tư liệu nghiên cứu vô cùng quý giá đối với Hà Nam".

Trải qua quá trình lịch sử hàng nghìn năm, nhân dân Hà Nam đã sáng tạo nên kho tàng văn hoá vật thể và phi vật thể phong phú, đa dạng.

Tiêu biểu về văn hoá vật thể có trống



Trống đồng Ngọc Lũ



Đình Cao Đà, xã Nhân Mỹ, huyện Lý Nhân, Hà Nam đã được Bộ Văn hoá Thông tin cấp bằng di tích lịch sử - văn hóa năm 2003

đồng Ngọc Lũ - dấu ấn về thời kỳ phát triển rực rỡ nhất của nền văn hóa Đông Sơn và hàng trăm di tích văn hóa lịch sử. Theo thống kê năm 2003 của Sở Văn hoá - Thông tin tỉnh Hà Nam, toàn tỉnh có trên 1.800 di tích hội tụ nhiều giá trị lịch sử, kiến trúc nghệ thuật, văn hoá dân gian, tôn giáo, tín ngưỡng,... Trong đó có 70 di tích đã được Nhà nước công nhận.

Về văn hoá phi vật thể không thể không nhắc đến 30 làng nghề thủ công truyền thống đang phát triển mạnh như: nghề dệt, nghề thêu, trồng dâu nuôi tằm, nghề làm trống, nghề thủ công mỹ nghệ, nghề mộc,... Hà Nam là quê hương của nhiều lễ hội truyền thống đậm đà bản sắc dân tộc với gần 100 lễ hội. Trong đó có 5 lễ hội vùng được tổ chức long trọng, thu hút đông đảo khách tham quan là lễ hội đền Trần Thương, lễ hội chùa Long Đọi, lễ hội đền Lảnh Giang, lễ hội đền Trúc và hát dặm Quyển Sơn và lễ hội vật võ Liễu Đồi.

Tiếp tục phát triển sự nghiệp văn hoá - thông tin trong thời kỳ mới

Thế kỷ XXI đang mở ra nhiều cơ hội và thách thức đối với nền văn hoá Việt Nam nói chung, ngành văn hoá - thông tin Hà Nam nói riêng. Điều kiện để giao lưu và tiếp cận các tinh hoa văn hoá nhân loại ngày càng thuận lợi.

song một số tiêu cực cũng bắt đầu nảy sinh khi những sản phẩm, dịch vụ văn hoá thiếu lành mạnh và tệ nạn xã hội xuất hiện nhiều hơn. Để đẩy lùi tiêu cực và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, ngành văn hóa - thông tin Hà Nam đã triển khai xây dựng các đề án quy hoạch phát triển sự nghiệp văn hóa - thông tin trong giai đoạn cách mạng mới.

Trong thời gian tới, ngành sẽ hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thông tin và hệ thống thiết chế văn hoá cơ sở; tăng cường công tác quản lý nhà nước về hoạt động văn hóa - thông tin và kinh doanh dịch vụ văn hóa. Ông Trần Quốc Hùng, Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin Hà Nam, khẳng định: "Ngành sẽ đặc biệt quan tâm, nâng cao chất lượng đời sống văn hoá cơ sở tại 15 xã miền núi và các xã nghèo trong tỉnh. Phát triển sâu rộng và hiệu quả cuộc vận động "toàn dân xây dựng đời sống văn hoá". Đồng thời, thu hút các nguồn lực để tiếp tục trùng tu, bảo tồn các di sản văn hoá, danh lam thắng cảnh trên địa bàn".

Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, Sở Văn hoá - Thông tin Hà Nam rất mong Bộ Văn hoá - Thông tin thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ và đầu tư kinh phí sự nghiệp cho hoạt động ngành. Ngành cũng mong muốn các cơ sở sản xuất văn hóa truyền thống được tạo điều kiện thuận lợi về quyền sử dụng đất, huy động nguồn vốn, ưu đãi thuế.... để có cơ hội phát triển mạnh mẽ, góp phần tích cực vào tiến trình phát triển ngành văn hoá - thông tin khu vực và cả nước.

SỞ VĂN HOÁ - THÔNG TIN HÀ NAM

Địa chỉ: đường Lý Thái Tổ - phường Lê Hồng Phong -
thị xã Phủ Lý - Hà Nam
Điện thoại: 0351.852857

HA NAM DEPARTMENT OF CULTURE

For the sake of

ADVANCED

AND IDENTIFIED

Ha Nam land, the most sunken place in Hong river delta, has been existed for a long time. Consecutive generations of the province for thousands of years have non stop enriched the cultural traditions of their beloved homeland. Along with the surge of the whole nation in the progress of industrialisation and modernisation, Ha Nam Department of Information and Culture (HDCl) have been making efforts to instruct the provincial citizens to keep and advance values of traditional culture and build up new cultural values so as to contributing towards building a Vietnamese culture full of national characteristics.

Nowadays, the creams of material and immaterial culture are kept original in many districts in Ha Nam. HDCl has set up a ebullient movement of "all people unite to build new cultural lifestyle" and this has big influence on all social aspects across the province.

AND INFORMATION:

CULTURE

Enhance cultural life of grassroots

Building a local culture life in Ha Nam has showed a large number of positive signals from 1997 to 2004. HDCI, aiming to successfully put the motto "grassroots level is the key target of all actions" into practice, has gradually improved and renewed the culture institution from the province to grassroots levels.

The activities relating to culture in grassroots has great significance in raising people's awareness and deepening their feeling towards tradition of the nation and native land as well. Therefore, the sector has been building and enriching various kinds of culture activities. Many types of festivals have been held annually and attracted large attendants: namely, contests of book introduction, mobile propaganda, best young signers of Ha Nam, and festivals of Public Art Performance, Culture and Art Performance among typical cultural villages. In addition, art performance training and fostering courses are actively held through out the province to help the relevant sectors in grassroots level to develop new forms of art performance and boost cultural exchanges among villages and helmets.

Especially, the movements "All people unite to build new cultural lifestyle", "Poverty alleviation", "Returning favours", "The youth makes fortune" have been a huge material and spiritual power greatly contributing towards

socio-economic development targets and programmes in the province. For example, reduce the rate of poor households, improve the people's living, speed up economic reform, and so on. Therefore, the image of agriculture and rural areas of the province has been beautified day by day. Movements to build cultural village, cultural family and cultural unit among residential areas have got due concerns. Up to 2005, the province had got 475 cultural villages, 397 cultural units, and 80% of families recognised as cultural standards. The province had equally and seriously commented and chose these specific examples, and this help the province find out and praise timely worthy people and units of different sectors. And then, the strength of each area and local units could be fully utilised.

The infrastructure of cultural affairs in the province has got special concerns of HDCI, too. Thanks to the interest

TYPICAL CULTURAL CONSTRUCTIONS AND INVESTMENT PROJECTS OF HA NAM PHASE 1997 - 2004

Constructions	Investment capital
Build Ha Nam Museum (phase I)	VND7 billion
Improve and embellish Long Doi Son relic complex	VND10 billion
Head office of Ha Nam Traditional Operetta Troupe	VND3 billion
Equip speakers for all cultural villages recognised by the province in 2002	VND66 million
Build Nam Cao Commemorating House	VND500 million
Equip 35mm celluloid film projector for Film Publishing and Projecting Centre	VND90 million
Restore Nguyen Khuyen Relic	VND10 billion
Build 52 commune culture halls, 436 village culture houses	Hundreds of million dongs

Source: Ha Nam Department of Culture and Information

from officials of both Central and provincial governments, the department has successfully constructed lots of cultural works of great values, meeting the increasing demand of the local people.

Accelerate affairs of arts, propaganda and museum

Apart from economic growth rate, Ha Nam people's need of culture and arts rises higher and higher. To grasp timely new requirements, HDCI has made great effort to raise quality of culture activities, and develop more and more culture and art clubs. However, the sector considers its important duty is to concentrate on improving traditional culture. Many newly born culture clubs has gained the people's love, namely, Quyen Son Folk Song Singing Club in Kim Bang, National Music Club in Binh Luc, Traditional Operetta and Folk Song Clubs (in Phu Ly town, in Hoa Ngai hamlet (Thanh Liem), in Ngo hamlet (Duc Ly-Ly Nhan), and in Le Ho commune (Kim Bang)), Folk Culture Club of Ba Vu temper's Relic Board in Ly Nhan district, Art Performance Club of Office of provincial Party, Culture, and so on. Especially, Ha Nam Traditional Operetta Band has become the pride of the province traditional arts because of series of impressive performances fascinating the people in and outside province and it also performs abroad.

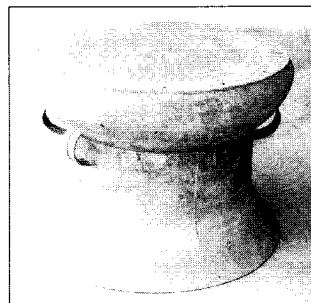
The photography art has gained considerable achievements. Numerous works of paints and images reflect truthfully the living picture of the current life. Many of which have got awards nationally and regionally. Performances of arts, projecting film, and supporting visually play an important role in propagandizing the nation and the Party's policies as well as in serving social and political purposes.

As to affairs information and library, the sector has always accomplished its duties in building the data base serving the need of reading, studying, doing reference of

the local people. Ha Nam Department of Culture and Information has invested dozens of billion dong in upgrading libraries in districts. Books and newspapers are usually delivered from the library network to shelves of legal books and post-culture service offices in communes. So far the year 2004 all the cultural villages have their own book keeping houses. Librarians of Ha Nam took part in the competition of "Excellent librarians in Northern coastal region" and won the second prize.

For the preservation of historical and cultural monuments, the province has strived to restore and remain cultural products and relics attracting thousands of tourists each year. Mass media in the province is often launching programmes on values of cultural and historical monuments in an effort to call the local people respect and protect those things. Further, the sector has relived many folk festivals, collected and restored works of steles, folk songs, literatures. "Antiques which once were used by ancestors in struggles against foreign invaders or the ones which were results of working process of Ha Nam people, historical - cultural relics, and the beauty of the nature have great significance and influence on educating patriotic tradition and revolutionary ideas. These also are tourism resources and valuable documents for Ha Nam.", said Mr. Mai Hong Khanh, the director of Ha Nam Museum.

Experiencing thousands of history, the people of Ha Nam has formed a material and immaterial treasury of various types.



*Kettle drum of Tri village (Duy Tien)
Foto: The Tuan*

Typical things of the material cultural treasury include Ngoc Lu Bronze drum - the evidence of the golden time of the Don Son culture and hundreds of cultural and historical monuments.



Festival of Cao Da communal house in Nhan My commune, Ly Nhan district, Ha Nam province

Foto: Ref

According to statistics in 2003 by HDCI, there exist over 1.800 relics of history, architecture, folk culture, religions and beliefs. Of which 70 monuments have been recognised by the State.

As to the immaterial culture, it can't help saying about 30 traditional craft villages developing robustly including textile, embroidery, mulberry and silkworm raising, drum making, fine art, carpentry, and so on. This province is home to nearly 100 traditional festivals full of national characteristics. There are five big festivals held formally, namely festivals of Tran Thuong temple, Long Doi pagoda, Lanh Giang temple, Truc temple, Quyen Son folk song, and Lieu Doi wrestling.

Further advance culture - information in new age

The 21st century is putting various opportunities as well as challenges to Vietnam culture in general and Ha Nam culture in particular. In the market economy, it's very advantageous to integrate and get access to advanced culture from foreign countries. However, we have to face arising negative problems, specifically, social evils and unhealthy culture services. HDCI has conducted a project to develop culture sector in the new coming years in order

to drive back negative factors and promote precious value of traditional culture.

Law documents relating to culture, art, information and culture institution system in grassroots level will be continuously completed in coming years. On the other hand, the government's control on culture and information will be speeded up. Following conclusion of 10th meeting of Central Party's Executive board, term 9th, cultural and spiritual life of Ha Nam people will be promoted, and Ha Nam culture will have new changes. Obviously, culture life in 15 mountainous and poor communes in grassroots level will be deeply concern and will be put in high quality. The campaign "All people building culture life" will be expanded and it will become more effective. Simultaneously, the department is taking interest on promoting value, maintaining culture relics, the beauty of the nature" said Tran Quoc Hung, director of HDCI.

Ha Nam Department of Culture and Information has submitted the Ministry of Culture and Information for approval to regularly establish professional training courses for officers and to finance practices of this sector. The culture and information sector also would like the relevant authorities to create a favourable condition in the fields of land used right, capital, and tax for centres issuing culture products. If these conditions can be reached the respective sector will have good chance to strongly develop and, therefore, it can make great contribution to culture and information integration process in the nation and the region.

HA NAM DEPARTMENT OF CULTURE AND
INFORMATION

Add: Ly Thai To Str., Le Hong Phong ward,
Phu Ly town
Tel: 0351.852857

Một số lễ hội TRUYỀN THỐNG

Nằm trong vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, mảnh đất, con người Hà Nam mang đậm nét đặc trưng văn hoá lúa nước của người Việt cổ. Trước thiên nhiên khắc nghiệt, nạn ngoại xâm luôn rình rập,... cộng đồng người Việt luôn đoàn kết, kiên trì bám trụ để sinh tồn. Cầu mong mưa thuận gió hoà, cuộc sống thanh bình, yên vui chính là tâm thức nhắc các cộng đồng hướng về nguồn cội. Đây cũng là xuất xứ cho các mùa lễ hội ở Hà Nam.

1. Lễ hội đền Trúc và hát dặm Quyển Sơn

Hát dặm Quyển Sơn và lễ hội đền Trúc (thôn Quyển Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng) từ lâu đã đi vào thơ ca, được nhiều nhà nghiên cứu văn hoá khảo cứu, giới thiệu.

Tương truyền, năm 1069, Thái úy Lý Thường Kiệt phụng mệnh vua đem quân đi đánh giặc Chiêm Thành. Đại quân đi bằng đường thủy theo sông Đáy để ra cửa biển Ninh Bình. Khi đi ngang qua một quả núi bên bờ hữu thuộc trại Canh Dịch (Quyển Sơn, Thi Sơn ngày nay) bỗng gặp một trận cuồng phong làm gãy cột buồm và cuốn phăng lá cờ suý lên sườn núi. Thấy sự lạ, Lý Thường Kiệt cho đó là điềm trời, bèn dừng quân, lên bờ sửa lễ tế quỷ thần, cầu xin cho quân thắng trận. Trận ấy quân ta thắng lớn, giặc Chiêm Thành phải quy hàng. Trên đường hồi quân về Thăng Long, Lý Thường Kiệt ghé lại dưới chân núi, mổ lợn



Một tiết mục biểu diễn trong ngày lễ hội truyền thống tại đền Trúc (xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng)

Ảnh: Vũ Dung

ăn mừng, khao thưởng quân sĩ. Dân Canh Dịch cũng được mời đến chung vui.

Cùng với sự kiện này, trại Canh Dịch được đổi tên thành trại Cuốn Sơn để gợi nhớ sự tích gió cuốn cờ lên núi. Đến thế kỷ thứ XIX, tên Cuốn Sơn được đổi thành Quyển Sơn (theo nghĩa chữ Hán, từ "Cuốn" đồng nghĩa với từ "Quyển"). Sau khi Lý Thường Kiệt qua đời, dân địa phương lập đền thờ ông ngay tại chân núi Cấm bên sông Đáy, nơi có rất nhiều trúc, gọi nôm na là đền Trúc.

Hàng năm, nhân dân Quyển Sơn mở cửa đền và tổ chức lễ hội từ ngày 10 tháng giêng đến ngày 10 tháng hai âm lịch. Trong thời gian này, công việc đồng áng đã xong xuôi, tiết xuân phơi phới. Con gái (thanh tân) trong làng ra đền Trúc tập múa hát dưới sự chỉ dẫn của bà trum. Sáng mồng 1 tháng 2, làng chính thức mở hội rước tượng Phật cùng bài vị Lý Thường Kiệt từ đền về đình làng. Sau nghi lễ tế cáo trời đất, thành hoàng chùng 3 tiếng đồng hồ thi đến các trò chơi như bơi chải, đấu vật, cờ tướng. Song nào nhiệt hơn cả là trò múa hát dặm - một làn điệu dân ca Bắc Bộ pha màu sắc Chăm-pa mà nghĩa quân của Lý Thường Kiệt học được khi họ cất quân đi đánh Chiêm Thành. Hát

dâm được biểu diễn liên tục 6 ngày. Đến sáng mồng 7 lại rước tượng Phật cùng bài vị Lý Thương Kiệt về đền. Hát dâm vẫn tiếp tục trong 3 ngày nữa (gọi là hát yên vị) và đến ngày 10 tháng 2 thì đóng cửa đền, văn hội.

2. Lễ hội chùa Long Đọi Sơn

Chùa Long Đọi Sơn được xây dựng dưới thời vua Lý Nhân Tông (1066 - 1128) trên núi Long Đọi, nay thuộc xã Đọi Sơn, huyện Duy Tiên.

Chùa cùng cây tháp Sùng Thiện Di Linh được xây từ năm 1118 đến năm 1122 thì hoàn thành. Hiện nay, chùa còn lưu giữ được nhiều di vật quý từ thời Lý như: 6 pho tượng Kim Cương bằng đá, tượng đầu người mình chim, nhiều mảng



Lễ hội chùa Long Đọi Sơn (huyện Duy Tiên)
Ảnh: Thế Tuấn

trang trí bằng đất nung, pho tượng Di Lặc bằng đồng, bia Sùng Thiện Di Linh,... Nhiều nhà thơ như vua Lê Thánh Tông, Nguyễn Phi Khanh (thân phụ của Nguyễn Trãi), Tam Nguyên Yên Đổ Nguyễn Khuyến, Bùi Di,... khi đến thăm chùa đã để lại nhiều bài thơ ca ngợi cảnh đẹp thiên nhiên, nay còn được lưu giữ tại chùa.

Đường lên chùa quanh co theo sườn núi thoải. Từ đỉnh núi nhìn ra bốn phía, du khách có thể thấy được cảnh trời mây, non nước xen cảnh làng mạc, ruộng đồng đẹp như bức tranh thủy mặc.

Hàng năm, cứ đến ngày 21 tháng 3 âm lịch, chùa Long Đọi Sơn lại mở hội, thu hút đông đảo nhân dân khắp nơi về làm lễ, văn cảnh. Sáng sớm ngày hôm đó, đoàn rước kiệu hành lễ từ chân núi lên chùa làm lễ dâng hương, tưởng

niệm Lý Nhân Tông - người có công xây dựng chùa và thể hiện tư tưởng Phật giáo theo bản sắc riêng của cộng đồng dân cư trồng lúa nước Việt Nam. Sau lễ dâng hương là các đội tế nam quan, tế nữ quan tạ ơn Trời - Phật.

Hội chùa Long Đọi Sơn còn tổ chức các trò: nấu cơm thi, thi dệt vải, bơi thuyền, hát chèo, hát đối, hát giao duyên, hội chơi gà, đấu vật, đánh cờ người,... nhằm tái hiện cảnh thanh bình của nước Đại Việt với nền văn minh nông nghiệp thời Lý. Ngoài ra, trong phần hội còn có các môn thể dục thể thao, văn hoá - văn nghệ hiện đại khác góp phần làm không khí lễ hội thêm tưng bừng, náo nhiệt.

3. Lễ hội đền Lảnh Giang

Đền Lảnh Giang thuộc thôn Yên Lạc, xã Mộc Nam, huyện Duy Tiên, được xây dựng trên một khu đất cao, sát chân đê sông Hồng. Đền thờ 3 vị tướng thời Hùng Duệ Vương, có công đánh giặc Thục, bảo vệ nền độc lập tự do của dân tộc.

Theo thần phả của đền, 3 vị tướng này có tiền thân là thủy thần. Chuyện rằng nàng Quý - mẹ của ba vị thần khi ra sông tắm bị một con thuồng luồng cuốn quanh người ba vòng, sau đó về mang thai, sinh ra các vị thần có mặt rồng, mình cá chép. Khi đất nước lâm nguy, ba vị này đã biến thành người giúp vua Hùng đánh thắng giặc, sau khi thắng trận trở về đã được vua ban thưởng.

Ngoài thờ 3 vị tướng thời vua Hùng, đền còn thờ Tiên Dung Công chúa - con gái vua Hùng, một trong 4 vị thần



Đền Lảnh Giang (thôn Yên Lạc, xã Mộc Nam, huyện Duy Tiên)
Ảnh: Thế Tuấn

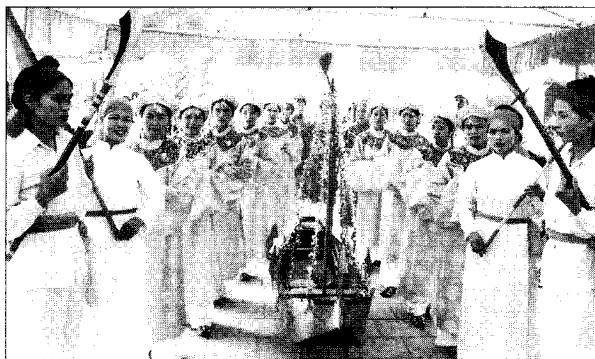
bất tử trên diện thờ Việt Nam. Sự phối thờ ở đền Lảnh Giang đã làm cho nội dung và hình thức lễ hội ở đây có những nét đặc trưng riêng so với một số lễ hội ở quanh vùng. Minh chứng là đền Lảnh Giang có tới 2 kỳ lễ hội vào tháng 6 và tháng 8 âm lịch. Kỳ hội tháng 6 diễn ra từ ngày 18 đến ngày 25 dành cho khách thập phương. Người đi hội mang vật phẩm dâng cúng tỏ lòng biết ơn thần thánh đã cho mưa thuận gió hoà, đem lại mùa màng tươi tốt. Còn kỳ hội tháng 8 dành cho khách quanh vùng và địa phương. Lễ hội tháng 8 tổ chức rước nước vào ngày 20.

4. Lễ hội đền Trần Thương

Đền Trần Thương thuộc thôn Trần Thương, xã Nhân Đạo, huyện Lý Nhân. Hàng năm, cứ đến ngày 20 tháng 8 âm lịch, nhân dân nơi đây lại tổ chức lễ hội để tưởng nhớ vị anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo.

Cùng với đền Kiếp Bạc (Hải Dương), đền Bảo Lộc (Nam Định), đền Trần Thương xưa kia không chỉ là nơi gắn bó với cuộc đời Trần Hưng Đạo mà còn là hành cung để các vua Trần mỗi độ về quê làm nơi an dưỡng và lập tôn miếu thờ phụng tổ tiên. Nói về sự gắn bó mật thiết giữa vùng đất Trần Thương và cuộc đời Trần Hưng Đạo, dân gian đã có câu: "Sinh Kiếp Bạc, thác Trần Thương, quê hương Bảo Lộc".

Lễ hội đền Trần Thương có tế lễ, rước sách cùng nhiều trò vui khác nhưng nổi bật nhất vẫn là tục đấu cờ tướng. Khi tiếng trống hội nổi lên, các câu thủ cùng dân làng đến sân đến dự cuộc. Lang chọn các lão làng, các chức sắc có



Chèo thuyền cô đôi trong lễ hội đền Trần Thương
(xã Nhân Đạo, huyện Lý Nhân)

Ảnh: Thế Tuấn

gia phong tốt vào khai cuộc. Trong đó, người cao tuổi nhất được làm chủ tế. Chủ tế làm lễ cáo yết Đức Thánh Trần rồi rước bàn cờ từ hậu cung ra trước hương án, nâng bàn cờ lên vải 3 vải. Sau đó, cuộc chơi bắt đầu. Hai đấu thủ mặc y phục truyền thống của các tướng lĩnh đời Trần mang thanh long đao vào cuộc. Sau một tuần hương, ai thắng người đó đoạt giải. Văn cuộc, quân cờ cùng bàn cờ được rửa bằng nước giếng của đền và nước ngũ quả, lau chùi cẩn thận rồi đặt lên hương án.

Tục chơi cờ nhằm tưởng nhớ tài thao lược quân sự của Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn, rèn luyện trí tuệ, nêu cao truyền thống chống giặc ngoại xâm của ông cha ta.

Bên cạnh tục đấu cờ, hội đền Trần Thương còn có các trò chơi như bơi chải và đi cầu Kiều nhằm diễn tả lại những kỹ năng hoạt động khéo léo, linh hoạt trên môi trường sông nước cùng tài năng thao lược thủy quân của quân sỹ nhà Trần.

5. Hội vật võ Liễu Đồi

Đây được coi là một trong những lễ hội có quy mô lớn và có sức sống bền bỉ nhất ở Hà Nam. Hội vật Liễu Đồi ra đời từ bao giờ không ai rõ, nhưng bao đời nay lễ hội chưa bao giờ bị mai một. Dù mưa bão, dù giặc già, không mở được hội lớn, thì Liễu Đồi vẫn giữ lệ nổi trống, đốt nhang, vật "năm keo trai rớt" trình làng lễ Thánh. Hội được tổ chức vào ngày 5 tháng giêng âm lịch hàng năm tại làng Liễu Đồi, xã Liêm Túc, huyện Thanh Liêm để ghi nhớ công ơn của chàng trai họ Đoàn giỏi võ, sức khỏe phi thường đã có



Một thế đánh của hai đô vật trong hội vật võ Liễu Đồi



Rước kiệu qua sông trong lễ hội làng Võ Giàng
Ảnh: Thế Tuấn

công đánh giặc cứu nước, được nhân dân tôn làm Thánh họ Đoàn. Đây là lễ hội có sức thu hút lớn đối với người dân trong làng và các vùng phụ cận tham gia đấu võ.

Với các lò vật Phúc Châu (Lý Nhân), An Bài (Bình Lục), hội vật Liễu Đôi là niềm tự hào gắn liền với lịch sử mảnh đất Hà Nam:

*Ngàn năm võ vật đua tài
Vạn năm sông rộng, núi dài tổ tiên*

6. Hội làng Võ Giàng

Hội làng Võ Giàng được tổ chức vào ngày 15 tháng 2 âm lịch hàng năm tại đình làng Võ Giàng, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm. Đình làng thờ ông Vũ Cỗ, một tướng tài của Lê Lợi đã tham gia cầm quân đánh đuổi giặc Minh trên đoạn sông Đáy. Hội có tế, lễ thánh, đua thuyền, phóng lao hát đối đáp nam nữ trên thuyền, hát giao duyên

Bất kể trong giai đoạn lịch sử nào, hoàn cảnh kinh tế nào, những lễ hội vẫn luôn là phần không thể thiếu trong đời sống tinh thần của người Hà Nam và nhân dân cả nước. Với ý thức hướng về nguồn cội, nhân dân Hà Nam đang tích cực gìn giữ và phát huy những giá trị tốt đẹp của các lễ hội, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

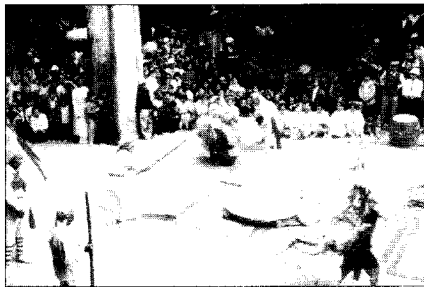
TRADITIONAL festivals

The location in the Red River delta involves Ha Nam land and people in the typical characteristics of the ancient Viet people's wet rice culture. In the face of countless difficulties coming from natural calamities, on the watch of invaders, etc., the Viet people are always in great solidarity for the existence. Therefore, the aspiration for advantageous climate and peaceful life seems to be the wish for the origin by all the public - this is the starting point of traditional festivals in Ha Nam.

1. Festival at Truc temple and hat Dam in Quyen

Hat Dam (folksong) in Quyen Son and Den Truc festival (Quyen Son hamlet, Thi Son commune, Kim Bang district) were known from poems and songs or introduction by numerous cultural researches for years.

Legend has it that Ly Thuong Kiet (a high-ranking mandarin) in compliance with the king's order led the troops to fight against Chiem Thanh army in 1069. The great army travelled by sea along Day river to Ninh Binh seaport. As passing a mountain in the right bank at Canh Dich farm (Quyen Son, Thi Son today), the troop got a hurricane



A performance in a traditional festival at Truc Pagoda,
Thi Son commune

Foto: Vu Dung

breaking the mast and throwing the general's flag the mountain-side. The unusual event thought to be heaven's omen made Ly Thuong Kiet stop his troops and worship for the victory. Our troops acquired great victory, forcing the enemy to surrender. On the way back to Thang Long capital, Ly Thuong Kiet dropped in at the foot of the mountain, killing pigs to celebrate the victory and reward with feasts to his soldiers with the participation of Cam Dich people.

This event resulted in renaming Canh Dich as Cuon Son as celebration of the wind taking away the flag to mountainside. Until the 19th century, Cuon Son was renamed Quyen Son since the synonym of the two words (Cuon and Quyen) in Sinology. When Ly Thuong Kiet passed away, the local residents set up a temple worshipping him at the foot of Cam mountain on the bank of Day river where existing a lot of ivory bamboos. The name of Truc (ivory bamboo) temple was generated then.

The people of Quyen Son annually open temple and organise festival from January 10th to February 10th of lunar year. This is the spring when people feel pleasant and free from their farm work. At this time, village girls gather in the temple to practise songs and dances under the guidance of a woman called ba trum. In the morning of the 1st February, the official festival is taken place for the possession of Buddha statue and votive tablet of Ly Thuong Kiet from the temple to the communal house. Finishing the accouchement to heaven and village tutelary god for three hours, there happen games like regatta, wrestling and playing chess. However, the most exciting game would be the performance of Dam songs and dances - the folk-song melody of Northern Vietnam in com-

ination with Champa characteristics learned by soldiers of Ly Thuong Kiet on their way to Chiem Thanh. The Dam pop songs are performed for six running days. In the morning of the 7th February, the Buddha statue and votive tablet of Ly Thuong Kiet are on the procession back to the temple. The following three days are for performance of Dam songs (called singing for settlement of priests). The temple and festival are closed on February 10th.

2. Long Doi Son pagoda festival

This pagoda was built under the Ly Nhan Tong reign (1066 - 1128) on Long Doi mountain, today known as Doi Son commune of Duy Tien district.

The pagoda, together with Sung Thien Di Linh tower, was built from 1118 - 1122. Long Doi Son pagoda presently maintains numerous precious relics from the Ly dynasty like six Kim Cuong stone statues, the statue of person head and bird body, terra-cotta pieces, Di Lac bronze statue, Sung Thien Di Linh stele, etc. There remain many poems praising the natural beauty by King Le Thanh Tong, Nguyen Phi Khanh (Nguyen Trai's father), Nguyen Khuyen (first winner of the three examinations), Bui Di, etc., in their visits to the pagoda.

The path leading to the pagoda is winding along the gently slop mountain. Standing at the top of mountain favours the view towards four directions with scenery of sky, water intermingled with villages and fields appearing as a painting of charming water and mountains.

On March 21st of lunar year annually, there happens festival in Long Doi pagoda attracting the participation of numerous people everywhere for worshipping and sightseeing. In the early morning of March 21st,



Long Doi Son Pagoda on a festival day
Foto: The Tuan

a procession from the mountain's foot to the pagoda aims at commemorating Ly Nhan Tong whose great contributions towards the pagoda establishment and showing the own distinction in Buddhism thought of Viet people. The ceremony of offering heaven and Buddha by men and women teams takes place.

There in Long Doi Son pagoda existing competitions known as cooking rice, weaving, regatta, Vietnamese popular opera, cock-fighting, wrestling, etc., target at reappearing the peaceful life of the Great Viet nation with the agricultural civilisation under Ly dynasty. Additionally, there appear modern games making the festival more exciting namely physical education - sports, culture - arts, etc.

3. Lanh Giang pagoda festival

The pagoda was built on a hillock by embankment of the Red river in Yen Lac hamlet, Moc Nam commune, Duy Tien district in worship of three generals under the rule of Hung Due Vuong whose great dedications towards the national liberation.

According to the pagoda records, those generals used to be water-genies. Legend has it that their mother, Quy lady, when having bath in river was rolled three circles by a serpent then gave birth with three dragon-faced and carp-bodied genies. When the nation in danger of domination, the three genies turned into men helping



Lanh Giang Pagoda on the festival day
Foto. The Tuan

king Hung get victory over the invaders and got rewards from the king.

In addition to the three gener-

als, princess Tien Dung - daughter of king Hung, one of four immortal genies in Vietnam history is another one included to be worshiped in the pagoda. It is the combination of worshipping marks typical festivals in Lanh Giang in comparison with those in the same region. Indeed, there have two festivals in Lanh Giang taken place in June and August lunar year. The former occurs from 18th to 25th of eighth lunar month intended for pilgrims. Visitors come to sacrifice offerings as worship for favourable natural conditions and bumper crops. The latter is reserved for regional and local people with the water procession on the 20th of the month.

4. Tran Thuong temple festival

This festival comes about every August 20th lunar year in Tran Thuong village, Nhan Dao commune, Ly Nhan district to commemorate the national hero Tran Hung Dao.

In common with Kiep Bac temple (Hai Duong province) and Bao Loc temple (Nam Dinh province). Tran Thuong used to couple with Tran Hung Dao's life as well as the place for convalescent and worshipping ancestors by numerous kings of Tran dynasty. In fact, Tran Thuong land is mentioned in the saying "born in Kiep Bac, died in Tran Thuong and living in Bao Loc" as showing the close relation between this place and Tran Hung Dao's life.

Numerous amusements including offering sacrifices and processing

books appear in Tran Thuong festival with playing chess considered the most typical one. After a roll of drum,



Near and far visitors at the festival of Tran Thuong Pagoda

Foto. The Tuan

athletics and people gather in the village ground. There aged and village dignitaries are chosen for opening the competition with the oldest taking the officiating priest. Accordingly, the chessboard is in procession from harem to incense-table and paid with three prostrations after reporting to Tran genie by the priest. The competition is then begun with two players in traditional dress carrying royal swords. The completion of an incense round will indicate the competition result. As the competition over, chess-pieces and chessboard are washed by the temple's well water and fruit juice then carefully cleaned and placed in the incense-table after all.

The custom of chess playing is to commemorate the war arts of Great General Tran Quoc Tuan, train the intellect and highly display our ancestors' traditions against invaders.

Besides chess playing, the festival includes games of boating contest and di cau Kieu (doing goose-steps) to describe skilful activities in the river and water environment and the war arts of Tran dynasty's navy arts.

5. Lieu Doi wrestling festival

Ranking one among the oldest and well-organised festivals in Ha Nam, Lieu Doi wrestling festival strongly stays for ages there without certain time of origin. The festival is taken place even in cases of bad weather or invaders. Facing those unexpected things appears rolls of drum, burnt incense and several wrestling arenas as procedures reporting the genie. The festival, yearly organised in Lieu Doi village of Liem Tuc commune, Thanh Liem district on January 5th lunar year with the aim



A scene of wrestlers in the Lieu Doi Wrestling Festival

of commemorating the man of Doan family who good at martial arts and made great dedications in the national liberation and called Doan genie. This festival concentrates considerable participation by people in village and surrounding areas.

In comparison with wrestling land of Phuc Chau (Ly Nhan district) and An Bai (Binh Luc district). Lieu Doi wrestling festival is coupled with Ha Nam history and this is what the local people takes pride of.

*Thousand years wrestling arts exist
Our ancestors' large rivers and long
mountains alive forever*

6. Vo Giang festival

This festival is known in organisation on annually February 15th lunar year in Vo Giang village, Thanh Thuy commune,

Thanh Liem district. This communal house is for worshipping Vu Co, an excellent general of Le Loi during the

struggle against Ming invaders in Day river. The festival includes worshipping, regatta, javelin throwing, hat doi among boys and girls on boats.

The festivals seem to be indispensable for the spirit life of Ha Nam people in particular and national people in general regardless of historical phases and economic situations. Keeping the spirit directed towards the origin, the local people are actively striving for maintenance and promotion of good values from festivals in forming an advanced and rich Vietnamese culture.



Festival of Vo Giang village

Foto: The Tuan

Tình từ thời điểm chiếc trống đồng đầu tiên được một số thợ đúc thôn Ngọc Lũ phát hiện trong khi đào đất ở bãi bồi đê Trần Thủy thuộc xã Như Trác, huyện Nam Xang (nay là huyện Lý Nhân) (1893 - 1894), đến năm 2004, Hà Nam đã phát hiện được 19 chiếc trống đồng cổ ở các huyện Bình Lục, Duy Tiên, Kim Bảng. Trong đó, trống đồng Ngọc Lũ (tìm thấy ở huyện Bình Lục) được xác định có niên đại cổ nhất và đẹp nhất. Với số lượng khá lớn được phát hiện, trống đồng đã trở thành nét văn hoá riêng biệt, độc đáo của vùng quê chiêm trũng, giàu truyền thống văn hiến Hà Nam.

1. Trống đồng Ngọc Lũ I

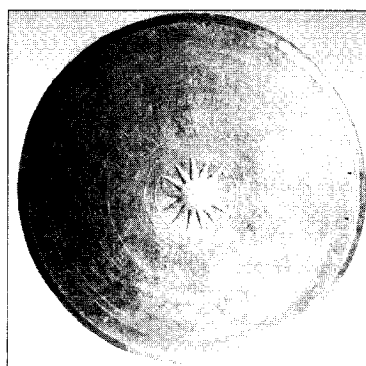
Trong số hơn 1.000 chiếc trống đồng cổ phát hiện ở châu Á, trống đồng Ngọc Lũ I được tôn vinh là loại cổ nhất, đẹp nhất trên phương diện nghệ thuật và lịch sử. Trống đồng Ngọc Lũ I được đánh giá là có tầm quan trọng đặc biệt trong nền văn hoá Đông Sơn. Khi nghiên cứu về trống đồng Việt Nam, nhà khảo cổ học Hêgơ đã xếp trống đồng Ngọc Lũ I vào loại I qua hai yếu tố: niên đại lâu nhất và nghệ thuật đúc đồng đặc biệt nhất.

Trống đồng Ngọc Lũ I cao 63 cm, đường kính mặt trống 79 cm, nhưng trên mặt trống và tang trống là cả một

TRỐNG ĐỒNG TRÊN ĐẤT HÀ NAM:

Nét văn hoá RIÊNG BIỆT, ĐỘC ĐÁO

Trống đồng là di sản văn hoá tiêu biểu của người Việt cổ thời văn minh Đông Sơn. Mọi nét văn hoá sinh hoạt, nghệ thuật tạo hình độc đáo đều được thể hiện rõ nét trên các nét hoa văn của mỗi chiếc trống đồng. Đến nay, trống đồng đã được phát hiện trên nhiều miền đất của quê hương Việt Nam, góp phần làm phong phú kho tàng văn hoá cổ của dân tộc.



Hoa tiết hoa văn trên mặt trống đồng Ngọc Lũ
Ảnh: Thế Tuấn

vành 6, 8, 10 có các họa tiết hình người và động vật diêu hành xung quanh ngôi sao theo chiều ngược chiều kim đồng hồ.

thế giới huyền bí, có giá trị sử học, dân tộc học cao.

Trống được tạo dạng cân đối, mặt hơi trồi ra ngoài tang, thành dương gờ nổi giữa mặt và tang trống. Thân trống chia làm 3 phần. Phần trên phình ra gọi là tang, nối liền với mặt trống. Phần giữa là thân trống hình trụ, thẳng đứng. Phần chân hơi lồi, hình nón cụt. Gắn vào tang và phần giữa thân trống là 4 chiếc quai, chia làm 2 cặp ở hai phía, trang trí văn bện thừng.

Chính giữa mặt trống có khắc hình ngôi sao nổi 14 cánh. Xen giữa các cánh sao là những hoa tiết hình tam giác, thể hiện bằng hai đường thẳng boc lấy hàng chấm nhỏ giống như hình lông công. Tính từ giữa tâm trống ra ngoài

có tất cả 16 vành hoa văn đồng tâm bao bọc lấy nhau, trong đó vành 1, 5, 11 và 16 là những hàng chấm nhỏ; các vành 2, 4, 7, 9, 13, 14 là những vành tròn chấm giữa có tiếp tuyến. Vành 3 là những hình sao (***) gây khúc nối tiếp; vành 12, 16 là hoa văn răng cưa mà những đỉnh nhọn của răng quay về hai phía, xen giữa các răng cưa có hai hàng chấm nhỏ. Các

Cần cứ vào hình dáng và hoa tiết hoa văn khắc họa trên trống, các chuyên gia nghiên cứu về trống đồng cho rằng: trống đồng Ngọc Lũ I có thể được đúc từ thế kỷ IX - V trước công nguyên. Nhưng mãi đến năm 1893 - 1894, trống đồng Ngọc Lũ I mới được phát hiện tại xã Như Trác, huyện Nam Xang (nay là huyện Lý Nhân). Sau đó được đem về để ở đình làng Ngọc Lũ, huyện Bình Lục. Năm 1903, do viên công sứ Phủ Lý mời giới, trống được đưa về nhà Bác Cổ Viễn Đông (Hà Nội). Hiện nay, trống được lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. Phiên bản trống được trưng bày tại trụ sở Liên hợp quốc.

2. Trống đồng Yên Tập

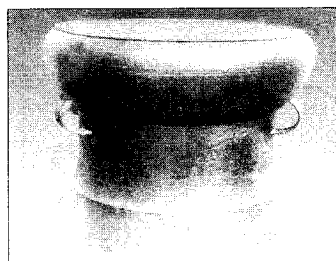
Cách đây gần 100 năm, ông Vũ Văn Báo - Tổng đốc tỉnh Nam Định tặng trống đồng Yên Tập cho thôn Yên Tập, để tại nhà thờ La Hữu Khốn, xã Phú Đa, huyện Bình Lục.

Chiếc trống này có đường kính mặt 65 cm, cao 53 cm. Tang trống phình to, phần giữa hình trụ tròn, chân trống loe hình nón cụt. Nhìn chung, trống có dáng gần giống với trống đồng Ngọc Lũ I, trang trí nổi, hoa văn phong phú.

Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao nổi 12 cánh - một số cánh sao và mảng patin trên mặt trống đã bị tróc lở nên hoa văn không còn nguyên vẹn. Xen giữa các cánh sao là các hoa tiết trang trí kiểu lông công đơn giản, giống họa tiết trên mặt trống đồng Ngọc Lũ II. Phần trên cùng tang trống có băng hoa văn hình noc gồm: vạch thẳng song song, vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến. Trống có 2 quai kép. Chân trống không trang trí. Nhìn chung, trống Yên Tập có kiểu dáng và bố cục trang trí gần gũi với trống Duy Tiên, nhưng về chi tiết có một vài điểm khác nhau. Đây là trống có hoa văn trang trí phong phú nhất trong số trống nhóm B là phát hiện ở Việt Nam.

3. Trống đồng Ngọc Lũ II

Trống đồng Ngọc Lũ II được Bác Cổ Viễn Đông mua tại làng Ngọc Lũ, huyện Bình Lục với giá 600 đồng tiền Đông Dương. Trống còn nguyên vẹn, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.



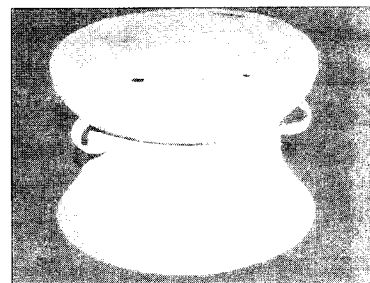
Trống đồng Ngọc Lũ II
Ảnh: Thế Tuấn

Trống có dáng thon, hoa văn chạm nổi, trang trí đơn giản nhưng cân đối và đẹp. Đường kính mặt trống 49,5 cm, cao 39 cm. Giữa mặt trống là hình ngôi sao nổi 12 cánh, xen kẽ các cánh sao là những họa tiết trang trí lông công đơn giản. Tất cả có 5 vành hoa văn. Vành 1, 2 là vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến. Vành 3 có hình 4 con chim mỏ dài, đuôi dài, có mào, bay ngược chiều kim đồng hồ. So với hình chim bay trên mặt trống đồng Ngọc Lũ I, hình chim bay trên trống đồng Ngọc Lũ II đơn giản hơn nhiều. Vành 4 và 5 là những vạch ngắn song song.

Rìa mặt trống có một số vết lõm - dấu vết của những con kê khi đúc trống. Ở tang và giữa các thân trống có một số hoa văn hình học như vạch thẳng song song và các đường chỉ trơn. Khoảng giữa thân trống là những băng hoa văn gạch chéo song song hình chữ nhật thẳng đứng. Trống có hai quai kép mỏng mảnh, trang trí vân thừng. Thân trống không có trang trí.

4. Trống đồng Vũ Bị

Ngày 16-4-1964, đội thủy lợi xã Vũ Bản, huyện Bình Lục trong khi đào đất đắp bờ mang trên cánh đồng Mạc, thuộc Đông Tré, thôn Vũ Bị đã phát hiện



Trống đồng Vũ Bị
Ảnh: Thế Tuấn

một trống đồng khá lớn ở độ sâu 0,8 m so với mặt ruộng. Đó chính là trống đồng Vũ Bị.

Trống Vũ Bị được đúc bằng khuôn hai mạng, được in khuôn đúc còn để lại rất rõ trên tang và thân trống. Kích thước trống Vũ Bị lớn tương đương với trống đồng Ngọc Lũ.

đường kính mặt trống 42 cm, cao 60 cm, chỉ số giữa đường kính mặt và chiều cao 1,19. Chỗ phình ra lớn nhất của tang trống rộng 79 cm. Chân đế cao, đường kính chân đế 76 cm, 4 đôi quai rộng nhất là 12 cm³. Bốn đôi quai phan bố đối xứng với nhau, nối liền giữa tang và thân trống. Khoảng cách giữa các đôi quai rộng nhất là 59 cm, mỗi đôi để chứa một khe hở rộng 2 cm² ở bản của mỗi quai.

Tuy trang trí hoa văn mặt ngoài của trống không đẹp bằng trống Ngọc Lũ, không phức tạp như trống Sông Đà, Hoàng Ha, song cũng rất phong phú. Do quá trình đào bới, phần chính giữa mặt trống bị vỡ, nhưng những người đào trống cho biết: mặt trống có hình ngôi sao 14 cánh. Phần còn lại tính từ trong ra ngoài gồm 14 vòng hoa văn chia làm 5 nhóm.

Nhóm 1 gồm vòng 1 trang trí hoa văn hình chữ S gây khúc nằm ngang liền nhau. Nhóm 2 gồm vòng 2, 5, 6, 11, 12 là hình những vòng tròn tiếp tuyến có thêm những chấm nhỏ ở giữa. Nhóm 3 gồm vòng 3, 4, 7, 9, 14 là những dải chấm nhỏ. Nhóm 4 gồm vòng 10, 13 là những vạch thẳng đứng song song. Nhóm 5 gồm vòng 8 (đây là nhóm hoa văn chủ đạo) gồm 15 con chim bay theo chiều ngược với chiều kim đồng hồ.

Xen kẽ các vòng hoa văn trên có các gờ nổi của những vòng tròn đồng tâm, chạy vòng quanh rìa mặt trống là 31 lỗ hân (giống như trống Côi Sơn), khoảng cách giữa các lỗ hân xa nhất là 7,5 cm, gần nhất là 5 cm.

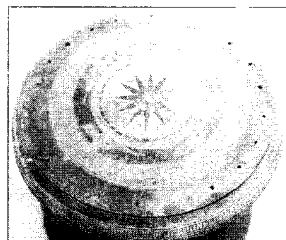
Nhìn đại thể, trừ 2 nhóm hoa văn chủ đạo là hình chim và hình thuyền có người hoá trang, trống Vũ Bị chủ yếu trang trí bằng các loại hoa văn chấm dải vòng tròn tiếp tuyến, hoa văn kẻ nổi song song và hoa văn hình chữ S gây khúc.

Khác với trống Ngọc Lũ và một số trống khác, trống đồng Vũ Bị được xác định chính xác vị trí xuất xứ là khu di tích mang vết tích của nhiều thời đại. Trong các bờ mương mới đắp ở khu vực này phát hiện được nhiều mảnh gốm thô (về cơ bản giống loại gốm Gò Mun, Đông Đậu) thuộc thời đại đồng. Trong đó, nhiều mảnh sành, sứ thuộc thời kỳ Bắc thuộc và thời Lý - Trần.

Việc phát hiện trống đồng Vũ Bị và những dấu vết văn hoá vật chất khác, đặc biệt là văn hoá vật chất thời đại đồng xung quanh khu vực này là những dữ kiện có giá trị

về quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước của tổ tiên người Việt cổ trên mảnh đất Hà Nam.

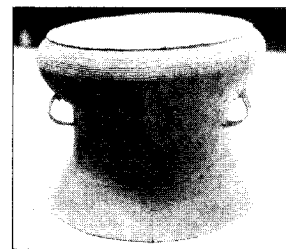
5. Trống đồng Duy Tiên



Họa tiết hoa văn trên mặt trống đồng
Lũng Xuyên - Yên Bái - Duy Tiên
Ảnh: Thế Tuấn

Trống có dáng thon, cao, phần giữa thân trống hình trụ thẳng đứng và kéo dài khiến chiều cao của phần này lớn hơn nhiều so với chiều cao của tang trống. Tại thời điểm phát hiện, trống không còn nguyên vẹn, tang

trống đã vỡ gần hết, thân trống bị gãy một đoạn dài và bị ô xy hoá nặng, đã xuất hiện lớp rỉ đồng màu xanh lục bao phủ. Phần còn lại của trống chỉ cao 46,5cm, đường kính chân trống 65 cm. Từ đó, các nhà khảo cổ học có thể đoán ra đường kính mặt trống là khoảng 56 cm. Căn cứ vào 4 cánh sao còn lại, các nhà khảo cổ học cho rằng chính giữa mặt trống có hình ngôi sao 12 cánh. Xen kẽ các cánh sao là những họa tiết lồng công đơn giản (tương tự trống Ngọc Lũ II), từ trong ra ngoài có 8 vành hoa văn và một số đường chỉ trơn. Trống có 4 quai kép trang trí vận thường (đã gãy), trang trí đơn giản, nhưng đa dạng.

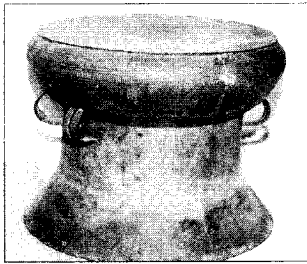


Trống đồng Lũng Xuyên -
Yên Bái - Duy Tiên
Ảnh: Thế Tuấn

6. Trống đồng Vũ Xá

Trống đồng Vũ Xá được phát hiện ở thôn Vũ Xá - xã Tiên Yên - huyện Duy Tiên vào năm 1974. Đây là trống loại Hégo, hiện đang được bảo quản tại Bảo tàng Hà Nam

Trống cao 38,8 cm, đường kính mặt 45 cm, đường kính chân 49,2 cm. Mặt trống không chơm tang, có 7 hình hoa văn

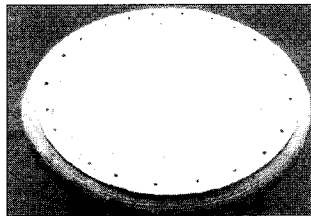


Trống đồng Vũ Xá
Ảnh: Thế Tuấn

gồm: hình chấm nổi, các đường thẳng song song chữ S, hình chim lạc bay. U giữa tâm trống không nổi, còn lưu lại dấu vết sử dụng. Ngôi sao mặt trống có 8 cánh, các cánh không vượt đường chỉ giới hạn. Trên mặt trống, không có hình khối tượng. Tang trống có 2 vành hoa văn hình thẳng song song. Thân trống có 3 vành hoa văn (đường thẳng song song, hình xương cá) không có tương. Chân trống không có hình hoa văn, có gờ nổi rõ. Tang, thân và chân trống phân cách nhau bằng đường chỉ nổi.

7. Trống đồng Văn Xá

Trống đồng Văn Xá thuộc loại I Hêgơ do bà Phạm Thị Chư (thôn Văn Xá, xã Yên Bắc, huyện Duy Tiên) phát hiện ngày 19-3-1983, trong khi vét bùn trên đoạn mương



Họa tiết, hoa văn trên mặt trống đồng Văn Xá
Ảnh: Thế Tuấn

Đường Treo - Đường Đống ở độ sâu một mét. Trong khi khai quật, mặt trống đã bị vỡ rời, chân trống cũng bị vỡ nhiều chỗ.

Quan sát hiện trạng trống cho thấy: trống có đường kính mặt 42 cm, cao 37,5 cm, đường kính chân 45 cm. Hoa văn trang trí trên mặt còn 6 tia mặt trời (trong tổng số 12 tia) không vượt đường giới hạn, một vành chim bay gồm 4 con mỏ dài, năm vành hoa văn lồng công đường tròn tiếp tuyến vạch song song, không có tượng cóc trên mặt trống. Tang trống và thân trống có hoa văn răng lược và các đoạn thẳng song song. Chân trống không có hoa văn. Trống hình chữ M, trang trí hoa văn vện thừng.

8. Trống đồng An Lão

Tháng 9-1985, những cơn mưa lớn gây sụt lở sườn đồng bắc núi Quế (hay còn gọi là núi Nguyệt Hằng) thuộc

thôn An Lão, xã An Mỹ, huyện Bình Lục đã làm xuất lộ trống đồng thời Đông Sơn. Đây là chiếc trống Đông Sơn thứ 5 được phát hiện trong lòng đất huyện Bình Lục.

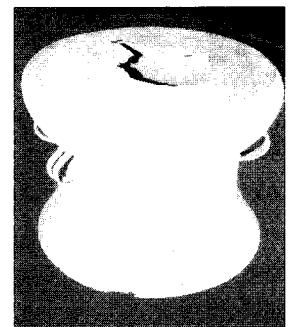
Khi được phát hiện, trống nằm hướng lên trên, cách mặt đất 1,5 m. Trong lòng trống có 3 chiếc thố đồng được đặt lồng vào nhau, trong đó 2 chiếc trên vành miệng có khối tượng cóc đứng quay đầu ra ngoài. Cả 3 chiếc thố đều bị vỡ, riêng chiếc trống còn khá nguyên vẹn.

Hình dáng trống cân đối và đẹp, chia thành 3 phần rõ rệt: tang phình, thân gấn đứng, chân choãi. Đường kính mặt trống 52,5 cm, cao 44 cm. Chính giữa mặt trống là ngôi sao nổi 12 cánh, xen kẽ các cánh sao là các góc nhọn lồng vào nhau. Từ trong ra ngoài có 7 vành hoa văn. Các vành 1, 2, 5 là vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến. Vành 3 để trơn. Vành 4 có hình 4 con chim mỏ dài, đuôi dài, có mỏ, bay ngược chiều kim đồng hồ. Vành 6, 7 là những đường vạch ngắn chạy song song.

Ở tang trống và mặt trống có một số hình học vạch ngắn song song và các đường chỉ trơn. Khoảng cách thân trống có 8 cột hoa văn vạch chéo song song. Trống có 2 đôi quai kép được trang trí vện thừng. Trống có niên đại vai ba thế kỷ trước công nguyên.

Việc phát hiện trống đồng An Lão cùng với nhiều trống và các di vật Đông Sơn khác tìm thấy trên địa bàn tỉnh Hà Nam đã cho thấy người Đông Sơn từ lâu đã làm chủ vùng trung của đồng bằng châu thổ sông Hồng.

Trống đồng được Nhà nước xếp vào loại đặc biệt quý hiếm trong số các di sản của người Việt cổ. 19 chiếc trống đồng được phát hiện đã phần nào chứng minh hàng nghìn năm trước, Hà Nam đã từng là miền đất cổ, nơi tụ cư của người dân Lạc Việt. Những giá trị văn hoá vật thể đang được nhân dân Hà Nam bảo lưu và trân trọng, tạo điều kiện cho lớp con cháu mai sau được chiêm ngưỡng và tìm hiểu giá trị vốn văn hoá cổ xưa.



Trống đồng An Lão
Ảnh: Thế Tuấn

KETTLE DRUM IN HA NAM:

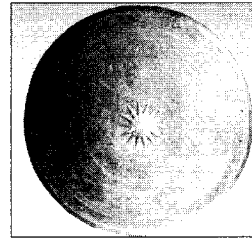
DISTINCT
cultural feature

Kettledrum is a characteristic cultural heritage of the ancient Viet in the age of Dong Son civilisation. Every culture and plastic art is displayed in the design of each kettledrum. Up to now, this cultural relic has been exposed in many regions in Vietnam, enriching the ancient cultural treasure of the nation.

Since the discovery of the first kettledrum by some navies in Ngoc Lu hamlet when digging alluvial ground by Tran Thuy dam in Nhu Trac commune, Nam Xang district (now known as Ly Nhan district) (1893-1894). Up to 2004, Ha Nam has found out 19 ancient kettledrums in districts of Binh Luc, Duy Tien, and Kim Bang. In which, Ngoc Lu kettledrum (discovered in Binh Luc district) has been defined as the most beautiful one belonging to the most ancient epoch. With large discovered mounts, the kettledrum has been recognized as a distinct cultural character of the summer rice field reputed with cultural tradition of Ha Nam land.

1. Ngoc Lu kettledrum No.1

In over 1.000 kettledrums discovered in Asia, Ngoc Lu kettledrum No.1 is reckoned among the nicest and oldest one



*Vignettes on the surface of Ngoc Lu kettledrum
Foto: The Tuan*

in terms of arts and history. It plays very important role in Dong Son culture. Studying Vietnam kettledrum, Hego archaeologist has ranked Ngoc Lu kettledrum No.1 in the first sort building on two features: most long-lasting epoch with most characteristic casting art

Ngoc Lu kettledrum No.1 is 63 cm of height and 97 cm of diameter; its head and barrel manifest mysterious world with historical and ethnologic meaning. It is shaped proportionally; its head covers a little bit of the barrel forming mould between the drumhead and the barrel. The drum's body consists three parts: the largest part connecting to the head called barrel; the middle is in the shape of vertical cylinder; the last one is in truncated cone. There are two couples of handles shaping plait cord and attaching to the barrel and the body.

In the middle of the drum's head, there is a star embossed with 14 points. Vignettes shaping triangle site between those points displaying with two straight lines surrounding small points like peacock's feathers. From the hub of the drum, there are 16 vignette circles with the common centre: in which, the first, fifth, eleventh, and the sixth circles are small ranges of points while the second, fourth, seventh, ninth, thirteenth, and the fourteenth are small circles contacting each other. Rosette designs in zigzag succeed one another in the third circle. Patterns in the shape of symmetric serratulation are in the twelfth and the sixteenth circles; there are two ranges of small points integrating into serratulations. Vignettes shaping human and animals go around the rosette from the left to the right in the sixth, eighth, and the tenth circles.

Building on the shapes and patterns sculptured on the drum, experts specialising in kettledrum believed that Ngoc Lu kettledrum No.1 might have been casted in the ninth - fifth centuries BC. Until 1893 - 1894, the drum was founded in Nhu Trac commune, Nam Xang district (now known as Ly Nhan district); after that it was put in the communal house of Ngoc Lu village, Binh Luc district. In 1903, owing to the rec-

ommendation of Phu Ly envoy, the drum was brought to Bac Co Vien Dong house (Hanoi). Currently, it is reserved in Vietnam Historic Museum. The reproduction of the drum is being displayed in the headquarter of the United Nation.

2. Yen Tap kettle drum

Some hundred year ago, Mr. Vu Van Bao- Chief of Nam Dinh province presented Yen Tap hamlet Yen Tap kettle drum put in the temple of La Huu Khon in Phu Da commune, Binh Luc district.

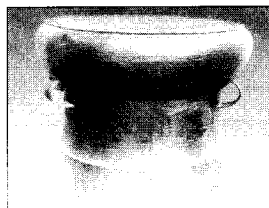
The drum is 53 cm of height and 65 cm of diameter. Its barrel swells; its body shapes circle cylinder; its bottom is in the shape of truncated cone. Generally, the drum looks like Ngoc Lu kettle drum No.1 with embossed vignettes.

In the middle of the drum, there is a twelve-point star; some parts of the star and patterns on the drumhead have been scaled off, so patterns are not preserved intact. Some vignettes decorating as peacock's feather on Ngoc Lu kettle drum No.2 integrate into the star's points. On the top of the barrel, there are bands of geometric patterns consisting of short parallel lines and tangent circles with small points in middle. The drum has two couples of handles. There is no pattern on the bottom of the drum. The layout and decoration in the drum as a whole like Duy Tien drum but some distinct features. This is most originally decorated drum among the ones in group B discovered in Vietnam.

3. Ngoc Lu kettle drum No.2

Bought by Bac Co Vien Dong from Ngoc Lu village, Binh Luc district that valued 600 dongs Dong Duong, it is intact and now preserved in Vietnam Historic Museum.

The drum is in tapering shape with embossed patterns. Despite simple vignettes, it has well-proportioned body and



Ngoc Lu kettle drum
Foto: The Tuan

the drum is 49.5cm of diameter and 39cm of height. A 12point-star lies in the middle of the drum's face with decorating patterns shaping peacock's feather intervening between the star's points. There are five vignette circles; in which the first and second ones are circles with middle point and tangent. Four birds in the third circle with long beaks and tails, crest fly from the right to the left. Comparing to Ngoc Lu kettle drum No.1, the shape of bird on Ngoc Lu kettle drum No.2 is much simpler. Short and parallel lines are in the fourth and fifth ones.

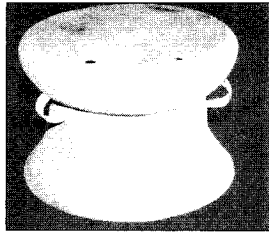
On the edge of the drum's face, there are some sunken marks - vestiges deriving from chocks while casting. There are some geometric patterns namely short parallel line and plain seam. its body is decorated with cross vignettes standing in the shape of vertical rectangle. Additionally, the drum has two couples of thin handles twisted like rope. There is no decorated pattern on its leg.

4. Vu Bi kettle drum

Discovered on April 6th 1964 by irrigational workers in Vu Ban commune, Binh Luc district while digging and embanking in Mac field belonging to Dong Tre, Vu Bi hamlet, the Vu Bi kettle drum situates under 0.8m of depth compared to the field's surface.

The drum is casted with two-gill mould; the mould has left evident seam on its barrel and body. It is as large as Ngoc Lu kettle drum with 42 cm of diameter and 60 cm of height: the rate between its diameter and height is about 1.19. The largest part on the drum's barrel widens 79 cm. It has high drum-support with 76 cm of diameter and four couples of handles widening 12 sq.cm. The couples of handles locate symmetrically and connect between the drum's barrel and body. The largest distance among handles is around 59 cm; each handle has 2 sq.cm-broad interstice.

Though not being decorated as nice as Ngoc Lu kettle drum or as complicated as Song Da and Hoang Ha kettle drums, Vu Bi kettle drum's decoration is rather plentiful. Owing to digging, the middle of the drum's head has been



Vu Bi kettledrum
Foto: The Tuan

broken. According to the workers, there is a 14-point star on its head. The remains have 14 vignette circles from the middle to the edge that divided into five groups. The first one consists of a circle decorated with patterns in the shape of S characters lying horizontally and going after each other. The second group comprises the second, fifth, sixth, eleventh, and twelfth circles which are tangent ones with small points in the middle. The third one includes the third, fourth, seventh, ninth, and fourteenth circles with ranges formed by small points. The fourth one has tenth and thirteenth circles decorated with short parallel and vertical lines. The last one consists of the eighth circle (those are dominant patterns) that embellished with the shapes of 15 birds flying from the right to the left.

The seams of circles having common hub are interposed the ranges of patterns. There are 31 weld holes (like Coi Son kettledrum) surrounding the drum's face. The longest distance among the holes is 7.5cm; and the narrowest one is 5cm.

In general, except two dominant groups of vignettes comprising the shapes of birds and boat with made-up human, Vu Bi kettledrum is mainly decorated with the ranges of points in tangent circles, short and parallel lines, and patterns in the shape of S characters breaking into several sections.

Differing from Ngoc Lu kettledrum and other ones, Vu Bi kettledrum is defined exactly its origin from relic complex stamping the vestiges of various epochs. Many pottery parts founded out (radically looked like Go Mun and Dong Dau pottery) in the newly embanked ditches which belong to the Bronze Age. In which, various pottery parts and porcelain produced in Chinese domination and Ly-Tran dynasty.

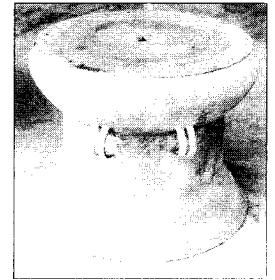
Discovery of Vu Bi kettledrum and other cultural and material vestiges especially the ones in the Bronze Age are valuable data in terms of national history during foun-

dated and development process of ancient Viet's ancestors in Ha Nam land.

5. Duy Tien kettledrum

The drum founded out by irrigation workers in Duy Tien district in 1974. Currently, it is being preserved in Vietnam Historical Museum.

Its body is rather fair and high in the shape of spread vertical cylinder, so this part is much larger than the height of its barrel. When being discovered, the drum was not intact; major barrel has been broken; its body has been broken in a long part and oxygenated heavily which is covered with blue verdigris. The remains of the drum are 46.5cm high. Its leg is 65 cm of diameter. And its surface is 56 cm of diameter as concluded by archeologists. Building on remained four points, archeologists believed that there had been a 12-point star in the middle of the drum. Furthermore, simple patterns shaping peacock's feather (like Ngoc Lu kettledrum) interpose the star's points. On the head of the drum, there are eight circles formed by vignette ranges and some plain seams. The drum has four couples of handles, which have been broken, decorated in the manner of rope that is rather simple but diverse decoration.

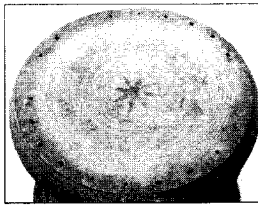


Kettledrum in Doai village, Tien Noi commune, Duy Tien
Foto: The Tuan

6. Vu Xa kettledrum

Discovered in Vu Xa hamlet, Tien Yen commune, Duy Tien district in 1974, Vu Xa kettledrum ranked to Hego sort No.1 is being conserved in Ha Nam museum now.

Its height is 38.8 cm; its diameter is 45 cm; the diameter of its leg is 49.2 cm. The drum's head does not cover its barrel. It is decorated with seven patterns consisting of embossed points, parallel lines shaping S character, and fly-

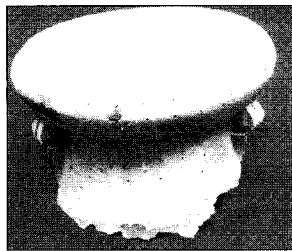


Vignettes on the surface of Vu Xa kettledrum

ing bird. Its hub is not embossed that is stamping using vestige. An eight-point star situates in the middle of the drum's head; its points do not exceed limitation seam. There is no cube on the drum's face. Two ranges of parallel short lines on the drum's barrel. Its body has three ranges of vignettes (short parallel lines in the shape of fishbone) and no statue. Its leg is embossed with seam without pattern. Barrel, body, and leg of the drum are separated by embossed seams.

7. Van Xa kettledrum

Belonging to Hego sort No.1, the drum is founded out by Mrs. Pham Thi Chua (Van Xa hamlet, Yen Bac commune, Duy Tien district) on March 19th 1983 while dredging mud in Duong Treo-Dong Cong ditch under 1-metre depth. When being evacuated, its face has been broken off; its leg has been broken in some parts.



Van Xa kettledrum
Foto: The Tuan

Its head is 42 cm of height and 37.5 cm of diameter; the diameter of the leg is about 45 cm. Its face is decorated with six rays of sun (12 rays in total) not exceeding limitation line, four long-beak birds flying, five ranges of vignettes in the shape of peacock's feather forming tangent circle with short parallel lines. There is no statue of toad on the drum's head. Its barrel and body are embellished with pattern in the shape of tooth of the comb and short parallel lines. The drum's leg is plain. It looks like the letter M decorated with vignette like rope.

8. An Lao kettledrum

Due to heavy rain causing landslide in Que mountain (or Nguyet Hang mountain), in September 1985, in An Lao ham-

let, An My commune, Binh Luc district, the drum was founded out under Dong Son epoch. This is the fifth Dong Son kettledrums discovered in Binh Luc district.

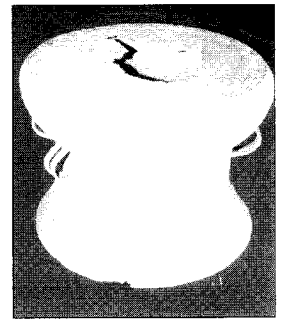
When being founded out, the drum lied forwards 1.5 m from land's surface. There were three bronze pots put inside the drum; two in which attached the statue of toad lying on orifice and standing toward outside. Those pots had been broken but the drum was intact.

The drum is well proportioned and nice that divided into three separate parts: swelled-out barrel, vertical body, and astride leg. It is 52.5 cm of diameter and 44 cm of height. There is a twelve-point star in the middle of the drum's face. Various acute angles interpose the points of the star. Seven vignette decorated circles as a whole site on its head. The first, second, and fifth ones are tangent circles with middle points. The third one is plain. The fourth is beautified with the shape of four birds having long beaks and tails and flying from the right to the left. The sixth and seventh one are circles decorated with short parallel lines.

Its barrel and body are embossed with short parallel lines and plain seams. There are eight columns of short parallel lines lying on the drum's body. It has two couples of handles embossed in the manner of rope. According archaeologists, the drum's origin is in some centuries before century.

The discovery of An Lao and other kettledrums as well as other Dong Son relics in Ha Nam province proved that Dong Son people had ruled the lowland of Red River Delta for a long time.

Kettledrum is reckoned among national precious relics of Viet ancient people. 19 discovered kettledrums have proved Ha Nam had ever been the land converging Lac Viet people thousand years ago. Material cultural values being preserved by Ha Nam people will be evident relics facilitating the next generations enjoying and learning about ancient culture.



An Lao kettledrum
Foto: The Tuan

Những LÀN ĐIỀU âm nhạc dân gian đặc sắc

Hà Nam là vùng đất cổ, có cội nguồn văn minh lúa nước lâu đời và nền văn hoá dân gian đặc sắc. Nơi đây cũng là một trong những cái nôi sản sinh ra những làn điệu âm nhạc dân gian đặc trưng của vùng đồng bằng Bắc Bộ. Trải qua bao năm tháng, các loại hình dân ca vẫn được lưu giữ trường tồn, thể hiện rõ nét bản sắc văn hoá - lịch sử giàu đẹp, độc đáo của đất và người Hà Nam.

1. Hát dặm Quyển Sơn

Hát dặm Quyển Sơn là hình thức ca múa nhạc dân gian phục vụ lễ hội chỉ có ở huyện Kim Bảng. Theo lịch sử kể lại, vào năm Kỷ Dậu (năm 1069), Lý Thường Kiệt sau khi đánh

thắng giặc Chiêm Thành đã cho mở hội mừng công ở Quyển Sơn. Sau này, cứ từ mừng 10 tháng giêng đến mừng 10 tháng 2 âm lịch hàng năm, nhân dân địa phương thuộc vùng núi Cẩm ở Quyển Sơn (nay là xã Thi Sơn) lại cùng nhau tổ chức lễ hội để ca ngợi chiến công đánh giặc giữ nước của vua tôi nhà Lý. Qua khúc hát dặm Quyển Sơn, người nghe còn có thể cảm nhận được cuộc sống hoà bình, hạnh phúc lứa đôi, an cư lạc nghiệp của nhân dân trong vùng.

Hát dặm là hình thức múa hát liên tục (miệng hát, tay múa, chân dặm theo nhịp điệu lời ca) gồm trên dưới 30 điệu khác nhau. Mỗi điệu là một bài, có thể coi là một tổ khúc, liên ca khúc phục vụ thành lễ. Khi diễn xướng, cụ Trùm (cụ bà) mặc váy áo vàng hoặc đỏ đứng trước ban thờ thánh, quân là những cô gái thanh tân đứng xếp theo hàng dọc ở hai bên. Mỗi bên từ 8 - 10 cô mặc áo dài 5 vạt, váy lĩnh, yếm đào, thắt lưng màu hoa lý duyên dáng.

Hát dặm không có nhạc cụ đệm theo mà chỉ dùng đôi sênh tre do cụ Trùm gõ nhịp lúc mau lúc khoan. Có những điệu vừa hát, vừa múa. Cụ Trùm khi đứng giữa khi đi vòng quanh để điều khiển, khi quân hát và múa thì dùng quạt giấy làm động tác biểu hiện nội dung, lúc không múa thì cài quạt vào thắt lưng. Tuy là loại múa hát cửa đền, mang tính chất lễ nghi thờ cúng nhưng lời ca lại đề cập đến những vấn đề trong đời sống sinh hoạt thường ngày của nhân dân: cấy cấy, nuôi tằm dệt vải, đối nhân xử thế, tình cảm vợ chồng, anh em.

Hát dặm được xếp thành 3 loại: loại ngâm tự do; loại lời



Hát dặm Quyển Sơn trong ngày lễ hội

Ảnh: Tư liệu

hát như đọc kệ trong chùa; loại ca khúc trẻ, giản dị, phản ánh cuộc sống bình dị của nhân dân vùng bán sơn địa thế kỷ X - XI. Tuy không phải là loại hình dân ca phổ biến, cũng không phải dòng hát chuyên nghiệp, nhưng hát dặm Quyển Sơn được coi là vốn quý trong nền văn hóa dân gian Việt Nam.

Về góc độ âm nhạc, hát dặm Quyển Sơn không giống bất kỳ loại hình dân ca nào ở vùng đồng bằng Bắc Bộ. Bởi vậy, mặc dù có sự giao lưu văn hoá mạnh mẽ giữa các vùng, miền nhưng hát dặm Quyển Sơn vẫn không bị trộn lẫn hoặc mất đi mà vẫn giữ được sức sống lâu bền với những nét đẹp riêng biệt...

"Nước đã an khang. Từ khi nước đã an khang.

Khắp nơi thôn xóm làng ta mở hội.

Gió cuốn cờ bay. Ta mừng là vậy

Tết đến giêng hai, đứng đình chơi xuân,

đi tìm huê nở.

Chả biết rằng huê nở nơi nao bớ ru hời ru

ta bớ ru tang tang tỉnh"

2. Múa hát lải lèn

Múa hát lải lèn là điệu hát trong lễ hội múa hát thờ thần của làng Nội Chuối, xã Bắc Lý, huyện Lý Nhân. Tương truyền rằng: trong cuộc đấu tranh đánh đuổi giặc Lương,



Múa lải lèn trong lễ hội múa hát thờ thần của làng Nội Chuối, xã Bắc Lý, huyện Lý Nhân

Ảnh: Hữu Chiến

Triệu Quang Phục (Triệu Việt Vương) từng xây dựng căn cứ ở đầm Dạ Trạch (Khoái Châu - Hưng Yên) và cả vùng ven sông Hồng (trong đó có Bắc Lý). Sau khi lên ngôi vua, Triệu Việt Vương đã về thăm Bắc Lý. Nhân dân phấn khởi tổ chức lễ hội đón mừng. Tục hát lải lèn (hay hát lải lè, lả lè) được lưu truyền từ đó.

Cũng như hát dặm Quyển Sơn, lải lèn là loại hình ca múa nhạc rất cổ, vì ngay tên gọi điệu dân ca lải lèn, lả lè, lả lè là gì đến nay vẫn chưa ai giải thích được. Các nhà nghiên cứu đã sưu tầm được khoảng 30 khúc điệu. Múa hát lải lèn có lúc tái hiện cảnh mừng đón nhà vua với những nghi thức cung đình, có lúc diễn lại cảnh trận mạc xưa với các điệu bắn cung, múa kiếm, dàn binh bố trận trên sông nước, hay có khi là cảnh tiễn biệt trai gái giữa thời buổi chiến tranh. Như vậy, xen lồng trong tín ngưỡng thờ thần, các điệu hát còn thể hiện ước nguyện của nhân dân về một cuộc sống yên lành và sinh sôi nảy nở.

Múa hát lải lèn là hình thức sinh hoạt văn hoá mang màu sắc tín ngưỡng linh thiêng của người dân làng Nội Chuối nên bị "khép kín" trong phạm vi của làng. Phần hát là những lời thờ cúng kiêng húy nên không được phổ biến rộng. Múa hát lải lèn do không biểu đạt sự thăng hoa về tinh cảm nên ít nhiều bị hạn chế về nhạc điệu.

3. Hát trống quân

Là loại hình dân ca đối đáp thử tài đua trí với nội dung trao duyên hay trao đổi nhận thức, kinh nghiệm sống giữa nam nữ thanh niên trong xã hội văn minh lúa nước. Hàng năm, hát trống quân được tổ chức vào Tết Trung thu ở hầu hết các vùng trung du và đồng bằng Bắc bộ Việt Nam.

Hát trống quân thuộc dạng hát nói, hát kể, dựa theo niêm luật và thanh điệu tứ ngữ của thơ lục bát, song thất lục bát. Người hát phải nhớ lời sao cho "tròn vành, rõ dẫu" nghe thật tiếng, phát âm cung điệu ở dạng ngũ cung nguyên sơ, với tiết tấu vui rộn, rần rờ đi dòm qua những nhịp đảo, nghịch, những dấu chấm câu rơi vào âm lửng. Tiếng trống đất "thình thùng thình" dứt câu vãn, câu đáp, gây cảm giác dở dang, gợi thức đối phương mau

sớm đáp lời. Bởi vậy, dù là những câu hát nói về sự nhớ thương, buồn tiếc nhưng nghệ nhân không bị quyến vào ý tứ, lời chữ, trái lại tách ra thoải mái như đang đứng hát trên cầu, ở bên ngoài.

Do Hà Nam là “rốn nước” của vùng đồng bằng Bắc Bộ nên khác với tất cả các địa phương khác, nhân dân Hà Nam thường hát trống quân ở trên thuyền.

4. Hát chèo

Hà Nam đã đóng góp cho nền sân khấu dân tộc sản phẩm chèo độc đáo với những nghệ nhân chèo tiêu



Các diễn viên đoàn chèo Hà Nam đang biểu diễn tại Hội nghị Tổng kết phong trào thi đua năm 2003

Ảnh: Thế Tuấn

biểu như nghệ sĩ nhân dân Bạch Trà, Dịu Hương; các nhạc sĩ Bùi Đình Thảo, Ngô Quốc Tính,... Hà Nam cũng từng nổi tiếng với các chiếu chèo như chiếu chèo Xuân Khê, Nhân Đạo, làng Ngò (Lý Nhân), Đồng Hoả, Lê Hồ, Quế Sơn (Kim Bảng), Tiên Nội, Yên Bắc, Châu Giang (Duy Tiên), Liêm Sơn, Kiện Khê (Thanh Liêm). Qua giọng ca của các nghệ sĩ chèo Hà Nam, những làn điệu, khúc hát bỗng trở nên ngọt ngào, sâu lắng và trữ tình đến kỳ lạ.

5. Hát giao duyên vùng ngã ba sông Móng

Nằm trong vùng đồng bằng Bắc Bộ, hát giao duyên vùng ngã ba sông Móng mang âm hưởng chung của nhiều

thể loại dân ca trong vùng và cả những nét đặc trưng của dân ca vùng chiêm trũng Hà Nam.

Ngã ba sông Móng là địa danh nằm trên lưu vực sông Châu, nơi tiếp giáp 3 xã thuộc 3 huyện Bình Lục, Lý Nhân và Duy Tiên. Tuy là nguồn dân ca chung của 3 huyện nhưng lại mang tên của một làng - làng những người chèo đò ngã ba sông Móng. Dân ca vùng sông Móng mang ý nghĩa sinh hoạt tinh thần và thể hiện cảm hứng thăng hoa trong lao động sản xuất nên gắn liền với tập quán sinh hoạt gia đình - xã hội, được nhân dân ưa chuộng trong sinh hoạt tập thể, vui chơi, giải trí, lao động.

Dân ca giao duyên vùng ngã ba sông Móng lúc đầu được hát trên mặt nước, sau chuyển lên bờ với hình thức và nội dung ngày càng phong phú. Điều hát được bắt nguồn từ câu chuyện dã sử: thời Tiên Lê, một viên tướng trẻ của Lê Hoàn ra trận đánh giặc vào một ngày nước lũ kéo về, đã được người con gái chèo đò họ Đào cứu thoát khi bị rơi xuống vùng nước xoáy giữa dòng sông. Họ đem lòng yêu nhau. Thắng giặc, đại quân của Lê Hoàn trở về trong khúc khải hoàn ca, nhưng viên tướng trẻ đã hy sinh, bỏ lỡ ước hẹn với người yêu. Cô gái thế sẽ không lấy ai nhưng gia cảnh lâm vào bước khốn khó, vì phải giữ trọn chữ hiếu nên đành lấy anh đánh giặc. Do bị người chồng hay ghen tuông đánh đập vũ phu, cô Đào đã phải bỏ làng, bỏ dòng sông và con đò ra đi. Xuất phát từ nguồn gốc đó dân ca vùng ngã ba sông Móng thường thấm đẫm chất trữ tình với những khúc hát ngọt ngào, sâu lắng phảng phất vẻ đượm buồn.

“Đôi ta muốn lấy nhau chơi

Cái duyên không định, ông trời không se,...”

“Đêm khuya sương dắm cành dâu

Anh kéo vạt áo che đầu cho em”,...

Với giá trị tinh thần quý báu, giúp nuôi dưỡng tình yêu quê hương đất nước và bồi đắp tâm hồn mỗi con người, âm nhạc dân gian Hà Nam luôn khẳng định vẻ đẹp và sức sống trường tồn trong nền văn hoá dân tộc.

Fine Folk Oral Tunes

Ha Nam is a province with ancient values, originally influenced by long-standing wet rice civilisation with visibly distinct folk culture. The province is also one of the cradles to folk tunes typical of the Red River delta. Time has been passing by. However, types of folk songs are still alive and clearly feature the splendid cultural-historical identities of Ha Nam and the local residents.

1. Quyen Son folk song

This is a folk song performed at fetes only available in Kim Bang. Historically, Ly Thuong Kiet in 1069 after gaining a victory over Champa aggressors held the celebration in Quyen Son. Later, local residents gathered along the Cam Mount in Quyen Son (present-day Thi Son commune) from annual 10th lunar day of January to 10th lunar day of February and jointly organised the festival to honour the service of the king and mandarins to defend the nation during the Ly dynasty. Quyen Son song make the audience likely touch the peaceful life, the happy family life and smooth settlement of the indigenous inhabitants.

Dam performance is the some type of singing and dancing uninterruptedly (musical words from mouth, arms with continuous gestures with legs waggling to the

rhythm). This type is made up of 30 different pieces. Each is a complete song, which is also considered a suite staged at religious festivals. When performing, Mrs. Trum (an old-stager) is dressed in yellow or red costume and stands in front of saint altar. Her followers are virgin girls in longitudinal line on both sides. One side has with 8 - 10 girls in 05-panelled long dress, pink blouse with graceful celadon waistband.

Dam song is performed without being accompanied with any musical instruments. It is just accompanied with a pair of bamboo castanets played fast and slowly by Mrs. Trum. Some pieces require dancing and singing in chorus. Mrs. Trum now and then stands amid and walks around to instruct. Her girls use their paper fans to demonstrate the theme of their song as in progress. If they stop performing, paper fans are put away in the waistband. Although it is a musical performance at the temple and as worshipping rituals, the lyrics touch the daily things in our life such as farm work, raising silkworm and weaving, etiquette, relationship between husband and wife, brothers.



Quyen Son folk song performance

Dam performance is categorised into three types: free style, saying prayers in pagoda and young-styled, simple type depicting the rustic life of the residents in half-mountain half-plain area in century X - XI. This kind of art is not a popular folk song and professional work. Nonetheless, Quyen Son song is evaluated a precious thing in the Vietnamese folk culture.

From the viewpoint of music, Quyen Son song is different from any other folk songs common in the Red River delta. Hence, despite the substantial cross-culture present among different areas, it sustains its unique features without being mixed up or getting lost, etc.

*"Nation is freed. Since our nation is freed
Festivals are held everywhere in our villages. Flag
flies in wind. How happy I was
Tet passes by and comes the first, second lunar
months when I travel to have fun, search for
flowers in bloom
Having no idea where blooming flowers
are..a...ha....ha...ha..."*

2. Lai len song

It is staged at the fete in worship of the God in Noi Chuoi village, Bac Ly commune, Ly Nhan district. The legend goes that during the war against the Luong aggressors, Trieu Quang Phuc (also Trieu Viet Vuong) set up his base in Da Trach swamp (Khoai Chau, Hung Yen) and areas along the Red River (including Bac Ly). After taking the throne, he called a visit to Bac Ly. The local residents felt cheered and held a festival to celebrate.



Lai Len dance in the festival worshipping the genie of Noi Chuoi village, Bac Ly commune, Ly Nhan district

Foto: Huu Chien

The custom (called Hai Len, Lai Le or La Le singing) became known then.

Like Quyen Son, Lai len is an ancient-styled folk type, which could be seen through its name remaining unexplainable to everyone. The researchers have so far collected about 30 lyrics. Its performance sometimes depicts the radiant reception organised for the king's visit and involved in royal rituals. It sometimes depicts the warfare in the past with archery, sword performing, troop deployment in river or the seeing-off scene of a couple in the wartime. Inferably, not only featuring the God worship does the musical folk also type reflect the people's expectation of peaceful and thriving life.

Because it is a cultural religious activity of the villagers in Noi, Lai len is confined to the village only. The lyric is the words for worshipping so it is not popular. The folk type does not feature the development of feelings, which more or less limits its melody.

3. Trong Quan folk song

It is one kind of folk song performed to test the intellectual knowledge among participants. It involved exchanges in lovely feelings or living experience among the young guys and girls in the rice-civilised society. Its performance is held at Mid-autumn festival every year in almost midland and flat areas in northern Vietnam.

It is of Hat noi (speaking like singing), Hat Ke (narrative singing), which is influenced by prosody and rhythm required for sin-eight-word distich metre, seven-seven-six-eight metre. The performers are to utter words clearly in form and sound. Tones should be staged in five nuance of voice with fast, joyful, funny rhythms and notations. The sound from the drum vibrates at the end of every musical oral question answer, which makes the audience feel incomplete, sorry and grievous. However, the artists are not considerably influenced and confined to the lyrics, meanings. They often feel relaxed and liberated to stage like on bridge, or outside the stage.

Ha Nam is typically and largely frequented with water. Thereof, the performance of the folk song is staged on boats.

4. Cheo (Popular Drama)

There is considerable contribution from Ha Nam to the national classical drama. It is home to renowned drama performers such as Bach Tra, Diu Huong, musicians such as Bui Dinh Thao, Ngo Quoc Tin, etc. Ha Nam was once famous for a large number of well-known stages for Cheo such as Xuan Khe, Nhan Dao, Ngo Village (Ly Nhan),



A stage of "Hoa Dong Noi" (countryside amour) performed by Ha Nam "Cheo" Theatre Company in August 2005

Foto: The Tuan

Dong Hoa, Le Ho, Que Son (Kim Bang), Tien Noi, Yen Bac, Chau Giang (Duy Tien), Liem Son, Kien Khe (Thanh Liem). Melodies and rhythms of the compositions are strangely meaningful, sweet and lingering through the musical voice from performers.

5. Giao duyen (repartee songs) at Mong confluence

Generated in a flat area in the North, this type of folk song is influenced by the common elements to other types of folk songs in the region as well as the typical features of pop songs in the sunken areas in Ha Nam.

The confluence at Mong river belongs to the Chau valley, which touches the borders of three villages in

three districts namely Binh Luc, Ly Nhan and Duy Tien. Although it is the sharing folk song of three districts, it is named after just only one village where people rowing ferries on the aforesaid confluence live their lives. Folk song of the area is a spiritual outlet and also represents the aspiration in labour. Hence, it is closely associated with family and social habits and popularly chosen for collective activities, entertainment.

This kind of folksong was firstly staged on water. However, it was performed on the ground and developed diversely. The melody stems from a chronicle story, telling that under the Le ruling, one of Le Hoan's young generals went to the battlefield on a day ravaged by an unforeseen flood. He got into a whirlpool in the middle of the river and luckily rescued by a female descendant from the Dao family. They then fell in love with each other. After posting a resounding victory over the enemy, the army returned in song of triumph. Sadly, the general was claimed of his life during the fight and his pledge with the girl went unfulfilled. The girl after learning the tragedy made her oath of no marriage to any others. Unexpectedly, her family went wretched afterwards and she felt compelled to get married to a fisherman. Unfortunately, she had to desert her village, the river and the ferry because she was always badly tortured by the jealous husband. Thereof, the folksong of the area is often lyrical with sweet, deep-lying and lightly melancholy rhythms.

"We desperately long for a marriage

Unluckily, our fate does not rest its smile on, ..."

*"The mulberry branches are clung to with dews late
at night*

*Thou, my lover, shelter my head with your
coat tails, ..."*

The folk songs in Ha Nam, which help enrich the patriotism and the soul of the people, are proving and posting their beauty, everlasting presence in the national culture

NHỮNG ĐẶC SẢN NỔI TIẾNG CỦA LÝ NHÂN:

Đậm đà hương vị quê hương

Lý Nhân vốn là huyện thuần nông. Những người xa quê hương lâu ngày hay những người đã từng đến với Lý Nhân chẳng thể nào quên hương vị của những món quà quê bình dị mà ngọt ngào. Dù chỉ một lần được nếm thử hương vị của những đặc sản nổi tiếng trên đất Lý Nhân như chuối ngự Đại Hoàng, hồng không hạt và cá kho Nhân Hậu, bạn sẽ tìm ra lý do để trở lại Lý Nhân một lần nữa.

1. Chuối ngự Đại Hoàng

Nói đến Lý Nhân không thể không nhắc tới chuối ngự Đại Hoàng. Đây không những là đặc sản của Lý Nhân mà còn là đặc sản nổi tiếng của Hà Nam. Gọi là chuối ngự vì xưa kia loại chuối này chỉ dùng để tiến vua.

Chuối ngự là loại quả nhỏ, có vị thơm ngon đặc biệt và giá trị dinh dưỡng cao. Có hai loại chuối ngự: chuối ngự trâu và chuối ngự mít (hay còn gọi là chuối ngự thóc). Loại chuối ngự mít có ruột màu vàng như mít mít chín, vỏ lốm đốm những chấm nâu hồng khi chín. Do đó, loại này còn có tên là chuối ngự tía. Quả chuối ngự mít chỉ to hơn ngón tay cái một chút, bu bẫm, xanh xanh, cuống nhỏ nham nhỏ nâu sẫm, vỏ vàng óng như lụa mỏng như giấy, bóc ra là tới ruột ngay không có lớp màng



Chuối ngự Đại Hoàng (huyện Lý Nhân)

như chuối mật, chuối tiêu. Chuối ngự mít có ruột mềm ngọt nà, hương vị đậm đà mà vẫn thanh ngọt lạ thường.

Xưa kia, chuối ngự trồng trên đất làng Đại Hoàng (vì thế mới có tên gọi chuối ngự Đại Hoàng). Hiện nay, chuối ngự được trồng rải rác ở một số nơi, nhưng theo danh gia của người dân địa phương, chỉ có chuối ngự trồng ở làng Đại Hoàng - xã Hoà Hậu - huyện Lý Nhân mới là giống chuối ngon nhất.

Do cây dễ bị sâu bệnh (đến nay vẫn chưa có phương pháp phòng chống hiệu quả), độ thoái hoá của giống cây lai, phụ thuộc rất lớn vào chế độ chăm sóc và sự thay đổi điều kiện tự nhiên, vì thế để gìn giữ, phát triển giống chuối ngự Đại Hoàng, năm 2002, Chương trình tài trợ quy mô trường toàn cầu GEFFGP và tỉnh Hà Nam đã triển khai thực hiện dự án đầu tư cải tạo và bảo tồn giống gen quý hiếm này.

2. Hồng không hạt Nhân Hậu

Ngoài chuối ngự Đại Hoàng, hồng không hạt Nhân Hậu cũng là đặc sản nổi tiếng của Lý Nhân, Hà Nam. Cây hồng không hạt xuất hiện trên vùng đất Nhân Hậu từ hàng trăm năm nay. Cây lớn nhanh, hàng năm vào trung tuần tháng 2 âm lịch, cây nảy lộc đâm chồi, đơm hoa kết trái

Đến khoảng tháng 8, quả bắt đầu chín rộ. Khi chín, quả có màu đỏ thẫm, trái tròn to, mỏng căng, khối lượng trung bình đạt 300 gam/quả.

Quả hồng không hạt ăn đậm đà, ngọt lim, hương thơm mát. Xưa kia vào mùa quả chín, dân làng Đại Hoàng thường

chọn hái những quả to nhất, đỏ nhất, ngon nhất dâng lên vua. Chẳng mấy chốc tiếng thơm của hồng tiến vua đã bay cao, bay xa, nhiều người đổ về Nhân Hậu những mong mua được giống hồng quý về nhân giống trên mảnh đất quê hương. Song không hiểu do chất đất hay do khí hậu mà khi mang đi nhân giống ở các nơi khác, quả hồng không còn thơm ngon như khi được trồng ở Nhân Hậu.



Niềm vui được mùa
(Hồng không hạt Nhân Hậu, huyện Lý Nhân)

3. Cá kho Nhân Hậu

Về với Lý Nhân, du khách còn được thưởng thức nét văn hoá ẩm thực rất riêng biệt. Đó là món cá kho Nhân Hậu. Đây là món ăn đặc sản chỉ dùng trong ngày tết dân tộc cổ truyền mà theo cảm nhận của nhiều người từng có cơ hội nếm thử, hương vị của món ăn này chẳng kém gì các món "đầu đẳng" khác cùng có mặt trong mâm cơm ngày tết Việt Nam như giò, nem, mọc,...

Để có nồi cá kho thật ngon ăn tết, quá trình chuẩn bị hết sức công phu, trước hết là làm tương. Khác với nhiều vùng quê nông thôn Việt Nam thường dùng tương Bản kho cá, ở Nhân Hậu, người ta kho cá bằng tương cua - loại tương được làm từ những con cua đồng béo ngậy, vàng ươm. Tuy vậy, làm tương từ cua không đơn giản. Để có được lọ tương cua ngon, trước tết khoảng 1 tháng, người Nhân Hậu đã phải rục rịch "ngà" tương, đảm bảo khi tết đến thì tương cũng đạt đến độ chua,

vàng, ngậy. Tương ngon là một yếu tố đảm bảo món cá kho sẽ có vị chắc mềm, thơm ngon độc đáo. Cũng để chuẩn bị cho nồi cá kho vào dịp tết, đến mùa chay người dân Lý Nhân lại chọn những quả chay xanh, to bằng cái chén uống nước đem thái mỏng, phơi thật khô, sau đó cất lên gác bếp chờ khỏi mốc, một mà vẫn giữ được vị chua cần thiết.

Sau phần chuẩn bị phụ liệu là đến khâu chọn cá. Nên chọn cá trắm đen, tươi, nặng khoảng 3 - 4 kg. Cá được làm sạch, cắt khúc vừa ăn rồi kho với tương cua. Nhưng trước khi bỏ cá vào nồi, các chị đầu bếp đã khéo léo lót những lát chay mỏng xuống dưới đáy nồi vừa tránh cho cá bị khê vừa làm cho cá ngấm chua đều, thịt thơm, chắc. Bên cạnh đó, riêng củ thái mỏng, gừng thái lát, hành khô, nước mắm ngon, kẹo đắng, mỡ nước cũng là những gia vị không thể thiếu để tạo nên hương vị hấp dẫn của nồi cá kho. Sau khi nêm vừa đủ gia vị, người ta cho nguyên vật liệu vào nồi đất, đặt lên bếp củi để kho. Thời gian kho 7 - 8 giờ sáng cho đến 9-10 giờ đêm mới hoàn thành. Do thời gian kho cá rất lâu, nên người ta thường dùng các loại củi chắc như củi nhãn, gốc xoan, gốc tre hoặc trấu để kho cá.

Cá được kho kỹ, thịt đậm, chắc, mềm, lại thơm bởi đủ các loại gia vị mà ăn với cơm tấm, bánh chưng xanh sẽ



Cá kho Nhân Hậu - món ăn đặc sản của Hà Nam
Ảnh: Hữu Chiên

khiến khách thưởng thức lưu luyến mãi hương vị đặc biệt của thứ quà quê bình dị mà khó quên. Còn chủ nhà thì càng thêm phần vui vẻ, tự hào vì có được món ăn đặc sản trong mâm cơm ngày tết.

Những món ăn của quê hương chứa đựng thật nhiều điều thú vị. Đó là sự chắt chiu nuôi cấy từ nguồn đất mẹ, sự tinh túy, chịu thương, chịu khó của những người nuôi trồng, hay đôi bàn tay khéo léo của những đầu bếp thôn quê.... Tất cả đã góp phần tạo nên những món ăn, những món quà quê bình dị nhưng đậm đà hương vị Lý Nhân, hương vị Hà Nam.

FAMOUS SPECIAL PRODUCTS OF LY NHAN

Full of homeland's flavours

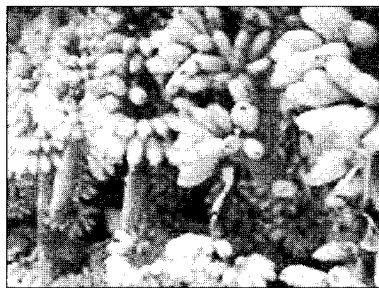
Ly Nhan used to be a pure agricultural district. The persons who live far from the homeland for long or those who ever came to Ly Nhan cannot forget the flavours of plain but honeyed rustic gifts. Only one time tasting renowned special products from the land of Ly Nhan, such as Dai Hoang king banana, seedless persimmon and Nhan Hau braised fish, you will find reason to return the district for the second time.

1. Dai Hoang king bananas

Ly Nhan always reminds us of Dai Hoang king banana which is a not only special food of the district but also well-known product of Ha Nam. This kind of banana was formerly used to offer to the king as a present.

King banana is small with extraordinary fragrance and high nutritional value. There are two kinds of king bananas including buffalo and jackfruit king bananas. The jackfruit king banana has yellow heart like a ripe section of jackfruit and its peel dotted with pink brown spots. Therefore, this type of fruit is also called purple king banana. The jackfruit king banana is a bit bigger than thumb. It is sweet and sappy with small stem and dark brown lump. The banana peel is as sparkling yellow as silk and so thin that banana heart can become visible right after peeling without a layer of pellicle

like aromatic and sweet and meaty bananas. Jackfruit bananas have glossy and soft heart with exceptionally delicious and sweet-smelling flavour.



Dai Hoang king banana in Ly Nhan district

In the old days, king bananas used to be planted in Dai Hoang village (which made up the name of Dai Hoang king banana). Today, this kind of banana is dispersedly planted in some places. However, as said by the local people, only bananas cultivated in Dai Hoang village, Hoa Hau commune, Ly Nhan district are the best.

Due to the fact that the banana plant can easily catch diseases (no effective preventive measures have been found so far) and degeneracy of this plant mainly depends on care methods and change in natural conditions, therefore, to preserve Dai Hoang banana, in 2002, sponsorship programme under the fund for global environmental activities (GEFFGP) and Ha Nam province deployed the project to improve and conserve this kind of rare gene.

2. Nhan Hau seedless persimmon

Apart from Dai Hoang king banana, Nhan Hau seedless persimmon is also seen as a illustrious special product of Ly Nhan in Ha Nam. This kind of plant has come into sight in Nhan Hau land for hundreds of years now. It grows fast and at the middle of lunar February every year, the plant buds, flowers and fruits. In August, persimmon orchard ripens in a riot of red. At that time, the fruit gets vermilion, round, big and succulent with average amount of 300 gram per fruit.

Seedless persimmons are saccharine with pure fragrance. Formerly, when the persimmons got ripe, Dai Hoang villagers used to choose the biggest and best fruits to offer kings respectfully. The fame of the persimmon for kings shortly spread everywhere



Nhan Hau non-seed persimmon
Ly Nhan

and loads of people flocked to Nhan Hau in a hope to buy the variety of precious persimmon to plant in their homeland. Nonetheless, due to either land characteristics or weather conditions, despite multiplication in other places, the output is not so delicious as it is in Nhan Hau.

3. Nhan Hau braised fish

Arriving to Nhan Hau, visitors also enjoy opportunity to learn distinctive cuisine cultures. Specifically, it is the braised fish of Nhan Hau, which is viewed as a special food only used on the Tet festival (traditional Lunar New Year). According to some tasters, the dish's flavour can be compared with "first class" dishes as pork pie, fried meat roll, meat pie, etc. on the food tray of Vietnamese Tet festival.

To have a scrumptious pot of braised fish for the traditional Tet holidays, the preparation is carefully made. First of all, the ingredient of soybean jam is mentioned. Unlike other rural areas in Vietnam using tuong Ban (a kind of soybean jam) to braise fish, in Nhan Hau, the local people do it with soybean jam made from greasy and yellow crabs. Notwithstanding, it is not very simple to make soybean jam from crabs. To have a delectable bottle of soybean jam, nearly a month before Tet, Nhan Hau villagers set to prepare the soybean jam making process to make sure that Tet comes in time for the soybean jam to turn to proper acidity, yellow and greasiness. Tasty soybean jam is also an element to ensure that the dish of braised fish appears firm, soft and mouth-watering. To make preparations for the pot of braised fish on Tet, Ly Nhan residents also select a kind of green and sour fruit which is as large as the tea cup, slicing it into thin pieces, dry and put it on

the roof of the kitchen to keep it with essential acidity without mould and worm-hole.

The step of choosing fish comes after the preparation of ingredients. It is necessary to decide on the fresh black carp with the weight of between 3-4 kilos. After cleaning fish, cutting it into right portions and braising with soybean jam. However, before putting fish into pot, the skilled cooks never forget to line thin slices of green and sour fruit on the bottom of the pot to prevent fish from being burnt and make fish soak acidity with good aroma. Additionally, the slices of alpinia (a kind of zingiberaceous plant), slices of ginger, dry onion, tasty fish sauce, boiled sugar, water and liquid lard are indispensable spices to create appetising flavour of braised fish. After seasoning sufficient spices, ingredients are put into an earthen pot and placed on the cooking fire. The cooking time starts at 7-8 a.m. and finishes at 9-10 p.m. Because of the prolonged cooking time, some of the solid firewood from longan, headtree, bamboo or rice husk are usually used for braising fish.

The fish is cautiously braised, which tastes strong with soft and scrumptious pieces of fish. Eating this dish with com tam (special rice) and banh chung (green square rice cake) will certainly place an unforgettable impression



Nhan Hau braised fish with com tam
Ly Nhan

on tasters of an out-of-the-ordinary rustic dish. The costs feel more pleasant and proud of their special food on the food tray of Tet festival.

The homeland's dishes are pregnant with unforgettable pleasing things, including wholehearted plant cultivation in the motherland, the diligence and hardship of planters, skillful hands of rural cooks and so on. Those elements constitute fine dishes and simple bucolic gifts filled with distinct flavours of Ly Nhan and Hà Nam.

ĐÀI PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH HÀ NAM:

ĐỔI MỚI để phát triển

Thành lập ngày 1-1-1997, Đài Phát thanh - Truyền hình Hà Nam đã trải qua 8 năm xây dựng và phát triển. Tám năm với biết bao gian khổ thử thách, bôn tẩu phát điểm (cơ sở cơ sở vật chất và nguồn nhân lực) hầu như bắt đầu từ con số không, nhưng với quyết tâm "không chịu lùi bước dù trong bất cứ hoàn cảnh nào", toàn thể cán bộ, nhân viên Đài phát thanh - truyền hình Hà Nam đã khắc phục khó khăn, vươn lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao, góp phần không nhỏ vào sự nghiệp thông tin tuyên truyền, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.



Đồng chí Tổng Văn Pha (đứng thứ 2 bên trái) - Bí thư Tỉnh ủy, Hà Nam, thành lập và làm việc với Đài phát thanh - truyền hình Hà Nam.

Ảnh: Minh

Phấn đấu trở thành cầu nối quan trọng giữa Đảng - chính quyền với nhân dân, xứng đáng là diễn đàn tin cậy của nhân dân là mục tiêu chính xuyên suốt quá trình phát triển của Đài phát thanh - truyền hình Hà Nam trong những năm qua. Thực tế cho thấy, mục tiêu ấy đang dần được hiện thực hoá một cách sinh động, hiệu quả.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả chương trình

Thành lập vào thời điểm tỉnh Hà Nam mới tái lập còn bộn bề những khó khăn, Đài phát thanh - truyền hình Hà Nam phải đối mặt với những khó khăn về cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật (thiếu thốn lạc hậu), đội ngũ cán bộ, phóng viên, biên tập viên (ít về số lượng, hạn chế về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ). Những khó khăn đó khiến chất lượng các chương trình phát sóng chưa cao, chủ yếu là những bản tin ngắn, thời lượng phát sóng ngắn, nội dung thông tin nghèo nàn, chưa phong phú đa dạng, hấp dẫn, số lượng bạn nghe đài, xem truyền hình còn thấp.

Trước thực trạng đó, ban giám đốc Đài phát thanh - truyền hình Hà Nam đã xây dựng đề án đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả tuyên truyền, tập trung mọi nguồn lực để đầu tư, đổi mới toàn diện các mặt hoạt động, trong đó đặc biệt chú trọng đến đội ngũ cán bộ làm nghề (bởi

đây là yếu tố quyết định chất lượng các chương trình). Vì vậy, trong những năm qua, Đài phát thanh - truyền hình Hà Nam thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và cử phóng viên, biên tập đi học tập, tập huấn các phương pháp làm báo hiện đại, đồng thời tăng cường đầu tư mua sắm trang thiết bị, kỹ thuật phục vụ cho việc tổ chức sản xuất các chương trình phát thanh - truyền hình của đài.

Những nỗ lực, quyết tâm và lòng yêu nghề của cán bộ, nhân viên Đài phát thanh - truyền hình Hà Nam đã tạo nên những chuyển biến tích cực, các chương trình phát thanh, truyền hình của đài dường như được thổi một luồng sinh khí mới. Từ chỗ chỉ có 3 chương trình truyền hình được phát sóng mỗi tuần, đến năm 2004, đài đã phát sóng cả 7 ngày trong tuần. Riêng về phát thanh, đài có 12 chương trình/tuần (30 phút/chương trình). Trong đó có 6 chương trình phát thanh trực tiếp từ 17h đến 17h30 hàng ngày. Đặc biệt, thứ 7, đài phát chương trình giao lưu âm nhạc từ 17h đến 18h.

Hiện nay, ngoài chương trình thời sự, Đài phát thanh - truyền hình Hà Nam đã nâng cao chất lượng và mở thêm nhiều chuyên mục như: Nông nghiệp nông thôn Hà Nam, An ninh Hà Nam, Quà tặng âm nhạc, Khoa học và Công nghệ, An toàn giao thông.... Gần đây, một số chuyên mục được khôi phục và duy trì đến tận nay như: Điểm báo, Điểm thời sự tuần qua, Đại đoàn kết, Cây cao bóng cả, Dân số và phát triển, Pháp luật và đời sống.... Các mục: Khách mời phỏng vấn, Toạ đàm, Trao đổi phỏng vấn, Câu âm thanh trực tiếp, Chương trình OBI đã thu hút ngày càng nhiều khán thính giả. Đặc biệt, từ cuối tháng 9-2003, chương trình phát thanh đã mở thêm một số chuyên mục mới như: Đất và người Hà Nam, Du lịch qua Radio, Lao động và công đoàn, Sức khỏe và đời sống, Thông tin khoa học - công nghệ, Thông tin thị trường giá cả, Phụ nữ và cuộc sống.... bước đầu được thính giả đón nhận và hoan nghênh.

Đánh giá về chất lượng nội dung các chương trình, ông Đinh Việt Cường, Giám đốc Đài phát thanh - truyền hình Hà Nam, cho biết: "Chất lượng các chương trình phát thanh và truyền hình đã từng bước được cải tiến rõ rệt theo hướng đảm bảo giữ vững định hướng chính trị; kịp thời tuyên truyền quan điểm đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; phát hiện và cổ vũ nhân tố mới, điển hình tiên tiến, các phong trào thi đua yêu nước của các tầng lớp nhân dân lao động. Các chương trình của đài đã đề cập đến nhiều vấn đề kinh tế - xã hội bức xúc, góp phần tích cực đưa các Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống. Trong tuyên truyền, các chương trình đã thể hiện sự toàn diện, cân đối giữa các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội, an ninh - quốc phòng....".

Các chương trình của đài đã tập trung tuyên truyền các chủ trương của tỉnh về chuyển dịch cơ cấu kinh tế xây dựng nông thôn mới; về phát triển công nghiệp, làng nghề, xoá đói giảm nghèo.... Đặc biệt, đài luôn chú trọng đẩy mạnh việc phát hiện, tuyên truyền, phổ biến và nhân rộng các nhân tố mới, điển hình tiên tiến trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội ở địa phương. Có thể nói, đây là một trong những nội dung thông tin trọng yếu làm dấy lên các phong trào thi đua yêu nước ở địa phương như: tuổi trẻ lập nghiệp, sản xuất - kinh doanh giỏi, xây dựng nhà tình nghĩa, giúp nhau xoá đói giảm nghèo.... Điều đáng quý hơn, nhiều tin, bài không chỉ phản ánh đúng thực tế cuộc sống đang thay đổi mà còn có tác dụng định hướng, khích lệ phong trào, góp phần quan trọng vào hiệu quả công tác lãnh đạo của cấp uỷ, chính quyền địa phương. Nhiều phóng sự điều tra gây được ấn tượng tốt, được dư luận hoan nghênh, đạt nhiều giải thưởng quan trọng khi tham gia các liên hoan truyền hình toàn quốc. Điển hình là hai phóng sự "Khi những phương tiện sản xuất tham gia giao thông" (đạt giải Bạc) và phóng sự "Nghịch lý chuyện ba ba" (được tặng bằng khen) tại Liên hoan Truyền hình toàn quốc tháng 1-2004.

Để thực sự trở thành diễn đàn tin cậy, nơi thể hiện tiếng nói, nguyện vọng của nhân dân, Đài phát thanh - truyền

Các chương trình sản xuất và phát sóng năm 2004

- Về phát thanh: dài đã sản xuất phát sóng 628 chương trình phát thanh địa phương với trên 15 nghìn tin bài, trong đó có 01 chương trình phát trên Đài Tiếng nói Việt Nam.
- Về truyền hình: dài đã sản xuất và phát sóng trên 400 chương trình với hàng nghìn tin bài (chưa kể những chương trình đột xuất hoặc sự kiện có tính chuyên đề). Trong năm 2004, dài đã gửi, phát nhiều tin bài và 01 chương trình địa phương trên sóng Đài Truyền hình Việt Nam và tiếp - phát lại đều đặn các chương trình của Đài Truyền hình Việt Nam trên sóng VTV1, VTV2.

hình Hà Nam còn mở thêm nhiều chuyên mục hoặc các chương trình đối thoại trực tiếp lấy ý kiến đóng góp của nhân dân về chiến lược phát triển kinh tế, văn hoá- xã hội của địa phương hoặc thảo luận về các chủ trương chính sách, đạo luật quan trọng trước khi Đảng và Nhà nước quyết định ban hành. Cùng với đó, để đáp ứng nhu cầu về thông tin giải trí của nhân dân, đài luôn có những thay đổi tích cực về kết cấu các chương trình nhằm tạo sự phong phú mới mẻ đối với khán thính giả. Sự sáng tạo trong cách giới thiệu và dẫn chương trình của các phóng viên, biên tập viên của đài cũng tạo được sức hấp dẫn riêng cho các chương trình, nhất là các chuyên đề, chuyên mục và các chương trình văn hoá - văn nghệ.

Nhiều khán, thính giả ở thị xã Phủ Lý phấn khởi khẳng định: "Nội dung các chương trình của đài đang từng bước được cải tiến đáng kể, có chiều sâu với các chuyên mục khá hấp dẫn. Không chỉ là diễn đàn tin cậy, Đài phát thanh - truyền hình Hà Nam đã trở thành người bạn thân thiết của người dân Hà Nam".

Đổi mới toàn diện để phát triển

Đặc thù của báo nói, báo hình là phải có thiết bị kỹ thuật hiện đại thì hình ảnh, âm thanh mới đạt chất lượng

tốt, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ ngày càng cao của công chúng. Tuy nhiên, nếu chỉ đầu tư thiết bị mà con người vẫn hành, điều khiển, khai thác thiết bị đó không được dao tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ thì việc đầu tư cũng trở nên vô ích. Nhận thức rõ điều đó, trong kế hoạch phát triển, Đài phát thanh - truyền hình Hà Nam luôn xác định: phải đổi mới toàn diện cả về tổ chức bộ máy lẫn hệ thống thiết bị kỹ thuật, cơ sở vật chất để nâng cao chất lượng hoạt động, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu thông tin, giải trí của công chúng trong tỉnh.

Ông Đinh Việt Cường cho biết: "Đài phát thanh - truyền hình Hà Nam là đơn vị "sinh sau, đẻ muộn" so với các đài trong vùng, trong khu vực. Vì vậy, kinh nghiệm hoạt động chưa nhiều, cơ sở vật chất kỹ thuật còn trong thời kỳ đầu tư xây dựng." Để bắt kịp xu thế phát triển của các đài trong nước và khu vực, thu hút sự quan tâm nhiều hơn nữa của khán, thính giả, đài có kế hoạch cải tiến lại bộ máy tổ chức cho phù hợp yêu cầu nhiệm vụ của thời kỳ mới. Trong đó, đài sẽ hình thành 10 phòng ban chuyên môn, đồng thời tiến hành xây dựng trụ sở làm việc mới trên mặt bằng diện tích gần 1 ha, tiến tới nâng chương trình phát thanh lên 3 chương trình/ngày. Về truyền hình, đài sẽ sản xuất thêm chương trình "Bản tin thời sự buổi trưa" với thời lượng phát sóng khoảng 30 phút/chương trình. Về chất lượng nội dung, đài tiếp tục cải tiến theo hướng tăng cường các chuyên đề, chuyên mục, nhất là các chuyên đề, chuyên mục phản ánh đời sống lao động sản xuất của bà con nhân dân trong tỉnh, đề cập đến nhiều vấn đề kinh tế - xã hội bức xúc mà người dân quan tâm hoặc thực tiễn cuộc sống đặt ra. Bên cạnh đó, đài sẽ sản xuất thêm nhiều chương trình văn hoá - văn nghệ, trò chơi giải trí truyền hình nhằm đáp ứng tốt nhu cầu nâng cao đời sống tinh thần của đông đảo công chúng trong và ngoài tỉnh.

Trong giai đoạn hội nhập và phát triển, các phương tiện truyền thông, trong đó có Đài phát thanh - truyền hình Hà Nam ngày càng có vai trò quan trọng. Đón trước những thời cơ, lường trước những khó khăn thử thách sẽ đến, tập trung sức nâng cao chất lượng các chương trình

Một số đề xuất, kiến nghị

- Nhà nước cần thống nhất trong toàn quốc mô hình quản lý phát thanh - truyền thanh - truyền hình (hiện nay nơi thì quản lý theo ngành, nơi thì quản lý theo cấp). Không nên phát triển đài truyền hình cấp huyện vì hiệu quả thấp, chi phí tốn kém.
- Nhà nước cần có quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo các cơ quan báo chí, người làm báo: tạo điều kiện để những người làm báo địa phương được mở rộng giao lưu, hợp tác với các cơ quan báo chí trong nước và quốc tế; đồng thời cần có chính sách hỗ trợ báo chí địa phương phát triển, nhất là về nguồn tài chính.
- Riêng với tỉnh: đề nghị đầu tư kinh phí xây dựng Trung tâm phát thanh - truyền hình; tăng kinh phí bổ sung cho quỹ nhuận bút; có cơ chế chính sách khuyến khích thu hút người làm báo giỏi về địa phương.

để đáp ứng tốt hơn nhu cầu khán thính giả, phục vụ có hiệu quả sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là vấn đề trung tâm. xuyên suốt toàn bộ hoạt động của Đài phát thanh - truyền hình Hà Nam. Đó là định hướng, mong muốn và cũng là quyết tâm của Đảng bộ, chính quyền, nhân dân và của những người làm báo Hà Nam trong thế kỷ mới. Hy vọng, với nỗ lực và lòng yêu nghề sâu sắc của toàn thể đội ngũ cán bộ phóng viên, biên tập viên của đài, những mong muốn đó sẽ sớm trở thành hiện thực.

ĐÀI PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH HÀ NAM

Địa chỉ: đường 1A - phường Quang Trung -
thị xã Phủ Lý - Hà Nam
Điện thoại: 0351.851780
Fax: 0351. 854460

HA NAM RADIO-TELEVISION:**RENEWING**

The Ha Nam Radio-Television Station that was founded on January 1 1997 has experienced through 08 years in existence. Over the past eight years went by with difficulties along because its departure (in terms of both facilities and workforce) was virtually empty during the first days of existence. Nonetheless, That all employees have worked under the will of "no gives-in at any rate" have bridged all challenges and realised all appropriately political assignments. This has made significant contribution towards the efforts of disseminating information and boosting the local socio-economy.

It has been the key and over-arching goal of the Ha Nam Radio - Television to become an important link between the Party, administration and the residents in the province, and deserve well of the public forum over the past several years. As a matter of fact, such a goal has been realised vividly and effectively.

for growth

Programmes improved

Introduced when the province was just re-proclaimed and standing against the innumerable hardship. The entity thereof encountered many difficulties in the professional facilities (both insufficient and backward), reporters, editors (both little in the number and limited in the professional skills). Such bad elements hampered to certain extent the quality of its programmes, which were mostly short

The Ha Nam Radio - Television Station is improving its current programmes and running many new subjects aside from the News. Such subjects include Agriculture and Rural areas in Ha Nam, Security in Ha Nam, Musical Gifts, Science-Technology, Traffic Safety, etc. Some special programmes have been restored and offered regularly: such as Press Review, Week Review, Great Unity, Elderly with Great Contribution, Population and Development, Laws and Life, etc. Programmes such as Guests, Discussions, Interviews, Live Broadcasting Bridge, OBI, etc. have drawn more attention from viewers and listeners. Especially, it launched new programmes in late September 2003, i.e. The province of Ha Nam and its residents, Radio-via tours, Labourers and Trade Union, Health and Life, Scientific-Technological Information, Market and Price Information, Women and Life, etc., which have initially welcomed by the public.

news of poor content, short broadcasting and unattractive to viewers and listeners.

Faced the reality, the directorate of the entity placed efforts on blueprinting the renewal measures in order to improve the propaganda quality, focused all resources on renewing all spheres of its activities with special attention to employees (viewed as the crucial factor to the programme quality). Thereof, it has run courses on reconditioning the qualification of employees over the past few years and sent reporters, editors to take participate in training courses on modern journalism skills. Along with that, it has also purchased more professional equipment to produce more programmes.

Employees' endeavours and love for their job have seen as positive changes and seemingly breathed new air to all radio and television programmes. Its broadcasting was involved just 03 television programmes in a week before, however, available in all 07 days in a week in 2004. As to the radio broadcasting in particular, it airs 12 programmes per week (30 minutes for each). In addition, there are 06 broadcasting programmes aired live from 17h-17h30 every day. Notably, it has made great efforts to organise and broadcast live the musical performance on every Saturday from 17h to 18h.

Upon speaking about the quality of the programmes, Director of Ha Nam Radio - Television Station, Mr. Dinh Viet Cuong said: "it has been obviously improved and ensured the political requirements, spread the Party's policies and State's laws in all aspect of the social life. Such programmes have helped to discover and hail new exemplary figures who have emerged from patriotic movements promoted among all strata of residents through out Ha Nam province. Furthermore, they have touched several pressing socio-economic issues and considerably helped to draw out the practical effects of the Party's policies, State's laws on life. Targetting at the purpose of propaganda, the programmes have granted similar efforts on

Recommendations

- *State should have the consistent model managing radio-television outlets (currently some are under the sectoral management and other are under the management of authoritative level). Television station should not be set up at the district level because it is costly and of low efficiency.*
- *State should arrange and offer training courses to leaders of press agencies and pressmen; create favourable conditions for the local journalists to work with other domestic and foreign press agencies. It should also bring out positive policies for the development of the press at grassroots, especially financially.*
- *For the province, it applied for expenditure on the construction of Ha Nam Radio - Television Station, increase the writing emoluments fund, release incentive policies to lure more qualified journalists to work in and for the province.*

fields such as economics, politics, socio-culture, national security and defence, etc."

All of programmes produced by Ha Nam Radio - Television has focused on spreading the policies guiding the economic reform, enhancing the new rural face, advancing of agriculture, craft villages, poverty and hunger relief, and so forth. Noticeably, it has made endeavours to highlight and honour new excellent figures emerging from all aspects of the local socio life, then encouraged the emulation following such figures. This is probably one of the key information channel trig-

gering the patriotic movements in localities such as Youth build solid life and run fruitful production, business, building of charity houses, mutual help against poverty, and so on. It is likely to say the more important thing, several reports and news not only present the true reflection of the changing life but also have the effect of guiding and pushing such a movement. They also help to increase the efficiency of the local Party Committee and administration's leadership. Lots of investigation reports make profound impression and taste public support and encouragement. They win high prizes from the National Television Festival, notably, the two news reports titled "When production facilities in traffic" (Silver prize) and "Absurdity from Trionychid tending" (congratulatory certificate) at the National Television Festival held in January 2004.

To become a true reliable forum in which the people could feel at ease to express their expectations, Ha Nam Radio - Television Station also launches other special programmes or direct dialogues. As a matter of fact, this helps gather public ideas about the local economic-socio-cultural strategy or discuss the Party's guidelines and State's policies and laws prior to their enforcement. Additionally, it has enriched and diversified the structure of programmes so as to satisfy the public thirst demand for

Programmes in 2004

- *Broadcast: 628 programmes aired, comprising of more than 15,000 pieces of news, including 01 programmes re-broadcast from the Voice of Vietnam (VOV)*
- *Televised: over 400 programmes comprising of thousands of pieces of news (excluding unusual programmes or seminars). It had several reports and 01 programmes aired on the Vietnam Television's channels VTV1, VTV2 in 2004.*

the information and entertainment. Not only that, the creative professional way of reporters, editors performing their work also adds to the rich impression of the programmes, especially special programmes, subjects and cultural-art programmes.

Several viewers and listeners from Phu Ly Town confirmed: "The programmes are improving much, deeply and attractively. Not only reliable forum, the station has become our close friend."

On-whole-range renewal for further steps

Distinctly, the oral and pictorial newspapers could only produce good sound and pictures consistent with growing requirements of the public if they are equipped with modern facilities. However, it is futile if such equipment is used by poor-qualified men. It is likely to say that thanks to fully aware of this, the entity has argued that comprehensive renewal in both structure and professional devices is the essential way to have better operational quality and to better respond to the public demand for information and entertainment.

Dinh Viet Cuong said: "Ha Nam Radio - Television Station is a "newly-born" compared with other stations in the region. Hence, it does not yet have much professional experience, compounded with facilities under initial investment." In order to keep pace with the regional relevant stations and draw more attention from the viewers, listeners, it plans to restructure itself to undertake jobs at the new time. As planned, it plans to set up 10 specialised departments and the new offices over nearly 1 ha, increase the broadcasting programmes up to

three per day. As to television programme, it will launch the "News at Noon" lasting for around 30 minutes. In an effort to improve the quality of all programmes, it will continue to intensify special subjects and seminars, especially those reflecting the real production of the local residents, touching pressing socio-economic issues concerned the people or deriving from real life. It will also produce more cultural-art programmes, television games in a bid to improve the spiritual life of inhabitants in and outside the province.

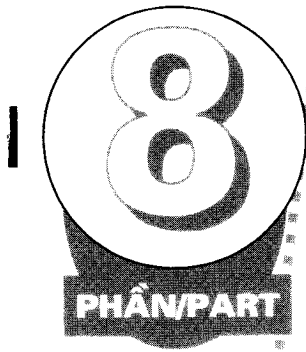
In the stage of integration and development, media outlets including Ha Nam Radio and Television Station are playing more important role. It is the over-arching and centred work of the Ha Nam Radio - Television Station to forecast opportunities and challenges, focus on improving quality of programmes so as to satisfy growing demand of viewers and listeners, efficiently contribute to the efforts on national industrialisation and modernisation. This is the plan, hope and also determination of the local Party, administration, residents as well as pressmen in Ha Nam in the new century. Hopefully, the relevant staff, reporters and editors' efforts and love for their job will soon make such hope come true.

HA NAM RADIO-TELEVISION STATION

Add: National Way No.1A, Quang Trung ward, Phu Ly town, Ha Nam province

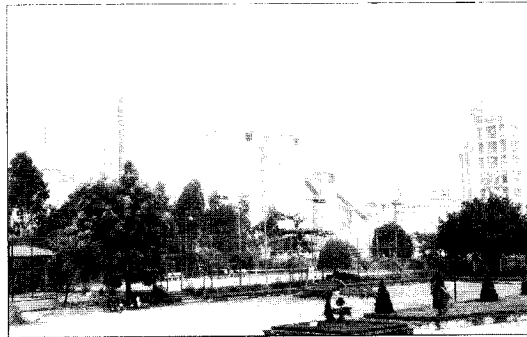
Tel: 0351.851780

Fax: 0351.854460



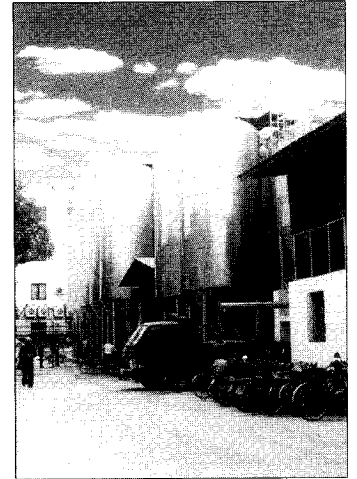
DOANH NGHIỆP TIÊU BIỂU

TYPICAL ENTERPRISES



Xi măng Bút Sơn - công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại, chất lượng quốc tế

Bút Sơn cement - advanced technology, modern facilities, international quality



Công ty du lịch - bia - nước giải khát: chinh phục khách hàng bằng chất lượng và uy tín

Ha Nam Tourism - Beer and Beverage Company: using the quality and prestige to win customers' heart



Công ty dệt Hà Nam - niềm tự hào của ngành công nghiệp dệt may Hà Nam

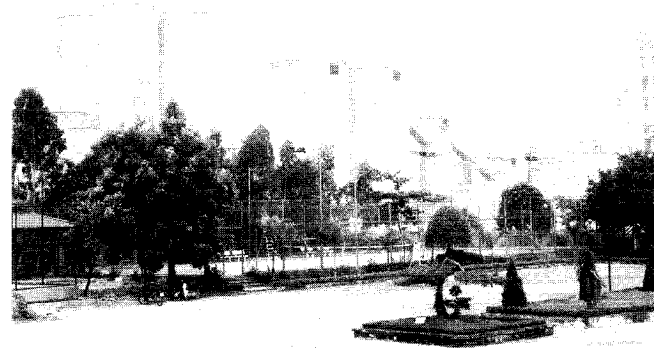
Ha Nam textile - the pride of the local textile industry

CÔNG TY XI MĂNG BÚT SƠN:

ĐIỂM SÁNG DOANH NGHIỆP TRÊN ĐẤT HÀ NAM

Công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại, chất lượng quốc tế,... là những đánh giá mà các chuyên gia trong ngành và khách hàng dành cho sản phẩm xi măng Bút Sơn. Trong 5 năm qua, kể từ lần đầu tiên xuất hiện, sản phẩm xi măng của Công ty xi măng Bút Sơn đã nhanh chóng chinh phục thị trường, gây dựng được niềm tin đối với khách hàng và trở thành một trong những tên tuổi cá uy tín trên thị trường vật liệu xây dựng cả nước.

Là thành viên của Tổng công ty xi măng Việt Nam đóng trên địa bàn tỉnh Hà Nam, dù tuổi đời còn non trẻ, nhưng hiệu quả sản xuất - kinh doanh mà Công ty xi măng Bút Sơn đạt được không hề nhỏ bé: sản phẩm có mặt ở hầu hết các công trình quan trọng của quốc gia, đóng góp cho ngân sách địa phương trên 50 tỷ đồng/năm, giải quyết việc làm ổn định cho hàng nghìn lao động,... Tất cả đã đưa công ty trở thành doanh nghiệp điển hình trong sự nghiệp đổi mới và phát triển kinh tế tỉnh Hà Nam, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh theo hướng "lấy công nghiệp làm mũi nhọn đột phá".

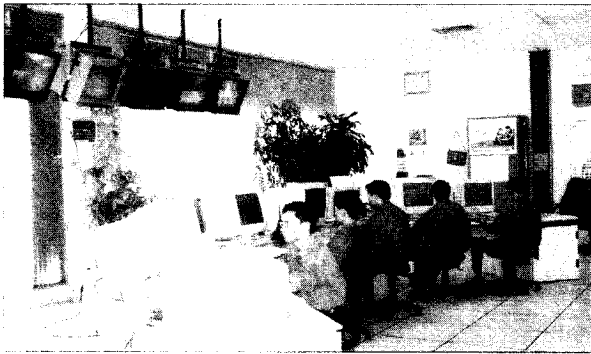


Toàn cảnh Nhà máy xi măng Bút Sơn tại xã Thanh Sơn, huyện Kim Bàng
Ảnh: Hoàng Tân

Từ những lợi thế

Công ty xi măng Bút Sơn được thành lập ngày 28-1-1997 với công suất thiết kế 1.4 triệu tấn/năm, tổng số vốn đầu tư 195 triệu USD. Đây là công trình đầu tiên do Tổng công ty xi măng Việt Nam tự vay vốn trong nước và nước ngoài để đầu tư. Quyết định táo bạo này đã tạo đà cho Công ty xi măng Bút Sơn có những đột phá quan trọng trong ngành xi măng Việt Nam.

Nhà máy của công ty được đặt ở xã Thanh Sơn, huyện Kim Bàng. Đây là vùng bán sơn địa, có hệ thống núi đá vôi với chất lượng vào loại tốt nhất cả nước, trữ lượng vài tỷ m³, có thể khai thác đến hàng trăm năm. Phía tây nhà máy giáp với các tỉnh vùng Tây Bắc, có thể dễ dàng vận chuyển



Ánh sáng hiện đại trong nhà máy xi măng Bút Sơn.
Ảnh: Hoàng Tân

hàng theo đường 21 trên nhánhiang Đông - Tây. Phía đông là vùng đồng bằng rộng lớn, cách Hà Nội 60 km về phía nam, gần quốc lộ 1A. Ngoài đường bộ còn có đường sắt Bắc - Nam, đường thủy từ sông Đáy ra sông Hồng. Với vị trí thuận lợi này, lựa chọn bất cứ phương tiện nào, sản phẩm xi măng của công ty cũng đến được nơi mà khách hàng yêu cầu.

Sau thời gian đầu vật lộn với bao khó khăn vất vả, ngày 2-9-1998, những tấn clanker đầu tiên của công ty đã ra lò và đến ngày 4-11-1998, những bao xi măng đầu tiên mang nhãn hiệu "Quả địa cầu" đã đạt huy chương vàng tại Hội chợ triển lãm Hàng công nghiệp EXPO năm 1998. Đến nay, Công ty xi măng Bút Sơn liên tục tăng trưởng về mọi mặt, sản xuất vượt công suất thiết kế, các sản phẩm có mặt ở hầu hết các công trình trên khắp mọi miền Tổ quốc. Để sản phẩm đến tay người tiêu dùng với giá thành hạ là qua trình lao động của hàng nghìn con người trong hơn 5 năm qua.

Ông Nguyễn Huy Quế - Phó Giám đốc Công ty xi măng Bút Sơn - cho biết: "Bút Sơn là nhà máy xi măng lò quay có công nghệ hiện đại do Hãng Technip-Cle (Công hoa Pháp) tổng thầu lắp đặt và cung cấp thiết bị. Nhà máy hoạt động đồng bộ từ khâu khai thác đá, đất sét đến khâu nung nguyên liệu, nung clanker, nghiền và đóng bao. Tất cả đều được đặt dưới sự điều khiển của Nhà điều hành trung tâm". Nhớ lại thời điểm khi nhà máy đi vào hoạt động, các chuyên gia nước ngoài rút hết, đội ngũ công nhân nhà máy đứng trước thách thức lớn: làm sao để người Việt Nam tự

điều hành và sản xuất được những sản phẩm xi măng trên dây chuyền công nghệ hiện đại của nước ngoài?

Nhưng rồi mọi khó khăn cũng qua đi nhờ sự nỗ lực ngừng học hỏi, tiếp thu công nghệ quy trình sản xuất do ngũ cán bộ, công nhân Công ty xi măng Bút Sơn ngày càng trưởng thành và đã vận hành thành công nhà máy, cho ra đời những sản phẩm chất lượng quốc tế theo hệ chuẩn quản lý ISO 9001:2000 do Quacert và DNV cấp tháng 10-2002. Nhiều cán bộ, công nhân giỏi của công ty còn được điều động sang các nhà máy xi măng Tân Bình, Bìn Sơn, Hoàng Mai... để tiếp tục công việc chủ ngành xi măng Việt Nam.

Đến uy tín và chất lượng

Với hệ thống sản phẩm đa dạng, chất lượng cao, có nhiều ưu thế vượt trội so với xi măng cùng chủng loại như: độ mịn cao, hàm lượng C3S lớn, lượng vôi tự do thấp, tốc độ phát triển cường độ nhanh... công ty ngày càng khẳng định chỗ đứng trên thị trường, trở thành nhà cung cấp xi măng chính cho các tỉnh, thành miền Bắc (chiếm 30% thị phần) như: Hà Nội, Hà Nam, Hà Tây, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Lào Cai, Sơn La... và có mặt ở hầu hết các công trình lớn của quốc gia như: Nhà ga T1 - Sân bay quốc tế Nội Bài, khu chung cư Định Công, Linh Đàm, Sân vận động quốc gia Mỹ Đình, cầu Thanh Trì, Tân Đề Yên Lệnh... Đặc biệt, thế mạnh của xi măng Bút Sơn là đông cứng nhanh, nên thuận lợi cho việc thi công dưới nước. Hiện nay, công ty có chiến lược phát triển, mở rộng đại lý tiêu thụ tại các tỉnh miền Trung và miền Nam, góp

Các sản phẩm chính

- Xi măng Portland PC40, PC50, xi măng hỗn hợp PCB 30, PCB 40 và các loại xi măng đặc biệt khác được sản xuất theo đơn đặt hàng.
- Sản phẩm được đóng trong bao phức hợp KP, đảm bảo chất lượng tốt nhất khi đến tay người tiêu dùng.

KẾT QUẢ SẢN XUẤT - KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2000 - 2004

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2000	2001	2002	2003	2004
Doanh thu	741,8	801	868	901	915
Lợi nhuận	93,7	-66	39	57,3	3
Nộp ngân sách	32	44,8	50	62,3	75
Thu nhập bình quân (tỷ đồng/người/tháng)	2,2	2,5	2,8	3	3,6

Source: Công ty xi măng Bút Sơn

phần cùng Tổng công ty Xi măng Việt Nam là định hướng xi măng toàn quốc, đáp ứng đủ nhu cầu phát triển kinh tế đất nước.

Nhờ cơ chiến lược sản xuất - kinh doanh hợp lý, năng động và sáng tạo, trong những năm qua, Công ty xi măng Bút Sơn luôn hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch giao hàng năm của Tổng công ty Xi măng Việt Nam. Nhờ đó, vốn được thu hồi nhanh giúp công ty bố trí, kiến hoàn trả vốn vay đầu tư đúng hạn. Dự kiến đến hết năm 2007, công ty sẽ hoàn thành việc trả nợ gốc và lãi số vốn vay 2.500 tỷ đồng. Ông Bùi Văn Khên - Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng đầu tư và phát triển Hà Nam, một trong những chủ đầu tư dự án Công ty xi măng Bút Sơn

- khẳng định: "Công ty xi măng Bút Sơn là "bà chủ" của gian hoàn trả vốn vay đầu tư vào (nhà máy xi măng địa phương)". Kết quả đó đã khẳng định "bà chủ" đầy năng lực và năng động của công ty, đưa công ty trở thành tác nhân quan trọng đối với nhiều tổ chức tín dụng trong và ngoài nước.

Ông Nguyễn Huy Quý cho biết: "Từ năm 2002, công ty bắt đầu làm ăn có lãi. Doanh thu bình quân đạt gần nghìn tỷ đồng/năm, số nộp ngân sách hàng năm trên 50 tỷ đồng, góp phần giải quyết việc làm, tạo thu nhập ổn định cho hàng nghìn lao động với mức thu nhập bình quân đạt trên 2 triệu đồng/người/tháng. Công ty đã được sự tin tưởng niềm tin tuyệt đối về nghề, phân đầu tư sự quan tâm của công ty, cho toàn thể cán bộ, công nhân viên."

Các đặc tính nổi bật của xi măng Bút Sơn

- Độ bền cao
- Hàm lượng C₃S lớn
- Lượng nước hồ vữa ít
- Hàm lượng kiềm thấp
- Tuổi thọ cao, độ bền cao, độ dẻo dai cao hơn hẳn so với xi măng thông thường cùng chủng loại, nên sử dụng để xây dựng các công trình trọng yếu kết cấu không có sự thay thế, như móng cọc, móng tường, kết cấu chịu lực của công trình.

Mở rộng sản xuất - kinh doanh

Trong lần về thăm và làm việc tại Công ty xi măng Bút Sơn đầu năm 2002, Thủ tướng Phan Văn Khải đã biểu dương những cố gắng và thành tích của tập thể cán bộ, công nhân trong quá trình quản lý, vận hành nhà máy, đồng thời đóng góp tích cực vào nguồn thu ngân sách của địa phương. Thủ tướng cũng đề xuất công ty cần sớm có kế hoạch mở rộng và nâng công suất nhà máy, nhanh chóng kịp chiến lược phát triển ngành xi măng Việt Nam. Theo kiến nghị chỉ đạo đó, công ty đã khẩn trương đầu tư dự án chuyên II với công suất thiết kế 1,6 triệu tấn/năm, tổng vốn đầu tư khoảng 2.800 tỷ đồng. Dự kiến đến 2007, dự án chuyên II sẽ đi vào hoạt động, giúp công ty bố trí thêm 600

Bài học thành công

Có được những thành công hôm nay, Công ty xi măng Bút Sơn đã biết kết hợp nhiều yếu tố quan trọng:

- Thứ nhất: không ngừng phát huy sức mạnh đoàn kết, coi trọng ý kiến đóng góp của tập thể; xây dựng khối đoàn kết trong Đảng bộ, hạt nhân đoàn kết được bắt đầu từ ban giám đốc, tiếp đó là các phòng, ban và anh em công nhân. Ông Bùi Văn Tròn - Bí thư Đảng bộ, Giám đốc Công ty xi măng Bút Sơn - tâm sự: "Để có được sự đoàn kết, người lãnh đạo phải có trí tuệ, yêu nghề, công bằng với mọi người và luôn vì sự nghiệp chung. Ngoài ra, người lãnh đạo phải biết chăm lo đến đời sống cán bộ, công nhân viên, tạo mọi điều kiện để cán bộ cấp dưới phát huy năng lực, lấy thưởng phạt để động viên người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ". Vì thế, trong những năm qua, công tác thi đua khen thưởng đã thực sự mang lại hiệu quả thiết thực cho công ty, tạo cho người lao động thêm tin yêu và gắn bó với công ty như ngôi nhà thứ hai của mình.

- Thứ hai: hết sức coi trọng tình an toàn lao động trong toàn thể cán bộ, công nhân viên công ty. Kỷ cương lao động được nhắc nhở thường xuyên, quy trình kiểm tra an toàn lao động được thực hiện nghiêm ngặt.... Nhờ đó, trong suốt 5 năm hoạt động, công ty không để xảy ra tai nạn đáng tiếc nào. Năm 2003, công ty là một trong bốn đơn vị trong toàn quốc vinh dự nhận Cờ thi đua An toàn lao động do Nhà nước trao tặng.

- Thứ ba, chú trọng đào tạo con người - tài sản quý nhất của doanh nghiệp. Vì thế, công ty có đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn cao, tâm huyết với nghề, năng động, sáng tạo trong công việc, đoàn kết thống nhất trong mọi hành động.

kiện để phát huy được những lợi thế dồi dào về nguồn nguyên liệu, mặt bằng sản xuất, đội ngũ cán bộ, công nhân có tay nghề cao, tiến tới nâng công suất thiết kế từ 1,4 lên 3 triệu tấn/năm.

Để chuẩn bị cho bước phát triển mới này, công ty đã sắp xếp lực lượng lao động sao cho phù hợp, tuyển dụng thêm công nhân, phân bổ nhân lực cho giai đoạn I và giai đoạn II hợp lý để vừa tiết kiệm nhân lực, nguyên vật liệu, vừa đem lại hiệu quả kinh tế, không ngừng tăng thu nhập cho cán bộ, công nhân viên, tăng tích lũy cho công ty, đồng thời không làm ảnh hưởng đến uy tín, chất lượng sản phẩm và việc mở rộng thêm mạng lưới tiêu thụ khắp ra toàn quốc. Với tất cả sức mạnh của tuổi trẻ và nguồn nội lực mạnh mẽ, Công ty xi măng Bút Sơn sẽ sớm có được sự bứt phá ngoạn mục trong tương lai. Để mai đây, bên cạnh "Rồng xanh Hải Phong", "Voi Bìm Sơn", "Sư tử Hoàng Thạch", "Quả địa cầu Bút Sơn" sẽ tiếp tục tỏa sáng, xứng đáng là doanh nghiệp mạnh của Tổng công ty xi măng Việt Nam, anh "cà đở" của ngành công nghiệp Hà Nam.

Chia tay Công ty xi măng Bút Sơn, chúng tôi thầm cảm phục những người thợ nơi đây đã biến vùng núi hoang vu, khô cằn sỏi đá trở thành nhà máy sản xuất - kinh doanh hiệu quả, đang ngày đêm tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng cao cho xã hội, đồng thời chứng minh mô hình phát huy nội lực "tự đầu tư và tự hoàn trả vốn vay" với thời gian nhanh nhất. Hiện nay, công ty lại tiếp tục làm chủ đầu tư giai đoạn II, để rồi tạo ra nhiều xi măng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế đất nước. Công ty là niềm tự hào của người dân Hà Nam biết đi lên từ đồng đất quê mình làm công nghiệp, xóa đói giảm nghèo và vươn lên làm giàu cho đất nước.

CÔNG TY XI MĂNG BÚT SƠN

Điện thoại: 0351.851323

Fax: 0351.851320

BUT SON CEMENT COMPANY:

A SYMBOL ENTERPRISE

In HA NAM

Advance technology, modern equipment, national quality, etc., are assessment of But Son cement product made by experts in the sector and customers. During five years, since the early days, cement product of But Son Cement Company (BSC) has quickly taken up market and confidence of customers and become one of prestigious trademark in building material market all over the nation.



Central steering division in But Son Cement Company
Foto: Hoang Tan

renovation time and local economic development, take a part in local economic reform in the drive of "regarding industry as breakthrough".

Get start with available advantages

To be the member of Vietnam Cement Corporation locating in Ha Nam province, despite of nascent unit, the company has gained remarked achievements in business and production operation: the product is used in most important constructions across the nation; contribute over VND50 billion per year; generate stable job for thousands of labourers, etc. Those achievements have helped the company become typical enterprise in

The company was established on January 28th 1997 with designed capacity of 1.4 million tonnes per year and total investment capital valued USD195 million. This is the first construction invested by Vietnam Cement Corporation with inland and oversea loans. The reckless decision has created momentum for BSC to make vital quantum leaps in Vietnam cement sector.

The company's factory situates in Thanh Son commune, Kim Bang district. This is a half-mountain half-plain area having best limestone mountains in the nation with reserve of some billions of cu.m that can be exploited within hundreds of years. In the west, the factory borders northwestern provinces, so it is easy to transport product along the road No.21 on West-East corridor. Large plain is in the east, 60 km away from Hanoi capital in the south and near National road No. 1A. Besides road, there are trans-Viet railway and waterway from Day river leading to Red river. With convenient location, cement product of the company will conveyed to consumers with diverse vehicles.

Experiencing the hardships in the early days, the first tonnes of clanker came out kiln on September 2nd 1998. The first cement packages which came out of kiln bearing the label of "globe" won gold medal in Exhibition of Industrial Products or EXPO held in 1998. Up to now, the company keeps developing in all aspects with production exceeding design capacity; all products of the company emerge in major constructions in every corner of the nation. To provide low price product is durable efforts of thousands of labourers over the past five years.

"But Son is a cement factory producing with advanced reverter furnace installed and provided equipment by Technip-Cle firm (Republic of France). The factory operates synchronously from exploiting stone and clay to bake material and clanker, grind, and pack. All steps are under the control of central monitor," said Mr. Nguyen Huy Que, vice director of BSC. Reminding the first days when the factor was newly put into operation while all foreign experts has left. All workers and officers of the factory had to confront with great challenge: how they can operate and produce cement product with advanced technologic line.

Nonetheless, every difficult has tackled thanks to requiring and acquiring new technology of production process, the staff of the company has operated successfully the factory and generated high-quality products in accordance with management standard ISO 9001:2000 granted by Quacert and DNV in October 2002. Many excellent officers and workers of the company have been appointed to other cement factories of Tam Diep, Bim Son, Hoang Mai, and so on, to continue dedicating to Vietnam cement sector.

To prestige and quality

Thanks to diverse high-quality products prevail over the other cement products of same sort in some characteristics such as high fineness, large mount of C3S, less lime dust, high condensability, etc., the company is affirming its foothold in the market and become dominant provider of cement (30% market share) in northern provinces and cities like Hanoi, Ha Nam, Ha Tay, Nam Dinh, Thai Binh, Ninh Binh, Hung Yen, Vinh Phuc, Thai Nguyen, Lao Cai, Son La, etc. The company's products has attended in most large national works namely Air Station No.T1-Noi Bai international airport, Dinh Cong and Linh Dam apartment buildings, My Dinh national

Dominant products of But Son Cement

- Portland cement CP40 and PC50, mix cement PCB30 and PCB40, and other special cements produced as orders.

- Products packed in compound package KP assuring best quality when reach to customers.

BUSINESS RESULT IN 2000-2004					
	Unit: VND billion				
Norm	2000	2001	2002	2003	2004
Revenue	741.8	801	868	901	935
Profit	-93.7	-66	39	57.3	81
Budget contribution	32	44.8	50	62.3	75
Income per capita (VND million per month)	2.2	2.5	2.8	3	3.5

Source: But Son Cement Company

stadium, Thanh Tri bridge, Tan De bridge, Yen Lenh bridge, etc. Especially, outstanding characteristic of But Son cement is quickly solidified so it is convenient for construction in water. Currently, the company has projected to expand distribution agents in provinces in the Central Vietnam and the South together with Vietnam Cement Corporation stabilise national cement market and satisfy demand of national economic development.

Deriving from sensible production-business strategy together with acumen and creativeness, the company, over the past years, always fulfils annual target set forth by Vietnam Cement

Outstanding characteristics

- *High fineness*
- *Large amount of C3S*
- *Low amount of free lime*
- *Low ration of alkali*
- *Sound intensity development: intensity higher than other one of same sort; thus, when use But Son cement in one cu.m of concrete, it can save some 15% compared to other cement product of same sort in the market.*

Corporation. Accordingly, it can refund debt sharply. Estimating to 2007, the company will refund principal and interest of the loan valued VND2,500 billion. Mr. Bui Van Khen - Director of Bank for Investment and Development of Vietnam - Ha Nam branch, one of investor in project of BSC, affirmed: "BSC is a project refunding most early in the locality". The achievement has proved on-growing prestige of the company and made it become capital partner of various credit organisations inside and outside the nation.

"Since 2002, the company has began making profit. Annual revenue records some thousand billions of dong; budget contribution takes up one-third annual budget revenue in the province. Additionally, it has taken a part in generating job opportunity for thousands of labourers with income per capita attaining VND2million per month. The company has really consolidated the trust, job passion, and attachment of all officers and workers," added Mr. Que.

Enlarge production and business

In his working visit in the company in the beginning of 2002, Prime Minister Phan Van Khai has commended efforts and achievements made by the company's staff in managing and operating the factory as well as contributing consider-

Successful experience

To gain the achievements on record, BSC has combined various important factors:

- *Firstly: keep promoting the strength of unity and paying special attention to constructive ideas of the staff; build up unity in the Party starting from steering committee, divisions to officers and workers. Mr. Bui Van Tron - Secretary of the Party and director of BSC, said: "To consolidate unity, the steering committee have sense of justice, dedicated to the work, and exert the best for common cause. Additionally, the senior officers is interested in tending living for the employees, facilitate for junior officers promote their ability, apply fair reward punishment statute to animate the staff accomplish their assignments". Thereby, emulation and commendation operation, over the past years, have really brought about practical results for the company, strengthen the trust and attachment of the labourers to the company.*
- *Secondly: intensify labour safety in the staff. Working regulation is usually reminded; labour safety is supervised strictly, etc. As the sequel, during 5 -year operation, there has been not any accident happening. In 2003, the company was one of four units in the nation as a whole presented Emulation banner of Labour Safety by the State.*
- *Thirdly: attach great concern to training manpower- most valuable asset of enterprise. Accordingly, the company has got well-trained staffs who are wholehearted, dynamic, creative in work, and unanimous in action.*

ably to local budget. He also suggested the company should early expand and heighten the factory's capacity to keep breath with development strategy of Vietnam cement sector. In performing the direction, the company has quickly invested VND2,800 billion in the production line No.2 with designed capacity of 1.6 million tonnes per year. Estimating to 2007, the line will be put into operation helping the company to utilise abundant material source, production site, and the skilled staff and then lift designed capacity up from 1.4 to 3 million tonnes per year.

To prepare deliberately for this strategy, the company has rearranged manpower and recruited further workers, dispose manpower for the first and second phrases sensibly to save labour and material but assure economic efficiency. Moreover, it aims to improving income for the staff, increase accumulation for itself; simultaneously strengthen prestige and product quality, expand consumption network all over the nation. With young strength and zealousness as well as durable efforts, the company will early take up to bright future. In the future, abide from "Hai Phong rong

xanh" (green dragon), "Bim Son voi" (elephant), and "Hoang Thach su tu" (lion), "But Son qua dia cau" (globe) will continue brightening and deserving powerful enterprise under Vietnam Cement Corporation- the cock of the walk of Ha Nam industry.

Leaving BSC, we admired the workers and officers who have turned desolate and arid land to profitable factory providing high-quality products for the society in the shortest time. Currently, the company is continuing to invest in the second phrase in an attempt to match the increasing demand of national economic development. BSC is a pride of Ha Nam people, who make fortune right in the homeland, gradually perform poverty reduction, and enrich for the nation.

BUT SON CEMENT COMPANY

Tel: 0351.851323

Fax: 0351.851320

CÔNG TY DỆT HÀ NAM:

KHÔNG NGỪNG VƯƠN LÊN ĐỂ KHẮNG ĐỊNH UY TÍN và VỊ THẾ TRÊN THƯƠNG TRƯỜNG

Trong nhiều năm qua, Công ty dệt Hà Nam luôn được tính đánh giá là một doanh nghiệp nhiều tiềm lực trong ngành công nghiệp địa phương. Với những chiến lược sản xuất kinh doanh nhạy bén, công ty đã và đang gặt hái những thành quả đáng ghi nhận.



Một góc phân xưởng dệt của Công ty dệt Hà Nam

Nhìn cơ ngơi nhà xưởng bề thế, khang trang với hệ thống trang thiết bị máy móc hiện đại và đội ngũ cán bộ, công nhân viên chuyên nghiệp, lành nghề, thật khó hình dung được tiền thân của Công ty dệt Hà Nam vốn chỉ là một cơ sở kinh tế mang tính chất hộ gia đình. "Tay trắng" đi lên từ

những ngày tháng khủng hoảng, gian nan nhất để trở thành điểm sáng về phát triển kinh tế. Công ty dệt Hà Nam ngày nay tự hào là một "gương mặt" quan trọng của ngành công nghiệp dệt may Hà Nam.

Tự tin xây dựng thành quả

Từ một cơ sở kinh tế tư nhân nhỏ lẻ phát triển lên mô hình xưởng dệt, rồi trở thành một công ty "có tiếng". Đó quả là chặng đường dài với nhiều bước ngoặt bất ngờ của Công ty dệt Hà Nam. Khi mới đi vào hoạt động, doanh nghiệp chỉ tập trung sản xuất và kinh doanh bột nhẹ cho các công ty giầy vải. Sau một thời gian, nhận thấy những công ty đó có nhu cầu về vải, đơn vị đã mạnh dạn chuyển sang dệt, nhuộm vải để cung cấp đồng thời với bột nhẹ. Sản phẩm được ưa dùng, khách hàng trở nên quen thuộc, vốn kinh doanh cũng tạm đủ, doanh nghiệp tiếp tục chuyển hướng đầu tư, sản xuất kinh doanh sản phẩm sợi. Với hàng tấn sản phẩm sợi xuất ra thị trường mỗi năm, công ty đã đáp ứng tốt yêu cầu về nguồn hàng vật tư của ngành dệt may trong và ngoài tỉnh.

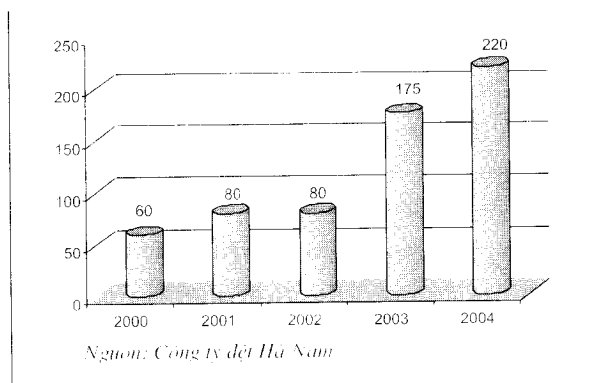
Xác định: chất lượng sản phẩm là yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nên Công ty dệt Hà Nam luôn chú trọng đầu tư đúng mức cho công tác đào tạo đội ngũ cán bộ, kỹ sư, công nhân, đảm bảo có trình độ kỹ thuật lành nghề, đủ năng lực đáp ứng yêu cầu công việc. Đồng thời, công ty còn quan tâm, đầu tư hệ thống trang thiết bị, máy móc hiện đại, đồng bộ. Nhờ đó, doanh thu của công ty liên tục tăng trưởng. Năm 2003, công ty sản xuất được 5.027,8 tấn sợi các loại với doanh thu đạt

175,1 tỷ đồng, nộp ngân sách địa phương 2,736 tỷ đồng. Trong đó, sản lượng sợi xuất khẩu đạt 2.500 tấn, doanh thu đạt 3,6 triệu USD. Đến năm 2004, sản lượng sợi của công ty tăng lên 6.500 tấn các loại với tổng doanh thu 220 tỷ đồng. Công ty đã xuất khẩu hàng nghìn tấn sợi chất lượng cao với doanh số xuất khẩu đạt 4,5 triệu USD, nộp ngân sách gần 03 tỷ đồng. Nhiều doanh nghiệp lớn chuyên sản xuất hàng may mặc xuất khẩu đã trở thành khách hàng truyền thống của công ty như: Công ty dệt Phong Phú, Công ty dệt may Hà Nội, Công ty 20 (Bộ Quốc phòng)... Thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước ngày càng mở rộng đã giúp công ty tiếp tục thực hiện thành công chiến lược phát triển của mình. Riêng trong năm 2003, công ty đã thực hiện 02 dự án đầu tư dây chuyền kéo sợi 20 nghìn cọc sợi với thiết bị hiện đại. Tổng số vốn đầu tư năm 2003 lên tới 120 tỷ đồng.

Sự thành công trong sản xuất, kinh doanh đã giúp Công ty dệt Hà Nam có đủ điều kiện thuận lợi để quan tâm, nâng cao đời sống cho người lao động. Năm 2003, công ty đã giải quyết việc làm và tạo thu nhập ổn định cho 500 lao động với mức lương 650 nghìn đồng/người/tháng cùng nhiều chế độ phụ cấp khác. Đời sống vật chất và tinh thần của đông đảo cán bộ, công nhân viên luôn được chi bộ Đảng, ban giám đốc và tổ chức công đoàn công ty chăm lo chu đáo, góp phần phát huy tốt năng lực làm việc, tinh thần lao động sáng tạo, hăng say của mỗi cá nhân.

DOANH THU GIAI ĐOẠN 1996 - 2004

Đơn vị: tỷ đồng



Kế hoạch phát triển

Để tiếp tục có những bước phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong những năm tới, đưa các sản phẩm của công ty ngày càng trở nên quen thuộc với thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước, công ty sẽ tiếp tục chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, coi đây là cách thức quảng bá thương hiệu rộng rãi và hiệu quả nhất. Với khẩu hiệu "Năng suất cao để có thu nhập cao, chất lượng ổn định để có sự phát triển bền vững", công ty sẽ quan tâm tuyển chọn, thu hút đội ngũ cán bộ, công nhân giàu kinh nghiệm và có khả năng đáp ứng tốt yêu cầu khoa học - công nghệ mới. Việc nâng cao, bồi dưỡng trình độ tay nghề cho người lao động cũng sẽ được thực hiện thường xuyên. Đặc biệt, ban giám đốc công ty luôn khích lệ và dành chế độ khen thưởng xứng đáng cho những cá nhân có sáng kiến hoặc đạt thành tích cao trong lao động sản xuất. Bên cạnh đó, công ty sẽ không ngừng đầu tư, cải tiến hệ thống trang thiết bị hiện đại, thường xuyên duy tu, bảo dưỡng máy móc theo chế độ định kỳ để đảm bảo tiến độ sản xuất- kinh doanh, tăng năng suất và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Ngoài ra, công ty sẽ phát huy hơn nữa vai trò của các tổ chức đoàn thể trong việc xây dựng phong trào thi đua sản xuất để thực hiện thắng lợi các mục tiêu đề ra. Năm 2004 vừa qua, công ty đã hoàn thành dự án đầu tư xây dựng Nhà máy kéo sợi 30 nghìn cọc sợi ở Khu công nghiệp Châu Sơn, nâng quy mô sản xuất lên gấp 2 lần hiện nay với sản lượng ước đạt 350 tấn/tháng. Theo đó, số lao động cũng tăng thêm nhiều so với trước. Bước đi mới này sẽ tạo đà để công ty theo kịp yêu cầu đổi mới và phát triển của đất nước trong thời kỳ hội nhập.

Mặc dù phải đối mặt với nhiều thách thức của nền kinh tế thị trường đầy biến động, nhưng Công ty dệt Hà Nam luôn vượt qua khó khăn để từng bước chinh phục khách hàng và mở rộng các mối quan hệ, hợp tác lâu bền. Khoảng thời gian hơn 20 năm tuy chưa thật dài, nhưng đã giúp công ty có đủ những kinh nghiệm quý báu để không ngừng vươn lên. Tin rằng, Công ty dệt Hà Nam sẽ đạt được nhiều thành quả tốt đẹp hơn nữa, để tiếp tục xứng đáng là niềm tự hào của ngành công nghiệp dệt may Hà Nam.

HA NAM TEXTILE COMPANY:

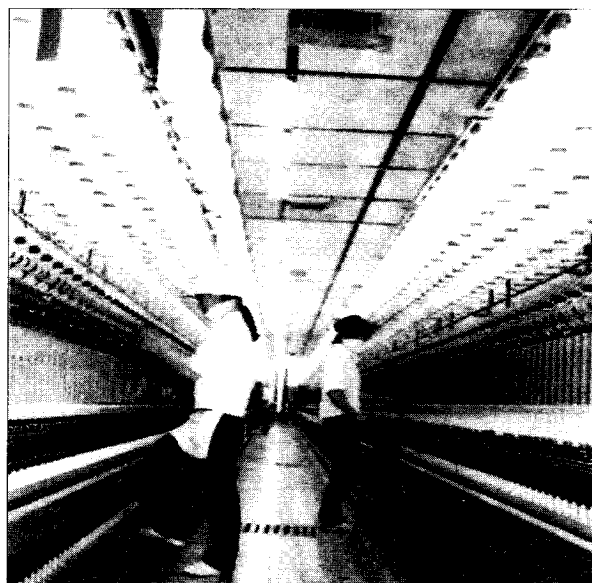
CONTINUALLY GROWING UP TO AFFIRM PRESTIGE AND POSITION ON MARKET

Over the past years, Ha Nam Textile Company (HTCo) has been seen by the province as a powerful enterprise in the local industry. Thanks to the lucid production and business strategies, the company has been gaining remarkable achievements.

Seeing the spacious workshops with the system of advanced equipment and machinery, highly qualified and experienced staff, it is difficult to think that HTCo used to be a household business establishment. Starting from empty hands on the days of most hardship to the golden time of economic development, the company today takes great pride to be a crucial part of Ha Nam garment and textile industry.

Confident to reap fruits

Beginning from a small private establishment to a textile workshop, then a well-known HTCo today, it is a long road with unpredictable turning points of HTCo. In its early time of establishment, the enterprises only focussed on the production and business of light powder for cloth shoes companies. After a period of time, having found out the demand for cloth of these companies, it boldly shifted to the cloth weaving and dyeing to provide them in combination with light powder. The product



A scene of textile workshop of Ha Nam Textile Company

found favour in the eyes of customers. At that time, the working capital is nearly sufficient and the enterprise determined to continue investing in production and business of fibre products. With tonnes of fibre products annually sold on market, the company has well satisfied the demand for raw materials of the garment and textile sector within and outside the province.

Defining the product quality as a decisive factor for the existence and development of the enterprise, HTCo always pays proper attention to the training of cadres, engineers and workers, enabling them to be competent for the work. At the same time, the company also focuses investment on the system of modern and uniform equipment and machinery. Thus, its revenue is on the

rise. In 2003, HTCO produced 5,027.8 tonnes of fibre of all kinds with the revenue of VND175.1 billion, of which a sum of VND2.736 billion was contributed to the local budget. The company exported 2,500 tonnes of fibre, earning the turnover of USD3.6 million. Until 2004, its fibre output reached 6,500 tonnes of all kinds with total revenue of VND220 billion. HTCO has earned USD4.5 million from exporting thousands of tonnes of fine quality fibre and contributed some VND3 billion to the budget. Many large-scale enterprises specialising in the production of export garment products have become the company's clientele namely Phong Phu Textile Company, Hanoi Garment and Textile Company, Company No.20 (under the Ministry of National Defence). Increasingly expanded consumption market at home and abroad has helped HTCO continue to succeed in its development strategy. In 2003 alone, the company invested into the two 20,000-spindle fibre reeling line projects with the state-of-the-arts equipment, and the combined investment capital of this year climbed up to VND120 billion.

The successes in the production and business has made it possible for HTCO to have favourable conditions to better its labourers' living standard. In 2003, the company generated stable jobs and income for 500 employees with the monthly income of VND650,000 per capita and many other allowances. The company Party cell, board of managers and trade union pay much concerns

on the material and spiritual life of staff, helping them promote their working ability, creativeness and enthusiasm.

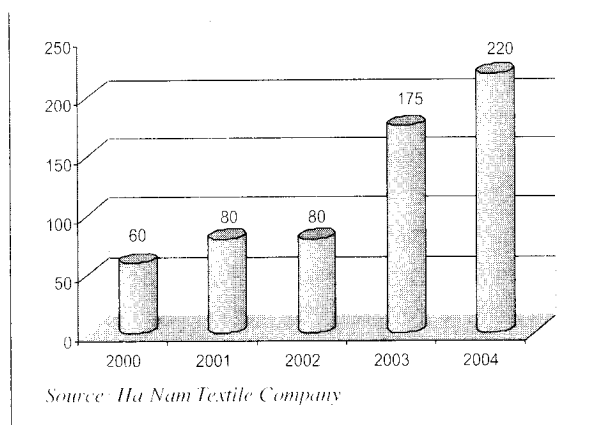
Development plan

To go on with its more dramatic developments in the upcoming years and make the company's products more popular on the local and foreign markets, HTCO tends to attach special importance to the improvement of quality and considers it the most effective and extensive way to advertise the trademark. Following the motto dubbed "High productivity for high income and stable quality for sustainable development", the company will be interested in recruiting and appealing to the experienced staff who are competent for the era of new science and technology. It will also regularly foster the qualifications for the labourers. Notably, its board of managers always encourages and offers considerable rewards to the individuals with initiatives or good performance at work. Additionally, the company will continually modernise its equipment, maintain machines on a regular basis to guarantee production and business pace, and raise productivity and quality of products.

In addition, HTCO will further promote the role of body institutions in launching production emulation movements for the fulfilment of the set targets. In 2004, the company completed the investment project to build 30,000-spindle Fibre Reeling Plant in Chau Son Industrial Park, doubling production scale with the estimated output of 350 tonnes per month. Accordingly, the number of labourers grows up more. This new step will act as an impetus for HTCO to keep pace with the national renovation and development during the integration process.

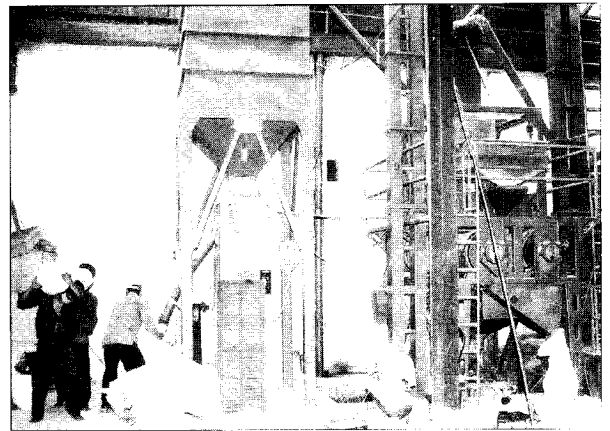
Despite facing numerous challenges of changing market-oriented economy, HTCO always manages to surmount difficulties and gradually conquer customers and expand long lasting relations and co-operation. The duration of 20 years is not so long, however, the company has drawn lessons of valuable experience for its perpetual growth. It is believed to get much better results to continue to be a great pride of Ha Nam garment and textile industry.

REVENUE DURING 1996 - 2004
Unit: VND billion



CÔNG TY LƯƠNG THỰC HÀ NAM NINH:

CHUYỂN ĐỔI ĐỂ PHÁT TRIỂN và HỘI NHẬP



Dây chuyền xay xát và lau bóng gạo của Công ty Lương thực Hà Nam Ninh.
Ảnh Hoàng Tuấn

Công ty lương thực Hà Nam Ninh được thành lập tháng 10 - 2002 trên cơ sở hợp nhất 02 công ty lương thực của Nam Định, Hà Nam và Ninh Bình. Vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, tập thể gần 200 cán bộ, công nhân viên công ty đã nỗ lực hết mình, đạt được những kết quả đáng khích lệ, từng bước nâng cao sức cạnh tranh và uy tín của công ty trên thị trường.

Vươn lên hàng nội lực

Công ty lương thực Hà Nam Ninh tiền thân là Ty lương thực Hà Nam Ninh ra đời từ năm 1950 với nhiệm vụ cung cấp lương thực cho quân và dân trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Trải qua 55 năm hoạt động, công ty đã nhiều lần thay đổi tên gọi: từ Ty lương thực, Sở lương thực Hà Nam Ninh,... đến Công ty lương thực Hà Nam Ninh ngày nay. Ngày 01-01-2005 đánh dấu bước tiến mới của công ty khi chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Phát huy truyền thống đáng tự hào, công ty đã và đang phấn đấu không ngừng để ngày càng phát triển, tích cực góp phần đảm bảo an ninh lương thực

trên địa bàn 03 tỉnh Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình cũng như toàn khu vực miền Bắc. Năm 2003, tổng sản lượng lương thực bán ra quy gạo của công ty đạt 75.902 tấn (đạt 170% so với kế hoạch), phân bón các loại đạt 58.232 tấn (bằng 388% so với kế hoạch), doanh số bán ra đạt 352,4 tỷ đồng (đạt 141% so với kế hoạch), nộp ngân sách nhà nước hơn 4,1 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 353 triệu đồng.

Trong suốt quá trình hoạt động, Công ty lương thực Hà Nam Ninh luôn chú trọng đến việc xây dựng đội ngũ nhân lực giàu tâm huyết, có trình độ chuyên môn vững vàng, có khả năng tiếp cận, đáp ứng kịp thời yêu cầu đổi mới và hội nhập. Đồng thời, công ty cũng rất quan tâm, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật hiện đại và đồng bộ. Bộ máy tổ chức quản lý thường xuyên được củng cố, kiện toàn cùng với các quy chế được bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tiễn. Bên cạnh đó, công ty còn chủ động và sáng tạo trong việc mở rộng mạng lưới tiêu thụ sản phẩm vật tư nông nghiệp và thức ăn chăn nuôi. Những biện pháp kinh doanh hợp lý không chỉ giúp công ty thắt chặt quan hệ với những khách hàng truyền thống mà còn khai thác thêm nhiều thị trường tiêu thụ mới. Đến năm 2004, thị phần lương thực của công ty đã rải đều khắp các tỉnh miền Bắc với tỷ lệ 40%.

Ngoài nhiệm vụ chính là kinh doanh lương thực, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp, tham gia bình ổn thị

trường lương thực trên địa bàn, công ty còn đẩy mạnh dịch vụ cung ứng xuất nhập khẩu và đa dạng hoá các mặt hàng. Với 04 xí nghiệp trực thuộc và 01 chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh, công ty đang triển khai xuất khẩu sản phẩm sang Trung Quốc, Hàn Quốc; xuất khẩu than hoạt tính sang Trung Quốc; nhập khẩu xi măng trắng và phụ tùng tàu biển. Hàng năm, doanh thu từ nguồn hàng xuất khẩu chiếm hơn 50% tổng doanh thu của công ty. Thêm vào đó, công ty còn đầu tư xây dựng các trại chăn nuôi lợn giống ông bà và lợn siêu nạc; kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ, xăng dầu. Thành công trong sản xuất - kinh doanh không chỉ mang lại lợi nhuận cho công ty mà còn góp phần tạo thêm thu nhập cho bà con nông dân trên địa bàn tỉnh thông qua hoạt động thu mua và tiêu thụ nông sản. Công ty đã gắn kết với các địa phương trồng và tiêu thụ các loại cây lương thực đặc sản như tám nếp, tám thơm, đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trong và ngoài tỉnh và xuất khẩu sang một số nước trong khu vực.

Hướng tới sự phát triển bền vững

Trong hơn 02 năm qua, Công ty lương thực Hà Nam Ninh đã gặt hái được những kết quả đáng kể: lợi nhuận năm sau gấp đôi năm trước, thu nhập bình quân của người

lao động cũng được nâng lên từ 500 nghìn đồng/người/tháng (năm 2003) lên 1 triệu đồng/người/tháng (năm 2004).

Để đẩy nhanh tốc độ phát triển trong thời gian tới, công ty sẽ tiếp tục đầu tư, nâng cấp hệ thống trang thiết bị, máy móc nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất ngày càng cao; tăng cường xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân viên có trình độ nghiệp vụ, chuyên môn vững, đáp ứng tốt yêu cầu đổi mới trong sản xuất kinh doanh. Đồng thời, công ty tiếp tục mở rộng mối quan hệ hợp tác trên nhiều lĩnh vực với các địa phương và các công ty sản xuất, kinh doanh lương thực trong nước; chú trọng hợp tác liên doanh với nhiều doanh nghiệp nước ngoài. Ngoài các mặt hàng truyền thống như lương thực, vật tư, phân bón, công ty sẽ quan tâm mở rộng sang các loại hình sản xuất - kinh doanh khác.

Trong môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt, Công ty lương thực Hà Nam Ninh vẫn bền bỉ phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và chỉ tiêu đặt ra. Mặc dù còn nhiều khó khăn, song những thành quả của công ty đã góp phần hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn, trở thành nền tảng để công ty có những bứt phá mới trong tiến trình hội nhập và phát triển.

KẾT QUẢ SẢN XUẤT - KINH DOANH

Chỉ tiêu	Đơn vị	2003	2004
1. Sản lượng hàng hoá tiêu thụ:			
+ Lương thực quy gạo	Tấn	63.879	88.000
Trong đó: xuất khẩu	"	20.357	7.594
+ Phân bón các loại	"	35.359	30.000
2. Doanh thu, trong đó	Triệu đồng	360.852	425.000
- Xuất khẩu	"	51.836	52.985
3. Lợi nhuận	"	353	700
4. Nộp ngân sách	"	4.093	3.000
5. Thu nhập bình quân đầu người	1.000 đồng/tháng	831.429	1.000

Nguồn: Công ty lương thực Hà Nam Ninh.

Surging up with its own force

Ha Nam Ninh Food Company, whose fore-runner was Ha Nam Ninh Food Service was established in 1950 with the main task of supplying food for people and army during the two resistance wars against the French colonialist and the American imperialist. The company, experiencing over the past 55 years of development, has renamed for several times from Food Service, Ha Nam Ninh Food Department... to Ha Nam Ninh Food Company as it is today. The January 1st 2005 witnessed a new landmark of the company because this is the time the company's equitisation towards a model of joint-stock. Bringing into

full play their praiseworthy tradition, the company has been trying their best to further develop and making a greater contribution to the food security in three provinces of Nam Dinh, Ha Nam, and Ninh Binh as well as in other provinces in the North of Vietnam. In 2003 the total sales was 75,902 tones (170% as compared to the plan set forth) of food (converted into rice), 58,232 tones of fertilizer (388% of the plan). The revenue was VND325.46 million (141% of set forth plan), contributed over VND 4.1 million to the state budget and got the profit of VND353 million.

HA NAM NINH FOOD COMPANY:

REFORMING EFFORTS for DEVELOPMENT and INTEGRATION

Ha Nam Ninh Food Company was established in October 2002 basing on the mergence of three food companies of Nam Dinh, Ha Nam, and Ninh Binh. In triumphing over countless difficulties and challenges, nearly 200 officers and employees of the company have made all-out their efforts to attain encouraging results, step by step improving their competitiveness and prestige in the market.

During its operation the Nam Ninh Food Company always pays attention to build up a team of enthusiastic employees with good professional skills and flair, meeting the demand of the renovation and integration time. At the same time, a special attention is given to the investment in facilities, modern and synchronized techniques. The organization and management apparatus is constantly consolidated with supplementary and adjusted regulations in accordance with the real situation. Additionally, the company is active and creative in widening their consumption system of agricultural materials and breeding food. Their suitable

business method not only helps the company strengthening their ties with the traditional customers but also tapping into the new markets. By 2004, products of the company are available in almost corners in all provinces in the North of Vietnam with the market share of 40%.

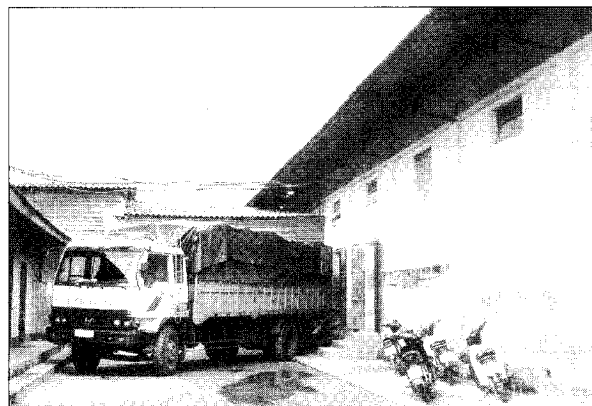
Beside their main tasks of trading food, supplying materials for agriculture, stabilizing food price in the locality the company also boosts the import and export activities and diversifies the commodities. With 4 member factories and 1 branch, it is exporting sliced cassava into China, Korea:

active coal into China and importing white cement and shipping accessories. Annually the turnover from exports accounts for 50% of the total revenue of the company. Moreover, the company builds farms raising breed pigs and super-lean pigs, deals in hostels and petroleum. The success in their business not only makes profit for the company but also gives bigger income for the local farmers by the procurement of agricultural products. The company has a good combination with the locality in planting and procuring agricultural specialities such as: "tam nep, tam thom" (varieties of sticky rice) meeting the demand of the locality and exporting to some regional countries.

Advancing to sustainable development

In the past 2 years, Ha Nam Ninh Food Company has attained remarkable achievements: the profit was doubled in comparison with the previous year, income per capita increases from VND500.000 per month in the year of 2003 to VND1 million in 2004.

In order to accelerate the development in the coming time, the company will continue investing in upgrading facilities, machines, building up the cadres and employees with professional skills for the higher production and renovation demand. At the same time they will go on with multi-



Food stock of Ha Nam Ninh Food Company

Foto. Hoang Tan

faceted corporation with the local food manufacturing and trading companies as well as the foreign ones. Besides the traditional commodities such as: food, materials, fertilizers, the company is to expand its business to other fields.

In this serve competition Ha Nam Ninh Food Company is still tenaciously trying their best to fulfil their tasks and targets. Despite many difficulties, their achievements makes a great contribution to the agricultural production support, food security in the area and becomes the firm foundation for their new breakthrough in the process of integration and development.

PRODUCTION - BUSINESS ACHIEVEMENTS			
Targets	Unit	2003	2004
1. Sales of commodities.			
– Food (converted into rice)	tones	63,879	88,000
– Export	..	20,375	7,594
– Fertilizers of all kinds	..	35,359	30,000
2. Turnover	VND million	360,852	425,000
– Export	..	51,836	52,985
3. Profit	..	353	700
4. State budget contribution	..	4,093	3,000
5. Income per capita	VND 1,000/month	831,429	1,000

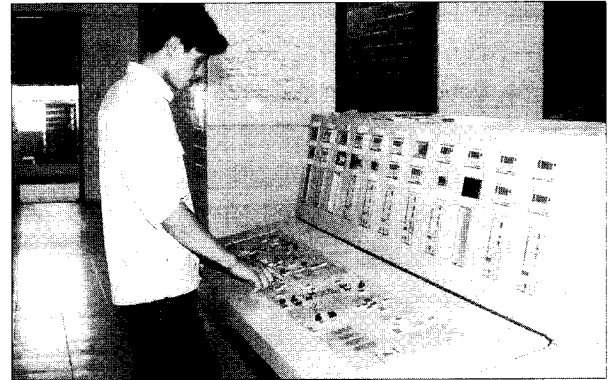
Source: Ha Nam Ninh Food Company.

CÔNG TY DU LỊCH - BIA - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NAM:

Chinh phục khách hàng bằng CHẤT LƯỢNG và UY TÍN

Đến năm 2004, khách sạn Hoà Bình vừa tròn 31 tuổi và sản phẩm bia Nager của Công ty du lịch - bia - nước giải khát Hà Nam đã ra đời gần 7 năm. Khoảng thời gian ấy có thể chưa đủ dài để tạo nên bước bứt phá như mong muốn, song Công ty du lịch - bia - nước giải khát Hà Nam đã từng bước khẳng định vị trí và thương hiệu trên thị trường Hà Nam.

Tiền thân là Khách sạn chuyên gia Phú Lý (thành lập năm 1973), đến năm 2001, đơn vị được đổi thành Công ty du lịch - bia - nước giải khát Hà Nam. Xác định: "Tên gọi mới cũng đồng nghĩa với chiến lược sản xuất - kinh doanh mới", Công ty du lịch - bia - nước giải khát Hà Nam đã tích cực phát huy bề dày kinh nghiệm vốn có, táo bạo tìm hướng phát triển cho tương lai.



Trung tâm điều khiển sản xuất bia tại Nhà máy bia Hà Nam

Vượt qua gian khó, từng bước chinh phục khách hàng

Để có thành quả ngày hôm nay, Công ty du lịch - bia - nước giải khát Hà Nam không thể quên những ngày tháng đầy cam go, thử thách. Trước năm 1983, doanh nghiệp chỉ có 34 lao động làm việc trong điều kiện cơ sở vật chất hết sức nghèo nàn, lạc hậu. Do không có nguồn vốn đầu tư và hệ thống trang thiết bị hiện đại, doanh nghiệp đã lựa chọn hướng sản xuất "bia cỏ" (năm 1987) với phương pháp, thiết bị thủ công và thô sơ. Ví thế, sản phẩm "xuất xưởng" không đáp ứng nhu cầu thưởng thức của người tiêu dùng, chất lượng bia không đủ sức cạnh tranh với các sản phẩm khác trên thị trường. Sản lượng bia bán ra thị trường ngày một thấp dần, đời sống cán bộ, nhân viên rơi vào tình trạng khó khăn.

Trước thực trạng đó, năm 1997, doanh nghiệp quyết định vay vốn Ngân hàng công thương Hà Nam, tập trung đầu tư hệ thống dây chuyền thiết bị và công nghệ hiện đại của Công hoà liên bang Đức. Được đầu tư, sản xuất - kinh doanh dần chuyển biến, nhưng sản lượng bia bán ra thị trường vẫn rất hạn chế, tỷ trọng bia chai thấp. Hoạt động kinh doanh cầm chừng không đủ kinh phí để trả lãi ngân hàng (5 tỷ đồng/năm). Nếu tính gộp mức trượt giá ngoại tệ, thì cả gốc lẫn lãi lên tới trên 17 tỷ đồng. Gánh nặng này đã đẩy doanh nghiệp rơi vào tình huống "tiến thoái lưỡng nan".

Trước bài toán học búa, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam quyết định thực hiện "cuộc cách mạng" về con người. Năm 2002, sau khi tiến hành kiểm tra lại toàn bộ hệ thống nhân sự, tài chính, cơ sở vật chất kỹ thuật, một ban lãnh đạo mới đã được tỉnh bổ nhiệm. Có nguồn "chất xám" mới, nhiều phương án, chiến lược phát triển sản xuất - kinh doanh nhanh chóng được vạch ra. Ông Đinh Quang Hải, Giám đốc Công ty du lịch - bia - nước giải khát Hà Nam, cho biết: "Đơn vị xác định: nếu không có công sức, trí tuệ và sự hiệp lực của con người, thì nguồn vốn và công nghệ chỉ là vô nghĩa. Bởi vậy, công ty đã tìm hướng mở rộng trao đổi, giao lưu, liên kết, liên doanh với những bạn hàng lớn có uy tín trên thị trường".

Tháng 3-2003, Công ty du lịch - bia - nước giải khát Hà Nam chính thức hợp tác với Tổng công ty bia - nước giải khát Sài Gòn, một trong những đơn vị sản xuất - kinh doanh hiệu quả và hiện đại nhất Việt Nam. Việc "bắt tay" hợp tác này là "cú hích" đẩy Công ty du lịch - bia - nước giải khát Hà Nam đang ì ạch chuyển động nhanh hơn. Đơn vị đặt quyết tâm: "Tập trung mọi nguồn lực về con người, trang thiết bị để tạo ra sản phẩm đạt chỉ tiêu chất lượng, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng, từng bước xây dựng thành công thương hiệu bia Nager". Với sự nỗ lực và quyết tâm phấn đấu của ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công ty, 6 tháng đầu năm 2004, công ty đã đạt công suất 8,7 triệu lít/năm, tăng gấp 3 lần so với năm 1997. Doanh thu đạt 54 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước trên 5 tỷ đồng. Đến năm 2004, sản phẩm của công ty đã có mặt tại các tỉnh Nam Định, Ninh Bình, Hà Tây, Hưng Yên, Hoà Bình, Thái Nguyên. Trong đó, tại thị trường Hà Nam, sản phẩm bia Nager chiếm hơn 80% thị phần. Hương vị bia Nager đã trở nên quen thuộc và không thể thiếu trong mỗi bữa tiệc, hội nghị, hay trong bữa cơm của gia đình.

Để mở rộng quy mô, nâng cao sản lượng, công ty đã không ngừng bổ sung đội ngũ lao động có trình độ kỹ thuật và giàu tâm huyết. Nếu năm 1983 doanh nghiệp chỉ có 34 lao động, thì năm 2004 đạt 250 người, tăng xấp xỉ 7,5 lần so với năm 1983. Việc sắp xếp công việc phù hợp với khả năng, trình độ của từng lao động luôn được công ty chú trọng. Bên

cạnh đó, các chế độ thưởng phạt công bằng, nghiêm túc có tác dụng khuyến khích tinh thần lao động của cán bộ, nhân viên. Nhờ đó, thu nhập bình quân của người lao động đạt 750 nghìn đồng/người/tháng, góp phần ổn định, nâng cao chất lượng đời sống cho đội ngũ cán bộ, nhân viên.

Từ năm 2003, Công ty du lịch - bia - nước giải khát Hà Nam đã đăng ký và áp dụng thành công tiêu chuẩn hệ thống quản lý ISO - 9001: 2000. Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, tập thể cán bộ, nhân viên công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình sản xuất, công nghệ và thao tác kỹ thuật. Việc bảo dưỡng và sửa chữa máy móc thiết bị được tiến hành thường xuyên đã giúp doanh nghiệp không ngừng nâng cao chất lượng bia, đồng thời tránh tình trạng tai nạn lao động trong quá trình sản xuất. Nhờ đó, năm 1999 - 2000, sản phẩm bia Nager đã đạt huy chương vàng Hội chợ thương mại Quốc tế EXPO. Giải thưởng này đã đánh dấu mốc quan trọng về sự ghi nhận uy tín và chất lượng của thương hiệu bia Nager trên thị trường, tạo đà cho công ty trong những phương hướng phát triển mới.

Bài học thành công và phương hướng phát triển

Chia sẻ về những bài học thành công, Giám đốc Đinh Quang Hải cho biết: "Tinh thần đoàn kết đã tạo nên sức mạnh. Mỗi người một vị trí, một nhiệm vụ, nhưng tất cả đều cùng quyết tâm đưa Công ty du lịch - bia - nước giải khát Hà Nam trở thành doanh nghiệp vững mạnh và uy tín". Trong đó, việc khai thác sức mạnh nội lực, phát huy tinh thần dân chủ được công ty hết sức chú trọng. Mọi ý kiến đóng góp hợp lý của cán bộ, công nhân viên đều được ghi nhận. Hàng năm, đơn vị đều cử cán bộ, công nhân tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ và nâng cao tay nghề. Đặc biệt, công ty luôn khuyến khích, đánh giá cao và có chế độ khen thưởng đối với cán bộ, nhân viên có tinh thần chủ động, sáng tạo trong hoạt động sản xuất - kinh doanh. Có thể nói, đối với Công ty du lịch - bia - nước giải khát Hà Nam, công sức, trí tuệ của mỗi cán bộ, nhân viên là một viên gạch góp phần xây dựng bức tường bền vững.

Để theo kịp tốc độ phát triển thương mại - du lịch và đáp ứng nhu cầu giao lưu văn hoá - xã hội trong tương lai, Công ty du lịch - bia - nước giải khát Hà Nam đang triển khai dự án xây dựng Khách sạn Hoà Bình 9 tầng (tiêu chuẩn 3 sao) tại trung tâm thị xã Phủ Lý. Theo dự tính, nguồn vốn đầu tư công trình là 28 - 30 tỷ đồng.

Nằm cạnh công viên Nguyễn Khuyến, trong nhiều năm qua, Khách sạn Hoà Bình đã trở thành địa chỉ quen thuộc với khách du lịch trong và ngoài tỉnh. Không chỉ thế, Khách sạn Hoà Bình còn là đơn vị duy nhất của Hà Nam được vinh dự đón tiếp nhiều đời nguyên thủ quốc gia và quan chức cấp cao về thăm và làm việc tại địa phương. Đến năm 2004, Khách sạn Hoà Bình đã được nâng cấp, cải tạo hệ thống trang thiết bị và tiện nghi hiện đại, đồng bộ theo tiêu chuẩn khách sạn 2 sao. Đội ngũ cán bộ, công nhân viên có tác phong giao tiếp văn minh, lịch sự với tinh thần "Vui lòng khách đến, vừa lòng khách đi", tạo được thiện cảm và niềm tin sâu sắc đối với khách hàng.

Sau yếu tố con người, công tác chuyển giao khoa học - công nghệ là một trong những yếu tố quyết định đến uy tín, chất lượng sản phẩm. Với hệ thống dây chuyền thiết bị hiện đại, công ty đã mở rộng quy mô sản xuất, đồng thời nâng cao chất lượng, sản lượng bia Nager. Đến năm 2005, công suất của nhà máy bia đạt khoảng 20 triệu lít/năm, tăng 3 - 5 triệu lít so với năm 2004. Hiện tại, tỉnh đã lập dự án di chuyển Nhà máy bia Nager sang vị trí khác, nhường không gian để mở rộng và xây dựng Khách sạn Hoà Bình (9 tầng). Chiến lược quan trọng này đã giúp Công ty du lịch - bia - nước giải khát Hà Nam phát triển cùng lúc hai loại hình hoạt động: sản xuất và kinh doanh dịch vụ.

Với mục tiêu không ngừng vươn lên, Công ty du lịch - bia - nước giải khát Hà Nam đã tiến hành xây dựng và phát triển thương hiệu. Theo đó, doanh nghiệp đã thực hiện nhiều chiến lược tiếp thị nhằm quảng bá rộng rãi sản phẩm. Không "dừng chân" ở Hà Nam, bia Nager sẽ tiếp tục chinh phục khách hàng ở thị trường khu vực miền Bắc và toàn quốc, đưa thương hiệu bia Nager nhanh chóng có mặt trong



Khách sạn Hoà Bình

danh sách những sản phẩm giải khát nổi tiếng của làng đồ uống Việt Nam. Bên cạnh đó, hoạt động của Khách sạn Hoà Bình cũng ngày càng ổn định và mang tính chuyên nghiệp cao. Giờ đây, phần lớn khách hàng về với Hà Nam đều chọn Khách sạn Hoà Bình là điểm lưu trú, nơi thường thức hương vị đậm đà của bia Nager.

Hiện nay, Công ty du lịch - bia - nước giải khát Hà Nam đang chuẩn bị thủ tục để tiến hành cổ phần hoá doanh nghiệp. Giám đốc Đinh Quang Hải cho biết: "Sẽ có rất nhiều khó khăn và thách thức khi thực hiện cổ phần hoá, nhưng Công ty du lịch - bia - nước giải khát Hà Nam sẽ tích cực phát huy nội lực, tăng cường hiệu quả hợp tác liên doanh để nâng cao sức mạnh cạnh tranh, đảm bảo an toàn đầu tư và phát triển vững chắc".

Thời cơ và vận hội mới đang chờ đón Công ty du lịch - bia - nước giải khát Hà Nam. Chuyển sang hình thức hoạt động mới sẽ là cơ hội để doanh nghiệp phát huy sức mạnh nội lực của một đơn vị đã từng trưởng thành và lớn mạnh trong gian khó.

**CÔNG TY DU LỊCH - BIA - NƯỚC GIẢI KHÁT
HÀ NAM**

Địa chỉ: số 104 - 106 đường Trần Phú -
thị xã Phủ Lý - Hà Nam
Điện thoại: 0351.851115 - 851056

HA NAM TOURISM, BEER AND BEVERAGE COMPANY:

Winning customers' heart
 with **QUALITY**
 and **PRESTIGE**

The Hoa Binh Hotel just completed its age of 30 by 2004 and Nager beer of the Ha Nam Tourism, Beer and Beverage Company had been operated for nearly 07 years. Such amount of time can be not long enough to make breakthrough as wanted. Nonetheless, the company has gradually succeeded in proving its foothold and trademark in Ha Nam.

Its forerunner was the Phu Ly Expert Hotel (opened in 1973). It was renamed Ha Nam Tourism, Beer and Beverage Company in 2001. Defining that "New name means new business strategy", the company has actively mobilised its profound experience, and boldly sought direction for development in future.

Bridging difficulties and winning over customers gradually

The current encouraging results cannot drive away the tough early time facing the company. Prior to 1983, the company just employed 34 workers, who were working with poor and backward facilities. It was lack of capital resource for investment and modern equipment.



A view at Ha Nam Brewery

Consequently, it took to producing "bock-beer" (1987) by rudimentary and manual methods, and facilities. As a consequence, its products after "released" failed to meet the taste of customers and the quality was unable to compete against

other products available on markets. The sale was gradually diminishing and placing difficulties on the life of its workers.

Facing the reality, the company decided to take out bank loans from the Ha Nam Commercial and Industrial Bank in 1997 and intensively invest them in modern production line and equipment made in Federal Republic of Germany. Thereof, its business showed better signals. Unfortunately, its output launched onto markets still remained limited and the proportion of bottled beer was low. Business went on moderately and did not fetched enough for it to return loans to the bank (VND5 billion/year). If the slippage in foreign currency was involved, its loans and interest rate is had to pay mounted

up to VND17 billion. This burden placed the company "between the devil and the deep blue sea".

Facing the thorny problem, the Ha Nam Standing Party Committee and People's Committee have made up their mind to launch a "revolution" in manpower. In 2002, after having checking the company personnel, finance, facilities, a new steering committee was appointed. The new "grey-matter" had come and various measures and strategies for business were shortly outlined later. Mr. Dinh Quang Hai, the company's director, said: "We defined that if we do not make efforts and have knowledge, our capital resource and technology would mean nothing. Thereof, we sought ways to enlarge and exchange, make joint venture with large and prestigious partners on markets".

In March 2003, the company officially got co-operated with the Saigon Beer-Beverage Corporation, which was one of the most lucrative and modern businesses in Vietnam. This co-operative "handshaking" served as a jostle, which speeded up the plodding Ha Nam Tourism, Beer-Beverage Company. It was stuck to the determination: "focusing all resources on human factor and facilities to release products in line with quality criteria, and the customers' taste, to successfully prove the Nager trademarked beer". As a result of determination and efforts made by the whole company, its productivity reached 8.7 litres/year in the first half of 2004, threefold higher than in 1997. Its earning was VND54 billion and contribution to the State budget was over VND5 billion. By 2004, its product was available in provinces of Nam Dinh, Ninh Binh, Ha Tay, Hung Yen, Hoa Binh and Thai Nguyen. Nager beer made up over 80% of market-share in Ha Nam. The taste of such product becomes familiar and indispensable in parties, conferences or family meals.

To expand the business and improve product quality, the company continually recruited skilled workers with devotion to work. If the company employed 34 workers in 1983, its employment would reach 250 workers in 2005, approximately 7.5 times higher than 1983. The company

also pays attention to assigning right work to right workers. Moreover, it strictly and in fair manner applies policies for promotions and punishment, which has effect in stimulating workers and staffs to work. Hence, average income of its employment is worth VND750,000/person/month and helps improve the living quality of staffs in the company.

The company has registered and successfully applied the ISO 9001:2000. To further this, the company's staffs and workers have been seriously conformed to technical and technological progresses in production. Equipment maintenance and fixing is going on regularly and enable the company to improve its product quality, avoid accidents in workplace. Relying on that, the Neger products won the gold medal in the International Trade Fair EXPO in 1999-2000. This award was an important mark acknowledging its prestige and quality on markets. It also laid foundation for the company to advance in new directions.

Lessons from success and direction for further development

Sharing lessons drawn from success, Director Dinh Quang Ha said: "Our unity gives us strength. Every staff undertakes specific work and play specific role, however all of us are set to advance the company into a prestigious business getting its own feet on the ground". Displaying internal resources, democratic spirit, among other things, are underscored with much importance by the company. Proper ideas from staffs are kept in mind. Every year, the company manages to send its staffs to classes to improve their professional skills. Especially, it often encourages, appreciates and releases adequate policies reserved for its employees, who work actively and creatively. It is likely that it seems to the company that efforts and intellectual power of every staff serve as a brick, which contributes to completing a solid wall.

Following human factor, the scientific-technological transfer is one of the elements determining the company's prestige and quality. The company is able to expand

To keep pace with the trade-tourism sector's development and satisfy the need for socio-cultural exchange, the company is undertaking the project of heightening the Hoa Binh Hotel to 09 floors (meeting requirements of a three star hotel) in the centre of Phu Ly Town. The investment capital for the construction is estimated at VND28-30 billion.

Located by the Nguyen Khuyen Park, the Hoa Binh Hotel has been a familiar address to tourists internal and external of the province. Besides, the hotel is the only hotel in Ha Nam to receive several heads of the State and high-ranking officials. By 2004, the hotel had been upgraded, equipped with modern furniture and recognised in line with a two-star hotel. Its staffs are polite and elegant and work in the spirit "Pleasant as arrival and satisfied as departure". They earn sympathy and trust in clients.

its production, improve product quality and raise output of Neger beer thanks to its modern production lines and facilities. Its capacity is estimated to reach 20 m litres/year in 2005, up 3-5 million litres from 2004. Currently, the provincial authorities are working on a plan to reallocate the Nager Brewery Factory to other location in a bid to enlarge the Hoa Binh Hotel (09 floors). This significant strategy would enable the company to run in parallel two models of business: production and services.

Targeting at further growth, the company has taken steps to build and prove its trademark. Accordingly, the company has adopted various marketing strategies to spread its products. Ha Nam is not the "final destination", the company will keep on winning over customers in the North and all over the country, quickly put the Nager trademark on the list of favourite beverages in Vietnam. Besides, the Ha Binh Hotel will operate stably and professionally. Presently, majority of visitors to Ha Nam would prefer to stay in this hotel and experience the long-lasting aftertaste of Nager beer.



Design of Hoa Binh Hotel (09 storeys) in Phu Ly town, Ha Nam

The company is now preparing necessities for equitisation. "There will be numerous challenges and obstacles for this work. Anyway, we will actively display our internal resources and increase effects of joint venture to raise our competitiveness, secure investment safety and sustainable development" said Dinh Quang Khai, the company's director.

Opportunities are waiting for the company. The new structure of business will provide it chances to show the internal power of an entity, which ever emerged from difficulties

HA NAM TOURISM BEER AND BEVERAGE
COMPANY

Add: No.104-106 Tran Phu street, Phu Ly town,
Ha Nam
Tel: 0351.851115-851056

CÔNG TY MÂY TRE XUẤT KHẨU NGỌC ĐỘNG:

NIỀM TỰ HÀO của khối DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Từ tổ hợp sản xuất mây khiếm nhượng, nhờ lẽ chuyên thành doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm mây tre với quy mô rộng lớn, Công ty mây tre xuất khẩu Ngọc Động (Đông Văn - Duy Tiên) đang trở thành một trong những "điểm sáng" về sự năng động bất phụ của khối doanh nghiệp tư nhân Hà Nam.

Với 16 năm tuổi đời, Công ty mây tre xuất khẩu Ngọc Động luôn kết hợp chặt chẽ mục đích tăng trưởng lợi nhuận và mong muốn đóng góp cho xã hội. Dự tính trong giai đoạn 2005 - 2010, công ty sẽ đạt mức doanh thu 5 - 7 triệu USD/năm, trực tiếp giải quyết việc làm thương xuyên cho hơn 50 nghìn lao động.

Khai phá thị trường

Theo ông Nguyễn Xuân Mai - người cựu chiến binh năng động, bản lĩnh và cô tài, Giám đốc Công ty mây tre

Nhân chuyến thăm và làm việc tại Hà Nam (tháng 9- 2004), Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã có lời dặn dò tâm huyết: "Hà Nam cần tập trung phát triển nền kinh tế tư nhân tình nhà, không nên quá trông chờ vào sự đầu tư của các doanh nghiệp bên ngoài". Những bước tiến vững chắc của khối doanh nghiệp tư nhân Hà Nam mà Công ty mây tre xuất khẩu Ngọc Động là một trong những đơn vị điển hình đã khẳng định tính hiệu quả của hướng đi này.

xuất khẩu Ngọc Động, nghề mây tre du nhập vào Hà Nam đã trên dưới 200 năm. Tuy nhiên, chỉ vài thập kỷ gần đây, hoạt động xuất khẩu mây tre mới được hình thành và phát triển mạnh mẽ. Năm 1988, Tổ hợp mây xuất khẩu Ngọc Động chính thức đi vào hoạt động với sự tham gia của 6 gia đình thành viên. Tại thời điểm 1989 - 1990, việc xuất khẩu hàng hoá sang thị trường Đông Âu của các làng nghề truyền thống hết sức lao đao và bấp bênh. Nhưng với Tổ hợp mây xuất khẩu Ngọc Động, đây lại là giai đoạn khởi đầu mới mẻ với biết bao niềm hi vọng xen lẫn những phấp phỏng, lo âu. Việc huy động nguồn vốn và lao động kỹ thuật không gặp trở ngại đáng kể, điều quan trọng nhất bấy giờ chính là bài toán tìm đầu ra cho sản phẩm.

Năm 1991, Tổng công ty mây tre Barotex Hà Nội đồng ý thu mua sản phẩm của Tổ hợp mây xuất khẩu Ngọc Động. Bản hợp đồng này đã tạo công ăn việc làm cho 600 lao động chính và 1.700 lao động phụ tham gia sản xuất mây tre trong vùng. Công việc kéo dài 6 - 7 tháng/năm giúp rút ngắn khoảng thời gian nhàn rỗi, tăng thu nhập và tạo không khí làm việc hăng say cho người lao động. Nhờ

đó, Tổ hợp mây xuất khẩu Ngọc Động luôn thực hiện đúng hạn hợp đồng, không ngừng nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

Do bảo đảm uy tín sản xuất - kinh doanh, Tổ hợp mây xuất khẩu Ngọc Động đã dần mở rộng quan hệ với nhiều ban hàng trong và ngoài nước. Trong vòng 3 năm 1995 - 1998, sản phẩm của Ngọc Động đã có mặt ở nhiều thị trường thông qua mối quan hệ hợp tác rộng rãi với Unimex Nam Hà, Unimex Hà Tây, Xí nghiệp mây Hưng Yên, Công ty mây tre Hà Nội, Tổng công ty Barotex Hà Nội, Tổng công ty thủ công mỹ nghệ Atepxo Hà Nội, Xí nghiệp xuất nhập khẩu Thanh niên Việt Nam và rất nhiều Việt kiều ở nước ngoài. Năm 2000, số lao động chuyên nghiệp và bán chuyên nghiệp của tổ hợp đã lên tới 10 nghìn người với mức lương bình quân 350 - 400 nghìn đồng/người/tháng.



Hoàn thiện sản phẩm

ảnh: Hoàng Tân

Thời gian sản xuất kéo dài khoảng 10 - 11 tháng/năm. Đặc biệt, đơn vị đã sản xuất được 1.000 chủng loại sản phẩm tăng gấp đôi so với giai đoạn trước năm 2000. Tổng doanh thu vượt mức kế hoạch đề ra với 7 tỷ đồng/năm.

Có một quy luật tất yếu: trong quá trình tìm kiếm thị trường, nếu sản phẩm đã chinh phục được khách hàng thì sớm hay muộn, khách hàng sẽ tự tìm đến với sản phẩm. Từ năm 2001, Tổ hợp mây xuất khẩu Ngọc Động đã tạo dựng niềm tin sâu sắc và thu hút được sự chú ý của nhiều đối tác mới. Không "dừng chân" ở châu Á, sản phẩm mây tre của Ngọc Động bắt đầu có mặt ở các thị trường EU như: Đức, Pháp, Hà Lan, Thụy Điển, ... Những thành quả trong công cuộc khai phá thị trường chính là sự chuẩn bị vững chắc cho bước chuyển quan trọng từ tổ hợp tác lên Công ty mây tre xuất khẩu Ngọc Động vào tháng 7-2004.

Chinh phục khách hàng bằng chất lượng và mẫu mã

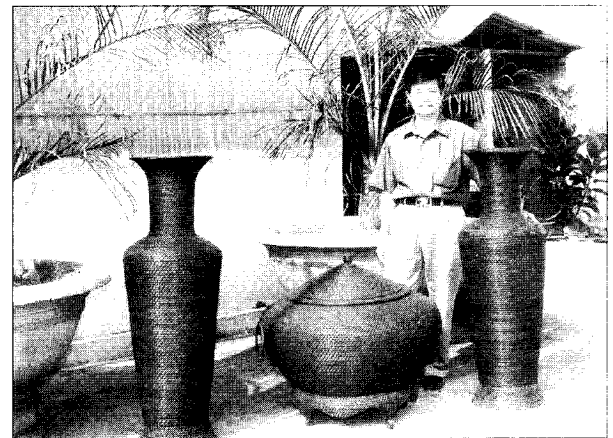
Để tiếp tục sản xuất - kinh doanh hiệu quả, đồng thời từng bước khẳng định và phát triển thương hiệu mới, Công ty mây tre xuất khẩu Ngọc Động đã tăng cường mở rộng mối quan hệ hợp tác với mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước. Đặc biệt, doanh nghiệp đã đầu tư thiết bị kỹ thuật vào sản xuất để rút ngắn thời gian sơ chế, đảm bảo chất lượng và giảm giá thành sản phẩm. Nhờ hệ thống máy sấy hiện đại, hoạt động sản xuất của công ty không còn thụ động lệ thuộc vào sự biến đổi thất thường của thời tiết như trước. Thêm vào đó, nhờ kỹ thuật sấy khô, sản phẩm mây xiên "hàng độc" của Công ty mây tre xuất khẩu Ngọc Động - đã chứng tỏ ưu thế nổi trội so với các chủng loại sản phẩm mây tre khác: luôn đảm bảo độ chắc chắn, bền dẻo, không bị mối mọt hay phai màu và đặc biệt rất thích hợp với khí hậu khô ở châu Âu.

Khách hàng đến với Công ty mây tre xuất khẩu Ngọc Động thật khó giấu được sự ngạc nhiên, thích thú khi chiêm ngưỡng những sản phẩm thủ công mỹ nghệ phong

Giải thích lý do dẫn đến thành công của doanh nghiệp, ông Nguyễn Xuân Mai cho biết: "Công ty mây tre xuất khẩu Ngọc Động luôn đảm bảo quyền lợi hài hòa giữa công ty và khách hàng, giữa công ty với người lao động. Trong nhiều năm, công ty chưa để trễ, hỏng hợp đồng nào với khách hàng. Với người lao động, công ty thanh toán chi phí nhanh gọn và triệt để, đồng thời luôn cảm thông, giúp đỡ khi họ gặp hoàn cảnh khó khăn. Bên cạnh đó, Nhà nước và chính quyền địa phương đã và đang tạo những điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn vốn, mặt bằng để doanh nghiệp có cơ hội phát triển tốt nhất".

phủ, đa dạng với gần 2.000 mẫu mã. Các mặt hàng đã đáp ứng cao nhu cầu sử dụng và thị hiếu thẩm mỹ của khách hàng. Từ lẵng hoa, khay đĩa, chén bát, giỏ đựng chai lọ, đến va ly quần áo... tất cả đều được thể hiện một cách công phu, chuyên nghiệp với đường khuôn tinh tế và đẹp mắt. Nếu trước đây các mẫu mã còn đơn điệu và chưa thật sự ấn tượng về màu sắc, thì nay chỉ cần khách hàng yêu cầu, Công ty mây tre xuất khẩu Ngọc Động có thể thỏa mãn khách hàng bằng nhiều gam màu phong phú và biểu

cảm. Màu của sản phẩm không độc hại khi qua công nghệ chế biến, ngược lại khả năng lưu giữ hương thơm thiên nhiên trong từng sợi mây giang vẫn được đảm bảo. Nếu tính về lợi ích thương mại, 01 container hàng mây xiên có giá trị bằng 2 - 3 container hàng mây tre khác. Ông Nguyễn Xuân Mai cho biết: "Đến năm 2004, sản phẩm mây xiên xuất khẩu của công ty chiếm 90% sản lượng mây xiên xuất khẩu toàn tỉnh. Để hoàn thành khối lượng công việc "khổng lồ" đó, doanh nghiệp phải sử dụng và huy



Sản phẩm cao cấp dành để tham gia Hội chợ Thương mại ASEAN
Ảnh: Hoàng Tân

CÁC CHỈ TIÊU KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2005 - 2010

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Trị giá
1	Vốn kinh doanh	tỷ đồng	10 - 15
2	Doanh thu	triệu USD/năm	5 - 7
3	Sản phẩm	triệu sản phẩm	5
4	Lao động	1.000 lao động (thường xuyên)	50 - 60
5	Thu nhập bình quân	triệu đồng/người/tháng	0,8 - 1
6	Nộp ngân sách	tỷ đồng/năm	1 - 2
7	Thị trường (xuất khẩu trực tiếp ở châu Âu và châu Mỹ)	%	80

Nguồn: Công ty mây tre xuất khẩu Ngọc Động.

động đến 36 nghìn lao động/năm. Từ năm 2001 đến năm 2004, doanh nghiệp đã tạo bước bứt phá với mức doanh thu 18 - 25 tỷ đồng/năm". Đặc biệt, vào tháng 10-2004, Công ty mây tre xuất khẩu Ngọc Động vinh dự là một trong hai doanh nghiệp ở Hà Nam được lựa chọn tham gia Hội chợ thương mại ASEAN 5.

Không ngừng tìm kiếm và sáng tạo vẻ đẹp cho sản phẩm, Công ty mây tre xuất khẩu Ngọc Động luôn đánh giá cao những cá nhân có sáng kiến trong việc tạo ra các mẫu hàng mới lạ và hấp dẫn. Gần đây, Ngọc Động đã thực hiện thành công hình thức kết hợp rất độc đáo giữa chất liệu sản phẩm mây giang và đồ gốm sứ Bát Tràng. Sự kết hợp đó không chỉ thể hiện trình độ thẩm mỹ mà còn là sản phẩm của óc sáng tạo và trí tưởng tượng phong phú của người lao động.

Quyết tâm biến hoài bão thành hiện thực

Công ty mây tre xuất khẩu Ngọc Động không bao giờ xác định điểm dừng, bởi quan niệm: "Nếu năng động và bản lĩnh vượt qua mọi thách thức thì sự thành công sẽ có ý nghĩa và to lớn hơn". Với quyết tâm không ngừng tăng trưởng doanh thu, luôn thực hiện nghiêm túc thời hạn, chất lượng hợp đồng và đảm bảo điều kiện làm việc ổn định cho người lao động, công ty sẽ mở rộng 30 nghìn m² nhà xưởng và tiếp tục kết hợp hiệu quả phương pháp thủ công truyền thống với phương pháp kỹ thuật công nghệ hiện đại. Ngoài ra, công tác tuyển chọn, đào tạo thợ nghề giỏi, đặc biệt là đội ngũ thợ thiết kế mẫu mã tiếp tục được doanh nghiệp chú trọng thực hiện. Đối với hệ thống 70 đơn vị sản xuất vệ tinh trong 18 tỉnh, thành, Công ty mây tre xuất khẩu Ngọc Động luôn thanh toán chi phí kịp thời, tích cực động viên, khuyến khích người lao động bằng các chế độ khen thưởng thỏa đáng và hợp lý.

Hiện nay, mong muốn lớn nhất của doanh nghiệp là Nhà nước và chính quyền địa phương cần có biện pháp triển khai quy hoạch trồng các loại tre, giang, mây, song, để tạo nguồn nguyên liệu lâu dài, phục vụ hoạt động sản xuất - kinh doanh của các làng nghề Tỉnh cũng nên mở những cuộc họp chuyên đề, để qua đó Công ty mây tre xuất khẩu Ngọc Động tư vấn, hướng dẫn các đơn vị học nghề nhằm duy trì và phát triển nghề mây tre xuất khẩu tại địa phương. Đối với các công ty sản xuất mây giang đan, tỉnh cần tạo điều kiện về mặt bằng và nguồn vốn ưu đãi giúp các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả hoạt động, tạo việc làm ổn định cho lực lượng lao động nhân rồi. Năm 2004, Hà Nam đã đào tạo hơn 20 nghìn lao động thủ công mây giang đan có khả năng phát triển thành thợ tay nghề giỏi. Công ty mây tre xuất khẩu Ngọc Động mong muốn Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam thực hiện chính sách hỗ trợ thiết thực để duy trì và nhân rộng lực lượng lao động tiềm năng này. Bởi đó chính là bước chuẩn bị quan trọng nhất giúp tỉnh mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng xuất khẩu trong tương lai.

Mở rộng thị trường tiêu thụ khắp thế giới, đáp ứng tốt nhất nhu cầu người sử dụng và trở thành chỗ dựa lâu dài, vững chắc của hàng vạn lao động địa phương, hoài bão đó của Công ty mây tre xuất khẩu Ngọc Động đang được tiếp sức thực hiện bằng chính niềm tin và kỳ vọng của khách hàng.

CÔNG TY MÂY TRE XUẤT KHẨU NGỌC ĐỘNG

Địa chỉ: số 94 Phạm Ngọc Nhị -
thị trấn Đồng Văn - huyện Duy Tiên - Hà Nam
Điện thoại: 0351.835494
Fax: 0351.835604